

TRẦN VĂN MINH

# CAN-THO

XUÂN và HẠ



Loại sách  sưu khảo



Tên sách : CẦN THƠ XƯA VÀ NAY

Tác giả : HUỲNH MINH

Nhà xuất bản : CÁNH BẰNG

Năm xuất bản : 1966

-----

Nguồn sách : [tusachtiengviet.com](http://tusachtiengviet.com)

Đánh máy : ptt1106, htrang22, kiqupham, Phạm Dương,  
ZessX, Quyên Đào, thaogmail, Liên Phạm, Ớt Hiếm

Kiểm tra chính tả : Hương Ngô, Xuân Ngọc,  
Giang Minh Phương, Hồ Hữu Tín, nhani78,  
Đỗ Thúy Nhi, Trương Thu Trang

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 26/03/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000  
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-  
4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả HUỲNH MINH và nhà xuất bản CÁNH BĂNG đã chia  
sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

# MỤC LỤC

## BIÊN-TẬP ĐẠI-Y

### PHẦN THỨ NHẤT : CẦN-THƠ (PHONG DINH) QUA CÁC THỜI-ĐẠI

I. PHONG-DINH KHOẢNG ĐẦU THẾ KỶ THỨ XVIII TỨC HUYỆN TRẦN-GIANG TRONG DƯ-ĐỒ VIỆT-NAM

II. PHONG-DINH DƯỚI TRIỀU VÕ-VƯƠNG NGUYỄN-PHÚC-KHOÁT, TRỰC-THUỘC GUỒNG-MÁY HÀNH-CHÁNH LONG HỒ DINH

III. PHONG DINH TRONG CƠN SÓNG GIÓ TÂY-SƠN NGUYỄN-CHÚA TRANH HÙNG

IV. PHONG DINH TRONG THỜI CẬN KIM

PHONG DINH DƯỚI TRIỀU GIA LONG

PHONG DINH DƯỚI TRIỀU MINH MẠNG

CẦN THƠ VỚI CHÚA NGUYỄN TRONG KHI TẤU QUỐC

PHONG DINH DƯỚI TRIỀU TỰ ĐỨC VÀ THỜI PHÁP THUỘC

PHÂN CHIA ĐỂ TRỊ

PHONG DINH THỜI GẦN ĐÂY

TÌM HIỂU HAI TIẾNG CẦN THƠ DO ĐÂU MÀ CÓ ?

### PHẦN THỨ HAI : DANH NHÂN

I. MẠC THIÊN TỬ

II. MẠC TỬ SANH

III. CHÁNH LÃNH BINH VÕ DUY TẬP

IV. NGUYỄN VĂN TỒN

V. BÙI HỮU NGHĨA (1807-1872)

TRÊN ĐƯỜNG HOẠN

NƠI TÒA TAM PHÁP

ĐOẠN ĐỜI CUỐI CỦA THỦ KHOA NGHĨA

SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

VỀ QUYỂN TUỒNG « KIM THẠCH KỶ DUYÊN »

TRÍCH LỤC ÍT BÀI THƠ CỦA THỦ KHOA NGHĨA

VI. NGUYỄN THỊ TỒN

VII. PHAN VĂN TRI (Cử Tri) 1830-1908

VIII. ĐÌNH SÂM

IX. NGUYỄN THẦN HIẾN (Hội đồng Hiến) 1857-1914

X. LÊ QUANG CHIẾU (Cai tổng Chiếu)

XI. DÂN CHI PHỤ MẪU PHAN VĂN CHI (Nguyên Đốc phủ sứ)

TẠM KẾT

NỐI CHÍ NGƯỜI XƯA

## PHẦN THỨ BA : DI TÍCH – HUYỀN SỬ – GIAI THOẠI

DI TÍCH LỊCH SỬ

NHỮNG NGÔI CỔ MỘ TỌA LẠC TẠI CẦN THƠ

RẠCH CẦU THAM TƯỚNG LÀ NƠI THAM TƯỚNG MẠC TỬ  
SANH ANH DỮNG CHỐNG TÂY SƠN, ĐỀN NỢ NƯỚC

XÓM BÀ ĐỒ LÀ NƠI TẠO ĐÀN, GÓP MẶT CÁC CỤ DANH NHO  
CỦA XÃ LONG TUYỀN NGÀY XƯA

XƯỞNG ĐÚC TIỀN CỦA NAM TRIỀU Ở MIỀN TÂY

HUYỀN SỬ

SỰ TÍCH ĐÌNH THẦN TÂN AN (thị trấn Cần Thơ)

SỰ TÍCH ĐÌNH THẦN BÌNH THỦY

OA LINH ÔNG ĐIỀU BÁT LÀM CHẤN ĐỘNG ĐẤT TRẦN GIANG

CHUYỆN LẠ TRONG CƠN CỤ THỦ KHOA NGHĨA TỪ TRẦN VÀ THẦN CHỦ THỜ CỤ

MỘT CÁI CHẾT HI HỮU : NUỐT VÀNG TỰ TỬ

CẶP SÓNG THẦN NƠI RẠCH CÁI NAI

CHUYỆN ÔNG THẦY TRUNG THẢ NÓN QUA SÔNG

CHUYỆN XƯA TÍCH CŨ

CHUYỆN THỦY THẦN

CẶP CÁ « VỒ CỜ »

CÁ VỒ MA

GIAI THOẠI

TÌM HIỂU ĐỊA DANH BÌNH THỦY – LONG TUYỀN

HUYỆN VĂN – HUYỆN VÕ : HAI DANH TỪ THỨ VI TRONG TỈNH CẦN THƠ XƯA

GIANG SAN SÁU THANH VANG BÓNG MỘT THỜI CỦA VUA XE ĐÒ CẦN THƠ

NỮ THIÊN XẠ ĐẤT TÂY THÀNH TÙNG ĐƯỢC BÁO CHÍ THỦ ĐÔ NÓI ĐẾN

**PHẦN THỨ TƯ : SINH HOẠT TÔNG GIÁO**

CẦN THƠ XUYÊN QUA CÁC GIÁO PHÁI

CÔNG GIÁO

VIẾNG NHÀ THỜ CHÁNH TÒA CẦN THƠ

LỊCH SỬ ĐỊA PHẬN CẦN THƠ

VÀI NÉT VỀ CHÚNG VIỆN Á THÁNH QUÝ NƠI ĐÀO TẠO CÁC VỊ LINH MỤC TƯƠNG LAI

CAO ĐÀI GIÁO

PHẬT GIÁO HÒA HẢO

PHẬT GIÁO

CHÙA NAM NHÃ CÓ TIẾNG NHẤT Ở BÌNH THỦY

CHÙA HIỆP THIÊN CUNG – NGÔI CHÙA LINH THIÊNG NHẤT Ở  
CÁI RĂNG

ĐÀN TIÊN CÁI KHẾ

DU TẶNG KHẮT SĨ

VÀI NÉT VỀ KHẮT SĨ HIỆN ĐẠI HÓA

BẢNG TỔNG KẾT SỐ TÍN ĐỒ CÁC TÔN GIÁO TỈNH CẦN THƠ

PHẦN THỨ TƯ

CẦN THƠ VĂN VẬT

HỘI PHỤ HUYNH HỌC SINH

HAI TỜ BÁO ĐẦU TIÊN Ở CẦN THƠ

BỘ MÔN SÂN KHẤU KỊCH TRƯỜNG

SINH HOẠT VĂN HÓA

ĐẸP CẦN THƠ QUA THI CA

TÌM HIỂU PHONG TỤC TẬP QUÁN MIỀN NAM QUA MẤY VĂN  
CA ĐAO

PHẦN THỨ SÁU : CẦN THƠ XƯA, PHONG DINH NAY

TRÊN ĐƯỜNG PHỤC HƯNG KIẾN THIẾT

BẾN LÊ LỢI NGÀY XƯA

BẾN NINH KIỀU NGÀY NAY

BỜ RẠCH CÁI KHẾ NGÀY XƯA VÀ BẾN NHỊ KIỀU NGÀY NAY

VƯỜN THẦY CẦU NGÀY XƯA

VÀI NÉT VỀ CẦN THƠ XƯA, CHÂU THÀNH PHONG DINH NAY  
ĐẠO XEM TÌNH LÝ PHONG DINH QUA SỰ GIAO THÔNG, KHU  
THƯƠNG MẠI

GIÁO DỤC

Y TẾ

SINH HOẠT KINH TẾ

SINH HOẠT XÃ HỘI

THỔ SẢN CẦN THƠ

CÁC NGÀNH CÔNG KỸ NGHỆ

CÁC XÍ NGHIỆP KHÁC

I. KỸ NGHỆ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

II. KỸ NGHỆ SẢN XUẤT VẬT DỤNG

DANH SÁCH CÁC VỊ TỈNH TRƯỞNG CẦN THƠ TỪ THỜI PHÁP  
ĐẾN VIỆT NAM

TỔNG KẾT

ĐÔI LỜI TÂM HUYẾT VÀ CẢM TẠ



**HUỶNH MINH**  
**SƯU-TẦM KHẢO CỨU**  
**QUA CÁC TỈNH NAM-PHẦN VIỆT-NAM**  
**CẦN-THƠ XƯA VÀ NAY**  
**SƯU-TẬP TRÊN 40 TẤM ẢNH CỔ KIM**

**Gồm sáu mục**

1. LỊCH-SỬ, ĐỊA-LÝ
2. DANH-NHÂN, LIỆT-SĨ
3. DI-TÍCH, HUYỀN-SỬ, GIAI-THOẠI
4. VĂN-HÓA, NGHỆ-THUẬT
5. SINH-HOẠT, TÔN-GIÁO
6. CẦN THƠ TRÊN ĐƯỜNG PHỤC-HƯNG và KIẾN-THIẾT

**CÁNH-BẰNG**  
**TÁC-GIẢ XUẤT-BẢN**  
**1966**



# BIÊN-TẬP ĐẠI-Ý

Tiếp-tục chương trình biên-khảo, để có thể giúp đồng-bào tìm hiểu và mến yêu sông núi nước non nhà, hôm nay chúng tôi hân hạnh trình bày cùng quý độc giả quyển thứ 3 của loại sách sưu khảo về các tỉnh miền Nam nước Việt.

Sau Kiến-hòa và Bạc-liêu hôm nay đến lượt Cần-thơ ra mắt bạn đọc.

Cần-thơ thơ mộng !

Cần-thơ mến yêu !

Cần-thơ ruộng lúa phì nhiêu, sông đầy cá bạc, vườn sai trái lành !

Cần-thơ cảnh vật mỹ-miêu, quyến lòng du khách, gọi tình nước non.

Là Thủ-đô kinh tế của miền Tây Nam-Việt, trực giao thông quan trọng, vú sữa nuôi sống quốc gia, Cần-thơ cũng là Thủ đô văn-hóa của miền Nam : ngày xưa từng làm trung tâm chiêu tập khách tao-đàn, một chi nhánh quan trọng của Mạc-gia Chiêu-anh-Các, quê hương của những văn hào lỗi lạc như cụ Bùi-hữu-Nghĩa và cụ Cử Phan-văn-Trị. Cần-thơ sau một thế kỷ âm thầm lặng lẽ, lại vươn mình lên khôi phục địa vị cũ của mình. Với phong-trào xúc-tiến sự thành lập khu Đại học ở miền Tây, ngôi sao của Cần-thơ sắp chói rạng trên nền trời văn học.

Cần-thơ khói lửa !

Cần-thơ kháng chiến !

Trôi dòng lịch-sử, cùng nước non trải qua bao cuộc thăng trầm, cơn quốc biến, Cần-thơ đã hy-sinh xương máu chống xâm-lãng. Từ những anh hùng Cần-vương chống Pháp như Đinh-Sâm, Nguyễn-Thần-Hiến, đến những du kích quân tâm vông vật nhọn tạo chiến công oanh liệt ở bưng biển, Cần-thơ xưa và nay đã đóng góp rất nhiều tài nguyên và sinh lực vào cuộc đấu-tranh sống còn của dân-tộc.

Âm thầm đóng góp, im lặng hy-sinh, Cần-thơ qua bao nhiêu biến chuyển đã biểu lộ rõ rệt « dân tộc tánh » của người Việt-Nam : ít nói, ham làm, thiết thực hy-sinh hơn là khoe-khoang khoác lác. Có lẽ vì thế mà miền Tây luôn luôn bị bỏ quên. Miền Tây sánh như người mẹ hiền quanh năm cày cuốc lo nuôi sống cho đại gia-đình, chỉ được những đứa con nhớ đến khi nguy khốn, cần nhờ đến mẹ quay về tìm lẽ sống, nguồn an-ủi và sinh lực ở trong lòng đất mẹ.

Quyển sách này ra đời giữa lúc dải đất mẹ phải chứng-kiến qua bao cảnh khói lửa đau thương, tiếng súng, bom đạn vang rền trong thôn ấp xa xôi hẻo lánh, hiện giờ các đứa con trung-thành của mẹ đang nỗ lực hàn gắn lại tình thương, cùng nhau tranh đấu xây dựng những gì tang thương đổ vỡ, kiến tạo sự thanh bình, phục hưng xứ sở, đưa giống nòi đến bến vinh quang cường thịnh, để làm sống lại lòng đất mẹ thân yêu, bù đắp một phần nào vào chỗ vô tình bạc nghĩa ấy vậy.

Chúng tôi lấy làm sung-sướng trình bày dưới mắt bạn đọc quyển sách « **CẦN THƠ XƯA VÀ NAY** » về loại sưu khảo để tìm-hiểu và mến-yêu giang-sơn gấm-vóc.

Trong quyển sách này, chúng tôi sưu-tầm tài-liệu vài chỗ và căn cứ theo các bộ sách của chư học-giả, các sử-gia như sau chỉ đứng hoàn-toàn về phương-diện sưu-khảo lịch-sử.

- G. Coedès : *Histoire ancienne des Etats Hindouises d'Extrême Orient.*

- P. Pelliot : *Le Fou-Nam*

- E. Aymonnier : *Le Cambodge*

- *Monographie de la province de Can-tho*

- *Bulletin administratif de la Cochinchine* tức là lịch An-Nam thông dụng trong Nam Kỳ 1970 và *Đại-Nam Nhất-Thống-Chí*

V.V...

*Quyển Cần-thơ tuy nhiên không sao tránh khỏi những khuyết điểm, qua mọi khía cạnh hoặc danh từ địa phương, phần nhiều sách xưa không ghi rõ.*

*Mong chư học giả lượng thứ, chỉ giáo trên tinh-thần xây-dựng, bổ khuyết tác phẩm này thêm phần phong phú để sau tục bản.*

*Chúng tôi rất hoan nghinh những lời hay ý đẹp của quý vị cao minh cùng các sử gia góp công tô-điểm nền văn-hóa dân-tộc.*

**Viết tại Saigon, ngày 1 tháng 7 năm 1966**

**HUỲNH MINH**

**PHẦN THỨ NHẤT : CẦN-THƠ (PHONG DINH)**  
**QUA CÁC THỜI-ĐẠI**

## TRÊN DÒNG HẬU-GIANG



*Cần thơ cảnh đẹp người xinh  
Quyện lòng du khách, dợi tình nước-non.  
Ảnh Trần-văn-Bê (Phongdinh)*

# I. PHONG-DINH KHOẢNG ĐẦU THẾ KỶ THỨ XVIII TỨC HUYỆN TRẦN-GIANG TRONG DU’-ĐỒ VIỆT-NAM

Trong khi Saigon nghiêm nhiên là Thủ-đô của miền Nam nước Việt, tỉnh Phong-dinh ở về phía Tây cũng nghiêm nhiên được mệnh danh là Tây-đô. Có quá đáng chăng ? – Không, Nếu Saigon còn được xưng tụng thêm với những danh-từ « hoa-lệ », « hòn ngọc Viễn-Đông » thiết tưởng Phong-dinh được coi như Thủ-đô của miền Tây kể cũng xứng-đáng phần nào, qua những bằng chứng mà chúng tôi sẽ lần lượt trình bày.

Giữa lúc vua Lê, chúa Trịnh ghìm nhau ngoài đất Bắc, các đời chúa Nguyễn ráo-riết lo củng-cố địa-vị ở đàng trong tức vùng Trung-Phần trở vào Nam. Trên bước đường Nam tiến, đồng thời với việc thôn tính nước Chiêm-Thành bắt đầu từ năm Tân-hợi 1611 đời chúa Tiên là Nguyễn-Hoàng (sau truy dâng miếu hiệu là Thái-Tổ Gia-Dũ), trải 7 đời chúa kế tiếp mở bờ cõi lần xuống miền Đông-nai phì nhiêu. Ấy là các vị chúa :

1. Chúa Sãi Nguyễn-Phúc-Nguyên 1613-1635 (miếu hiệu Hy-Tông Hiếu-Văn).
2. Chúa Thượng Nguyễn-phúc-Lan 1636-1648 (Thần-Tông Hiếu-Chiêu)
3. Chúa Hiền Nguyễn-phúc-Tân 1648-1687 (Thái-Tông Hiếu-Triết)
4. Chúa Nghĩa Nguyễn-phúc-Trân 1678-1691 (Anh-Tông Hiếu-Nghĩa)
5. Quốc Chúa Nguyễn-phúc-Chu 1691-1725 (Hiển-Tông Hiếu-Minh)
6. Định Quốc Công Nguyễn-phúc-Chú 1725-1738 (Túc-Tông Hiếu-Ninh)



Hơn một thế kỷ (1623-1739) các chúa Nguyễn ấy nối tiếp nhau thừa lúc Chân-Lạp có nội loạn mà lần hồi thâm phục đất đai. Lại khéo dùng các tướng của nhà Minh lưu vong không phục nhà Thanh như Mạc Cửu, Dương ngạn Địch, Huỳnh Tấn v.v... mượn tay họ khai-thác mà mở rộng dư-đồ nước Việt. Lịch-trình diễn-tiến như sau :

- Năm 1658 mở rộng đất Mô-xoài (Bà-rija, Biên-hòa)
- Năm 1698 mở mang đất Sàicôn (Gia-định, Saigon)
- Năm 1731 khai triển đất Định-tường (Mỹ-tho) và Long-hồ (Vĩnh-long).

Riêng Mạc-Cửu sau khi bình định xong vùng Hà-tiên, năm Giáp-ngọ 1714, Mạc-Cửu dâng đất Hà-tiên và hòn Phú quốc cho chúa Nguyễn-phúc-Chu. Đến năm Ất-mão 1735 Mạc-Cửu mất, con là Mạc-thiên-Tứ nối nghiệp, mở mang thêm vùng đất Hậu-giang. Năm Kỷ-vị 1739, hoàn thành cuộc khai thác miền Tây, Mạc-thiên-Tứ lập thêm bốn huyện :

1. Long-xuyên (miền Cà-mau)
2. Kiên-giang (Rạch-giá)
3. Trấn-giang (miền Cần-thơ)
4. Trấn-di (miền Bắc Bạc-liêu)

Thế là từ năm Kỷ-vị 1739, tỉnh Phong-dinh ngày nay vốn là phần đất nằm trong khu vực huyện Trấn-giang xưa, do công Mạc-thiên-Tứ khai hoang.

Bấy giờ Trấn-giang (Cần-thơ) còn là một vùng rừng tràm xen lẫn rừng đước, thú dữ tràn đầy. Thế mà tiền nhân đã dày công phá rừng mở đất, dần dần biến thành nơi văn-vật, thật đáng cho các thế hệ sau hình hươg sùng bái tinh-thần dũng-cảm ấy, đề cao công-trình vô cùng gian nan khổ nhọc ấy.

Xem lịch sử họ Mạc với công nghiệp mở mang đất Hà-Tiên và bốn huyện miền Tây như đã kể trên, điều nên biết là Mạc-thiên-Tích là bậc anh

tài nho-nhã vào bậc nhất trong thời ấy. Vào tướng văn, ra tướng võ, Mạc-thiên-Tứ (cũng gọi là Mạc-thiên-Tích) oai danh lừng lẫy, xa gần hoài phục. Ngồi trấn nhậm Hà-Tiên với chức vụ Đô-đốc, Ông xếp đặt xong cuộc trị an, lại còn chú trọng về mặt phát-triển văn-hóa, thiết-lập tao-đàn « Chiêu-anh các », nhóm họp các sĩ-phu văn-học xướng-họa thi-ca, thảo-luận kế-sách giáo-dục quần-chúng, gây nên học-phong sĩ-khí tốt-đẹp vô cùng.

Mạc-thiên-Tứ hết lòng mở mang đất Hà-tiên thế nào, thì ông cũng tận tụy xây-dựng vùng Trấn-giang (Cần-thơ) như thế ấy. Ông đã sáng suốt nhận định tình-hình, xem Trấn-giang là một vị-trí chiến-lược làm hậu-thuần cho Hà-Tiên, nên Ông hằng lo lắng xếp đặt cho Trấn-giang ngày càng phát-triển tốt đẹp về mọi mặt. Cho nên, dưới sự chăm-sóc của Ông, Cần-thơ bấy giờ cũng đã có tiếng là đất văn-vật chẳng kém gì Hà-tiên bao nhiêu. Một bằng chứng là khi Hà-tiên lâm nguy vì binh Xiêm công phá (năm Nhâm-thìn 1772), Ông lui ngay về Trấn-giang mà nương tựa, chờ cơ quật-khởi. Và chính con Ông là Tham tướng Mạc-tử-Sanh cũng đã gọi xác nơi vùng Trấn-giang trong cơn binh cách, mà khoảng cầu Tham tướng ở Cần-thơ ngày nay là di tích còn lưu để (ở đoạn sau chúng tôi sẽ ghi chép rõ hơn về đoạn lịch-sử vị Tham tướng họ Mạc này).

Những chỗ Mạc-thiên-Tích và con là Mạc-tử-Sanh đã đốc-xuất dân quân xây dựng tiền đồn để phòng thủ, cho đến đời vua Minh-Mạng hầy còn dùng đến, tới năm thứ 16 (Giáp-ngọ 1834) mới bỏ đi.

Nơi nào có dấu vết họ Mạc mở mang, nơi ấy thường tấp-nập dân cư vui nghiệp. Nhà cửa phố xá kiến thiết khang trang. Cuộc thương-mại thịnh-vượng. Nền kinh-tế vững-chãi, trình-độ văn hóa của dân chúng được nâng cao.

Nhóm « Chiêu-anh-các » do Mạc-thiên-Tứ thành-lập, ngoài 32 nhân-vật ưu-tú của Hà-tiên trong đó thành phần gồm có người Việt và người Tàu, ai nấy thầy đều là trang tài tuấn, hào hoa phong-nhã. Cho đến các vị đại-

thần như Nguyễn-cư-Trinh cũng phải nghiêng mình thán-phục công-nghiệp của họ Mạc, thường lui tới đàm luận văn-chương thao-lược, xướng họa thi ca với các bậc tài-danh trong nhóm Chiêu-anh-các.

Nằm trong kế hoạch phòng thủ miền Tây, nếu Hà-tiên ví như tiền đồn ngăn ngừa những cuộc công phá của Xiêm-La và Chân Lạp, Trấn-giang tức là miền Cần-thơ bây giờ nghiêm-nhiên là hậu cứ, hẳn là Mạc-thiên-Tứ đã đem biết bao tâm huyết công-phu xây dựng cho vùng này. Và chịu ảnh-hưởng chính-trị, kinh-tế, văn-hóa khả-quan, dân-chúng Trấn-giang hẳn đã sống một thời bừng hương sắc đậm đà về mọi mặt.

Huống-chi, bấy giờ huyện Trấn-di tức vùng Bạc-liêu hẻo lánh cũng vẫn được họ Mạc cho di dân đến đây mở-mang, Bạc-liêu khi ấy mà còn phồn-thịnh lên, thì Cần-thơ chắc hẳn đã hoa lệ lắm rồi.

Phương-chi, Trấn-giang cũng từng là bãi chiến trường lắm hãi-hùng, tranh-đấu giữa quân dân ta với quân Xiêm-La, Chân-Lạp, và sau này chống với Tây-Sơn khi chúa Nguyễn-Ánh chạy tới đây, nếu mức sinh-hoạt và trình-độ dân chúng Trấn-giang chưa được nâng cao, thì tinh-thần anh-dũng của dân chúng Trấn-giang đâu đã được đề cao như lịch-sử từng ghi chép ?

Do các lẽ trên đây, chứng minh hùng hồn trong thời Mạc-thiên-Tứ làm Đô-đốc trấn Hà-tiên, đất Trấn-giang tức Cần-thơ đã do bàn tay họ Mạc điều khiển dân chúng trong vùng kiến tạo nhiều khởi sắc.

## II. PHONG-DINH DƯỚI TRIỀU VÕ-VƯƠNG NGUYỄN-PHÚC-KHOÁT, TRỰC-THUỘC GUỒNG-MÁY HÀNH-CHÁNH LONG HỒ DINH

Từ năm Kỷ-Vị 1739, đất-đai Cần-thơ đã được Mạc-thiên-Tứ khai-thác hẳn-hoi, mang danh là huyện Trấn-giang. Cố-nhiên sau đó Mạc-thiên-Tứ đem dâng chúa Nguyễn, sáp-nhập vào dư-đồ Việt, cũng như thân-phụ Ông là Mạc-Cửu đã dâng đất Hà-tiên từ năm 1714.

Bấy giờ chúa trị-vì Đàng Trong<sup>1</sup> là Võ-Vương Nguyễn-phúc-Khoát. Hơn hẳn các vị chúa Nguyễn trước, Võ-Vương là bậc anh-minh, hăng-say hoạt-động, thích làm chuyện lớn, mưu tính xa rộng. Theo định-hướng đã trù-hoạch về viễn-đồ đất nước, Ngài hằng phô-trương uy-thế, quyết ý mở rộng lãnh-thổ vào Nam. Tiếp thu thêm phần đất bốn huyện mới khai-thác : Long-xuyên (Cà-mau), Kiên-giang (Rạch-giá), Trấn-giang (Cần-thơ) và Trấn-di (Bạc-liêu), Ngài càng thêm phấn-khởi xây dựng đất nước.

Năm Canh-thân 1740, Ngài định lại phép thi : những người đậu kỳ đệ-nhất gọi là nhiều học, được miễn sai 5 năm ; đậu kỳ đệ-nhị và đệ-tam được miễn sai chung thân ; đậu kỳ đệ-tứ gọi là hương cống, được bổ làm Tri-phủ, Tri-huyện. Do sự đặc-biệt ưu-đãi giai cấp sĩ phu này, dân chúng trong Nam dần dần cảm phục sẵn sàng phụng sự đất nước dưới quyền lãnh đạo của chúa Nguyễn. Và do Sắc-lệnh canh cải khoa cử này, tạo thêm điều kiện hoạt động mạnh về văn hóa cho nhóm Chiêu anh Các của Mạc Thiên Tứ ở Hà Tiên, Cần Thơ vậy.

Đến năm Giáp Tý 1744, Ngài xưng vương-hiệu (Võ Vương), tổ chức nội các gồm 6 Bộ. Bộ về văn hóa gọi là Hàn Lâm. Đạo vệ binh gọi là Võ Lâm. Chế tạo sắc phục mới cho các quan văn võ trong triều. Lại ra lệnh cho

dân gian phải đối y phục, ăn mặc cho văn vẻ nhu nhã hơn xưa. Chia lãnh thổ ra làm 12 dinh :

1. Chính dinh (Phú Xuân)
2. Cựu dinh (vùng Ái Tử)
3. Quảng Bình dinh
4. Võ xá dinh
5. Bồ chánh dinh
6. Quảng Nam dinh
7. Phú Yên dinh
8. Bình Khương dinh (đất Chiêm Thành)
9. Bình Thuận dinh (đất Chiêm Thành)
10. Trấn Biên dinh (miền Nam)
11. Phan Trấn dinh (miền Nam)
12. Long Hồ dinh (miền Nam)

Riêng phủ Quảng Ngãi và phủ Qui Nhơn ở miền Trung thì trực thuộc Quảng Nam dinh ; đất Hà Tiên ở miền Nam thì đặt thành trấn.

Năm sau (Ất Sửu 1745) Ngài cho mua kẽm bên Âu-Châu về chế ra thêm thứ tiền kẽm. Thế là về mặt tiền tệ, dân nước xài hai thứ tiền : tiền đồng và tiền kẽm.

Mọi ngành sanh hoạt vào thời kỳ này được phát triển đồng đều, nhất là nông nghiệp và thương nghiệp khuếch trương, sung-mậu phồn thịnh, tạo cho nhân dân an hưởng được cuộc sống thái bình thịnh-trị.

Gặp hoàn cảnh thuận tiện như thế, trong Nam dưới sự lãnh đạo của vị Đô đốc tài ba như Mạc Thiên Tứ, vùng Trấn Giang tự nhiên cũng được lợi thế phát triển mạnh.

Hơn thế nữa, để hoàn thành công cuộc Nam tiến, đôn đốc các cấp thừa hành ở từng địa phương cần khai thác triệt để các vùng đất phì nhiêu ở miền

Nam, đến năm Quý Dậu 1753, Võ Vương phái vị Ký lục Bồ chánh dinh là Nguyễn Cư Trinh vào Nam, mưu toan việc lớn.

Quả thật Võ Vương đã sáng suốt dùng người đúng chỗ, Nguyễn Cư Trinh lần lượt thực hiện được mộng lớn của Võ Vương, không phụ lòng kỳ vọng của Ngài chút nào. Năm quyền Tham mưu, điều khiển tướng sĩ năm dinh : Bình Khương (Khánh Hòa), Bình Thuận, Trấn Biên (Biên Hòa, Bà Rịa), Phiên-trấn (Gia Định) và Long Hồ (Mỹ Tho, Vĩnh Long). Ông thẳng đường vào Nam, đến đâu cũng lập dinh trại, kén sĩ tốt, trừ bị cho nhiều để làm kế khai thác. Ông đệ sớ về triều, tỏ bày mưu lược, hiến kế « tầm thực » (tầm ăn dâu), cương quyết nguyện hứa sẽ hoàn thành xong sứ mạng nhà vua giao phó. Võ Vương sẵn lòng chấp thuận, tán trợ sách lược ấy, cho Ông được toàn quyền hành động. Chúa sáng tài, việc chi mà chẳng được ? Thật là minh quân lương tướng tao phùng. Cơ hội ngàn năm một thuở đùn đẩy Nguyễn Cư Trinh với nhiều ưu thế thẳng lợi, cố nhiên Ông cảm thấy phấn khởi thành toàn chí nguyện biết bao nhiêu.

Huống chi, đã gặp chúa sáng biết tài mà tín nhiệm uỷ thác trọng trách, lại khi vào Nam tiếp xúc với vị Đô Đốc trấn Hà Tiên Mạc Thiên Tứ vẫn là trang lỗi lạc phi thường, bảo sao Nguyễn Cư Trinh chẳng thành công trên đường nhiệm vụ.

Xuyên qua việc tương đắc giữa hai trang lương đồng anh tài Nguyễn Cư Trinh – Mạc Thiên Tứ hội ngộ nơi miền Nam, đủ nhận thấy thời kỳ này miền Nam thịnh phát đến ngần nào : đặc biệt là miền Tây (Cần Thơ) vùng Hậu Giang hẳn được khuyến trưỡng nông nghiệp đến mức tối đa, để biến miền Tây dần dần thành trung tâm lúa gạo như hiện thời.

Ấy là giai đoạn thứ hai, Cần Thơ chuyển mình vượt tiến trên đà khai thác triệt để tài nguyên, dưới sự điều khiển sáng suốt của những nhà ái quốc thời ấy trong đó có Mạc Thiên Tứ và Nguyễn Cư Trinh. Cả hai vừa đồng chí đồng tâm lại vừa đồng tài đồng sức. Giao vận mạng miền Nam cho

Nguyễn Cư Trinh nắm giữ việc khai hoang lập ấp, về mặt quân sự miền Tây có Mạc Thiên Tứ chăm lo với nhiều lợi thế, hơn nữa do Nguyễn Cư Trinh đôn đốc khích lệ càng đặc sách vô cùng.

### III. PHONG DINH TRONG CƠN SÓNG GIÓ TÂY-SƠN NGUYỄN-CHÚA TRANH HÙNG

Đánh dẹp ngoại xâm khó, nhưng bình-định nội loạn cũng chẳng phải dễ ! Đất nước bị nạn ngoại xâm là thảm họa cho dân chúng, nhưng thâm hơn nữa là cảnh đồng chủng tương tàn vì tranh chấp quyền vị. Suốt thời kỳ chúa Nguyễn Ánh và binh Tây Sơn đánh đuổi nhau trong Nam, cho đến khi non sông thống nhất, trải hơn 26 năm (1777-1802) khói lửa đã dập vùi xương máu dân chúng miền Nam nhiều vô số kể, điêu tàn thảm khốc nhất là dân chúng miền Tây. Nào Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Thơ, Cà Mau lần lượt biến thành bãi chiến trường kinh khủng. Nơi đâu có dấu vết Nguyễn Ánh thì ở đấy có cuộc xung sát với Tây Sơn.

Đặc biệt mở màn cho những trận thư hùng ghê rợn giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh sau này, Cần Thơ<sup>2</sup> trước đó còn phải trải qua nạn binh Xiêm đánh phá. Ấy là việc xảy ra trong năm Nhâm Thìn 1772. Vua Xiêm là Phi Nhã Tân xua binh sang đánh cướp Hà Tiên. Đô đốc Mạc Thiên Tứ dàn quân chống cự quyết liệt. Binh Xiêm ồ ạt tấn công. Thành trì thất thủ, dân chúng trong thành đều bị giết hại cả. Mạc Thiên Tứ lui giữ Cần Thơ.

Nhờ trước kia đã tiên liệu dự phòng, nên các đồn lũy ở Cần Thơ đủ để họ Mạc nương tựa mà ngăn chống. Binh Xiêm từng đợt tràn tới Cần Thơ đều bị Thiên Tứ đuổi ra khỏi vùng. Tuy nhiên, sinh mạng và tài sản dân chúng chẳng khỏi tổn thất nặng nề.

Vừa yên giấc Xiêm, lại đến chuyện chúa Nguyễn chạy vào Nam. Tin chúa Nguyễn bôn ba tẩu quốc đưa đến Cần Thơ, dân chúng lại một phen thắc thóm lo âu. Vì người người đều cảm thấy tình hình bất ổn, sớm muộn ắt phải vương họa binh đao thảm khốc nữa chớ chẳng không.



Đất Hà Tiên bấy giờ đang ở trong tình trạng tái thiết, vì binh Xiêm đã tàn phá dữ dội nên Mạc Thiên Tứ đóng bản dinh ở Cần Thơ (Trấn Giang). Năm Ất Ty 1775, được tin Chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần đã thất sự vào Nam, đóng binh ở Gia Định, Mạc Thiên Tứ lập tức từ Cần Thơ thẳng lên đày bái yết chúa Nguyễn, nguyện tận tâm tận lực ủng hộ. Chúa Nguyễn cảm động tin cậy nơi Ông, tấn phong Ông làm Quốc lão Đô đốc Quận công. Ông bái trở về Cần Thơ, hiệu triệu dân chúng xướng nghĩa, cùng nhau sẵn sàng hy sinh cho Nguyễn chúa.

Tây Sơn kéo vào Nam giao chiến, chiếm lấy Gia Định. Chúa Nguyễn chạy xuống Cần Thơ, rồi thẳng đường chạy luôn xuống Cà Mau. Mạc Thiên Tứ ra sức chống ngăn Tây Sơn chẳng nổi, đành chạy theo bảo vệ chúa Nguyễn. Con Mạc Thiên Tứ là Mạc Tử Sanh chống nhau với Tây Sơn nơi Cần Thơ, đương đầu nhiên trận kinh hồn. Cuối cùng sa cơ, Tham tướng Mạc Tử Sanh bỏ mình (khoảng rạch Tham tướng, cầu Tham tướng ở Cần Thơ hiện giờ, dấu vết Mạc Tử Thiên vì nghĩa liều mình)<sup>3</sup>

Đình Dậu, Tây Sơn tiến binh thẳng xuống Cà Mau, bắt sống được chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần (Duệ Tông), áp giải về Gia Định hành quyết. Người cháu của chúa Định Vương là Nguyễn Ánh thay nắm binh quyền. Mạc Thiên Tứ vẫn trung thành cùng chúa Nguyễn, tách mình sang Xiêm cầu viện, chẳng quản gì hiểm khích cũ khi binh Xiêm đã tàn phá Hà Tiên, Cần Thơ. Bởi thế, Thiên Tứ lâm nguy ở đất Xiêm vì bị vua Xiêm là Phi Nhã Tân nghi ngờ, bạc đãi. Thiên Tứ phẫn uất, tự sát trên đất nước người.

Mất Mạc Thiên Tứ và Mạc Tử Sanh, chúa Nguyễn Ánh mất trang rường cột, khá đau xót và đáng ngại cho bước tiến trình của mình. Tuy nhiên, anh hùng hào kiệt trong Nam bấy giờ hầu hết đều đứng về phe ủng hộ chúa Nguyễn. Đó là sự an ủi và khích lệ nhiều cho chúa Nguyễn vững lòng phấn đấu. Và đó là công trình tuyên truyền cho hiệu quả của Nguyễn Cư Trinh và Mạc Thiên Tứ khi trước vậy.

Trên bước đường lưu vong của chúa Nguyễn Ánh khi vào Nam, nếu chẳng có sự dọn đường trước của Nguyễn Cư Trinh và Mạc Thiên Tứ, khiến nhân dân miền Nam đều đã sẵn có cảm tình với chúa Nguyễn, thì dễ gì Nguyễn Ánh thu phục được nhân tâm đồng bào trong Nam, để đi đến sự thắng lợi cuối cùng, thống nhất non sông. Đúng như lời ông Lê Ngọc Trụ và Phạm Văn Luật ; trích quyển « Nguyễn Cư Trinh với quyển Sãi Vải »<sup>4</sup>

« Trọn đời Ông (Nguyễn Cư Trinh) xứng đáng bậc khai quốc công thần, giúp Võ Vương làm rạng ý nghĩa xưng « Vương », triều Võ Vương được phồn thịnh lẫy lừng. Và sau này, khi Tây Sơn khởi nghĩa, sự nghiệp của Ông ở trong Nam đã đào tạo nên những « Gia Định văn nhân võ tướng » giúp được chúa Nguyễn Ánh dựng lại cơ đồ, thống nhất giang san lập nên nghiệp cả. »

Cái chết của Mạc Thiên Tứ ở trên đất nước Xiêm cũng là một điều kiện đã giúp chúa Nguyễn thêm được lực lượng quân đội Xiêm sẵn sàng tán trợ cho sau này và dọn đường dễ dàng cho chúa Nguyễn và đám tông thân sang trú ngụ nơi Vọng-các. Vì có cái chết hào hùng của Mạc Thiên Tứ làm xúc động được lòng vua Xiêm, giải được mọi nỗi bất hòa về trước. Vì có cái chết của Mạc Thiên Tứ, các văn nhân võ tướng miền Nam bấy lâu hằng chịu ảnh hưởng giáo hóa và tuyên truyền của họ Mạc, thêm thán phục hơn về sự trung kiên của họ Mạc, mà không còn ngần ngại gì nữa, đứng vào hàng ngũ ủng hộ chúa Nguyễn chống Tây Sơn quyết liệt.

Hơn nữa, cái chết dũng cảm oanh liệt của Mạc Tử Sanh nơi Cần Thơ – trung tâm văn hóa của miền Tây lúc bấy giờ – đánh thức tiềm năng quật khởi của toàn thể đồng bào miền Tây, tạo thành một lực lượng tinh thần mạnh mẽ chống đối Tây Sơn, đi đôi với sự sẵn sàng cung hiến nhân tài vật lực cho chúa Nguyễn. Bởi họ Mạc đã khéo chọn vùng đất Cần Thơ làm căn cứ thứ hai sau Hà Tiên, nên Cần Thơ nhờ đó mà phảng phất có sắc thái đẹp đẽ như bao công trình xây dựng của họ Mạc nơi Hà Tiên. Có thể nói sĩ khí miền Tây chịu ảnh hưởng một phần lớn do họ Mạc un đúc nên. Sự phát

động phong trào Cần Vương, trợ lực Nguyễn chúa chống Tây Sơn, từ sau cái chết của cha con Mạc Thiên Tứ, càng ngày càng bành trướng. Trong đó, nhân dân miền Tây đã đóng góp máu xương chẳng ít.

## CẦU ĐÔI MỚI



*Một chiếc cầu kiến thiết rất mỹ-quan, bắc ngang con rạch Cái Khế, chạy thẳng xuống Tòa Hành-Chánh, xuyên qua các phố phường trong tỉnh. Ảnh Trần-văn-Bê (Phongdinh)*

## IV. PHONG DINH TRONG THỜI CẬN KIM

Vừa trải họa xâm lăng do binh Xiêm gây hấn (Nhâm Thìn 1772), lòng dân còn chưa hết hãi hùng, thì lại vương cảnh nội loạn Tây Sơn cùng Nguyễn chúa tranh giành (Đinh Dậu 1777), dân chúng Trấn Giang (Cần Thơ) điêu đứng khôn xiết kể ngót mấy mươi năm. Kịp khi Nguyễn Ánh thống nhất non sông, lên ngôi đế tức Gia Long, đất nước mới thấy lại cảnh thanh bình.

### PHONG DINH DƯỚI TRIỀU GIA LONG

Gia Long năm thứ 2 (Quý Hợi 1803), định lại dư đồ, đổi địa giới dinh Long Hồ là dinh Hoảng Trấn, rồi đổi gọi là Vĩnh Trấn, đến năm Gia Long thứ 7 (Mậu Thìn 1808), lại đổi làm trấn Vĩnh Thanh, dưới quyền cai trị của quan Trấn Thủ, Hiệp Trấn và Tham Hiệp. Vùng Cần Thơ bấy giờ trực thuộc trấn Vĩnh Thanh, phủ Định Viễn.

Gia Long năm thứ 12 (Quý Dậu 1813), cắt đất phân ranh lại, lập thêm huyện Vĩnh Định là vùng phì nhiêu nhất. Cần Thơ khi ấy tức là huyện Vĩnh Định, vẫn trực thuộc phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh.

Năm sau, Gia Long thứ 13 (Giáp Tuất 1814), vùng huyện Vĩnh Định (Cần Thơ) được đặc biệt quan tâm nhất. Các quan địa phương đốc suất nhân dân mở mang đường sá, xây cất chợ búa phố phường, việc buôn bán càng ngày càng phồn thịnh, dân tứ xứ kéo đến định cư lập nghiệp ngày một thêm đông đúc.

Vùng Cần Thơ khi xưa đất đai như thế nào ? Cứ xem một đoạn tả cảnh con sông Cần Thơ vào khoảng đời Gia Long – Minh Mạng, chúng ta sẽ ý thức được một vài tình trạng sinh hoạt của dân cư Cần Thơ thuở ấy :

« Sông Cần Thơ ở phía Đông huyện Phong Phú 3 dặm, bờ phía Tây Hậu Giang, rộng 4 trượng, sâu 2 trượng rưỡi. Bờ phía Tây sông này có cự

Thủ sở đạo Trấn Giang. Bắt đầu từ phía Nam Đại Giang chảy xuống, thông sông Bồn, rồi do cửa sông ấy chảy qua đả Sưu, đả Răng, cách 13 dặm đến ngã ba Ba Láng. Chi phía Bắc chảy qua Đông 12 dặm thông với sông Bình Thủy. Lại một chi nữa cũng do phía Bắc chuyển về hướng Đông 45 dặm chảy ra cảng khẩu đạo Kiên Giang, tục gọi là cửa Bé. Cuối đông qua xuân, nước khô bùn cứng, ghe thuyền không qua được ; từ mùa hạ qua đông nước mưa tràn bờ, thì ghe thuyền cỡi lên trên cỏ và bèo mà đi, cứ trông theo phía tả hay phía hữu rừng cây mà nhận dấu đường. Nơi đây không có bóng người, có rất nhiều muỗi và đĩa, người qua lại rất khổ sở ».<sup>5</sup>

Ở một đoạn khác, nói về con sông Hậu (Hậu Giang), người xưa ghi chép :

...Nước theo từ sông Châu Đốc tỉnh An Giang chảy đến phía Bắc huyện Đông Xuyên (tức Long Xuyên ngày nay) rồi đến ngòi Trà Ôn, làm giới hạn cho tỉnh An Giang và tỉnh Vĩnh Long. Đến đây chuyển qua hướng Nam (bờ phía Tây làm giới hạn tỉnh An Giang, bờ phía Đông làm giới hạn tỉnh Vĩnh Long) đến đạo Trấn Di chảy ra cửa biển Ba-thắc. « Sông này rười khắp ruộng nương, bao hàm gò bến, là một nguồn lợi thủy quốc vậy ».

Con sông Cần Thơ và Hậu Giang ngày xưa mặc dầu chưa thuận tiện mấy về mặt giao thông, thế mà đã là một nguồn lợi to tát, đủ rõ người xưa đã rất chú ý mở mang đường thủy đồng thời với sự giao thông đường bộ. Do đó, nền kinh tế miền Tây lúc bấy giờ khá thịnh vượng.

Bởi con sông Hậu Giang như mạch máu của miền Tây, tiện ích cho dân chúng vô cùng, nên khoảng Minh Mạng thứ 17 (Bính Thân 1836), nhà vua cho đúc 9 cái đỉnh, có chạm hình sông Hậu Giang vào Huyền đỉnh và năm Tự Đức thứ III (Canh Tuất 1850) có ghi vào tự điển<sup>6</sup>. 9 cái đỉnh này hiện nay để trước sân nhà thái miếu thành nội Huế. Quý du khách có dịp đi viếng cố đô vô đến hoàng thành sẽ thấy những kỷ vật này tro gan cùng tuế nguyệt, ghi lại bước đường bôn tẩu của nhà vua.

## PHONG DINH DƯỚI TRIỀU MINH MẠNG

Đầu thế kỷ XIX, dưới triều Gia Long, như chúng ta đã rõ, Cần Thơ là vùng huyện Vĩnh Định, phủ Định Viễn, thuộc trấn Vĩnh Thanh. Kinh tế thịnh vượng, dân cư đông đúc.

Đến năm Minh Mạng thứ 13 (Nhâm Thìn 1832), trấn Vĩnh Thanh đổi tên là trấn Vĩnh Long, phân hạt gọi là tỉnh Vĩnh Long, đem hai huyện Tuân Nghĩa, Trà Vinh, nguyên thuộc phủ Lạc Hóa (trước trực thuộc thành Gia Định) nay thuộc tỉnh Vĩnh Long, còn hai huyện Vĩnh Định (tức Cần Thơ xưa), Vĩnh An và đạo Châu Đốc cải thuộc tỉnh An Giang, và lập thêm huyện Vĩnh Trị, thuộc phủ Định Viễn. Xem thế, ta nhận thấy Cần Thơ bấy giờ (huyện Vĩnh Định) đã tách ra khỏi Vĩnh Long, mà thuộc về tỉnh An Giang, và thuộc phủ Tân Thành chứ không thuộc phủ Định Viễn như trước.

Năm Minh Mạng thứ 20 (Kỷ Hợi 1839), vùng đất Cần Thơ lại mang tên là huyện Phong Phú, thuộc phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang, gồm có 3 tổng, 31 xã thôn.

Thời kỳ này, Cần Thơ (huyện Phong Phú xưa) càng thêm phồn thịnh. Về hành chánh, huyện trị ở địa phận thôn Tân An, châu vi 50 trượng, trồng rào tre. Viên tri huyện coi sóc toàn huyện. Đầu tỉnh thì có quan Tổng đốc, một vị Bố chánh và một vị Án sát. Tổ chức hành chánh ở các tổng, xã đủ để đảm bảo an ninh cho dân chúng.

Về mặt quân sự, ngoài những đồn, bảo, đặt rải rác ở những vùng quê, nơi tỉnh lỵ và huyện lỵ thì có những đồn bót lớn hơn gọi là Thủ, có nghĩa là cơ sở phòng thủ nghiêm ngặt vững chãi. Thủ sở Trấn Giang (Cần Thơ) ở về bờ phía Tây Hậu Giang thiết lập từ năm Kỷ Dậu 1789, đến khi Nguyễn Ánh lên ngôi tức vua Gia Long, vì giang san đã thống nhất, nên tạm thời Thủ sở Trấn Giang này bãi bỏ. Đến đời Minh Mạng, vì có nhiều biến cố đồn dập, Thủ Trấn Giang tái thiết hẳn hoi. Đồng thời Thủ sở Trấn Di (miền Bắc Bạc Liêu) cũng tái thiết để ngừa nội loạn và ngoại xâm.

Ở bờ phía Tây Hậu Giang có thủ Trấn Giang hay Đông Xuyên, giao liên chặt chẽ với thủ Trấn Di, thì ở bờ phía Đông Hậu Giang có những đồn Vĩnh Hùng, Thuận Tấn, Cường Uy. Và ở Xao Châu (phía Bắc cửa biển Mỹ Thanh) có đặt binh lính đóng giữ cực kỳ hùng hậu.

Khoảng năm Quý Tỵ (1833) xảy ra cuộc Lê Văn Khôi gây biến loạn, sau khi quân của Lê Văn Khôi bị binh triều phá vỡ, tàn quân chạy xuống miền Tây, vùng Phong Phú (Cần Thơ) và Trấn Di (Bạc Liêu) bị rối loạn không ít. Hơn nữa triều đình lùng bắt dư đảng Lê Văn Khôi, nhất là những người Hoa Kiều có dính líu, ẩn náu ở Cần Thơ, Bạc Liêu<sup>7</sup> khiến lòng dân xôn xao náo động.

Tuy nhiên, qua cơn sóng gió, trời yên bể lặng như thường. Huyện Phong Phú vẫn là vùng đất có tiếng thanh trị, an ninh hơn khắp mọi vùng ở miền Tây lúc bấy giờ.

Về mặt thương mại, có ba ngôi chợ được thiết lập, rất trù phú : chợ Sưu ở gần bến sông Cần Thơ, chợ Tân An ở gần bến sông Bình Thủy và chợ Thái An Đông ở gần sông Ô Môn.

## **CẦN THƠ VỚI CHÚA NGUYỄN TRONG KHI TẤU QUỐC**

Nơi phần đầu, trình bày lịch sử tỉnh Cần Thơ, chúng tôi đã nói sơ lược về cuộc Tây Sơn – Nguyễn chúa tranh hùng, mà Cần Thơ từng là bãi chiến trường đẫm máu. Để quý bạn đọc có ý niệm rõ ràng hơn nỗi đau thương của dân chúng Cần Thơ trong cơn khói lửa từng chập từng hồi ấy, chúng tôi xin ghi thêm tỉ mỉ những cảnh binh đao diễn tiến, biết bao dấu vết tang thương mà Tây Sơn, Nguyễn chúa, Cao Miên lưu để trên mảnh đất Cần Thơ hơn một thế kỷ qua.

Bắt đầu từ năm Đinh Dậu 1777, Tây Sơn tấn công mãnh liệt, chiếm lấy Sài Gòn lần thứ hai, (lần thứ nhất vào năm Bính Thân 1776) do chính Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đích thân chỉ huy đại đội hùng binh. Chúa Định



Vương Nguyễn Phúc Thuần (Duệ Tông) chạy xuống Long Hưng (gần Rạch Gầm, Mỹ Tho) rồi chạy vào Cần Thơ, trong khi Tân chánh vương Nguyễn Phúc Dương ẩn náu nơi Ba Vát (Bến Tre). Bấy giờ vào khoảng tháng tư tại Cần Thơ, cha con Mạc Thiên Tứ đã chuẩn bị sẵn sàng lâm chiến để cứu nguy cho chúa Nguyễn khi Tây Sơn đuổi đến. Dân chúng Cần Thơ sống trong cảnh phập phồng tranh chiến.

Rồi thì khói lửa lan tràn, từ Sài Gòn Nguyễn Huệ tiến đánh Bến Tre, bắt sống Đông cung Dương (tức Tân chánh Vương), tại Ba Vát. Hay tin chẳng lành, tháng 8 chúa Định Vương lìa Cần Thơ chạy xuống Cà Mau với cháu là Nguyễn Ánh.

Binh Tây Sơn tràn xuống Cần Thơ. Ngút trời khói lửa. Dân chúng hãi hùng chứng kiến cảnh máu rơi, cửa nhà tan nát. Tham tướng Mạc Tử Sanh anh dũng chiến đấu nhưng không chống nổi sức hùng liệt của đoàn hổ báo Tây Sơn, đành bỏ mình tại vùng Tham tướng. Bấy giờ Cần Thơ thất thủ, khắp nơi tràn đầy quân sĩ Tây Sơn chiếm đóng, sát khí đằng đằng.

Tạm chiêu an dân chúng Cần Thơ xong, quân đội Tây Sơn kéo rốc tới đánh Bạc Liêu, Cà Mau (lúc này còn mang tên cũ là huyện Trấn Di, (Long Xuyên), cũng như Cần Thơ là huyện Trấn Giang. Thế mạnh như chẻ tre, Tây Sơn đánh đâu thắng đó, bắt sống chúa Định Vương tại Cà Mau trong khoảng tháng 9, giải về Gia Định hành quyết.

Nguyễn Ánh lên thay điều khiển binh quyền. Trong tình thế nguy cấp, nhờ ngự chiếc thuyền nhỏ nhẹ mang hiệu « Thủ quyền » vượt nước rẽ sóng mau lẹ, Nguyễn Ánh do ngã sông Ông Đốc thoát ra hòn Thổ Châu. Rồi từ ấy ngậm đắng nuốt cay, nuôi chí phục hận, dần dần đánh chiếm lại được thành Gia Định.

Đến năm Giáp Thìn (1784), tháng 6 chúa Nguyễn Ánh từ Xiêm trở về, có hai viên đại tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem 300 chiến thuyền và 20.000 quân theo giúp. Lần lượt, chúa Nguyễn lấy lại Rạch Giá,

Cần Thơ, Ba Thắc, Trà Ôn, Mân Thít và Sa Đéc. Thế là Cần Thơ rơi vào tay chúa Nguyễn.

Nhưng dân chúng Cần Thơ vẫn chẳng yên được lâu, đến tháng 10, sau khi Châu Văn Tiếp tử trận tại Mân Thít, tình thế binh chúa Nguyễn có chiều nao núng. Rồi thì tháng chạp, chính Nguyễn Huệ thân chinh chỉ huy quân Tây Sơn đánh tan quân Xiêm tại Rạch Gầm. (Trận này là một chiến công oanh liệt nhất của Tây Sơn, đến đổi tướng Xiêm là Chiêu Tăng, Chiêu Sương phải bỏ cả binh thuyền, lên bộ chạy về Vọng Các. Chúng tôi sẽ thuật rõ trong quyển « Định Tường xưa và nay » sẽ xuất bản).

Sau trận đại bại Rạch Gầm, chúa Nguyễn Ánh cả kinh quay lại Cần Thơ, binh Tây Sơn tái chiếm Cần Thơ, dân chúng nơi đây thêm một lần nữa phải điêu đứng vì chiến họa. Chúa Nguyễn tách dặm băng ngàn, từ Cần Thơ ra hòn Thổ Châu lánh mình như trước.

Đình Vị 1787, tháng 8 chúa Nguyễn lại từ Xiêm về, đốc xuất quân sĩ phản công Tây Sơn. Đồi bên đánh nhau nhiều trận lớn tại Trà Ôn (Cần Thơ) và Ba Rài (Mỹ Tho). Rồi bị Tây Sơn đánh bại tại cù lao Giung Hồ Châu, ở cửa sông Hậu Giang. Tuy nhiên, từ tháng 10, đóng đại bản dinh tại Nước Xoáy (Sa Đéc) binh tướng chúa Nguyễn dần dần khôi phục khí thế, đồng cảm đương đầu với Tây Sơn, đẩy lui Tây Sơn khắp nơi. Bấy giờ Cần Thơ cũng đã được chúa Nguyễn thu phục lại.

Sang tháng 10, có tin tướng Cao Miên là Ốc Nha Long theo Tây Sơn nổi loạn, đánh chiếm Cần Thơ, đóng đồn tại địa điểm này, khiến dân chúng đã khổ sở lại càng khổ sở. Chúa Nguyễn lập tức đem đại quân từ Sa Đéc đến Cần Thơ dẹp loạn.

Ốc Nha Long không chống cự nổi, nhưng càng thua to chúng càng quấy phá dữ tợn. Đây là lần thảm khổ nhất của dân chúng Cần Thơ. Nhưng cuối cùng rồi cũng dẹp yên loạn được, chúa Nguyễn vỗ an lê thứ, trao quyền cho một viên đại tướng ở giữ Cần Thơ, còn Ngài thì trở về đại bản

đình ở Nước Xoáy. Và cũng từ đây Tây Sơn suy yếu, lần lượt bị binh chúa Nguyễn đánh bật khỏi miền Tây. Đến tháng 8 năm Mậu Thân (1788) chúa Nguyễn khắc phục Sài Gòn, giữ vững mãi, cho đến năm Nhâm Tý (1792) thì bắt đầu tiến ra đánh miền Trung, Bắc.

Rồi từ Nhâm Tý (1792) mãi đến 9 năm sau, ngày mồng 3 tháng 5 năm Tân Hợi, chúa Nguyễn mới khắc phục được kinh thành Huế, thống nhất non sông. Đoạn sắp đặt trị an thêm một năm nữa, đâu đó đã yên, ngày mồng 2 tháng 5 năm Nhâm Tuất 1802, chúa Nguyễn Ánh lên ngôi tức vua Gia Long (miếu hiệu Thế Tổ Cao hoàng đế).

Duyệt lại bước đường lưu vong của Nguyễn Ánh khi bôn ba tẩu quốc, như chúng tôi đã trình bày trên đây, trong mấy năm Đinh Dậu 1777, Giáp Thìn 1784 và Đinh Vị 1787, Cần Thơ đã trải qua tất cả bốn thời kỳ chúa Nguyễn đồn trú, và là bãi chiến trường lắm lúc hãi hùng. Khủng khiếp nhất là loạn tướng Cao Miên Ốc Nha Long đã theo Tây Sơn, thừa gió bẻ măng, tàn hại dân chúng khôn xiết kể !

Thà rằng bị họa ngoại xâm, dân nước dầu tuôn đổ bao nhiêu máu đào xương trắng để cứu nước tương cũng chẳng đau lòng. Duy những cảnh nội chiến rùng rợn, tạo cơ hội cho ngoại bang nhúng tay vào gây thêm tang tóc, thật nảo nùng !

## **LỜI CẢM NGHĨ**

*Chúng tôi đã trình bày qua phần lịch sử và tổng kết câu chuyện Nguyễn Ánh trên đường bôn tẩu, cống hiến chư độc giả tìm hiểu phần nào về hai nhân vật Gia Long và Nguyễn Huệ, hai vị cũng vì gấm vóc giang sơn này mà tranh dành ảnh hưởng, làm cho xứ sở điêu linh, nơnon dân đồ thán, gây cảnh núi xương sông máu diễn ra trên đất Việt. Lịch sử hăng chứng minh tỏ rõ.*

*Đứng về khách quan mà nhận xét, so sánh giữa hai nhân vật, Nguyễn Huệ một trong những anh hùng của dân tộc, một trang lỗi lạc tài ba, đa*

*mưu túc kế, văn võ kiêm toàn, binh pháp siêu nhân, quân kỷ nghiêm minh, bách chiến bách thắng, tiếc rằng vận nước cam chịu cảnh ngửa nghiêng, nên trời khiến cho Nguyễn Huệ phải mất sớm đi, giang sơn này rơi vào tay Nguyễn Ánh.*

*Thay vì lúc bấy giờ Nguyễn Huệ còn sống nắm vững cơ đồ giữ nền độc lập tự chủ, mở mang bờ cõi lan rộng đến hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây, dư đồ Việt Nam lớn biết là bao. Nước Việt Nam sẽ trở nên một nước hùng cường, góp mặt cùng năm châu thế giới, chưa chắc có gót chân ngoại bang nào xâm chiếm được.*

*Qua phần lịch sử của Nguyễn Ánh, trên đường dong ruổi vào Nam, đặt chân lui tới đất Cần Thơ này nhiều lượt, như đã trình bày, chúng tôi lấy làm chua xót vô cùng, không muốn nhắc lại nhiều e tủi hổ vong linh người trung liệt, và chẳng những thế hệ trẻ ngày nay cũng không muốn gọi câu chuyện Gia Long thêm nhiều, vì lẽ đó mà chúng tôi không đi sâu vào chi tiết, xin bạn đọc thứ lỗi cho.*

## **PHONG DINH DƯỚI TRIỀU TỰ ĐỨC VÀ THỜI PHÁP THUỘC**

Trải các triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, miền Nam nước Việt vẫn chia làm 6 tỉnh, nên dân gian thường quen gọi là Nam kỳ lục tỉnh. Cho đến thời Pháp thuộc, dẫu người Pháp đã chia đất miền Nam này (gọi là Nam Kỳ) làm 20 rồi 21 tỉnh, dân gian vẫn quen gọi Nam kỳ là lục tỉnh. Ấy là :

- Biên Hòa (miền Đông)
- Gia Định (miền Đông)
- Định Tường (miền Đông)
- Vĩnh Long (miền Tây)
- An Giang (miền Tây)
- Hà Tiên (miền Tây)

Do Hòa ước ngày 5 Juin 1862, miền Nam bị đặt dưới quyền đô hộ của Pháp. Nhưng sĩ phu miền Nam há dễ chịu ép một bề ? Lần lượt sĩ phu miền Nam đứng lên phản kháng, hoặc đem bút lưỡi mà khích động dân tâm tranh đấu, hoặc lấy sắt máu mà chống chọi với cường quyền bạo lực. Nhóm sĩ phu đánh giặc bằng bút, có : Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, Nguyễn Văn Lạc v.v... Nhóm lấy sắt máu đánh đuổi kẻ tham tàn, có : Trương Định ở Gò Công, Đỗ Đình Thoại, Nguyễn Duy Dương ở Đồng Tháp Mười, Nguyễn Hữu Huân ở Mỹ Tho v.v...

Riêng về miền Tây, từ sau ngày 25 Juin 1867 (năm Đinh Mão) là ngày ba tỉnh miền Tây Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên đều đã lọt vào tay quân Pháp, sĩ phu miền Tây cũng oanh liệt chống cự. Nhân dân huyện Phong Phú (Cần Thơ) từng nổi lên đánh các đồn bót do quân Pháp thiết lập. Chúng thất điên bát đảo, tức giận phóng hỏa đốt rụi nhiều thôn xóm. Lửa loạn bao trùm tang tóc miền Tây lúc bấy giờ !

Dần dần quân Pháp nhờ có đông đảo đám tay sai người Việt phụ tá, chẳng hạn như Đội Lộc (sau này là Tổng Đốc Trần Bá Lộc), Lãnh binh Tấn (tức Huỳnh Công Tấn) dùng uy lực đàn áp, thiết lập nền cai trị.

Ngày 1 tháng giêng năm 1868, do Nghị định Thống Đốc Nam kỳ là Bonard, huyện Phong Phú (Cần Thơ) sáp nhập với Bai sau đặt thành một quận, dưới quyền cai trị của một viên quan Pháp, lập Tòa Bố (Hành chánh) tại Sa Đéc.

Lòng dân nhớ nước cũ nên hãy còn bùng bột phần uất, đâu dễ một ngày một buổi mà chịu yên bề. Trong vùng Cần Thơ, vị lãnh tụ dân quân kháng chiến đầu tiên nổi lên chống quân Pháp, chính Đinh Sâm. Để cảnh cáo những ai sớm vội bán nước buôn dân, cam tâm làm tay sai cho giặc, Đinh Sâm xướng nghĩa, giết ngay viên Cai tổng Định Bảo là Nguyễn Văn Vĩnh, rồi chiếm đóng một vùng Láng Hâm (nay là vàm kinh Ba Láng).<sup>8</sup>

Khói lửa lại bao trùm vùng Cần Thơ, Ba Láng, Phong Điền. Cơ ly loạn xiết bao điêu đứng thảm khốc dân tình. Chẳng bao lâu Đinh Sâm bị quân Pháp và đội binh mã tà (như đám thân binh thời gần đây) do Trần Bá Lộc chỉ huy dẹp tan dưới bạo lực đàn áp dã man khốc liệt !

Ngày 30 tháng 4 năm 1872, Thống Đốc Nam kỳ lại ra nghị định, sáp nhập Phong Phú (Cần Thơ) với Bắc Tràng là một vùng thuộc phủ Lạc Hóa tỉnh Vĩnh Long lập Tòa Bố tại Trà Ôn.

Nhưng tình thế vẫn không yên. Nhiều nơi trong tỉnh vẫn vùng lên chống đối. Đối phó với nghĩa quân, nhà cầm quyền người Pháp càng tăng tay đàn áp, dùng sức mạnh súng đạn làm phương tiện để mong chinh phục lòng người, để ổn định cho kỳ được guồng máy hành chánh theo như ý thực dân.

Tòa Bố thiết lập tại Trà Ôn để điều khiển các cơ cấu cai trị khắp vùng Phong Phú (Cần Thơ), đặt dưới quyền kiểm soát của một viên quan Pháp, chỉ được một năm thì phải dời về đặt ở Cái Răng (hiện giờ là quận lỵ Châu Thành, cách tỉnh lỵ Cần Thơ Phong Dinh 6 cây số). Rồi do Nghị định của Soái phủ Sài Gòn, ngày 23 Février 1876, vùng Phong phú lập thành tỉnh, mang tên Cần Thơ. Tòa Bố (Hành chánh) đặt tại tỉnh lỵ Cần Thơ, Trà Ôn thì trở thành quận.

Viên quan Pháp đầu tiên trấn nhậm tỉnh Cần Thơ là Đại úy Nicolai, chức Tham biện hạng nhì. Đại úy Nicolai ngồi chức Chánh Tham biện (tức như Tỉnh trưởng bây giờ), Cần Thơ ngót 10 năm, khai thác đất đai, mở rộng đường xá, xây cất chợ búa.

Tuy nhiên, sĩ phu miền Tây vẫn còn một số đông bất phục. Nhưng trong tình trạng khôn bề chống đối, các sĩ phu giữ tiết tháo đành sống đời ẩn dật. Trong số này đáng kể có : Cử Trị (Phan Văn) lánh thân ở Phong Điền, cụ Thủ khoa Nghĩa (Bùi Hữu) ở Bình Thủy, Long Xuyên. Cho đến vị

Cai tổng Lê Quang Chiêu sau này cũng tự giải chức từ quan, còn được tiếng thơm.

Người đầu tiên đến thông ngôn cho ông Nicolai, tỉnh trưởng Cần Thơ là ông Cao Văn Tình<sup>9</sup>, hiện nay con ông là Cao Văn Hùng còn sống trên 80 tuổi.

Năm 1877, Nam kỳ có tất cả 19 Chánh tham biện.

## **PHÂN CHIA ĐỂ TRỊ**

Chính sách quản trị, nhà cầm quyền Pháp phân chia ranh giới tỉnh Cần Thơ lại, gồm có 5 quận, 8 tổng, 72 xã : 1. Quận Châu Thành. 2. Quận Phụng Hiệp. 3. Quận Ô Môn. 4. Quận Trà Ôn. 5. Quận Cầu Kè

Tám tổng : Định An, Định Bảo, Định Phong, Định Thành, Định Quới, Thạnh Trị, Thới Bảo, Tuân Giáo và Tuân Lễ. Cai trị một quận thì có vị Chủ quận (Quận trưởng), đứng đầu tổng thì có vị Cai tổng, Phó tổng, Bang biện, Sung biện. Các xã thì có ban hội tề gồm 12 vị hương chức : Hương cả, Hương chủ, Hương sư, Hương trưởng, Hương chánh, Hương giáo, Hương bộ, Hương quản, Hương thân, Hương hào, Xã trưởng và Chánh lục bộ (cũng gọi là đội bộ tức vị ủy viên hộ tịch ngày nay).<sup>10</sup>

Về sau, phân định lại, toàn tỉnh vẫn 5 quận, nhưng gồm 10 tổng, 94 làng như sau : (Chúng tôi xin ghi rõ để tiện cho người sau tra cứu).

## **BẢNG TỔNG KÊ 10 TỔNG, 94 LÀNG THỜI PHÁP THUỘC**

1. Tổng Định Bảo gồm 11 xã : 1. Tân An 2. Thường Thạnh, 3. Nhơn Ái, 4. Nhơn Nghĩa, 5. Thường Thạnh Đông, 6. Thạnh An, 7. Tân Thạnh Đông, 8. Thạnh Mỹ, 9. Phú Lợi, 10. Mỹ Khánh, 11. Thới Bình

2. Tổng Định Thới 10 xã : 1. Bình Phước, 2. Bình Xuân, 3. Long Tuyền, 4. Phú Long, 5. Tân Thới, 6. Thới An, 7. Thới Giai. 8. Thới Hanh. 9. Thới Hưng. 10. Thới An Đông

3. Tổng Định Hòa 8 xã : 1. Hòa Mỹ, 2. Mỹ Phước, 3. Tân Bình, 4. Tân Hưng, 5. Tân Lập, 6. Thạnh Hưng, 7. Thạnh Xuân, 8. Trung Hưng.

4. Tổng Định An 6 xã : 1. Đông Phú, 2. Hậu Thạnh, 3. Long Hưng, 4. Phú Hữu, 5. Phú Thứ, 6. Phú Mỹ Đông.

5. Tổng Định Phước 7 xã : 1. Đông Sơn, 2. Long Mỹ, 3. Như Lãng, 4. Song Mỹ, 5. Phụng Hiệp, 6. Thường Phước, 7. Trường Thạnh Sơn.

6. Tổng Thới Bảo 9 xã : 1. Định Môn, 2. Ô Môn, 3. Thới Đông, 4. Thới Lai, 5. Thới Thạnh, 6. Tường Long, 7. Trường Lạc, 8. Trường Thành, 9. Thới Thạnh Hạ.

7. Tổng Thành Trị 8 xã : 1. Gia Kiết, 2. Hựu Thành, 3. Ngãi Lộ, 4. Tích Hóa, 5. Tích Khánh, 6. Trà Ôn, 7. Thuận Thới, 8. Vĩnh Xuân.

8. Tổng An Trường 11 xã : 1. An Hòa, 2. Định Hòa, 3. Đông Lợi, 4. Đông Thành, 5. Mỹ Chánh, 6. Mỹ Thuận, 7. Phù Ly, 8. Tân Lược, 9. Tân Phong, 10. Tân Quới, 11. Đông Thành Trung

9. Tổng Bình Lễ 9 xã : 1. Bình Minh, 2. Đông Hậu, 3. Hanh Thông, 4. Loan Tân, 5. Mỹ An, 6. Ngãi Tứ, 7. Tân Thiết, 8. Thiện Mỹ, 9. Trung Gia.

10. Tổng Tuân Giáo 15 xã : 1. An Thổ, 2. Ân Phụ, 3. Châu Hưng, 4. Hiệp An, 5. Hòa Thịnh, 6. Lương Điền, 7. Phong Phước, 8. Phong Phụ, 9. Phong Thới, 10. Tam Ngãi, 11. Tân Hòa, 12. Tân Qui, 13. Thạnh Phú, 14. Thơ Đôi, 15. Thông Thảo.

Vì là một tỉnh từng nổi danh về văn hóa, nhờ ảnh hưởng của các cụ Cử Trị, Thủ khoa Nghĩa, Cai tổng Chiêu, lại thêm dư ba cuộc khởi nghĩa của Đinh Sâm từ năm 1868 hãy còn vang động âm ỉ trong lòng người dân Cần Thơ, nên không khí trong tỉnh vẫn sôi nổi từng cơn. Hơn nữa, trong khi ngoài Trung, Bắc các sĩ phu xướng xuất cuộc vận động duy tân, phát động phong trào Đông du, thì Cần Thơ cũng hân hạnh có một nhà cách mạng ưu



tú đóng góp vào. Ấy là cụ Hội đồng Nguyễn Thần Hiến, gốc người ở Hà Tiên dời về cư ngụ tại tỉnh lỵ Cần Thơ (xin xem phần Danh nhân).

Học phong, sĩ khí tỉnh Cần Thơ đã khiến thực dân Pháp cực kỳ chú ý, quan tâm. Để lấy lòng dân chúng, và để cho Cần Thơ xứng đáng là nơi trung tâm văn hóa của miền Tây, ngoài việc khuếch trương kinh tế, nhà cầm quyền đặc biệt mở thêm trường sở. Từ năm 1921, Cần Thơ đã có trường trung học Collège, chỉ kém thủ đô Sài Gòn, sau Mỹ Tho, nhưng hơn cả các tỉnh khác.

Ngày 24-9-1954, nghị định hợp thức hóa chiếu số 188 N./G.Đ. đặt lại tên trường là Phan Thanh Giản cho tới ngày nay.

Lại nữa, điều nên nói thêm, Cần Thơ cũng là một tỉnh có tờ báo đầu tiên ở miền Tây là tờ « An Hà báo » làm vinh diệu và trợ hứng cho tao nhân mặc khách miền Tây một thuở.

## **PHONG DINH THỜI GẦN ĐÂY**

Sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chánh Pháp, gót chân đoàn quân Phù Tang tràn xuống Cần Thơ, miền Tây sôi động lên, dân chúng Tây đô chẳng khỏi trái cơn hồi hộp lo âu trước chánh tình đất nước. Lại thêm « Nghĩa sĩ đảng » bấy giờ cũng nổi lên. Người người đều cảm thấy ngọt ngào trong bầu không khí khó thở.

Chánh Tham biện De Montaignut bỏ tỉnh rút vào đồng quê, cương quyết kháng Nhật. Một ngày trong tháng 3 lúc xế chiều, De Montaignut dẫn một toán quân từ miệt Vàm Xáng, Phong Điền kéo ra phá cầu đúc Cái Răng. Súng nổ vang một góc trời. Từ tỉnh lỵ Cần Thơ, quân đội Nhật kéo vào xung kích. Khói lửa bốc cao. Đạn bay vi vút, đì đùng, trọng pháo vang ầm. Dân chúng Cái Răng Cần Thơ trái cơn chạy loạn hãi hùng !

Rồi thì thỉnh thoảng thêm kinh khủng vì tiếng còi báo động, tiếng phi cơ đồng minh bay trên không phận Cần Thơ. Nhưng may cho dân chúng,

đoàn chim sắt của đồng minh chỉ gieo sự đe dọa chứ chẳng ném bom hay bắn phá gì.

Từ tháng 8, biến cố thêm dồn dập bao trùm Tây đô. Nào cuộc xung đột giữa Việt Minh và Phật Giáo Hòa Hảo, nào cảnh xử bắn ba ông Huỳnh Thanh Mậu, Trần Văn Hoành và thi sĩ Việt Châu Nguyễn Xuân Thiếp tại vận động trường Tây Đô. Không khí càng thêm nặng nề !

Đến khi quân Anh-Pháp trở lại hoành hành, chiếm đóng Tây đô. Một buổi sáng ngày 12 tháng 11, bộ đội kháng chiến do Lê Bình chỉ huy bất thần chụp chợ Cái Răng. Bốn bề súng lại vang rền. Đến xế trưa, quân Pháp từ Cần Thơ đem tàu chiến kéo vào, phối hợp với bộ binh và không quân, gieo hãi hùng suốt ngày đêm, khói lửa đỏ trời, tang thương phủ khắp một bầu trời sầu.

Rồi suốt thời kỳ Quốc trưởng Bảo Đại chấp chánh, Cần Thơ vẫn trầm lặng, chẳng có gì thay đổi đáng kể.

Rồi do hai sắc lệnh ngày 22-10-56 và ngày 16 tháng 9 năm 1958, dưới chánh thể Việt Nam Cộng hòa, tỉnh Cần Thơ đổi tên là Phong Dinh.

**ĐỊA LÝ :** Ranh giới thì sửa đổi lại : Cắt hai quận Trà Ôn và Cầu Kè sáp nhập tỉnh Vĩnh Bình (Trà Vinh). Lập hai quận khác là Long Mỹ và Kế Sách. Chẳng lâu, lại cắt phần đất quận Kế Sách trả cho tỉnh Ba Xuyên (Sóc Trăng) rồi chia quận Long Mỹ làm 2 quận : Đức Long và Long Mỹ. Nhưng cũng không lâu, lại tách hai quận Đức Long và Long Mỹ sáp nhập tỉnh Chương Thiện. Rồi lập hai quận khác là Khắc Nhơn và Khắc Trung (nay sửa lại là Thuận Nhơn và Thuận Trung). Cho đến năm nay (1966), tỉnh Phong Dinh về mặt địa lý như sau :

**VỊ TRÍ GIỚI HẠN :** Tỉnh Phong Dinh ở về phía Tây Nam miền Nam nước Việt.

- Tỉnh lỵ Cần Thơ cách thủ đô Sài Gòn 160 cây số ngàn.

- Đông Bắc giáp tỉnh Vĩnh Long – Vĩnh Bình (Trà Vinh) bằng khúc sông Hậu Giang chạy dài lối 50 km.

- Đông Nam giáp tỉnh Ba Xuyên (Sóc Trăng)

- Tây Bắc giáp tỉnh An Giang (Long Xuyên) Kiên Giang (Rạch Giá)

- Tây Nam giáp tỉnh Chương Thiện.

**DIỆN TÍCH – DÂN SỐ** : Diện tích toàn tỉnh 162.257 mẫu tây. Phần lớn là đồng bằng phì nhiêu, không một ngọn núi, không có rừng rậm, chỉ có chút ít rừng tràm, rừng dừa nước tại các vùng đầm lầy. Hệ thống kinh rạch chằng chịt, phần nhiều phát khởi từ con sông Hậu Giang, quanh năm nước ngọt, thích hợp cho việc trồng lúa, trồng cây ăn trái và các loại hoa màu khác. Dân số toàn tỉnh trên 400.000 ngàn người, riêng thành phố Cần Thơ đã chiếm một khối dân số 55.000 người.

Tỉnh gồm 5 quận, 8 tổng, 40 xã. 5 quận : Châu Thành, Phong Phú, Phụng Hiệp, Thuận Nhơn và Thuận Trung.

**1. Quận Châu Thành** : Trụ sở quận Châu Thành ở thị trấn Cái Răng xã Thường Thạnh, cách tỉnh lỵ lối 6 cây số ngàn. Gồm có 2 tổng Định Bảo và Định An với 15 xã.

a) Tổng Định Bảo có 7 xã : Nhơn Ái, Nhơn Nghĩa, Mỹ Khánh, Thạnh An, Tân Phú Thạnh, Thường Thạnh và Thường Thạnh Đông.

b) Tổng Định An có 8 xã : An Bình, Đông Phú, Giai Xuân, Long Tuyền, Phú Hữu, Phú Thứ, Tân An và Thuận Đức.

**2. Quận Phong Phú** : Trụ sở ở xã Thới Thạnh, cách tỉnh lỵ 21 cây số ngàn. Gồm có 2 tổng Thới Bảo, Định Thới và 9 xã.

a) Tổng Thới Bảo có 4 xã : Bình An, Định Môn, Thới Thạnh và Trường Thạnh.

b) Tổng Định Thới có 5 xã : Phước Thới, Tân Thới, Thới An, Thới An Đông và Thới Long.

**3. Quận Phụng Hiệp** : Trụ sở ở xã Phụng Hiệp, cách tỉnh lỵ 30 cây số ngàn. Gồm 2 tổng Định Phước và Định Hòa với 6 xã.

a) Tổng Định Phước có 4 xã : Hiệp Hưng, Hòa Mỹ, Phụng Hiệp và Tân Phước Hưng.

b) Tổng Định Hòa gồm 2 xã : Đông Phước và Long Thạnh.

**4. Quận Thuận Nhơn** : Trụ sở ở xã Tân Hòa, cách tỉnh lỵ 25 cây số ngàn. Chỉ có một tổng Phong Đa và 6 xã : Tân Hòa, Tân Bình, Thạch Hòa, Trường Long, Lễ Tâm và Chủ Thiện.

**5. Quận Thuận Trung** : Trụ sở ở xã Thới Đông, cách tỉnh lỵ 43 cây số ngàn. Chỉ có một tổng Phong Thuận và 4 xã : Thới Đông, Thới Lai, Thạnh Phú và Ngôn Thiện.<sup>11</sup>

**ĐƯỜNG SÁ** : Đường sá tỉnh Phong Dinh hầu hết đều tráng nhựa, một số trải đá, và một số ít hương lộ còn là đường đất. Hệ thống đường bộ gồm có mấy lộ chính đáng kể :

**1. Quốc lộ số 4** là trục giao thông chính nối liền tỉnh lỵ Cần Thơ, quận lỵ Cái Răng, thị trấn Cái Tắc và quận lỵ Phụng Hiệp.

**2. Đường liên tỉnh số 27** nối liền tỉnh lỵ Cần Thơ với thị trấn Bình Thủy và quận lỵ Phong Phú (Ô Môn)

**3. Đường liên tỉnh số 31** nối liền thị trấn Cái Tắc, chợ Rạch Gòi và kinh Cung qua tỉnh Chương Thiện và Rạch giá. Đường này khởi đắp từ năm 1898, cán đá và hoàn thành năm 1916, đến 1916 nay đã được cán toàn diện bề ngang 4 thước.

**4. Hương lộ số 4** đi từ Cái Răng qua Phong Điền, Cầu Nhiễm, Ba Xe đến Ô Môn (gặp đường liên tỉnh số 27), dài 25km 750.

**5. Hương lộ số 11 và 12** thông thương đến Tân Hòa, chợ Bảy Ngàn (quận ly Thuận Nhơn).

**6. Hương lộ số 29** đi từ Thới Lai đến Cờ đỏ (quận ly Thuận Trung).

Ngoài ra, những con đường chánh trong tỉnh, lộ trình :

Cần Thơ đi Bình Thủy : 5 cây số

Cần Thơ đi Trà Nóc : 9 km 500

Cần Thơ đi Ô Môn : 22km

Cần Thơ đi Thới Long : 34 km

Cần Thơ đi Cờ Đỏ : 46 km

Cần Thơ đi Cái Răng : 6 km

Cần Thơ đi Cái Tắc : 14 km 500

Cần Thơ đi Phong Điền : 15 km 500

Cần Thơ đi Phụng Hiệp : 31 km

**SÔNG NGÒI – KINH RẠCH** : Từ hữu ngạn Hậu Giang, từ Bắc xuống Nam gồm có 13 con rạch chính và những con kinh lớn đáng kể :

**Kinh Thị Đội** vốn là một nhánh của rạch Ô Môn, chạy dọc theo hương lộ số 29, từ chợ Thới Lai đi Rạch Giá 14 km, thuộc quận Thuận Trung.

**Kinh Ô Môn** dài 14 cây số theo hương lộ số 30 đến ranh hạt 2 tỉnh Phong Dinh – Kiên Giang.

**Kinh Saintenoy** dài 32 cây số, chạy từ chợ Rạch Gòi đến ngã tư cây dương (quận Phụng Hiệp) sang tỉnh Ba Xuyên.

**Kinh Lacote** dài 9 cây số chạy từ chợ Rạch Gòi đến chợ Cái Dứa (Phụng Hiệp).

**Kinh Xà No** dài 34 cây số, từ rạch Cần Thơ qua chợ Bảy Ngàn tỉnh Chương Thiện.

**Rạch Bằng Tăng** dài độ 5 cây số, chảy tới kinh Thới Thạnh.

**Rạch Cái Đôi** dài 4 cây số, chảy theo ranh xã An Bình và Phú Thứ.

**Rạch Cái Sâu** dài độ 4 cây số, chảy xuyên qua xã Phú Thứ và đặng rạch Cái Da.

**Rạch Bùng Binh** dài độ 5 cây số, chảy xuyên hương lộ số 10 cho đến gần giáp ranh xã Phú Thứ, Thạch An.

**Rạch Bến Bạ** dài 5 cây số, chảy tới rạch Cái Da.

**Rạch Cái Cui** dài 5 cây số, chảy tới giáp kinh Thạch Đông.

**Rạch Mái Giâm** dài 5 cây số, chảy gặp kinh Saintenoy.

**Rạch Cái Khế** dài 5 cây số, chảy từ Cầu Đôi tới Đầu Sấu.

**Rạch Cái Dầu** dài 7 cây số, chảy theo ranh giới xã Đông Phú và Phú Hữu cho tới gần giáp ranh quận Phụng Hiệp và quận Châu Thành.

**Rạch Bình Thủy** dài 15 cây số, chảy tới giáp ranh xã Giai Xuân, Long Tuyền.

**Rạch Trà Nóc** dài độ 15 cây số, chảy xuyên đường liên tỉnh 27 tới chợ Ba Xe.

**Rạch Ô Môn** dài 15 cây số, chảy xuyên qua các tổng Thới Bảo và Định Thới thuộc quận Phong Phú.

**Rạch Cần Thơ** dài 28 cây số, chảy ngang bến Ninh Kiều cho tới Phong Điền.

Ngoài ra còn rất nhiều kinh rạch chằng chịt rất tiện lợi cho sự giao thông tại các quận cũng như tại các làng xã. Chẳng hạn như từ quận lỵ Phụng Hiệp người ta có thể lưu thông trong quận bằng ngã bảy con kinh gặp nhau tại chợ Phụng Hiệp : Cai Thiệu và Kinh Cái Côn.

Rải rác trong 5 quận còn có những tên kinh rạch cần biết như sau :

a) Quận Châu Thành gồm có : rạch Đầu Sấu, rạch Trường Tiền, rạch Cái Tắc, rạch Trà Niên Lớn, rạch Cái Da, kinh Thạnh Đông, kinh Cái Dầu, rạch Cái Nai, rạch Cái Răng Lớn và Cái Răng Bé, rạch Ngã Bắc, rạch Ba Láng, rạch Sung, kinh Phong Điền, kinh Sua Đũa Bé, rạch Cái Cấm, rạch Vàm Bi, rạch Rau Răm, kinh Cái Muồng, kinh Ngã Cạy, rạch Bần Khê.

b) Quận Phong Phú gồm có : rạch Tầm Vu, rạch Trà Do Lớn, kinh Tiểu, kinh Tắc Ông Thục, kinh Trà Keo, kinh Trà Luộn, rạch Vàm Nhon, rạch Dầu, rạch Vạn Lịch, rạch Cầu Nhiễm, rạch Ba Mít, rạch Bông Giêng, kinh Cái Túc, kinh Búa Lớn, rạch Cái Trôm, rạch Ông Tượng.

c) Quận Phụng Hiệp gồm có : kinh Lái Hiếu, rạch Bảy Thưa, rạch Ông Huyện, rạch Cái Chồn, rạch Cái Nhum, kinh Ba Ngàn, kinh Sen Trắng, kinh Nàng Mao, kinh Rọc Sen.

d) Quận Thuận Trung gồm có : kinh Thơm, rạch Ba, kinh Đứng, kinh Ngang, kinh Rạch Hạt, kinh Sáu Thước, kinh Ranh Làng, rạch Xập Phôm, rạch Lương Đường, rạch Xẻo Sao, kinh Hương Trường Da.

đ) Quận Thuận Nhơn gồm có : kinh Tân Hiệp, kinh Trà Ết Đại và Trà Ết Tiểu, kinh Bà Đầm, kinh Cai Tổng Cang, kinh Chệt Thọ, kinh Bốn Ngàn, kinh Bảy Ngàn, rạch Đường Láng, rạch Ngã Cái, rạch Trầu Hôi, rạch Thầy Cai Hóa, kinh Tám Ngàn.

**TỈNH PHONG DINH** : Các đơn vị hành chính thuộc tỉnh Phong Dinh ngày nay gồm có 6 quận, 8 tổng và 41 xã, chia ra như sau :

**I. QUẬN CHÂU THÀNH** (2 tổng, 12 xã) : Diện tích : 25.525 ha. Dân số : 149 786.

1. **TỔNG ĐỊNH AN** (8 xã) : 1. Xã An Bình – 2. Xã Đông Phú – 3. Xã Giai Xuân – 4. Xã Long Tuyền – 5. Xã Phú Hữu – 6. Xã Phú Thứ – 7. Xã Tân An – 8. Xã Thuận Đức

2. TỔNG ĐỊNH BẢO (4 xã) : 1. Xã Thạnh An – 2. Xã Tân Phú Thạnh – 3. Xã Thường Thạnh – 4. Xã Thường Thạnh Đông

**II. QUẬN PHONG PHÚ** (2 tổng, 9 xã) : Diện tích : 25.713 ha. Dân số : 65.173.

1. TỔNG ĐỊNH THỜI : 1. Xã Phước Thới – 2. Xã Tân Thới – 3. Xã Thới An – 4. Xã Thới An Đông – 5. Xã Thới Long.

2. TỔNG THỜI BẢO (4 xã) : 1. Xã Bình An – 2. Xã Định Môn – 3. Xã Thới Thạnh – 4. Xã Trường Thành.

**III. QUẬN PHỤNG HIỆP** (2 tổng, 6 xã) : Diện tích : 37.446 ha. Dân số : 61.867.

1. TỔNG ĐỊNH PHƯỚC (4 xã) : 1. Xã Hiệp Hưng – 2. Xã Hòa Mỹ – 3. Xã Phụng Hiệp – 4. Xã Tân Phước Hưng.

2. TỔNG ĐỊNH HÓA (2 xã) : 1. Xã Đông Phước – 2. Xã Long Thạnh.

**IV. QUẬN THUẬN NHƠN** (1 tổng, 5 xã) : Diện tích : 27.821 ha. Dân số : 51.882. TỔNG PHONG ĐA (5 xã) : 1. Xã Tân Hòa – 2. Xã Thạnh Hòa – 3. Xã Tân Bình – 4. Xã Chủ Thiện – 5. Xã Lễ Tâm.

**V. QUẬN THUẬN TRUNG** (1 tổng, 4 xã) : Diện tích : 35.587 ha. Dân số : 21.238. TỔNG PHONG THUẦN (4 xã) : 1. Xã Thới Đông – 2. Xã Thới Lai – 3. Xã Thạnh Phú – 4. Xã Ngôn Thiện.

**VI. QUẬN PHONG ĐIỀN**<sup>12</sup> (0 tổng, 5 xã) : Diện tích : 10.265 ha. Dân số : 43.815. 1. Xã Nhơn Ái – 2. Xã Nhơn Nghĩa – 3. Xã Mỹ Khánh – 4. Xã Trường Long – 5. Xã Cầu Nhiễm.



## NÔNG NGHIỆP PHONG DINH



*Tới mùa lúa chín, các nhà nông xúm nhau gặt hái đem về sân. Trên nét mặt mỗi người đều lộ vẻ hân-hoan, đặc nguyện.*

## CẢNH NHÀ QUÊ Ở PHONG DINH



*Những thửa vườn với căn nhà lá của đồng bào  
ở trong các xã xa xôi thuộc vùng Phụng Hiệp*

## CÔNG VIÊN CẦU ĐÔI MỚI



*Cần-thơ hiện nay trên đà chỉnh trang mọi mặt  
xứng đáng với hai tiếng Tây-đô văn-vật.*

# TÌM HIỂU HAI TIẾNG CẦN THƠ DO ĐÂU MÀ CÓ ?

Danh từ Cần Thơ đã có từ lâu. Xưa kia là huyện Phong Phú, phủ Tuy Biên, nay đổi lại Phong Dinh.

Phần đầu chúng tôi đã trình bày nguồn gốc tiếng địa phương qua sự diễn tiến của thời đại vào đầu thế kỷ XVIII, của đất Trấn Giang, về phần lịch sử.

Riêng hai tiếng « Cần Thơ » trong sử không có ghi chép rõ ràng như các tỉnh khác.

Tương truyền lúc Nguyễn Ánh trên đường bôn tẩu vào Nam dấu chân của Ngài đều trải qua các nơi trên lãnh thổ để lẩn tránh Tây Sơn mưu đồ phục quốc. Lúc bấy giờ Ngài ngự trên một chiếc thuyền đi ngang dòng sông Hậu, thuộc địa phận huyện Phong Phú thả thuyền theo sóng gió lênh đênh trên mặt nước, bỗng nghe có tiếng ngâm thơ, đờn địch, hò hát hòa nhau rất nhịp nhàng, từ xa vọng lại giữa đêm trường canh vắng. Ngài chạnh lòng nhớ đến bước đường lưu lạc trong lúc bơ vơ xứ lạ quê người, khiến tâm can thêm xúc động. Ngài mới có một cảm nghĩ ban cho con sông này cái tên đẹp đẽ mỹ miều, đầy thơ mộng là « Cầm Thi giang » con sông của thi ca đàn hát. Lần lần hai tiếng Cầm Thi được lan rộng ra trong dân chúng, có người đọc trại là « Cần Thơ »<sup>13</sup>, và danh từ ấy nghe cũng hay hay, nên được người ta dùng mãi đến ngày nay.

Còn một truyền thuyết khác nữa do các bô lão địa phương kể lại, nơi đây khi xưa có trồng rất nhiều loại rau cần và rau thơm, mỗi khi chủ vườn cắt rau đem đi bán, rao cùng đường : ai mua rau cần thơm không ?

*Rau Cần, rau Thơm xanh mướt,  
Mua mau kéo hết, chậm bước không còn.*

Thiên hạ xúm nhau mua hai loại rau này rất nhiều, lâu ngày chầy tháng, danh từ rau Cần rau Thơm được giới bình dân phổ biến thành câu ca dao :

*Rau Cần lại với rau Thơm,  
Phải chăng đất ấy rau Thơm có nhiều.*

Cũng có người lẩn thẩn gọi đại tên xứ đó là xứ Cần Thơ.

Hai giả thuyết này, không biết giả thuyết nào đúng ? Hoặc giả một địa danh mà có đến hai sự kiện xảy ra trùng hợp nhau ?

Hai tiếng Cần Thơ trở thành một địa danh từ thời bấy giờ.

Qua thời Pháp thuộc đến chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam phần và lập tòa bố tại Cần Thơ do nghị định ngày 23-2-1876 cũng vẫn giữ nguyên hai chữ Cần Thơ. Muốn cho phân biệt từ tỉnh một, Cần Thơ được mang con số 19, mỗi chiếc ghe ở trước mũi có khắc số, đi tới đâu người ta cũng nhận ghe số 19 của tỉnh Cần Thơ từ người lính garde civile locale của tỉnh, kêu là lính mã tà, mỗi lần di chuyển từ tỉnh này qua tỉnh nọ, hoặc giải tội nhơn lên Sài Gòn, trên cổ áo đều có gắn số 19 cũng như các tỉnh trong Nam Kỳ đều có một sắc thái tương tự, nhưng chỉ khác biệt là con số tỉnh, để cho người ta phân biệt mà thôi.

Dưới chánh thể Việt Nam Cộng hòa, ngày 16-9-1958 tỉnh Cần Thơ lại thay tên đổi họ một lần nữa, đổi tên là tỉnh Phong Dinh, để nhắc lại cái tên cũ của thời xưa, cũng như Mỹ Tho đổi lại là Định Tường, Rạch Giá đổi lại Kiên Giang, Bến Tre đổi lại Kiến Hòa, chánh quyền có mỹ ý rất hay : gọi lại tinh thần tồn cổ với ý nghĩa cao đẹp của nó tự ngàn xưa, cốt làm sống lại tinh thần dân tộc.

Đây là một ít tài liệu tra cứu để giúp ích cho quý bạn đọc tìm hiểu qua danh từ xuất xứ của tỉnh Cần Thơ.

Ngày nay, Cần Thơ lại được mệnh danh là Tây đô văn vật.

## DÒNG HẬU GIANG NẮNG TRƯA ĐƯA KHÁCH



*Thuyền lướt thủy triều chở khách sang  
Sưu tâm kim cổ cảnh phong quang.  
Phong Dinh đô thị càng xinh lịch  
Tiếng dội vang đồn khắp Hậu Giang  
Ảnh Văn Kinh (Phongdinh)*

# PHẦN THỨ HAI : DANH NHÂN

- NHỮNG BẠC CÓ CÔNG KIẾN TẠO
- NHỮNG TRANG NGHĨA DŨNG
- VĂN THÂN CHÍ SĨ



# I. MẠC THIÊN TỨ

***Người đã kiến lập vùng đất Trấn Giang từ năm 1793 tức nay là tỉnh Phong Dinh.***

Thẳng thắn mà nói, miền Nam này, nhất là vùng Hậu Giang, một phần lớn công lao đã do cha con Mạc Linh Công (Mạc Cửu) đóng góp tâm não, máu xương bồi đắp mở mang ra. Phát tích từ đất Hà Tiên, cha con Mạc Cửu dần dần khai thác đất đai khắp miền Tây, hoàn thành 4 huyện đem dâng chúa Nguyễn : huyện Long Xuyên (Cà Mau), huyện Kiên Giang (Rạch Giá), huyện Trấn Di (Bạc Liêu) và huyện Trấn Giang (Cần Thơ). Chính huyện Trấn Giang có duyên nợ với Mạc Thiên Tứ và con là Mạc Tử Sanh nhiều nhất, nên ở phần hoài niệm danh nhân có nhiều thành tích với Cần Thơ, chúng tôi xin phép ghi chép tiểu sử họ Mạc vào đây cho hợp lý.

Mạc Thiên Tứ, cũng gọi là Mạc Thiên Tích, vốn tên thật là Mạc Tông, tự Sĩ Lân. Ông là con trưởng của Đại tướng Võ Nghi Công Mạc Cửu.

Tính Ông khí khái, học thức uyên bác, tài gồm văn võ. Ông đã cùng với cha dày công khai thác đất đai Hà Tiên. Đến khi thân phụ Ông mất (1763), Ông được chúa Nguyễn Phúc Chu trọng vọng, phong cho làm Đô Đốc trấn Hà Tiên. Nối chí cha, Ông mở mang thêm vùng Hậu Giang, khai hoang lập ấp, tổ chức nội an, sắp đặt cơ cấu quân sự để phòng ngừa giặc ngoài và trừ dẹp trộm cướp trong xứ, đem lại yên vui cho dân chúng.

Về mặt văn hóa, giáo dục, Ông mở trường, rước thầy khai hóa cho dân. Thành lập một tao đàn lấy tên là « Chiêu Anh Các » nhóm họp 31 bạn văn chương ưu tú, cùng nhau xướng họa, tỏ chút tình hoài khiên hứng.

Những lúc quân Chân Lạp dấy lên, Ông cầm binh dẹp tan được cả, thu lấy đất đai, mở thêm bờ cõi.



Đình Sửu 1757, Cao Miên có nội loạn, Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên. Ông giúp đỡ cho, hộ tống Nặc Tôn trở về an toàn. Nặc Tôn cắt đất dâng tạ. Ông càng phấn chấn bồi đắp non sông.

Nhâm Thìn 1772, vua Xiêm là Phi Nhã Tân đem quân tràn sang đánh phá Hà Tiên. Ông bất cẩn thất thủ thành trì. Quân giặc giết cả dân chúng trong thành. Ông lui về giữ Trấn Giang (Cần Thơ). Nơi đây, ông đã thiết lập mọi cơ cấu phòng thủ vững chãi, phòng khi nguy biến thì tiện đường rút lui mà củng cố hàng ngũ lại, quật khởi tấn công.

Đã từng mến mộ oai đức của Ông, nên dân chúng Trấn Giang đều sẵn sàng ủng hộ, làm hậu thuẫn cho Ông. Do đó Ông đẩy lui được quân Xiêm, đồng thời càng thêm nỗ lực tô điểm Trấn Giang ngày một tốt đẹp hơn lên cả về mọi mặt : chính trị, kinh tế, văn hóa và quân sự.

Có thể nói, sau cuộc tấn công của quân Xiêm mà Ông phải lui về Trấn Giang, Ông mới cảm thấy yêu mến Trấn Giang hơn bao giờ hết, nên dốc lòng tô điểm cho Trấn Giang chẳng kém gì công trình Ông đã xây dựng Hà Tiên.

Lại một điều nữa, càng khiến Ông thêm quý mến Trấn Giang, coi như đây là giang san của ông, sau thứ hai Hà Tiên : Ất Vị 1775 chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuận (Duệ Tông) cùng với cháu là Nguyễn Ánh chạy vào Nam, tạm lánh quân Tây Sơn đang thẳng thế truy kích. Hay tin, Ông đi thẳng lên Gia Định bái yết chúa Nguyễn, nguyện hứa trung thành. Chúa Nguyễn phong Ông là Quốc lão Đô Đốc Quận Công.

Rồi đó Ông trở về Trấn Giang, huy động quần chúng phù tá chúa Nguyễn chống Tây Sơn. Dân chúng Trấn Giang hết lòng tin tưởng Ông, nghe theo lời Ông hiệu triệu.

Chẳng bao lâu, Tây Sơn xua quân tràn xuống Hậu Giang. Miền Tây binh lửa dậy. Thảm họa nội chiến tràn lan. Con Mạc Thiên Tứ là Mạc Tử Sanh cầm binh chống nhau với quân Tây Sơn, bị địch giết chết. Thấy con

đã hy sinh cho chúa Nguyễn, nhân dân Trấn Giang đã đóng góp máu xương khá nhiều trong trường chinh chiến, Ông đau lòng khôn xiết.

Đình Dậu 1777, chúa Định Vương chạy xuống huyện Long Xuyên tức là Cà Mau, Tây Sơn đuổi theo và bắt sống chúa Nguyễn tại đây, giải về Gia Định hành quyết. Nguyễn Ánh lên thay cầm binh quyền. Liệu thế không chống nổi, Mạc Thiên Tứ tách dặm băng ngàn sang Xiêm cầu viện.

Vua Xiêm là Phi Nhã Tân khi trước đã đem binh sang Hà Tiên, Trấn Giang đánh nhau với Mạc Thiên Tứ. Nay thấy Mạc Thiên Tứ sang cầu viện, lấy làm ngờ. Triều thần Xiêm lại lắm kẻ gièm pha, khiến Phi Nhã Tân càng hồ nghi Ông hơn nữa, ngờ Ông lập cơ mưu sang Xiêm dò thám tình hình, để thừa dịp chiếm đoạt.

Nỗi buồn lo cho chúa Nguyễn đang cơn nguy khốn, nỗi hận gặp cảnh không may đến đổi bị ngờ oan, Ông bèn nuốt vàng mà tự tử. Phái đoàn do Ông cầm đầu sang Xiêm lúc bấy giờ gồm có : Tôn Thất Xuân, hai người con của ông là Mạc Tử Hoàng, Mạc Tử Thượng và 50 tên quân đều chết theo ông, nhằm năm Canh Tý 1780.

Ông còn để lại đời một bộ « Minh bột di ngư » gồm có :

1. Hà Tiên vịnh vật thi tuyển
2. Châu Thị trình liệt tặng ngôn
3. Thi truyện tặng Lưu tiết phụ
4. Thi thảo cách ngôn vị tập

Đề vịnh 10 cảnh đẹp Hà Tiên (Hà Tiên thập vịnh). Ông có 10 bài thơ chữ Hán khởi xướng, rồi 31 văn hữu trong nhóm « Chiêu anh Các » của Ông sáng lập, cùng nhau họa vần, mỗi vị họa đủ 10 bài, tổng cộng 320 bài. Sau Nguyễn Cư Trinh họa thêm 10 bài nữa, tất cả là 330 bài. Ngoài ra, Mạc Thiên Tứ chẳng những người văn hay võ giỏi, có tài điều binh khiển tướng, thông minh đĩnh ngộ, Ông lại được người đời xưng tụng là một thi nhân xuất sắc trong thời ấy.

Bao nhiêu thi văn của Ông ngày nay trong lịch sử văn học còn ghi chép, chúng tôi chỉ trích ra một trong mười bài thập cảnh của Ông dưới đây để tượng trưng qua khí tiết của người xưa, nói lên chí khí can trường, lòng dũng cảm đứng trước phong ba lửa loạn, chống giặc xâm lăng không thối chí ngã lòng, quyết nêu cao thanh giá.

### **TRỐNG CANH GIANG THÀNH**

*Trống quân Giang thú nổi oai phong  
Nghiêng giáng đòi canh ỏi núi sông ;  
Đánh phá mặt gian người biết tiếng,  
Vang truyền lệnh sấm chúng nghiêng hàng,  
Phao tuôn đã thấy yên ba vạc,  
Nhiệm nhật chi cho lọt mảy lông,  
Thỏ lụn sớm hầu trưa bóng ác,  
Tiếng xe sầm sạt mới nên công.*

Quý vị đã lãnh hội qua 8 câu thơ, để chứng tỏ khí phách hiên ngang với tinh thần thượng võ của Mạc Thiên Tứ như thế nào, người không màng đến sự nguy hiểm, trải thân với trái tim sắt thép, khuôn phò giúp chúa Nguyễn Ánh trọn lòng, nhưng chẳng may đến xứ lạ, người ta không hiểu được lòng chân thật của Ông với chuyến đi lịch sử, thà Ông cam tử tiết chứ không muốn cho miệng đời mỉa mai, hiểu lầm, cái chết vẫn còn trong cái sống muôn đời còn ghi tạc sử xanh. Nói đến quá trình của Mạc Thiên Tứ, chính Ông là người có công khai sáng vùng đất ở Hậu Giang, có liên quan đến Cần Thơ ngày xưa rất nhiều.

Nay soạn qua quyển « Cần Thơ xưa và nay » mà không nhắc đến công nghiệp của Ông thật là một điều thiếu sót cho việc sưu khảo.

Vì Mạc Thiên Tứ và con là Mạc Tử Sanh có duyên nợ nhiều với Phong Dinh, nên chúng tôi ghi lại vài nét tiểu sử cuộc đời Mạc Thiên Tứ vào đây, để quý bạn đọc thưởng thức chút văn tài của một vị Đô Đốc hào hoa phong

nhã. Và bao nhiêu cảnh trí hữu tình, thơ hay về Hà Tiên, xin quý bạn đón xem ở quyển « Hà Tiên xưa và nay », cùng một tác giả, sẽ lần lượt ra mắt bạn đọc trong ngày gần đây.

## II. MẠC TỬ SANH

### *Tử nghĩa nơi rạch Tham tướng – Cần Thơ trong trận chống Tây Sơn*

Đã dày công khai thác miền Nam, lại tận trung, tận lực với chúa Nguyễn đến thịt nát xương tan chẳng quản gì, thật không ai hơn họ Mạc. Từ đời cha cho đến đời con, đời cháu, không ai là không trung thành phục vụ đồng bào miền Tây, mặc dầu họ Mạc không phải là người Việt chính tông.

Đọc tiểu sử Mạc Thiên Tứ, chúng ta đã thấy Thiên Tứ từng hoạt động ở Trấn Giang (Cần Thơ) mà con ông là Mạc Tử Sanh càng phục vụ nhân dân Trấn Giang nhiều hơn nữa. Thậm chí Mạc Tử Sanh đã bỏ mình nơi Trấn Giang, mà vùng rạch Tham tướng ngày nay là nơi lưu dấu vết Ông.

Mạc Tử Sanh, con của Quốc lão Đô đốc Quận công Mạc Thiên Tứ. Ông đã từng sát cánh với cha trong việc khai thác vùng Hậu Giang, đặc biệt là vùng huyện Trấn Giang. Trong khi thân phụ Ông ngồi trấn Hà Tiên, Ông vâng mạng đi tiếp xúc với chánh quyền Trấn Giang (Cần Thơ), Trấn Di (Bạc Liêu) và Long Xuyên (Cà Mau), tận tâm mưu ích lợi cho dân chúng.

Nhâm Thìn 1772, quân Xiêm tràn sang đánh phá Hà Tiên. Ông đương cự với quân địch nhiều trận quyết liệt, mở đường máu cho thân phụ Ông rút quân về Trấn Giang đóng giữ. Vì quân địch hung hăng bạo tợn, đốt phá cả thành trì, tàn hại dân chúng vô số kể ! Đau lòng căm hận, Ông cùng thân phụ lui giữ Trấn Giang, một mặt bố trí phòng thủ chặt chẽ, một mặt chinh đốn binh đội, phản công quân Xiêm. Dưới quyền chỉ huy của ông, tinh thần quân sĩ lên cao, dũng cảm xông pha giết giặc. Địch quân kinh hoàng, tan vỡ trước khí thế hào hùng quyết tử của quân dân ta.

Sau trận đánh đuổi quân Xiêm, Hà Tiên và Trấn Giang tổn thất nhân mạng và tài sản khá nặng nề. Vì quân địch tàn bạo hiếu sát, kéo tới đâu thì đốt phá giết hại đến đấy. Mạc Tử Sanh đôn đốc dân chúng tái thiết những công trình đổ vỡ, an ủi những gia đình tang tóc. Lòng nhiệt thành lo cho

dân chúng của Ông, khiến người người đều cảm mộ oai đức, xưng tụng Ông là bậc thiếu niên anh hùng.

Chưa yên ổn được bao lâu, bỗng lại được tin Tây Sơn đã thắng thế, đánh đuổi chúa Nguyễn chạy vào Gia Định, Mạc Thiên Tứ vội vã đến Gia Định bái yết chúa Nguyễn, tỏ dạ trung thành. Chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần lấy làm cảm động, tin nhiệm nơi sự ủng hộ của cha con Mạc Thiên Tứ, phong Thiên Tứ làm Quốc lão Đô đốc, tước Quận công, Mạc Tử Sanh thì được phong làm Tham tướng.

Rồi đó Mạc Tử Sanh cùng với thân phụ hiệu triệu nhân dân Trấn Giang hãy sẵn sàng phù tá chúa Nguyễn đang khi thất quốc lưu vong. Nhờ uy tín cha con Ông, chúa Nguyễn được hầu hết dân chúng và các hào kiệt Trấn Giang, Trấn Di, Long Xuyên (Cà Mau) hưởng ứng, lớp đầu quân, lớp chiêu tập được đông đảo nghĩa binh theo về với chúa Nguyễn, chống Tây Sơn.

Đình Dậu 1777, đại binh Tây Sơn ồ ạt tấn công, đánh tràn xuống Hậu Giang. Chúa Nguyễn Phúc Thuần thua luôn mấy nơi, chạy tuốt xuống Cà Mau. Tây Sơn đuổi đến Cần Thơ (xưa là Trấn Giang), Mạc Tử Sanh huy động quân sĩ cả hai mặt thủy, bộ ngăn chống hùng dũng.

Nhưng thịnh thế Tây Sơn quá lừng lẫy. Thủy binh, bộ binh của Tây Sơn bấy giờ rất mạnh và giao tranh rất dũng liệt, tiến đến đâu như thác đổ sóng cuộn ầm ầm, không gì ngăn chống nổi. Mạc Tử Sanh vẫn gan lì chiến đấu, mặc dầu tin cấp báo liên tiếp về sự tan vỡ của các đội quân khắp mặt trận quanh vùng.

Cuối cùng sức người có hạn, Mạc Tử Sanh bị quân địch vây khốn, chết trong trận nơi khoảng rạch « Tham tướng » ở Cần Thơ ngày nay. Sở dĩ con rạch này mang tên là « Tham tướng » vì Mạc Tử Sanh là một vị Tham tướng<sup>14</sup>.

Đời Minh Mạng, nhà vua truy phong Mạc Thiên Tứ làm thần « Đạt Nghĩa », Mạc Tử Sanh thì làm thần « Trung Nghĩa » tước Chính lý hầu.

## MỘ LÃNH BINH VÕ DUY TẬP



*Mộ ông Võ Duy Tập, một võ tướng ở Phong Dinh, khuôn phò hai triều Gia Long và Minh Mạng. Ngôi cổ mộ này đã trên một thế kỷ, hiện nay nằm ở sau công sở xã Long Xuyên. Người đứng trong bức ảnh chính là tác giả.*

*Ảnh Trần Văn Bé (Phongdinh)*

### III. CHÁNH LÃNH BINH VÕ DUY TẬP

#### *Sống vi tướng, thác vi thần*

Trải xem lịch sử, nhân vật ưu tú của Cần Thơ thuở xa xưa, bên văn kể đã nhiều, bên võ há chẳng có ai ? Một Nguyễn Văn Tồn chưa đủ, vì đó là người Việt gốc Miên, chưa làm thỏa mãn được lòng người Việt chánh tông. Một Mạc Tử Sanh thì là người Việt gốc Hoa, lại cũng chẳng phải chánh quán Cần Thơ, chỉ vì có công ơn với nhiều đồng bào Cần Thơ nên chúng tôi mới liệt kê vào hàng danh nhân của Cần Thơ. Thế thì về hàng võ tướng, Cần Thơ chịu nhượng Định Tường, Long Hồ, An Giang, và chịu nhượng cả dân huyện Long Xuyên (Cà Mau) hay sao ?

Do chỗ thắc mắc bản khoản tìm hiểu ấy, chúng tôi may được các vị bô lão ở Bình Thủy thông cảm, hướng dẫn chúng tôi đi chiêm ngưỡng ngôi mộ một vị Chánh Lãnh binh triều Minh Mạng. Bểng đồng, lợi ruộng chẳng quản gì vất vả, chúng tôi đã nghe thấy sự tích hào hùng đáng kể :

Võ Duy Tập người xã Long Tuyền, huyện Phong Phú (Cần Thơ xưa), con ông Võ Nguyên, xuất thân nông dân.

Gặp buổi trong nước thường loạn lạc, ông chuyên tâm học võ. Thân phụ ông có ý chẳng bằng lòng : « Sao con chẳng cố công đèn sách học hành, có văn chương chữ nghĩa, bảng vàng bia đá phải đẹp mặt hơn không ? »

Ông từ tốn thưa : « Dầu văn hay võ, hễ biết lập chí cứu dân giúp đời thì đều vinh hiển cả. Nhất là đang thời giặc giã, theo đường võ nghệ để cứu nguy non nước, bảo an lê thứ mới là chức hay. Xin cha an lòng ».

Nghe khẩu khí của ông, thân phụ ông mừng thầm, kỳ vọng ở ông một tương lai xán lạn.



Từ ấy, ông thường tỏ chí khí hào hùng, nghĩa hiệp cứu giúp người cô thế bị áp bức. Xa gần đều mến chuộng tài đức.

Đến khi chúa Nguyễn Ánh tránh loạn Tây Sơn, mấy lượt lui tới Cần Thơ, hằng tỏ dạ kính hiền lễ sĩ, cầu bậc lương tài phò nguy cứu quốc. Võ Duy Tập tìm hiểu thời thế ít lâu, bèn ra đầu quân giúp chúa Nguyễn. Ông từng chiến đấu với quân Tây Sơn nhiều trận quyết liệt. Nhưng thời thế chưa làm nên được, ông ôm hận theo phò chúa Nguyễn trên khắp nẻo đường lưu vong, cùng chia cay đắng ngọt bùi.

Đình Vị 1787, thịnh thế chúa Nguyễn đã dần dần dấy lên. Binh đội càng lúc càng tăng tiến hùng mạnh, đánh đâu thắng đó. Võ Duy Tập hiên ngang lập nhiều chiến công trong các trận đánh ở Ba Rài (Mỹ Tho), Trà Ôn, tên tuổi lẫy lừng.

Xây được tin loạn tướng Cao Miên là Ốc Nha Long theo về với quân Tây Sơn, đánh phá vùng Cần Thơ, chúa Nguyễn khiến ông đem binh đi dẹp. Ông cùng các vị phó tướng dẫn quân từ Sa Đéc đến Cần Thơ, xuất kỳ bất ý bao vây loạn quân. Toán quân Miên do Ốc Nha Long chỉ huy không chống cự nổi, tan vỡ cả. Chiếm lại Cần Thơ xong, ông được lệnh rút quân về Nước Xoáy (Sa Đéc) là nơi đại bản dinh của chúa Nguyễn, sung vào bộ tham mưu, thảo kế hoạch tiến binh khắc phục Saigon Gia Định.

Suốt mười mấy năm tận lực cùng chúa Nguyễn, đến ngày thống nhất non sông, chung hưởng thanh bình, ông nghiêm nhiên là vị tướng lãnh công cao trọng vọng, làm rạng vẻ miền Tây một thuở.

Đến đời vua Minh Mạng, ông càng được tín nhiệm hơn. Nhà vua thường giao trọng trách cho ông đi dẹp giặc giã nhiều nơi trong nước. Với chức vụ Chánh Lãnh binh, ngày đêm ông tận tâm lo việc an ninh cho dân chúng, rất được lòng dân kính mộ.

Bấy giờ, giặc Cao Miên thường khuấy rối các vùng Tịnh Biên, Châu Đốc. Dân tình khốn khổ xôn xao. Ông được lệnh của quan Trấn thủ An

Giang đem binh đi đánh. Tài thao lược của ông một lần nữa đem thi thố, khiến lũ giặc kinh tâm tán đờm, vỡ chạy cả. Từ ấy, thình danh ông lan rộng khắp miền Tây.

Tuổi về già ông vẫn còn cầm binh đánh dẹp giặc Miên ở Sóc Trăng, và bỏ mình tại Bưng Tropic. Linh cữu đưa về an táng nơi cố quán xã Long Tuyền.

Hiện nay mộ ông nằm sau miếng ruộng cách công sở Long Tuyền độ 200 thước. Ngôi mộ lúc trước ghép bằng đá ong. Sau trong gia tộc miêu duệ làm vòng thành bằng gạch.

Tấm bia nơi mộ nêu rõ tên họ : CHÁNH LÃNH BINH VÕ DUY TẬP  
– hai bên có hai câu đối :

*Trung liệt phong thanh liêu bất hữu,  
Anh hùng chánh khí lãnh như thình*

Tiếc rằng ngày ông mất có khắc rõ nơi bia nhưng lâu năm đã bị nắng mưa soi không còn đọc được hầu tiện bề tra cứu thêm trong lịch sử.

Gần đây, khoảng 1943, hội Khảo cổ Việt Nam có đến quan sát, nghiên cứu hẳn hoi.

Sống làm tướng, thác làm thần, anh linh ông hiển hách, được triều đình ban sắc phong thần. Tại đình Khánh Hưng (Sóc Trăng) hãy còn thờ phụng ông, khói hương không ngớt.

Năm 1946, ban tế tự đình thần Khánh Hưng có tìm đến lễ lăng ông và yêu cầu các bô lão tại xã Long Tuyền cho thỉnh hài cốt ông về mai táng trước đình thần. Nhưng cuộc xin lấy cốt không được các vị bô lão Long Tuyền chấp thuận. Vì các bô lão cho rằng mộ ông đã nằm nơi đây trên 100 năm, trong làng được bình an sung túc, đó là một điềm lành cho dân ở đấy. Hằng năm, đến lễ thanh minh, con cháu ông đều có về đây cúng tế.

Bên cạnh các tướng lãnh tài ba trong đời vua Gia Long, Minh Mạng, như Lê Văn Duyệt được tôn thờ ở Bà Chiểu Gia Định, Nguyễn Huỳnh Đức ở Long An, Nguyễn Văn Nhơn ở Sa Đéc và Tống Phước Hiệp, Tống Phước Hòa ở Vĩnh Long v.v... một Võ Duy Tập còn lảng mộ nơi Bình Thủy và được phụng thờ nơi đình thần Khánh Hưng (Sóc Trăng) kể ra cũng vinh diệu cho Cần Thơ chẳng ít.

Nếu đương thời không quên oai linh ông Điều bát Nguyễn Văn Tồn ở Trà Ôn, thiết tưởng không thể không nhắc đến mộ ông Lãnh binh Võ Duy Tập ở xã Long Tuyền. Ông là người của Cần Thơ, của miền Tây, lúc sống ông đã phục vụ dân chúng miền Tây tận tâm tận lực, đến chết nằm xương cũng gởi vào lòng đất miền Tây tận tâm tận lực, đến chết nằm xương cũng gởi vào lòng đất miền Tây, đáng thương đáng kính. Có lẽ cũng cảm kích mà chạnh tưởng như chúng tôi đã tỏ bày tâm tư trên đây, nên đồng bào xã Long Tuyền ngày trước có tạc bức chân dung ông bằng lụa nôi, phụng thờ tại đình Bình Thủy.

Chúng tôi chẳng những đã lợi ruộng băng đồng viếng mộ ông, lại lòng luống bụi ngùi xót cảnh, muốn lưu chút kỷ niệm người nay cảm thông luyến tiếc người xưa qua tinh thần tồn cổ, nên chụp ngay bức ảnh ngôi mộ ông. Rồi để tăng chứng tích hơn lên, đồng thời để gọi niềm khát khao tìm biết tìm hiểu của quý bạn tri âm ở khắp nơi, chúng tôi lại thăm viếng làng Bình Thủy, may mắn được chiêm ngưỡng bức chân dung ông thờ tại đình thần. Một tác lòng thành, cổ kim cùng chung mỗi cảm.

*Người xưa dấu khuất trăm năm cũ,  
Phưởng phất tinh anh vẫn mãi còn.*

Theo tài liệu của ông Chủ tịch xã Long Tuyền là ông Nguyễn Hữu Báu : Hiện ông Võ Duy Tập còn người chặt ngoai là cô Sáu Sáu, chủ một khách sạn ở Cần Thơ. Và tại Sóc Trăng cũng còn nhiều thân nhân của ông Tập.

## IV. NGUYỄN VĂN TỒN

*Người Việt gốc Miên trung thành cùng vua Gia Long lưu danh hiển hách  
nơi Trà Ôn*

Kể ra người Việt gốc Miên theo giúp chúa Nguyễn Ánh khi bôn ba trên đường tẩu quốc cũng khá nhiều. Nhưng xuất sắc nhất, duy chỉ có Ông Điều bát Nguyễn Văn Tồn, thình danh hiển hách ngay khi còn sống và đến lúc đã về thân.

Ông vốn người gốc Miên, chính tên là Duồng<sup>15</sup>. Võ nghệ khá cao cường, oai hùng vang tiếng gần xa, người người đều kiêng nể. Gặp khi chúa Nguyễn Ánh chạy xuống Trấn Giang (Cần Thơ), Ông theo phù tá. Nhờ dũng lực của Ông, chúa Nguyễn thoát lăm cơn nguy hiểm, nên rất tin cần Ông, hăng cho theo hầu cận. Ông hết dạ trung thành, lúc nào cũng sẵn sàng hy sinh che chở cho chúa Nguyễn trong vòng binh đao khói lửa, liều thân chẳng quản ngại gì.

Giáp Thìn 1784, sau hằng trăm trận giao phong đều chẳng thu hoạch được thắng lợi như ý nguyện, liệu thế chưa đánh đuổi Tây Sơn nổi, chúa Nguyễn chạy sang nước Xiêm lưu trú, ẩn thân nơi Vọng Các. Bấy giờ, Ông vẫn theo hầu chúa Nguyễn ; hàng ngày Ông lãnh nhiệm vụ thao luyện đám binh sĩ, chiêu mộ thêm các tay hào kiệt, cương quyết chờ ngày kéo về dẹp tan Tây Sơn, đưa chúa Nguyễn lên ngôi.

Với ý chí sắt đá, Ông rất tin tưởng ở sự thắng lợi cuối cùng.

Tinh thần phấn chấn đầy tự tin của Ông khiến chúa Nguyễn cũng chan chứa hy vọng thống nhất non sông, cùng nhau hăm hở đem binh trở về.

Tây Sơn vẫn hùng dũng chiến đấu. Đôi bên giao tranh lăm trận ác liệt kinh hồn. Tại cửa Ba Lai, đạo binh của Ông phá vỡ đoàn quân của Đô đốc Tây Sơn, nâng cao tên tuổi Ông từ đây.

Dần dần binh chúa Nguyễn Ánh thắng thế ở khắp nơi, trong đó công lao của Nguyễn Văn Tồn không kém gì những chiến tích oanh liệt của các danh tướng khác. Và lại, dù Ông không phải là người Việt chính tông, mà tấm lòng và thái độ của Ông đối với chúa Nguyễn và các chiến hữu rất mực thành tín, nên ai nấy đều xem ông như đồng bào ruột thịt, chẳng ai ganh ghét gì.

Khắc phục thành Gia Định xong, đại binh chúa Nguyễn tiến thẳng ra Trung, Bắc, Nguyễn Văn Tồn vẫn theo trong quân. Tại thành Bình Định, Ông thúc quân đánh rất hăng, lập chiến công oanh liệt, nổi danh hổ tướng.

Ít lâu, Ông phụng mạng trở vào trong Nam, dẹp các đám giặc cướp, mưu cuộc an ninh cho dân chúng. Nhất là tại Trà Ôn (một quận cũ của tỉnh Phong Dinh ngày trước), Ông ra tài thao thanh côn đồ trộm cướp thừa thời loạn mà dọc ngang khuấy rối dân lành, xếp đặt trị an đâu ra đấy, khiến dân chúng Trà Ôn cảm đức, tên tuổi Ông bìa truyền khắp miệng người.

Nhâm Tuất 1802, chúa Nguyễn Ánh lên ngôi tức vua Gia Long. Ông được phong chức Điều Bát. Ông càng nỗ lực hoàn thành sứ mạng bảo quốc an dân.

Khi Cao Miên có nội chiến, Ông được cử theo đại quân sang đóng tại thành La Bích. Với thanh thế quân ta, với uy tín của Ông, chẳng mấy ngày Ông bình định xong cuộc nổi loạn ở Cao Miên và lãnh trọng trách bảo hộ. Những thành tích tốt đẹp của ông, khiến vua Gia Long tin tưởng, mến chuộng Ông thêm, triệu Ông về lo cho dân nước. Để tăng uy tín và thanh danh Ông, hầu phục vụ dân nước được đặc lực hơn, nhà vua phong Ông làm Thống chế. Ở vào địa vị cao tột, Ông càng nỗ lực phục vụ nhân dân, nên càng được quần chúng kính mộ.

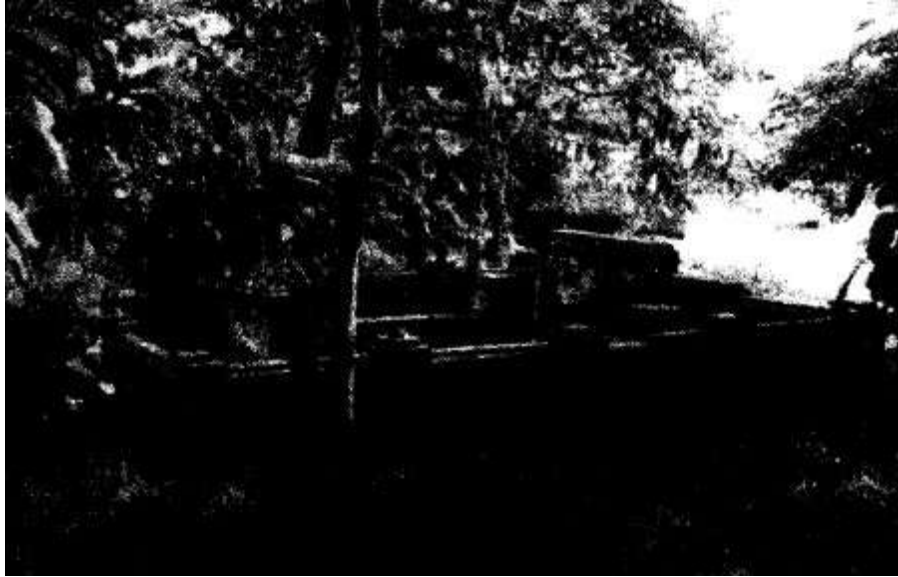
Tại trấn Vĩnh Thanh (Vĩnh Long), Ông phụ lực với Trấn thủ Nguyễn Văn Thoại (Thoại Ngọc Hầu), đào kinh Vĩnh Tế nối liền Châu Đốc với Hà

Tiên. Công nghiệp này, tên tuổi Ông gắn liền với công nghiệp của Thoại Ngọc Hầu, khiến đời sau nhắc nhở đến với lòng khâm phục.

Canh Thìn 1820, Ông mất, dân chúng đều thương tiếc. Triều đình phái các quan lại cao cấp vào điếu tế.

Nay tại làng Thiện Mỹ, Trà Ôn hãy còn đền thờ ông.<sup>16</sup>

## CHI MỘ THỦ KHOA BÙI HỮU NGHĨA



*Ngôi mộ này nằm ở mé tay mặt đường đi Bình Thủy qua vô một khu vườn chừng 500m, là nơi an nghỉ ngàn thu của nhà chí sĩ đất Tây Thành. Ảnh Trần Văn Bé (Phongdinh)*

## V. BÙI HỮU NGHĨA (1807-1872)

Bùi Hữu Nghĩa hiệu Nghi Chi sinh năm Đinh Mão (1807), nhằm năm Gia Long thứ sáu tại làng Long Tuyền (Bình Thủy), Cần Thơ. Thân sinh là Bùi Hữu Vi làm nghề hạ bạc.

Thuở nhỏ, Nghĩa đeo đuổi theo Hán văn ; nhờ thông minh và hiếu học, Nghĩa học rất mau giỏi.

Khi học lực của Nghĩa đã khá, thì cha cho lên Biên Hòa, ở đậu nơi nhà hộ trưởng Nguyễn Văn Lý, tại làng Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng mà thọ giáo với ông đồ Hoàn.

Tháng hai năm Ất Vị (1835), thi hương ở Gia Định, Nghĩa đậu Giải Nguyên, tiếng tăm lừng lẫy. Hộ trưởng Lý rất mừng, dọn tiệc khoản đãi và ngỏ ý cho người con gái đầu lòng là Nguyễn Thị Tồn về nâng khăn sửa túi.

Nghĩa xin thưa cùng cha mẹ rồi sẽ tính việc hôn nhân.

### TRÊN ĐƯỜNG HOẠN

Thi đỗ rồi không bao lâu, Nghĩa được bổ làm Tri huyện tại phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa. Nghĩa kết duyên với Nguyễn Thị Tồn, lệnh ái hộ trưởng Lý.

Ở Biên Hòa được ít lâu, Nghĩa lại được triều đình chuyển đến trấn nhậm tại phủ Trà Vang (Trà Vinh), tỉnh Vĩnh Long, tùng sự dưới quyền Tổng đốc Trương Văn Uyển và Bố chánh Truyện.

Nghĩa tánh tình cương trực, chẳng bợ đỡ ai, mà cũng chẳng tư vị ai, từng đánh đòn cậu công tử ý mình là em vợ Bố chánh Truyện mà xác xược với Nghĩa. Và cũng vì tính ngay thẳng thanh liêm mà Nghĩa che chở công lý bị cường quyền đè nén, rồi vì đó Nghĩa mới bị quan trên hãm hại.



Khi vua Gia Long còn là chúa Nguyễn Ánh, bị Tây Sơn đánh đuổi, nhờ dân Cao Miên ở Trà Vang quyên giúp lương hương rất nhiều và phần đông cũng có tòng quân đánh giặc nữa. Đến khi tức vị (1802), vua Gia Long nhớ ơn xưa, xuống chiếu miễn thuế vĩnh viễn thủy lợi nơi rạch Láng Thέ cho dân Thổ hưởng nhờ chung.

Dè đâu có tên khách trú vận động lo lót với Tổng đốc Trương Văn Uyển và Bó chánh Truyện là quan đầu tỉnh Vĩnh Long, mua được thủy lợi Láng Thέ.

Mệ sóc và các hương mục Thổ kéo nhau đến kiện với Tri huyện Bùi Hữu Nghĩa. Nghĩa xử rằng : « Việc tha thủy lợi là ân huệ của vua Thế Tổ ; nay ai nhỏ hơn vua Thế Tổ mà đứng bán rạch ấy thì có chém đầu nó cũng không sao ».

Dân Cao Miên tức thì mừng rỡ, phá đập bữa rọ của tên khách trú kia. Hai đảng gây cuộc huyết chiến, rốt cuộc có bảy tám tên khách trú bị chém chết.

Dân Thổ bị bắt, Tổng đốc và Bó chánh bắt luôn Thủ khoa Nghĩa gửi về Gia Định, rồi đệ sớ về Triều, cáo quan huyện về tội tự tiện giết người.

Trước nỗi ức tình ấy, bà Thủ khoa một mặt ra tận Huế thân oan, một mặt nhờ quản Kiệm, em bạn dì của Thủ khoa, lo việc ăn cắp tờ chiếu của Triều đình Huế gửi vô dạy xử tội Thủ khoa, mà giấu đi, cho đủ ngày giờ đi tới Huế minh oan.

## **NƠI TÒA TAM PHÁP**

Bà thủ khoa xuống Mỹ Tho kiểm ghe bầu chịu tiền quá giang ra Huế.

May mắn thay cho Thủ khoa và bà vợ, vì lúc ấy Phan Thanh Giản làm Lại bộ Thượng thư tại trào.

Đến nơi, bà Thủ khoa tìm dinh quan Thượng Thơ tố nỗi hàm oan của chồng, tường thuật sự lộng quyền của các quan tỉnh Vĩnh Long và tỏ ý mình muốn đến Tam Pháp Ty kêu oan. Phan Thanh Giản bèn chỉ biểu đường đi nước bước và làm giúp bà một tờ trạng tố nỗi khúc oan.

Bà học thuộc lòng tờ trạng, rồi đêm kia, lổi canh năm, bà đến đền vua, nỗi ba hồi trống. Vua Tự Đức lâm triều, thâu đơn của bà rồi giao cho Bộ Hình thẩm xét. Bộ Hình lấy cung chiêu thẩm định rồi tuyên án Thủ khoa như vầy : « *Tha cho Bùi Hữu Nghĩa khỏi tử hình, song phải quân tiền hiệu lực, đái công chuộc tội* ».

Từ Dũ Thái Hậu đòi bà Thủ khoa vô cung, tỏ lời khen và ban cho một tấm biển đề bốn chữ vàng : « *Liệt phụ khả gia* ».

Sau bà Thủ khoa về ninh gia tại Biên Hòa rồi bị bệnh tạ thế nơi đó.

Khi bà tạ thế thì Nghĩa mắc trần nhậm ở Châu Đốc, nên phải quản bà lại rất lâu, đợi Nghĩa về đọc một bài văn tế lâm ly thống thiết rồi mới an táng tại làng Tân Hiệp, tổng Chánh Mỹ Thượng, tỉnh Biên Hòa.

## **ĐOẠN ĐỜI CUỐI CỦA THỦ KHOA NGHĨA**

Khỏi tội chết chém, Nghĩa bị đốì đi làm chức thủ ngữ ở Vĩnh Thông (Châu Đốc) đánh dẹp dân Cao Miên làm loạn. Giặc yên đặng ít lâu, lại nổi lên làm phản nữa. Chuyển này, Nghĩa với quan quân bị bắt rất nhiều, song Nghĩa được tha trở về Tịnh Biên.

Thấy nhiều kẻ xu quyền phụ thế, quan lại quá ư tham tàn, Nghĩa xin hồi hưu trở về quê quán tại Bình Thủy (Cần Thơ), mở trường dạy học, vui thú thanh nhàn.

Về đường miêu duệ thì Nghĩa sanh hạ :

- với bà chánh thất Nguyễn Thị Tồn được một gái, hai trai : Bùi Thị Xiêm – Bùi Hữu Vàng – Bùi Hữu Tú

- với bà kế thất là Lưu Thị Hoán được 1 gái, 3 trai : Bùi Thị Bè – Bùi Hữu Khánh Bùi Hữu Sanh – Bùi Hữu Út.

Ngày 21 tháng giêng năm Nhâm Thân, nhằm năm Tự Đức thứ 26 (1872), nhà văn hào Bùi Hữu Nghĩa từ già cõi trần, hưởng thọ được 66 tuổi.

Hiện thời mộ Nghĩa ở trong vườn Vĩnh Lộc của Đốc phủ Dương Thân Hỷ (thuộc về làng Long Tuyền Bình Thủy) tỉnh Cần Thơ. Trước mộ có tấm bia đá của con Nghĩa là Bùi Hữu Tú dựng, khắc mấy chữ :

*« Đại Nam Hiển khảo Giải nguyên Bùi phủ quân chi mộ. Tốt vu Nhâm Thân niên chánh ngoạt năm nhứt nhựt. Nam Bùi Hữu Tú kính lập ».*

Bấy giờ tại chùa Nam Nhã ở Bình Thủy có ba thần chủ thờ Thủ khoa Nghĩa với bà chánh thất và bà kế thất. Trước bàn Phật lại có bài vị thờ nữa.

## **SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG**

Thủ khoa Nghĩa rất sở trường về thi văn. Lúc bấy giờ có người truyền tụng câu sau này :

*« Đồng Nai có bốn rồng vàng ;  
Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi »*

cũng đã biết Nghĩa là một bậc cự phách trong làng thi miền Nam về giữa thế kỷ 19.

Người ta biết Nghĩa nhiều là do quyển tuồng *« Kim thạch kỳ duyên »*, văn chương đặc sắc, lời lẽ gọn gàng.

Kế đó là mấy bài văn tế : *Văn tế vợ, Văn tế con gái, Văn vợ Thổ tế chồng Chệt.*

Mấy bài Thơ Nôm : *Cây vông, Cây bần, Thợ bạc, Kinh quá Hà âm cảm tác, Câu cá, Ngũ Tử Tư xuy tiêu, Quan công thất thủ, Bị giam ở Vĩnh Long.*

Và mấy bài thơ chữ Hán làm lúc trấn nhậm Châu Đốc, lúc hồi hưu về Bình Thủy.

Nghĩa có soạn hai bốn tuồng khác là « *Tây Du* » và « *Mậu Tông* »

## VỀ QUYỂN TUỒNG « KIM THẠCH KỶ DUYÊN »

Quyển tuồng này ai cũng công nhận là hay, hay cả văn chương lẫn sự tích.

Thủ khoa Nghĩa dùng rất nhiều chữ Hán mà làm văn trong bốn tuồng này, viết đã có lớp lang phép tắc mà lại còn đối đáp phải chùng, rất chọi nữa. Chỗ nào dùngonom thì dùng một cách rất khéo, như là lựa những câu tục ngữ phong dao mà xếp đặt cho đối chọi nhau cả lời lẫn ý.

Văn tài của Nghĩa còn hiện ra khi tả tâm lý của mỗi người, người thế nào cho nói ra lời thế ấy : đưa gian nịnh, khách ăn chơi, kẻ tham tàn, gã hung dữ có cái tâm thế nào, khi nó vừa mở lời ra thì người ta đã biết ; bậc trung trực, đấng hiền lương, nhà lễ giáo, hạng anh tài cũng vậy, lời nói tỏ lòng người.

Song vì Nghĩa dùng chữ Nho quá nhiều, điển tích cũng lắm, cho nên những người quốc văn non nớt đọc bốn tuồng này, khó lòng mà hiểu nổi.

Lược thuật sự tích trong bốn tuồng « *Kim thạch kỳ duyên* » :

« *Kim Ngọc con của Ngạn Yên, Tri huyện Bồ Thành, đã hứa hôn với Ái Châu con của Lâm Vượng là một nhà phú hộ.*

*Ngạn Yên đi trấn nhậm, giữa đường bị giặc bắt, Kim Ngọc nhẩy xuống sông, nhờ tiểu đồng trung tín là Dũ Đức cứu đặng, song mắc lấy bệnh phong, dưỡng bệnh ba năm trong chùa không mạnh, về quê xin cưới Ái Châu, Lâm Vượng đem nữ tỳ Thạch Vô Hà gả thế.*

*Vô Hà là con lương y Thạch Đạo Toàn, vì nhà gặp biến mà phải bán mình cho Ái Châu. Đạo Toàn trị Kim Ngọc lành bệnh, chàng thi đỗ Trạng*

*Nguyên, hai lần cùng em vợ là Thạch Hữu Quang đẹp giặc, cha con được trùng phùng, vua phong vương tước.*

*Ái Châu kết duyên với Ái Lang, con trai Tri huyện Lợi Đồ, Tri huyện tham lam bị kiện, bị giam, gia sản của anh ta và luân của ông sui là Lâm Vượng đều bị tịch biên.*

*Sự đời có vay có trả, Ái Châu bị bán cho phu nhân Vô Hà. Không chừa lòng lang dạ độc, bị Kim Ngọc đuổi khỏi nhà, nhập vào lầu xanh, vương bệnh phong tình sau tự vẫn... »*

## **TRÍCH LỤC ÍT BÀI THƠ CỦA THỦ KHOA NGHĨA**

Khi đi sứ sang Xiêm, ban đêm ngang qua huyện Hà Âm (nay là Giang Thành, Hà Tiên), thấy đồng xương của bọn thổ phỉ bị giết hồi đời Minh Mạng còn chõng chất ngùn ngụt, Nghĩa có làm bài thơ sau đây :

### **KINH QUÁ HÀ ÂM CẢM TÁC**

*Mịt mù mây đen kéo tối dầm,  
Đau lòng thở nọ chốn Hà Âm :  
Đồng xương vô định sương phao trắng,  
Vũng máu phi thường cỏ nhuộm thâm  
Gió trốt dật dờ nơi chiến lũy,  
Đèn trời leo lét dậm u lâm.  
Nghĩ thương con tạo sao đời đổi,  
Vẫn vỏi đêm trường tiếng đế ngâm.*

Kể qua cuộc đời của cụ để lại cho đời một sự nghiệp văn chương vô giá, chúng tôi chỉ trích ra một ít vần thơ để tưởng niệm bậc nhơn tài của đất nước với lòng cảm mến vô biên.

Sau khi soạn xong phần tiểu sử của các danh nhân ở miền Tây, chúng tôi sợ còn thiếu sót, thân hành đến Phong Dinh để tìm thêm tài liệu, may

mắn được gặp ông Phan Trung Hàm, hiện là một công chức, người sanh trưởng tại đây lâu năm, có tinh thần hiếu cổ. Ông vui vẻ hướng dẫn chúng tôi đến các vị bô lão, thân hào nhân sĩ Tây Đô, ghé qua biệt thự ông Cao Văn Hùng, lại gặp ông Nguyễn Văn Giai là cháu ngoại cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa cũng có mặt nơi đây. Ông Nguyễn Văn Giai năm nay 82 tuổi, trước kia là một giáo chức tại Cần Thơ. Mặc dù nay tuổi đã già nhưng trông rất khỏe mạnh, ăn nói chững chạc, không lẫn lộn chi cả. Ông tươi cười kể qua đôi nét quá trình của cụ Thủ khoa là ngoại tổ của ông cho chúng tôi ghi chép những tài liệu xác thực được trình bày vào quyển sách này.

Xuyên qua những việc làm của người xưa đã nêu cao tấm gương trung liệt, ý chí bất khuất đáng cho hậu thế noi gương, chúng tôi cần biên soạn lại, hiến cho quý bạn đọc dễ hiểu thêm các danh nhân nổi tiếng ở Cần Thơ của thời xa xưa, được người đời ngưỡng mộ đến tài đức. Ngày nay mỗi lần nhắc đến văn học sử thì không thể quên được các cụ, tuy đã ra người thiên cổ nhưng tên tuổi vẫn còn sống mãi với non sông.<sup>17</sup>

(Trích **Danh Nhân Nước Nhà**)

## VI. NGUYỄN THỊ TỒN

*Từ Vĩnh Long ra tận để đờ kêu oan cho chồng, được đức Từ Dũ Thái  
Hậu khen ngợi*

Nhắc đến cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa mà không nhắc đến người bạn trăm năm của cụ với lòng kính mộ, thì là một sự khiếm khuyết. Bà Thủ khoa Nghĩa thật đáng phục là người tận tụy với chồng, ít có ai hơn. Thảo nào về sau cụ Thủ khoa Nghĩa chẳng thống thiết tỏ lòng thương tiếc Bà trong mấy áng văn bất hủ.

Bà Thủ khoa Nghĩa nữ danh là Nguyễn Thị Tồn, con ông Hộ trưởng Nguyễn Văn Lý ở làng Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng, tỉnh Biên Hòa. Thân phụ Bà đã nuôi cụ Bùi Hữu Nghĩa ăn học đến thành tài, và gả Bà, khi cụ Thủ khoa xuất chính làm Tri huyện Phước Long (Biên Hòa).

Ít lâu, chồng đổi xuống tỉnh Vĩnh Long trấn nhậm phủ Trà Vang (Trà Vinh), Bà theo chồng, chăm lo cho chồng chu đáo.

Bấy giờ, có người em vợ Bõ chánh Truyện rất xấu xược du đãng. Cụ Thủ khoa bắt, phạt trượng. Do đó, sinh sự thù hiềm.

Sau, nhân có việc dân Miên bất bình thượng cấp làm điều trái phép, cụ Thủ khoa lại can thiệp. Nguyên từ trước, chúa Nguyễn Ánh bôn ba tẩu quốc, từng nhờ đám dân Miên ở Trà Vinh giúp lương thực và tòng quân trợ lực. Đến khi lên ngôi, nhớ ơn ấy, nhà vua xuống chiếu miễn thuế thủy lợi cho dân Miên. Ít lâu, có nhóm người Huê kiều lo lót với Tổng đốc Trương Văn Uyên và Bõ chánh Truyện, mua thủy lợi ấy.

Ức lòng, các hương mục người Miên kéo nhau đến dinh môn cụ Thủ khoa để kiện. Cụ xử : « Việc xá thuế thủy lợi là ơn huệ của Đức Cao hoàng ban ân bố đức cho dân Miên, nay ai nhỏ hơn Đức Cao hoàng mà đứng bán rạch ấy thì có chém đầu nó cũng không sao ».

Dân Miên nghe xử, bèn phá đập của nhóm Huê kiều. Đôi bên gây hấn, chém nhau, chết mất 8 người Huê kiều.

Đám dân Miên bị bắt mà cụ Thủ khoa cũng bị Tổng đốc và Bố chánh khếp vào tội chủ mưu, áp giải lên Gia Định, rồi đệ sớ về Triều, cáo tội cụ lạm phép.

Bà Thủ khoa lặn lội ra tận đế đô (Huế), trước vào yết kiến cụ Thượng thư Bộ Lại Phan Thanh Giản tại tư dinh, sau thẳng đến Tam Pháp Ty gióng ba hồi trống kêu oan. Tờ trạng của Bà được đệ lên nhà vua. Vua Tự Đức giao cho Tam Pháp Ty xét xử.

Tam Pháp Ty gồm có nhân viên cao cấp của Bộ Hình, Đô sát viện và Đại lý, lập tức nhóm họp. Chính vua Tự Đức chung thẩm bản án như sau : « Tha tội tử hình cho Bùi Hữu Nghĩa, song phải sung quân, lập công chuộc tội ».

Riêng Bà, được đức Từ Dũ Thái Hậu (thân mẫu vua Tự Đức), phong tặng tấm biển đề 4 chữ « Liệt phụ khả phong » và tặng cho cái võng, trên có 4 cái gang.

Cứu được chồng khỏi chết, nhưng vẫn phải chịu đau lòng cách biệt chồng lúc sung quân, Bà về thẳng quê nhà ở Biên Hòa. Chẳng mấy tháng Bà vương bệnh qua đời !

Mộ Bà tại làng Tân Hiệp, tổng Chánh Mỹ Thượng, tỉnh Biên Hòa. Hiện nay nơi làng Long Xuyên (Bình Thủy), có thờ linh vị hai Ông Bà trong ngôi chùa<sup>18</sup> do môn đệ của cụ Thủ khoa là Nguyễn Giác Nguyên xây dựng.

Cụ Thủ khoa sau đó tỏ cảm tình tha thiết với Bà : « *Đất chẳng phải chồng, sao nữ thối xương hòa với đất ; Trời không chết vợ, đặng coi gan ruột thử cho Trời* ».

Chưa tỏ hết sự đau lòng thương cảm người vợ đã trọn tình, trọn nghĩa với mình, Cụ Thủ khoa viết thêm đôi liên thơ : « *Ngã chi bần khanh độc*



năng trợ, ngã chi oan khanh độc năng minh, triều quận công xưng khanh thị phụ ; Khanh chi bệnh ngã bất đắc dưỡng, khanh chi tử ngã bất đắc táng, giang san ứng tiếu ngã phi phụ ».

Nguyễn Văn Nghĩa dịch : « *Tớ nghèo mình lo giúp, tớ oan mình lo kêu, chòm xóm đều khen mình đáng vợ ; Mình đau tớ chẳng nuôi, mình chết tớ chẳng táng, non sông thẹn phận tớ làm chồng* ».

Rồi làm một bài thơ đề nơi nhà mồ :

*Đã chẵn ba năm mới đặng thăm,  
Màn loan đâu vắng bật hơi tăm.  
Gió đưa nào thấy hình dương liễu,  
Đêm vắng ai hoài tiếng sắt cầm.  
Chồng nhớ vợ lòng tơ bối rối,  
Con thương mẹ, lụy ngọc tuôn dầm.  
Có linh chín suối đừng sao lãng,  
Thỉnh thoảng về thăm lúc tối tăm.*

Chín suối hồn linh, cụ Bà Nguyễn Thị Tồn hẳn rơi giọt lệ cảm tình. Cho đến chúng ta ngày nay đây, đọc mấy lời ấy, ai chẳng ngậm ngùi.

Huống chi, cụ Thủ khoa còn thống thiết ngụ thêm thâm tình trong bài văn tế, văn chương trác lạc, ý sâu thâm mệnh mang :

- 1. Hồi ôi ! Gió Nữ phát phơ, mưa Ngâu lác đác.*
- 2. Duyên bình thủy sum vầy đà tan vỡ, ngạt ngào bọt nước sóng xao ;  
đuốc loan phòng tỏ rạng phút khêu lờ, sáng sốt ngọn đèn gió tạt.*
- 3. Nhớ linh xưa ! Tánh đức son vàng ; tình không đen bạc.*
- 4. Chen với nguyệt vóc tròn hơn nguyệt, phòng khuê đà rục rờ gương trong ;  
ở trên trần mà chẳng nhuộm trần, vườn dâu khỏi lấm nhơ bụi cát.*
- 5. Trong vấy màu bùn chẳng đục, những sự sang giàu, của trăm xe đưa rước nào màng ;  
nghèo manh khổ chuỗi mà thanh, phải duyên đằm thắm,*

*cầu mây nhịp xa xôi gánh vác.*

*6. Ở với mẹ trọn niềm hiếu hạnh, chiều lòng theo lân lý với anh em ;  
lúc theo chồng vui biết chữ xướng tùy, đẹp đẽ với xóm giềng cùng chú bác.*

*7. Ưa mùi đạo khuyên chồng nấu sủ, nam tử may nợ nước đền bồi ;  
thảo thờ thân vẹn chường lê, nữ công trọn giềng nhà gánh vác.*

*8. Trường khoa mục qua nông chí cả, ít nhiều đã rõ mặt với non sông ;  
nhà hàn vi bậu dốc tay nâng, may mắn dựng cất đầu cùng bạn tác.*

*9. Chồng vợ thăm đều không cha mẹ, em luống than phận lẻ loi ;  
cậu cô hòa một cửa anh em, tình vui thuận lờ không chính mác.*

*10. Công danh lỡ vì mang bệnh quý, em chẳng phải vợ Mãi Thần ngày  
trước, thời chưa nên làm thói dễ duôi ; khó hèn cam nào dám trách trời,  
bậu chẳng như vợ Tô Tần ngày nợ, vận chưa đạt mà đem lòng khi bạc.*

*11. Phận khó khăn yếu đuối, vóc liễu bồ dầu dãi nắng mưa ;  
con nhỏ đại thơ ngây, tay chủ quý không rời thước tấc.*

*12. Ở theo thời, làm theo thế, qua khỏi tuần sấm đất tan bia ;  
bay kịp chúng, nhảy kịp thời, mới dựng hưởng gió thần đưa các.*

*13. Nghiệp tiên thế anh lo gây dựng, mừng thăm đà mở mặt với hương  
lân ; đạo thánh hiền bậu dốc khuyến dương, gấn vó đã nên gương cùng hậu  
giác.*

*14. Ăn cần ở kiệm, giàu không khoe, khó cũng không dua ;  
mua nghĩa chác nhờn, trước chẳng phai sau chẳng lạt.*

*15. Chữ thê từng phú quý, em nan than chẳng nhờ của cũng nhờ công ;  
câu phụ tác tử thừa, bậu nông nả chưa nên vai đà nên vác.*

*16. Ôi đà hết lúc gian truân ; hay chưa tới chừng hanh đạt.*

*17. Bồng đầu khiến cho day mưa tạt, non hoa hạc lánh trầm trầm ;  
nào hay vật đổi sao dời, cửa sổ ngựa qua thoát thoát.*

18. Ôi ! Sông Lê vàng chìm ; non Công ngọc nát.

19. Cảnh giai lão trách lòng trời đất, khó có nhau giàu cũng có nhau ;  
quỷ vô thường làm cuộc bể dâu, vật tráo chác người sao tráo chác.

20. Con chín tuổi thơ ngày một bóng, em bao đành nhắm mắt tìm tiên  
; chồng trăm bề lo lắng một mình, bậu bao nữ sắp lưng cỡi hạc.

21. Ai mượn lão Diêm Phù rước khách, mẹ lìa con vì gã rất ức oan ; ai  
mượn người Quả Bá đưa người, chồng xa vợ ở người nên bạo ác.

22. Chữ « đại đức tất đắc kỳ thọ » đọc tới phát buồn : câu « tích phước  
tất hữ dư khương » nghe càng thêm lạt.

23. Qua để bậu chẳng bằng tiền đũa, phận phân gương chẳng kịp nửa  
giờ ; Trời giết người chi xá gươm dao, chúng nghèo ngặt không đầy một  
lát.

24. Đêm khuya hãy nâng niu một trẻ, nghĩ từ cơn ruột tợ kim châm ;  
ngày ra vào vắng vẻ không em, nhớ từ chặn gan đường muối xót.

25. Cuộc long hồ lấp rồi ba tấc đất, ôi thôi rồi má phấn hồng nhan ;  
bạn phụng loan phân rẽ một phương trời, lo đáo để duyên đơn phận bạc.

26. Đã biết kiếp thác là kiếp mất, tấm lòng thành đủ bảy tuần chay ;  
cho người mất mà nghĩa còn, thô lễ tế vài mâm mặn lạt.

Hỡi ôi ! Tiếc thay. Hỡi ôi ! Thương thay.

## VII. PHAN VĂN TRỊ (Cử Trị) 1830-1908

*Người đả kích Tôn Thọ Tường hăng nhất, nêu cao tiết tháo thanh bần,  
bất khuất.*

Trong hàng khoa bảng xuất thân, dùng ngọn bút sâu sắc đả kích những ai phản bội quyền lợi nhân dân, Tổ quốc, không ai bằng Cử Trị. Không cầm súng thì cầm bút, trọn đời ông, văn chương chỉ là phương tiện để ông gián tiếp đóng góp tâm huyết với quốc gia trong khi bao chiến sĩ quê hương đã đem xương máu đền đáp ơn tấc đất ngọn rau nước tổ.

Ông sinh năm Canh Dần (1830) tại làng Hanh Thông, tỉnh Gia Định. Thông minh đỉnh ngộ, ông nổi tiếng anh tài. Năm 20 tuổi (Kỷ Dậu 1849) ông đỗ cử nhân, nên tục thường gọi là Cử Trị.

Đường khoa danh đã hiển đạt, nhưng ông không muốn dẫn bước chốn quan trường, sống ung dung ngoài vòng cương tỏa, sinh nhai với nghề y và dạy học. Lúc nào ông cũng biểu lộ phong thái của bậc người khoáng đạt, gìn tiết tháo.

Năm 1862, quân đội Pháp dấy động, chiếm Gia Định, Ông xuống Vĩnh Long lánh thân. Cùng với các sĩ phu tiết nghĩa như Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mẫn Đạt v.v... ông đứng vào hàng ngũ bất hợp tác với Pháp, cực lực đả kích những ai đã xu thời cầu mị.

Đến khi ba tỉnh miền Tây cũng lọt luôn vào tay quân đội xâm lăng, ông tê tái :

*Tò le kèn thổi tiếng năm ba  
Nghe lọt vào tai dạ xót xa.  
Uốn khúc sông rồng mờ mịt khói  
Vẳng hoe thành phụng ủ sầu hoa.  
Tan nhà cảm nỗi câu ly hận,*

*Cắt đất thương thay cuộc giằng hòa !*

*Gió bụi đòi cơn xiêu ngã cỏ,*

*Ngậm cười hết nói nỗi quan ta.*

Rồi nhìn thấy đất nước ngày một bị cai trị dưới ách ngoại bang, mà phần đông sĩ phu đã trở mặt theo về hợp tác với tân trào, đại diện điển hình là Tôn Thọ Tường, ông nổi lòng công phẫn, mài bút bén như gươm, bút chiến hào hùng, khiến người người khâm phục. Cho đến nỗi Tôn Thọ Tường cũng tự cảm thấy hổ thẹn, thu mình lại trong những bài than thân như « Tôn phu nhân quy Hán », « Từ Thứ quy Tào » v.v... vẫn chẳng khỏi bị ông đánh thép chê trách qua những bài thơ họa lại, ý vị thâm trầm sâu sắc.

Hẳn đến ngày nay không người Việt nào mà chẳng biết 10 bài liên hoàn vịnh thời cuộc của Tôn Thọ Tường, mà Phan Văn Trị đã họa chọi rần rỏi, nghiêm khắc cực kỳ. Chỉ cần ghi lại đây một bài mở đầu thôi, cũng đủ cho các thế hệ sau thấy hai xu hướng đối kháng nhau rõ rệt. Tâm trạng yếu hèn xu mị thực dân của Tôn Thọ Tường đã phát biểu trắng trợn :

*Giang san ba tỉnh hỡi còn đây,*

*Trời đất xui chi đến nỗi này !*

*Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo,*

*Mây tuôn đen kịch khói tàu bay*

*Xăng văng thềm tính thương đòi chỗ*

*Khấp khởi riêng lo biết những ngày.*

*Miệng cọt hàm rồng chưa dễ chọc,*

*Khuyên đàn con trẻ chớ thày lay.*

Nghe giọng điệu ấy, cố nhiên Phan Văn Trị khó nổi dần lòng. Ông cảnh cáo ngay :

*Hơn thua chưa quyết đó cùng đây*

*Chẳng đã nên ta mới thế này,*

*Bến Nghé quản bao cơn lửa cháy  
Con rồng dầu mặc bụi tro bay.  
Nuôi muông giết thỏ còn chờ thỏ  
Bủa lưới săn nai cũng có ngày.  
Đừng mượn hơi hùm rung nhất khí,  
Lòng ta sắt đá há lung lay !*

Quả thật tấm lòng sắt đá của ông, suốt cuộc đời ông luôn luôn giữ vững, chẳng lung lay trước hoàn cảnh đảo nghịch nào. Để hiểu rõ ông hơn nữa, chúng ta hãy xem đến bài xướng họa thứ 10 trong thập thủ liên hoàn vịnh thời cuộc, giữa hai đối thủ đại diện hai phe hợp tác và bất hợp tác, ta sẽ cảm mến ông hơn nữa. Tôn Thọ Tường xướng :

*Đạo hằng chi trước thảo cùng ngay.  
Lỗi đạo sao cho đáng mặt thầy  
Đất quét đã đành bia lỗ miệng,  
Chén tàn e nổi trở bàn tay.  
Nghĩa đen dạy trẻ tranh còn lấp,  
Mắt trắng xem trời cánh khó bay.  
Chí muốn ngày nào cho được toại !  
Giang san ba tỉnh hãy còn đây !*

Lập luận của hạng phản bội dân tộc thường là đưa đẩy, mơn trớn vuốt ve. Ông đời nào chịu được những lời ươn hèn dua bợ làm nhục cả tinh thần một dân tộc như thế. Ông họa sang sảng, lời như gào như hét :

*Năm hàng vốn thiệt thảo cùng ngay,  
Cuộc ấy ai xui khéo bận thầy.  
Gặp lúc chẳng may nên ngọng miệng,  
Chờ khi thấy máy sẽ ra tay.  
Nổi chìm mặc thế tình dày mỏng,  
Cao thấp dầu ta sức nhảy bay.*

*Một trận gió đưa xiêu ngã cỏ  
Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.*

Ý chí rắn rỏi, ông cương quyết tranh đấu đến cùng. Dưới mắt ông, phe phái Tôn Thọ Tường như không có, và ông cho đó là cái nhục của dân tộc. Từ lúc ông ngâm câu « *Tan nhà cảm nỗi câu ly hận, cắt đất thương thay cuộc giằng hòa* », ông sống cuộc đời thanh bần ẩn dật. Nghe đâu có bậc sĩ phu cao khí tiết, lập tức ông tìm đến giao du, cùng nhau hoạch định phương lược cứu quốc. Nghe đâu có hào kiệt khởi nghĩa, ông nhiệt thành khích lệ.

Khi ông ở ẩn nơi Phong Điền (Phong Dinh), ông thường rong thuyền câu, thình thình sông rộng trời cao dải tấm lòng u sầu, uất hận, đau nỗi quốc phá gia vong :

*« Xem hết nhơn tình rồi nghĩ nghị,  
Thú vui chỉ có một thuyền câu. »*

Hoặc :

*« Người hời Nghiêm Lăng có biết chăng,  
Lòng ta ý gã đố ai bằng ».*

Thấy Đinh Sâm vùng lên kháng Pháp, giết vị Cai tổng Nguyễn Văn Vĩnh, được dân chúng hưởng ứng, ông ủng hộ tinh thần ngay. Đến khi Đinh Sâm dần dần hao mòn lực lượng mà thất cơ bại sự, ông than thở khôn cùng.

Tuổi càng già lòng ông càng đau đớn trước cảnh non nước bị đặt vào guồng cai trị của ngoại bang. Tuy nhiên, ông vẫn tin tưởng ở tương lai đất nước, tinh thần bất khuất của dân tộc, mong mỗi trời Nam đất Việt sẽ rực rỡ màu xuân. Tâm sự ông hoàn toàn ký thác trong 10 bài cảm hoài, giải tỏ lòng cùng các thế hệ sau, muôn thu đồng vọng mãi.

Thi văn của cụ Cử Trị sáng tác rất nhiều, vì phạm vi quyển sách chúng tôi đành giảm bớt, chỉ lược lại những bài đặc sắc có ý niệm văn tâm văn khí để nói lên tấm lòng bất khuất.

Đối với non sông quốc thổ lúc nào cụ cũng thiết tha đến vận mạng quê hương dân tộc bị trị, khi mảnh đất thân yêu 6 tỉnh miền Nam đã lọt vào tay người Pháp.

Cụ cảm cảnh buồn tủi, ẩn dật nơi chốn đồng không hiu quạnh, ở trong một căn nhà lá nhỏ sớm cháo chiều rau, giữ chữ thanh bần để nhìn thế sự.

Chúng tôi sưu tầm qua phần Danh nhân ở Cần Thơ mà không nêu cao khí tiết cụ Cử Trị cho đồng bào các giới, cần biết qua đôi nét quá trình và con đường sự nghiệp, văn chương của cụ đã lưu lại cho nền văn học sử nước nhà ít nhiều, thiết tưởng tên tuổi của cụ ngày nay ai ai cũng biết, cụ đáng là người cho chúng ta nhắc nhở. Dân tộc Việt Nam lấy làm hãnh diện, đất miền Nam đã sản xuất lắm anh tài hùng khí lưu danh hậu thế.



## VIII. ĐÌNH SÂM

### *Lãnh tụ kháng chiến vùng Ba Láng – Trà Niềng*

Một khi đất nước rên mình quằn quại dưới gót xâm lăng, nghĩa vụ công dân bắt buộc những người con đất nước đều phải đứng lên bảo vệ quê hương, cứu nguy dân tộc. Tiếng súng liên quân Pháp – Ý nổ rền trên mảnh đất miền Nam, nhân dân cũng vùng lên chiến đấu hào hùng, nào có cam tâm khuất phục chi đâu. Dù khi Hòa ước 1862 đã ký kết, nhượng giao 3 tỉnh miền Đông, vẫn còn biết bao cuộc khởi nghĩa của sĩ phu trong Nam. Rồi đến 3 tỉnh miền Tây cũng bị Pháp thôn tính luôn, hào kiệt miền Tây cũng quật khởi phản kháng oanh liệt, khiến kẻ xâm lăng lăm phen phải kinh hồn.

Các cuộc quật khởi của sĩ phu miền Tây, đầu tiên phải kể ba người con của cụ Phan Thanh Giản là Phan Tôn, Phan Liêm, Phan Ngữ huy động nghĩa binh kháng chiến ở Vĩnh Long, Sa Đéc, Trà Vinh (sau bại trận ở Nam, lại chạy ra Bắc hợp lực với Nguyễn Tri Phương kháng cự binh Pháp tại Hà Nội năm 1873). Lòng trung dũng của ba người con cụ Phan, khích động và mở màn các trận chiến đấu của nhân dân miền Tây, đã khiến cụ Nguyễn Đình Chiểu vừa khâm phục vừa cảm khái :

*« Trống nghĩa Bảo an nghe sấm động,  
Cờ thù công tử dậy can qua »*

Rồi thì noi gương ấy, dân chúng tự động kháng chiến khắp miền Vĩnh Long, Cần Thơ, Trà Vinh.

Riêng Cần Thơ, bấy giờ mang danh là huyện Phong Phú khoảng năm 1868, có cuộc khởi nghĩa hào hùng của Đình Sâm rất đáng kể.

Quân đội Pháp từ khi chiếm luôn 3 tỉnh miền Tây, liền thiết lập cơ cấu hành chánh trên các vùng chiếm đóng. Buổi đầu cai trị, họ mua chuộc một số đông tay sai, dùng chính sách đàn áp làm căn bản để siết chặt dân chúng

vào vòng phục tùng. Đám người đã cam tâm phục vụ đắc lực cho họ, không hề từ chối một cuộc tẩy trừ thẳng tay nào đối với sức mạnh vùng lên của nhân dân. Để lấy lòng quan thầy, đám tay sai thân tín ấy tha hồ tác oai tác phúc đồng bào, cốt sao dẹp yên được phiến loạn để tâng công là hơn hết.

Vị Cai Tổng Định Bảo thời ấy là Nguyễn Văn Vĩnh, nghiêm nhiên là một hung thần đối với dân chúng trong vùng<sup>19</sup>. Ai muốn sống còn thì hãy cứ rằm rắp cúi đầu tuân theo mạng lệnh của ông. Ai tỏ vẻ trái ý một chút gì, lập tức mang tai họa ngay. Dân chúng ngậm miệng cấm hờn !

Trong tình thế đó, một thanh niên hữu chí đứng lên thay mặt dân chúng trong vùng nói riêng, toàn dân nói chung, gióng lên tiếng trống khởi nghĩa, nói lên tiếng nói bất khuất của dân tộc. Đinh Sâm ! Đinh Sâm ! Tên tuổi vị thanh niên ấy được nhân dân truyền miệng nhau ca tụng hoan hô<sup>20</sup>.

Địa điểm phát xuất của cuộc khởi nghĩa ở vùng Ba Láng<sup>21</sup> Trà Niềng<sup>22</sup> (địa danh này khi xưa gọi là Láng Hầm). Vì Đinh Sâm đáp ứng đúng với nguyện vọng của dân chúng, nên đã được ủng hộ nhiệt liệt. Thanh thế lẫy lừng ngay trong buổi đầu xưng nghĩa.

Cai tổng Nguyễn Văn Vĩnh thấy nguy, vừa sợ vừa lo, chưa biết phải liệu lẽ nào, thì tiếp được những lời cảnh cáo của Đinh Sâm, khuyên hãy bỏ quan mà lui đi, sẽ được tha thứ cho tội lỗi trước, bằng kháng cự thì sẽ không toàn tánh mạng. Cai tổng tuy sợ nhưng vẫn tham quyền cố vị, cậy có súng nhiều và có lời hứa thưởng của quan thầy, nên lại thẳng tay đàn áp. Nhưng phen này Cai tổng Vĩnh đã gặp phải sức đề kháng quyết liệt.

Dưới sự chỉ huy của Đinh Sâm, một toán nghĩa quân bất thành lính xuất hiện bao vây tư thất cai tổng Vĩnh, tràn vào bắt giết đi, nổi lửa đốt nhà.

Tin cấp báo đến quan trên. Quân đội Pháp kéo vào xung kích với nghĩa quân. Đinh Sâm đã rút lui trước, chờ dịp sẽ đương đầu. Quân Pháp và đám tay sai của chúng ra oai « làm cỏ » một vùng đã dám chống chọi với chúng. Khói lửa mịt trời Ba Láng, Trà Niềng.

Tuy nhiên, dân chúng vẫn kính mộ Đinh Sâm. Phần đông đều theo Đinh Sâm kháng chiến, chạm trán với quân Pháp nhiều trận dữ dội. Quân Pháp càng đàn áp mạnh hơn. Cuối cùng sức yếu thế cô, Đinh Sâm và đám nghĩa quân trung kiên đền xong nợ nước trong một trận tử chiến oanh liệt.

Nghe tin Đinh Sâm đã táng thân báo quốc, cụ Cử Trị lúc ấy đã về ngụ ở Phong Điền (Cần Thơ) thương cảm khôn cùng, đề cao khí tiết Đinh Sâm qua một đôi câu đối truy niệm, thác ý điều Cai tổng Vĩnh để tránh sự nghi kỵ của nhà đương cuộc lúc ấy đang hằm hập tức giận :

*« Võ kiếm xung Thiên, Ba Láng giang đầu lưu hận huyết ; Văn tinh lạc địa, Trà Niềng thôn lý đái sầu nhan ».*

Nghĩa :

*« Võ kiếm lòe trời, Ba Láng vòm kia còn máu hận, Văn tinh rơi đất, Trà Niềng xóm ấy đượm màu sầu ».*

## CHÂN DUNG CỤ NGUYỄN THẦN HIẾN



*Một nhà cách mạng hy sinh thân thể và sự nghiệp, chống lại bọn cai trị Pháp đến nỗi bỏ mình nơi ngục thất.*

# IX. NGUYỄN THẦN HIẾN (Hội đồng Hiến)

## 1857-1914

### *Hy sinh thân thế vì Cách mạng*

Tỉnh Cần Thơ xưa đã từng có vị cai tổng từ chức, ở ẩn vui thú văn chương cho lòng đỡ xốn xang trong cảnh bị trị, thì cũng có một vị Hội đồng cao khí tiết hơn thế nữa. Vị Cai tổng Lê Quang Chiêu, chúng tôi đã ghi rõ vài nét tiểu sử. Nếu các thế hệ sau vẫn thấy cảm mến được tâm hồn Cai tổng Chiêu, hẳn sẽ càng tăng lòng kính mến bội phần đối với vị Hội đồng Nguyễn Thần Hiến.

Thật ra, cụ Hội đồng Hiến vốn người tỉnh Hà Tiên, nhưng cụ đã từng dời sang ở Cần Thơ, nay hãy còn miêu duệ của cụ nơi đây (Bác sĩ Nguyễn Như Giu chính là cháu nội của cụ), nên chúng tôi thành kính ghi chép tiểu sử cụ vào tỉnh Cần Thơ.

Hội đồng Hiến tên thật là Nguyễn Như Khuê, đến lớn mới đổi là Nguyễn Thần Hiến tự Phát Đình, hiệu Chương Chu. Người làng Mỹ Đức, tỉnh Hà Tiên. Con cụ Kinh lịch Nguyễn Như Ngươn và Bà thứ thất Huỳnh Thị Chu tự Thoại Liên.

Ông nổi tiếng thông minh, cường ký, được xưng tụng là « Tiểu Táo tài » hoặc « Trương Tòng tái thế ». Năm 17 tuổi Ông cưới vợ, được một năm thì vợ mất sau khi sanh mới 3 ngày để lại một gái là Nguyễn Thị Ngoạn. Vì sự đau đớn này, ông bèn chuyên tâm học thuốc, cho nên Ông cũng tinh thông y lý.

Chịu cảnh gà trống nuôi con trong ít lâu, ông tục huyền với Bà Huỳnh Thị Đắt, sinh một gái là Nguyễn Thị Mân và một trai là Nguyễn Như Bích. Về sau, khi cha mẹ đều đã qua đời, Ông dời nhà về ở Cần Thơ.

Nhà giàu có, tính khảng khái, hào hiệp, lại có lòng yêu nước, Ông ngầm giao du với các chí sĩ Trung, Bắc.

Xuất chính làm đến Hội đồng địa hạt Hà Tiên, nhưng Ông không tham quyền quý, chí dốc hy sinh cứu dân cứu nước. Vì càng giẫm chân vào chốn hoạn trường, tiếp xúc với hàng quan lại thực dân chừng nào, Ông càng nhận rõ chân tướng của họ mà ngao ngán. Ý chí hơn người, tâm huyết có thừa, đời nào Ông chịu được sự khom lưng vào luồn ra cúi. Đau chung cái đau của sĩ phu cảm hờn tủi nhục vì nước mất, dân tộc bị vương ách làm thân trâu cày ngựa cỡi, lòng Ông lúc nào cũng hướng nhìn Tổ quốc, hướng về đồng bào mà nguyện quyết hy sinh.

Từ năm 1902 là năm thân mẫu Ông mất, Ông dời nhà về Cần Thơ, rồi viện cố bần cư tang đái hiếu, mà từ chức Hội đồng. Thế là Ông đã dứt khoát tỏ tâm chí, không khứng phục vụ chính quyền của đám thực dân dưới lốt bảo hộ, và cũng từ đây, Ông nguyện dẫn thân trên đường cách mạng, hy sinh thân thể, hầu tranh đấu đòi lại chủ quyền đất nước, hun đúc tinh thần đồng bào trong cuộc duy tân tự cường.

Đến tháng giêng năm Giáp Thân 1904, Ông hội kiến lần thứ nhất với cụ Phan Bội Châu tại Sa Đéc. Cuộc mật đàm càng khiến Ông thêm nồng tấm tình yêu non sông đất tổ, thương xót giống nòi, hăng hái hơn lên trên đường nghĩa vụ.

Tán thành phong trào Đông Du, Ông sáng lập trong bí mật một học hội, mang tên là « Khuyến du học hội », đem một phần lớn gia tài giúp vào quỹ du học sinh, để đào tạo cán bộ cho nước nhà mai sau. Để làm gương, Ông cho ngay người con trai ông là Nguyễn Như Bích sang Nhật du học trong đợt đầu. Do đó, sĩ phu miền Nam cảm kích, cùng nhau ngầm hưởng ứng khá nhiều.

Cố nhiên Ông không khỏi bị nhà đương cuộc Pháp theo dõi, dòm chừng động tĩnh của ông. Trước kia, nào phải ông tham gì danh lợi mà ra

làm quan. Cũng bởi nhà cầm quyền có ý nghi ngờ ông từ lâu, toan buộc ông vào vòng để dễ kiểm soát và để mua chuộc ông dần dần, nên mới cố ý, cố tình cử ông làm Hội đồng. Ông cũng tự biết mình đã bị nghi ngờ, nên lúc ấy mới đành nhận chịu cho qua. Kịp khi ông từ chức, ông càng hiểu hơn ai rằng, từ nay, màng lưới trinh sát của nhà cầm quyền Pháp sẽ chực sẵn để chụp lấy Ông, khi chúng đã tìm thấy bằng chứng rõ ràng.

Biết như thế, nhứt cử nhứt động ông đều dè dặt, khôn khéo tránh né mỗi khi bị hỏi sắn hỏi đón. Một mặt ông sắp đặt cuộc xuất dương, vì liệu trước phải cao bay xa chạy, mới mong làm được việc.

Đã quyết ý, ông chuẩn bị lên đường. Khoảng năm 1908, ông lén xuất dương, sang Trung Hoa, Nhật Bản rồi sang Thái Lan (Xiêm). Thời kỳ lưu trú ở Thái Lan, ông cùng với cụ Phan Bội Châu thuyết phục Thiệu Quảng Thiên Sư tục gọi Thầy Rau, một đồng bào người Bến Tre tu hành ở Thái Lan, khiến Thiệu Quảng Thiên Sư cảm kích, trở về nước quyên tiền giúp du học sinh đang lâm cảnh chật vật ở Vọng Các. Xong việc này, ông lại sang Trung Hoa.

Nặng lòng vì Tổ quốc, ông hy sinh chẳng quản ngại gì, gót chân bôn ba hầu khắp, nhiệt thành làm tất cả mọi việc mà đồng chí tin cần giao cho. Lúc nào ông cũng hăng say với nhiệm vụ.

Khi ngụ ở Hàng Châu, nhân mến một nữ chí sĩ Trung Hoa đã hăng hái hoạt động cứu quốc trong năm Tân Hợi 1911, ông làm một bài thơ tặng :

*Mưa Âu gió Mỹ tạt về Đông,  
Lò tạc Hàng Châu đúc má hồng.  
Hồ hải bốn phương rày tới gái,  
Cương thường riêng gánh chằng cần chồng.  
Thân hèn bao quản không nhà ở,  
Chí cả toan đền có nước chung.  
Son phấn như vầy đâu dễ kém,*

*Tây hà cây cỏ thảy thơm nồng.*

Tuy tặng nữ chí sĩ nước người nhưng thâm tâm Ông hẳn hướng về đất tổ quê cha, ngậm ngùi mong mỏi cho thiếu niên nam nữ ta xem đây làm gương, cùng dốc chí đèn bời ơn tắc đất ngọn rau.

Ông vốn trang văn học tài hoa, nhưng ít khi ông ngâm hoa vịnh nguyệt, hay xem văn chương như trò du hí mà bay bướm múa bút trong lúc trà dư tửu hậu. Ông không làm thơ thì thôi, hễ có cảm xúc nên thơ, thì lời thơ của ông bộc lộ cốt cách nhà chí sĩ, gói ghém tâm tình trong những áng thơ khích động lòng ái quốc.

Huống chi, ông vốn con nhà phong lưu, sang giàu, thế mà hy sinh tất cả bả vinh hoa phú quý, dẫn thân vào cuộc đời gió bụi đầy gian khổ của con nhà cách mạng, không một việc khó nhọc nào mà ông không làm được.

Trải 5 năm dẫn thân ở các nước ngoài để vận động tranh thủ độc lập cho nước nhà, ông nêu cao tấm gương cần lao, nhẫn nại, nhiệt thành lo lắng cho tiền đồ Tổ quốc, đồng bào, khiến hầu hết anh em đồng chí đều cảm mến ca ngợi tinh thần hy sinh phục vụ của ông.

Đến cuối năm 1913, khi ông cùng Huỳnh Hưng vận chuyển một số tạc đạn đã mua được ở Hương Cảng, ông bị chính quyền địa phương bắt giải giao cho Pháp, rồi bị đưa về nước, đem giam ở khám Hà Nội.

Hùm thiêng khi đã sa cơ, biết bao ngậm hận nuốt đau ! Quần quại trong sự tra khảo dã man của cường quyền, ông kiên gan không để cho chúng khai thác điều gì. Sầu hận miên man, đúng vào ngày mồng một tết Giáp Dần 1914 ông tự vẫn chết trong ngục.

Chí sĩ Nguyễn Quang Diệu ở Cao Lãnh, sau đó có mấy vần thống thiết khóc ông :

*Bấy lâu bay bổng cánh minh hồng  
Lạc lối giờ ra phải mấy cung.*



*Chín tuổi có thiêng hồn Tổ quốc  
Trăm năm còn tạc gánh tang bồng.  
Đổi đời nghĩ gớm câu dâu bể,  
Thổ lộ cùng ai chuyện núi sông.  
Thôi để làm gương cho sắp bé,  
Nghìn năm trong nước dấu anh hùng.*

Chúng tôi tới tỉnh Cần Thơ, tìm đến thăm viếng bác sĩ Nguyễn Như Giu là miêu duệ hai đời cụ Nguyễn Thần Hiến. Bác sĩ rất vui vẻ tách bình dân, không ngần ngại trình bày cho chúng tôi hiểu thêm cuộc đời cách mạng của cụ Hiến, gặp lắm bước thăng trầm trên đường tranh đấu. Chính bác sĩ Nguyễn Như Giu cũng chịu ảnh hưởng việc làm của cụ ít nhiều ; phải trả một món nợ tinh thần : bị Pháp bắt giam tại Cần Thơ suốt 5 tháng, kết án là con cháu nhà cách mạng, vì lúc ấy Bác sĩ không chịu đứng ra hợp tác với Pháp, giữ đúng lời di chúc của nội tổ và phụ thân. Pháp tức giận, làm khó dễ đủ thứ, nào là tịch biên gia sản v.v... Mặc dầu chúng đàn áp gắt gao, nhưng không sao lay chuyển được tấm lòng cương trực, trái tim sắt thép của kẻ thức thời, không phản lại những việc làm của tiền nhân.

Sau một thời gian mua chuộc Bác sĩ không được, chúng đành trả lại tự do. Từ ấy đến nay, Bác sĩ vẫn mở phòng mạch phục vụ đồng bào, giữ được câu thanh giá cho tổ tiên.

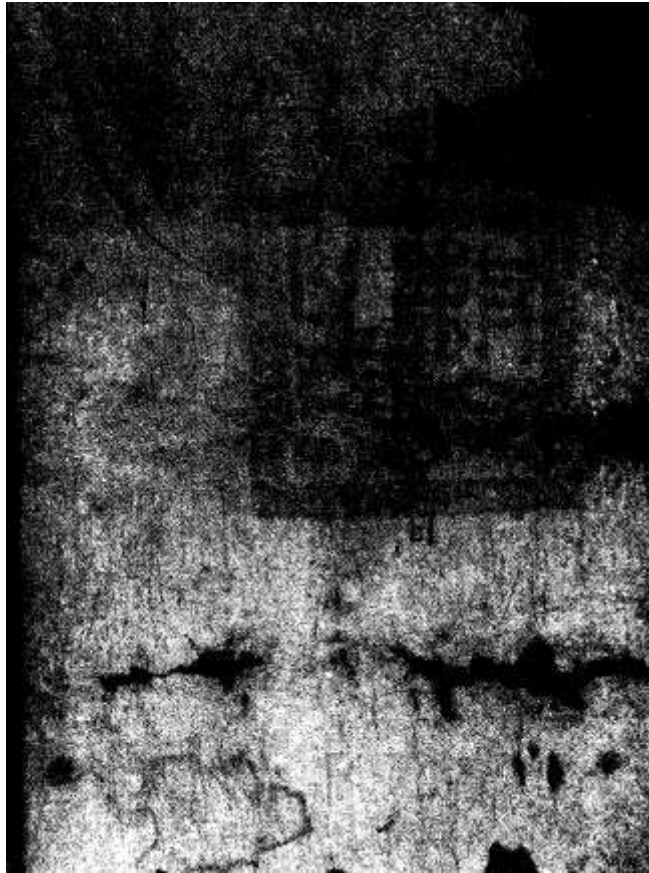
Nhìn vào gia cảnh của bác sĩ : một ngôi nhà ngói xưa thấp, bên trong có nhiều đồ cổ, nào là bàn ghế đều chạm cẩn ốc xa cừ, trên bàn thờ có hình cụ Nguyễn Thần Hiến và ông thân là Nguyễn Như Bích, một nhà cách mạng đã từng theo chân cụ Cường Để.

Tuy Bác sĩ là người Tây học, hấp thụ nền văn hóa Tây phương, nhưng trái lại có tinh thần tồn cổ, thích cái gì cổ kính ; từ trong nhà cho đến ngoài sân đều giữ dáng nếp theo người xưa.

Bác sĩ còn cho biết thêm, giữa thời buổi vật chất, tranh giành hơn thua, nào là danh lợi, quyền thế quyền rũ, nhưng gia đình chúng tôi quan niệm đem nghề nghiệp ra phụng sự giúp người nghèo khổ, sống một cuộc đời tự chủ, không nghĩ gì đến câu danh lợi.

Trong nửa giờ hầu chuyện với bác sĩ Nguyễn Như Giu đã nhận chân chí hướng và thân thế của Ông, làm cho chúng tôi có nhiều cảm tình và quý mến, trước khi kiếu từ ra về với cái siết tay thân mật, trên môi Bác sĩ nở một nụ cười thông cảm và hứa sẽ giúp đỡ chúng tôi về chân dung và bút tích của cụ Nguyễn Thần Hiến để ghép vào quyển sách này với những tài liệu trung thực.

## ẤN TÍCH VÀ SẮC CHỈ CỦA VUA TỰ ĐỨC (Năm thứ 17)



*Ban cho cụ Nguyễn Như Ngươn, phụ thân cụ Nguyễn Thần Hiến, khi mới sinh đặt tên là Nguyễn Như Khuê. Cụ Nguyễn Như Ngươn làm quan cùng thời cụ Phan Thanh Giản, và từ chức tại Vĩnh Long, về quê ở Hà Tiên, sau khi cụ Phan tử tiết.*

## DI BÚT CỦA CỤ NGUYỄN THẦN HIẾN



*Đây là bài văn chữ Hán của cụ Nguyễn Thần Hiến làm để tặng đền thờ Mạc Cửu. Bài văn khắc vào đá, hiện thời vẫn còn tại chùa Mạc Cửu ở Hà Tiên.*

## X. LÊ QUANG CHIẾU (Cai tổng Chiếu)

*Một người không màng danh lợi, can đảm từ quan để cùng chia đau khổ với đồng bào trong cảnh bị trị*

Nơi tiểu sử Đinh Sâm, chúng tôi đã nói đến một hạng Cai tổng hét ra lửa trong thời người Pháp mới thiết lập guồng máy cai trị ở xứ này. Dựa hơi quan thầy, họ đã làm mưa làm gió, khiến dân chúng điêu đứng căm hờn, dần dần phải ngã theo với những ai biết đứng lên nêu cao tinh thần bất khuất của dân tộc. Đại diện hạng người tay sai ra sức đàn áp đồng bào ấy, chúng ta đã biết qua về vụ Cai tổng Nguyễn Văn Vĩnh với Đinh Sâm. Nhưng, lại còn một hạng Cai tổng khác đáng mến vô cùng, không hạch sách để bóc lột dân mà trái lại còn thương dân và hằng che chở cho, rồi đến khi nhìn thấy rõ chân tướng của thực dân, thì chẳng ngần ngại gì mà từ chức ngay. Ấy là vị cai tổng Lê Quang Chiếu, tục gọi Cai tổng Chiếu, một viên quan đáng mến về mặt đức độ, mà cũng đáng ca tụng về mặt văn học.

Lê Quang Chiếu người xã Phong Điền (Cần Thơ), quận Châu Thành, ông sinh năm 1853. Khi ông vừa đến tuổi thành niên thì mắt đã từng chứng kiến cảnh khói lửa chiến tranh mịt trời mảnh đất quê hương, lòng ông hẳn cũng đã từng chua xót, lòng tự hỏi mình đã làm được gì cho đất nước lúc nguy nan ?

Sáu tỉnh Nam kỳ thuộc Pháp ! Huyện Phong Phú (Cần Thơ) bắt đầu thành lập tỉnh từ năm 1868, và cũng chính trong năm này cuộc khởi nghĩa của Đinh Sâm xách động dân chúng Ba Láng, Trà Niềng cùng đứng lên, hẳn cũng từng khiến ông băn khoăn nghĩ ngợi nhiều.

Vì gia thế ông tương đối có uy tín trong vùng, nên bấy giờ Ông được cử làm Cai tổng. Từ chối không xong, mà nhận chức thì lương tâm cắn rứt. Sau cùng ông nghĩ ra được một diệu kế : Cứ nhận chức, nhưng có điều gì giúp đỡ cho dân chúng nhờ thì giúp, không thì thôi, tuyệt đối không làm

khổ dân như những hạng cường hào ác bá. Ông hằng nhủ lòng với hai câu thơ trong bài « Từ Thứ quy Tào » của Tôn Thọ Tường :

*Chẳng đặng khôn Lưu thà đại Ngụy,  
Thân này xin gác ngoại vòng thoi.*

Tuy nhiên, hơn Tôn Thọ Tường một bậc, Ông vẫn hằng đứng về phe sĩ phu như Đồ Chiểu, Cử Trị, cụ Tuần phủ về hưu Huỳnh Mẫn Đạt. Ông công khai tỏ ý ấy trong 10 bài họa thơ Cử Trị về thời cuộc nước nhà, lời lẽ thiết tha mến nước thương nhà. Ngoài ra, ông cũng thường họp bạn văn chương, xướng họa văn thơ tao nhã.

Rồi càng đắm mình trong dòng suy tư, dần dần chán đường công danh, nhất là công danh không tốt đẹp gì dưới danh nghĩa phục vụ ngoại bang, ông càng quả quyết phải tách mình ra khỏi chốn hoạn trường, để giữ thân tâm được trong sạch, sao cho không hổ thẹn với sĩ phu trong cơn quốc phá gia vong

Đã quyết định, ông thi hành ngay ý định, nộp đơn xin giải chức. Trong 10 bài « Tự thuận giải chức », ông có mấy câu thắm thía :

*Dây ben máng cánh thêm ràng buộc,  
Mộc ký đeo lưng khó khỏe hòa.*

Thế là ông cởi phăng dây ben tam sắc (biểu tượng chức vụ Cai tổng) và giao trả mộc ký (con dấu) lại cho chánh phủ Bảo hộ, lui về vườn cũ cỏ hoa, sống cuộc đời ẩn dật. Phong thái của ông như thế, khiến được các sĩ phu cảm mến phần nào.

Khoảng năm 1903, ông cho xuất bản tập « Quốc âm thi hiệp tuyển » gồm có thi ca của ông và của các sĩ phu miền Nam. Bộ sách này kể cũng xứng đáng cho văn học giới hoan nghênh, vì hầu hết là những áng thơ hay, có ý vị.

Cho nên, người đời sử dĩ còn nhắc đến ông mãi, vì thái độ ấy dù sao cũng đẹp hơn Tôn Thọ Tường nhiều. Để hiểu rõ ông hơn, thiết tưởng nên ghi lại đây một đôi bài liên hoàn « Tự thuận giải chức » rất thâm trầm, bộc lộ tất cả tâm tư tình ý của ông :

## I

*Nhợ tổ mừng đà giải khỏi qua,  
Giải rồi mới nghĩ tấm lòng ta.  
Dây ben máng cánh thêm ràng buộc,  
Mộc ký đeo lưng khó khỏe hòa.  
Có thóc gà lồng nôi nước cận,  
Không lương hạc nội đất trời xa,  
Sao bằng ở thế vui theo thú,  
Bốn bể đâu đâu cũng có nhà.*

## II

*Có nhà phải đủ thuế cùng râu,  
Râu thuế xong rồi há sợ râu,  
Ba chén rượu đào hơi sốt sáng,  
Ít bài thơ lý tứ cao râu.  
Miễn ta giữ trọn niềm ngay thảo,  
Dũng thế dầu kêu tiếng ngựa râu.  
Ông Lữ một cần câu Vị Thủy,  
Xe Châu đón rước cũng phong râu.*

Trong số 10 bài thơ chúng tôi chỉ trích ra 2 bài trên đây để biết qua tâm ý của cụ không ham danh lợi, sớm giác ngộ biết cái đạo minh triết bản thân, từ quan ở ẩn là thật ra cụ nặng lòng yêu nước.

Và cũng chính tấm lòng yêu nước thúc đẩy, cụ đã họa 10 bài Tự thuật của Tôn Thọ Tường, lời lẽ cũng gay gắt, chẳng kém mấy bài họa của cụ Cử Trị. Để nhắc nhở những ai như Tôn Thọ Tường, cụ có hai câu xuất sắc :

*Giúp trị lẽ nào dung đặng gã,  
Trừ loạn rồi có kể chi người.*

Còn gì thâm thúy hơn mấy lời trên ? Từ xưa đến nay, đã biết bao nhiêu cái gương vua chúa trọng vọng hiền tài lúc loạn, khi nhờ đó mà bình trị được, yên rồi thì hiền tài cũng bị giết luôn. Câu than của Hàn Tín muôn đời hãy còn văng vẳng : « *Giảo thổ tử tẩu cầu phanh ; cao điều tận lương cung tàn, định quốc phá mưu thần vong* ». Muông thú hết rồi thì chó săn cũng bị mổ làm thịt ; chim cao đã bắn sạch, cung tốt cũng bị cất đi ; nước địch đã phá được, mưu thần rồi cũng mất mạng !

Chúng ta đã biết 10 bài Tự thuật của Tôn Thọ Tường và bài họa của Bùi Hữu Nghĩa (chỉ họa bài 1) và 10 bài họa của cụ Cử Trị, thiết tưởng không thể không biết qua một đôi bài họa của Lê Quang Chiêu, để thêm đậm cảm tình với vị Cai tổng có tâm hồn cao đẹp :

## I

*Rèn lòng đinh sắt hãy còn đây,  
Nín mẫn cho qua cái hội này.  
Hạc lộn bầy gà thương nỗi kẻ,  
Chồn mang lột cọp gớm cho bây.  
Lỡ duyên cá nước toan chờ vận,  
Gặp lúc rồng mây há chẳng ngày.  
Sớm tính che phen ngừa gió cả,  
Cột rường chống chỏi sẽ lung lay.*

Qua tinh thần bài thơ trên đây, chúng ta sẽ cảm mến kính phục tấm lòng sắt thép của cụ, đã dứt khoát tư tưởng, bất hợp tác với kẻ xâm lăng cướp nước, lui về cố quán với nỗi niềm uất hận, không muốn nhìn thấy cảnh nước mất nhà tan.

Theo sự tra cứu của chúng tôi, cụ có làm tất cả 10 bài ai oán, phản nộ, bất bình, nhưng tiếc rằng không thể đăng hết, chỉ lược qua một bài đầu để



tượng trưng tiết tháo của cụ cũng đủ.

Ngày nay nói đến cụ Lê Quang Chiêu, một vị Cai tổng thời ấy dám đứng lên binh vực cho dân, nói thẳng với người Pháp qua chánh sách cai trị, nào là sưu cao thuế nặng, bắt dân đi làm xâu nơi rừng thiêng nước độc ; trước sự tàn bạo của thực dân, cụ Chiêu lấy làm cảm phần liền trả chức đứng về phía nhân dân, quyết giữ câu tiết tháo không khác nào trường hợp cụ Nguyễn Công Trứ thuở nào.

*Chen chúc lợi danh đà chán ngắt,  
Cúc, tùng, phong nguyệt mới vui sao.  
Đám phần hoa trót bước chân vào,  
Sực nghĩ giật mình bao xiết kể.*

Cụ Chiêu nghĩ như thế mới rời khỏi chốn quan trường, giữ được thanh danh của người trai đất Việt, đến nỗi kẻ đua nịnh xu thời theo chân người Pháp cũng phải cúi đầu kính nể.

Xuyên qua việc làm của cụ trên đây, đã gây được nhiều tiếng vang trong tình, nhất là thân nhân cụ cũng được thơm lây, thế nhân hằng nhắc nhở đến con người đầy tiết tháo. Tổ quốc sẽ ghi ơn một đứa con trung thành của đất nước, dám hy sinh cuộc đời quyền quý không tham danh lợi, chỉ biết phụng sự cho đại chúng và chính nghĩa.

Ngày nay tại Cần Thơ còn những người cháu của cụ đều là nhà tai mắt có danh trong xã hội lắm người biết.

Như Bác sĩ Lê Văn Hoạch đã từng làm Thủ tướng trong Chính phủ Nam kỳ tự trị ngày 6 tháng 12 năm 1947 đến 29 tháng 7 năm 1948 và năm 1964 làm Quốc vụ khanh. Và hiện nay ông cũng là một chức sắc quan trọng trong Đạo Cao Đài, kể ra gia đình cụ Lê Quang Chiêu là một trong những gia đình giàu có của thời xưa, đã nêu cao thanh giá cho dòng họ Lê ít nhiều. Ngạn ngữ có câu :

*Khen cho kiếp trước khéo tu,*

*Hôm nay con cháu võng dù hiển vinh.*

Hai câu ấy ám chỉ cho những ai biết tạo phước đức, làm lành ở hiền, giúp đời, nay con cháu được sang cả.

Chúng tôi chỉ ghi chép lại đôi nét quá trình thân thế của cụ Lê Quang Chiêu, nói lên tấm lòng dũng cảm, sự hy sinh cao cả của vị Cai tổng thời thực dân, lưu lại tiếng thơm muôn thuở và cũng là bài học cho những ai ham bã lợi danh quên cả giống nòi.

# XI. DÂN CHI PHỤ MẪU PHAN VĂN CHI

## (Nguyên Đốc phủ sứ)

Trong thời đại nào, bất cứ ở địa phương nào, trong đám « cha mẹ dân », nếu lắm người sâu dân một nước, trái lại cũng có vị đạo đức thanh liêm.

Bởi thế cho nên, Đốc Khổng Tử mới than : « *Hà chánh mãnh ư hổ* » : chánh sách bạo ngược dữ hơn cọp !

Năm 1945, khi Việt Nam thay đổi chánh quyền, tại miền Nam, ngót mười viên quan cao cấp hành chánh bị « thanh toán », một bài học hay cho những ai dựa oai thế Thực dân bóc lột đồng bào.

Nói về nhân vật tỉnh Cần Thơ xưa và nay, chúng tôi thấy có phận sự đề cao một công bộc gương mẫu, đảm nhiệm chức vụ chủ quận Trà Ôn và sau làm Phó tỉnh trưởng Châu Thành. Suốt mười năm làm việc, ông được các quan cai trị người Pháp kính nể yêu vì, và nhân dân mến phục.

Ấy là cố Đốc phủ sứ Phan Văn Chi.

Không bao giờ thiên hạ đồn ông thọ lãnh trái cam nải chuối của ai, đừng nói chi tiền bạc, và trong lúc thi hành chức vụ cũng như đối xử với đồng bào, ông thật không hổ với vị tiền bối họ Phan, Kinh lược Nam kỳ, cụ Phan Thanh Giản và cũng xứng với bốn chữ « Liêm, Bình, Cần, Cán » mà vua Tự Đức đã ban cho cụ Phan.

Lúc bấy giờ, vào năm 1934-35, quận Trà Ôn bị nạn cường hào quấy nhiễu, mà lão ác bá « nổi danh một thời » còn coi ông tỉnh trưởng không có kí nào thay, đừng nói chi tới ông phó quận nhỏ nhen ! Mấy ông này khi có điều gì không vừa lòng lão, lão lên Sài Gòn một chuyến là ông quận rường tráp đổi đi lẹ lẹ : lão chơi thân với Toàn quyền Pasquier kia mà !

Thế mà lão ác bá hách dịch, mưu mô lại không làm gì được ông chủ quận họ Phan ? Bởi sao ? Là vì ông Nouailhetas, tỉnh trưởng Cần Thơ là

người thân tín của Pasquier, mà ông Phan thì được Nouailhetas hiểu biết quá nhiều.

Thế nên, dầu ở trong hang hùm, ngồi kề nọc rắn, song nhờ chánh sách khôn ngoan, chống không chống, thân không thân, chẳng ai mua chuộc được. Thanh liêm, công bình, nhân đạo, không có chỗ nào sơ hở nên ông Phan vẫn an như bàn thạch.

Noi gương thanh liêm của ông, tổng làng trong lúc thừa hành công vụ cũng ngay thẳng đàng hoàng, người dân sống yên ổn sung sướng.

Thời buổi ấy, quận Trà Ôn đáng kể là hạng nhứt trong năm quận Cần Thơ : Cái Răng (Châu Thành), Ô Môn, Phụng Hiệp nằm ở hữu ngạn sông Hậu Giang và Trà Ôn, Cầu Kè ở tả ngạn.

Năm 1938, ông Phan Văn Chi đặc lệnh đổi qua trấn nhậm quận Châu Thành, làng xã, nhân dân trình lên chủ tỉnh nhiều lá đơn, thỉnh cầu lưu ông ở lại quận Trà Ôn. Không được toại nguyện, họ theo đưa ông đông đảo, long trọng, trên đường dài suốt hai mươi cây số ngàn, từ quận Trà Ôn đến Châu Thành.

Năm 1942, một bọn người quá khích chiếm công sở Phú Hữu, đốt số bộ, phá phách tủ bàn. Làng báo quận, vì nhiệm vụ ông Phan đi với một toán lính đáp thuyền máy qua Phú Hữu, bắt vài người, chở về Cần Thơ.

Mật thám Pháp hỏi ông : « Sao không cho lính « bắn bỏ » mấy người ấy, đập xuống sông ».

Ông nghiêm nghị đáp : « Họ có tội hay không thì để cho pháp luật xét xử ! Bắn giết người, đó không phải phận sự của quan hành chánh ».

Năm 1946, lúc Bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh làm Thủ tướng Nam kỳ tự trị, ngài dùng ông Phan Văn Chi làm Đồng lý văn phòng.

Bác sĩ Thịnh từ trần, ông Đồng lý từ chức. Sau đó, ông Trần Văn Hữu làm Tổng trấn kế làm Thủ tướng, nhiều phen mời ông Phan Văn Chi giữ

một bộ trong nội các, nhưng ông một mực khước từ.

Hiện nay, gần ba mươi năm đã trôi qua, và mặc dầu ông Phan Văn Chi đã là người thiên cổ, dân chúng Cần Thơ, nhất là Trà Ôn, còn giữ kỷ niệm mến tiếc đối với ông.

# TẠM KẾT

Để tạm kết qua phần Danh nhân, chúng tôi thấy trong quá khứ còn nhiều nhân vật quan trọng, đã dày công tô điểm lịch sử tỉnh Cần Thơ. Những nhân vật này chưa được ghi chép đầy đủ vì sự khiếm khuyết của ngành sử học trong thời gian qua. Chúng tôi tin rằng với sự nghiên cứu của những nhà chuyên môn và sự tham gia của những người yêu sử học ở Cần Thơ, lần hồi đưa ra ánh sáng nhiều tấm gương tranh đấu, kiến quốc, từ lâu chưa được nêu lên.

Suốt thời gian trên đường tẩu quốc của chúa Nguyễn Ánh, khắp miền Nam đã có biết bao anh hùng chí sĩ địa phương ra phò tá, lập được nhiều chiến tích đáng nêu gương. Qua trào người Pháp đến xâm chiếm ba tỉnh miền Tây, Cần Thơ là nơi ung đúc nhiều chánh khách, những nhà cách mạng chân thành nặng lòng vì tổ quốc, đứng trên lập trường dân tộc, nổi lên phản kháng chế độ tham tàn của thực dân Pháp. Bọn cai trị liền đàn áp dữ dội, lớp bị tù đầy, chết chóc, lớp khác lưu vong ra hải ngoại v.v...

Nhưng thiết tưởng lịch sử là vấn đề phê phán lâu dài, chờ yếu tố thời gian. Chúng tôi chưa dám vội nêu danh các vị ấy, hoặc viết tiểu sử, e quá sức và có lẽ chính các vị ấy cũng không muốn.

# NỔI CHÍ NGƯỜI XƯA

**Vài nét điển hình của chiến sĩ miền Tây với ý chí kiêu hùng, tinh thần bất khuất.**

Theo dấu người xưa, chúng ta lấy làm cảm khái nêu lên các bậc Danh nhân tiền bối đã dày công mở mang bờ cõi, làm rạng rỡ nước non nhà, có những vị tiền hiền khai hoang lập ấp kiến thiết nông thôn vững chãi từ thuở xa xưa, biết bao tinh thần, tâm huyết, xương máu hy sinh tô điểm giang sơn, cứu nguy tổ quốc, mưu hạnh phúc cho giống nòi.

Trải qua bao đời, Lê trào Nguyễn chúa tranh hùng, đất nước Việt Nam ta chịu bao khói lửa đao binh, tang tóc. Nhưng trưởng thành trong đau khổ, càng lâm nguy dân tộc càng xuất hiện những trang trung liệt, trải mật phối gan, liên tục tranh đấu, lịch sử hăng chứng minh tỏ rõ. Các vị ấy đã nêu cao thanh giá khí tiết của giống Tiên Rồng.

Việt Nam mến yêu ! Việt Nam khói lửa !

Qua bao cuộc thăng trầm của đất nước, không một ai chẳng khói ngậm ngùi chua xót cho cảnh cốt nhục tương tàn.

Chúng tôi một nhóm văn nhân nặng lòng vì non nước yêu mến quê hương, dày công sưu tầm qua những phần lịch sử và chuyện xưa tích lạ từ tỉnh một ở Nam phần Việt Nam, mục đích phụng sự của chúng tôi làm sống lại tinh thần bất khuất của các danh nhân đã hy sinh vì tổ quốc.

Hôm nay viết đến quyển « CĂN THƠ XƯA và NAY » lòng chúng tôi rất băng khuâng hồi tưởng nơi đây là quê hương của các nhà chí sĩ cách mạng, như cụ Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Thần Hiến, Đinh Sâm v.v... Người có tinh thần ái quốc với quả tim dũng cảm, hy sinh sự nghiệp thân thể đứng lên kháng Pháp, khi ba tỉnh miền Tây đã lọt vào tay quân đội viễn chinh. Lúc bấy giờ các sĩ phu trong nước nổi lên với nhiều phong trào chống Pháp,

nhóm Cần Vương, trăm tặc nghĩa sĩ quân v.v... quyết tâm mở ách bút xiềng cho con Hồng cháu Lạc. Ở Bến Tre thì có Phan Tôn, Phan Liêm, Lê Tấn Kế dẫn binh tại Ba Tri, Giồng Trôm, Định Tường thì Thiên Hộ Dương, Nguyễn Hữu Huân dàn mặt trận Đồng Tháp, Gò Công thì Trương Định vây vùng nơi đám lá tối trời vùng Lý Nhân, Tân An và sông Nhật Tảo anh hùng Nguyễn Trung Trực đốt tàu Pháp, Châu Đốc, Long Xuyên thì đức Cố Quán, Bảy Thưa đều dẫn binh đánh Pháp tại Láng Linh, Rạch Giá thì có Phó cơ Nguyễn Hiền Điều, Lâm Quang Kỳ với võ khí thô sơ nhưng lòng dũng cảm đã nêu cao thanh giá chiến sĩ miền Tây của thời quá khứ...

Riêng tỉnh Cần Thơ, giặc Pháp khủng bố hoành hành khói lửa lan tràn gây thảm họa cho dân chúng đứng ngồi không yên, lúc bấy giờ tại Trà Niềng có một chàng trai trẻ tên Đinh Sâm cùng một số nghĩa quân xuất thân trong đám nông dân nổi lên chống Pháp dàn trận tại Ba Xe Cầu Nhiêm, (nay là quận Phong Điền mới vừa thành lập của tỉnh Phong Dinh).

Đây là quê hương của ông Lê Quang Chiêu, người có nhiều tiết tháo, treo ấn từ quan quay về với tổ quốc, đứng lên phản đối bọn xâm lăng Pháp, định đem ách nô lệ đặt lên cổ người dân Việt.

Nơi vùng này lại còn một di tích là ngôi mộ của nhà chí sĩ Phan Văn Trị tức cụ Cử Trị gởi năm xương tàn nơi quý địa, sử sách đã nêu danh.

Ngày nay nói đến Tây Đô của thời xưa mà không đề cập qua lãnh vực vùng IV Chiến thuật, tìm hiểu những nét kiêu hùng của những người trai thế hệ đang tiến thân trên con đường phụng sự cho đất nước dân tộc là một điều khiếm khuyết đối với lịch sử mai sau.



**PHẦN THỨ BA : DI TÍCH – HUYỀN SỬ – GIAI  
THOẠI**

## MỘ BIA CỤ BÙI HỮU NGHĨA



*Trước mộ có tấm bia đá của con cụ là Bùi Hữu Tú dựng, khắc mấy chữ : «  
Đại Nam Hiến khảo giải nguyên Bùi phủ quân chi mộ tốt vu nhân thân niên  
chánh ngoạt năm nhứt nhứt nam Bùi Hữu Tú kính lập ».*

# DI TÍCH LỊCH SỬ

## NHỮNG NGÔI CỐ MỘ TỌA LẠC TẠI CẦN THƠ

### 1. MỘ BÙI HỮU NGHĨA

Mộ cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa nằm tại đất Trùm Neo, trong vườn ông Đốc phủ Dương Thân Hỷ ngày trước, cách thị trấn Cần Thơ lối 5 ngàn thước.

Môn đệ của cụ là ông Nguyễn Giác Nguyên xây dựng chùa Nam Nhã tại Bình Thủy, nơi chùa có bài vị thờ cụ, bà chánh thất và kế thất của cụ.

Trong năm 1942 hội Khuyến học Cần Thơ đứng ra trùng tu ngôi mộ cụ được vẻ vang.

Thân thế và văn chương của cụ ngày nay đã vang truyền. Người vợ chánh của cụ là Nguyễn Thị Tồn là bậc hiền đức<sup>23</sup> trinh liệt, từng ra tận đế đô gióng trống kêu oan cho cụ, được đức Từ Dũ hoàng thái hậu khen ngợi. Bà vợ thứ hai là Lưu Thị Ký cũng là bậc hiền phụ.

### 2. MỘ VÕ DUY TẬP

Sau miếng ruộng cách công sở xã Long Tuyền độ 200 thước, có một ngôi mộ lúc trước ghép bằng đá ong, xây vòng thành bằng gạch. Ấy là mộ vị Lãnh binh Võ Duy Tập. Ông là vị công thần dày công khuông phò hai triều Gia Long, Minh Mạng, dẹp loạn yên dân. Chẳng may khi chống nhau với quân Miên tại Sóc Trăng, ông bỏ mình nơi Bưng Trọt, thi hài đem về an táng nơi cố quán Long Tuyền.

Sống làm tướng thác làm thần. Anh linh ông hiển hách, được đồng bào Sóc Trăng sùng phụng tôn thờ nơi đình làng Khánh Hưng. Và tại đình làng Long Tuyền (Bình Thủy), đồng bào cảm mộ ơn hộ quốc tế dân của ông, nên cũng có tạc bức chân dung của ông bằng lụa nổi để phụng thờ, chiêm

ngưỡng một nhân vật ưu tú của quê hương. (Xin xem ảnh ngôi cổ mộ ở phần Danh nhân)

### **3. LĂNG ÔNG NGUYỄN VĂN TỒN**

Tại làng Thiện Mỹ, chợ Trà Ôn, có lăng ông Điều bát Nguyễn Văn Tồn, hoặc gọi là lăng ông Thống Chế Duồng. Nhưng nhiều người không biết rõ, lại gọi là lăng ông Hoàng Chàm hay Hoàng Chà.

Gọi là lăng ông Hoàng Chàm hay Hoàng Chà thì rất sai lầm. Ấy là mộ ông Nguyễn Văn Tồn. Vì ông vốn là người Việt gốc Miên, nên có tên riêng là Duồng. Khi chúa Nguyễn Ánh bôn tẩu trong Nam, ông theo giúp, ra sức chống Tây Sơn, phủ dụ đồng bào Miên hỗ trợ, chúa Nguyễn cảm kích phong ông làm chức Điều bát, nên dân gian thường gọi là ông Điều bát. Sự linh thiêng của ông khi đã về thần, đồng bào Trà Ôn đều khiếp phục, truyền tụng công đức.

Vì Trà Ôn tuy thuộc tỉnh Vĩnh Bình ngày nay, nhưng xưa vẫn là một quận của tỉnh Cần Thơ, nên tiểu sử ông chúng tôi đã ghi chép ở phần Danh nhân tỉnh nhà, và nơi đoạn sau trong phần thứ ba này, chúng tôi có ghi lại huyền sử « Oai linh ông Điều bát ».

### **4. MỘ CỤ PHAN VĂN TRỊ**

Mộ cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa đã được trùng tu đẹp đẽ bao nhiêu, thì ngôi mộ cụ Cử Phan Văn Trị<sup>24</sup> tại chợ Phong Điền lại nào nùng bấy nhiêu. Mộ đất đã lồi, thiếu người hương khói !

Khoảng năm 1942, ông Kiều Thanh Quế có đến Phong Điền viếng mộ cụ, chua xót thổ lộ trong bài « Ngôi mả hoang » đăng trên tuần báo « Tri tân ». Sau đó ông Hội trưởng hội Khuyến học Cần Thơ là bác sĩ Lê Văn Ngôn cùng một vài anh em trong Hội cũng thăm viếng mộ cụ với niềm băng khuâng cảm kích. Đến năm 1963, ký giả Tế Xuyên trong loạt bài phóng sự

« Đi viếng tỉnh Phong Dinh », nhắc đến cụ Cử Trị, cũng ngậm ngùi về năm đất vui thân cụ Cử.

Biên giả vốn nặng lòng hoài cổ, nhắc lại chẳng khỏi cảm xúc :

*Trời Việt mây mờ lúc đảo điên,  
Văn tinh rơi rụng tại Phong Điền !  
Anh phong lẫm lẫm còn ghi dấu,  
Trác lạc từ chương ngọn bút thiêng.  
Đả kích những phường sâu mọt nước,  
Tán dương hào kiệt vẹn hy sinh.  
Thà cam lui ẩn cho tròn tiết,  
Treo để gương trong nhũ hậu sinh.  
Rong chiếc thuyền câu giải muện sầu,  
Nhà tan, nước mất, ruột gan bào.  
Bưng tai cho khỏi nghe kèn lạ.  
Trời nước gọi lòng, lệ thấm sâu.  
Mòn mỗi tuổi già trong khổ hận,  
Tám mươi một tuổi trút hơi tàn !  
Trơ vơ nóm đất dầu mưa nắng,  
Luống tuổi Phong Điền cụ cử Phan !*

## **5. MỘ ÔNG CHÀ HOÀNG**

Mé bên kia bờ sông Cần Thơ, có ngôi mộ cổ xây bằng gạch hồ ô-vượt. Ấy là mộ ông Chà Hoàng. Nhiều người còn gọi là mộ ông Chàm Hoàng hoặc Hoàng Chàm, vì cho đó là người Chàm, thật ra chính là người Chà Châu Giang.

Lúc chúa Nguyễn Ánh bôn tẩu vào Cần Thơ để chống trả với Tây Sơn, tại Châu Đốc có nhóm người Chà Châu Giang kéo về phò chúa. Người đứng đầu nhóm là Chà Hoàng cùng với bạn bè Sana Suốt tinh thông võ nghệ, giỏi bùa ngải, tận tâm giúp Nguyễn Ánh.

Lúc ấy giặc Miên thường khuấy phá các tỉnh miền Tây, Sa Đéc, Cần Thơ, Sóc Trăng. Chà Hoàng chỉ huy anh em trong nhóm hy sinh thân mạng, hết lòng dẹp loạn, đánh với quân Miên nhiều trận dữ dội. Binh tướng Miên dùng chà gạt chém quan quân của ta, Chà Hoàng và Sana Suốt không bao giờ khiếp sợ. Có lần quân Miên cáp duồn chém rách áo giáp Chà Hoàng và Sana Suốt, cả hai vẫn hiên ngang xông pha trận mạc, khiến chúng đều xưng phục. Sau, chúng dốc toàn lực đánh úp chỗ đóng quân của ta. Bên trong, Chà Hoàng đốc suất quân sĩ ngăn chặn ráo riết, dùng đến biệt tài bắn cung bằng chân, làm cho chúng kinh oai.

Nhưng vì quân số của chúng quá đông, Chà Hoàng bỏ mình trong trận này.

Đây cũng là một chiến tích đáng nêu gương, và hài cốt người trung liệt nằm trong vùng Cần Thơ hiện tại.

Theo lời các bô lão địa phương cho biết, hằng năm có những người Chà Châu Giang cư ngụ ở Cần Thơ, Châu Đốc xuống cúng mộ rất trọng thể.

## LĂNG THỐNG CHẾ ĐIỀU BÁT TỤC GỌI NGUYỄN VĂN TỒN



*Lăng này đã có trên một thế kỷ, hiện nay tại làng Thiện Mỹ, quận Trà Ôn, người địa phương rất tôn kính oai linh ông. Quận Trà Ôn trước kia thuộc tỉnh Cần Thơ, nay sáp nhập về Trà Vinh.*

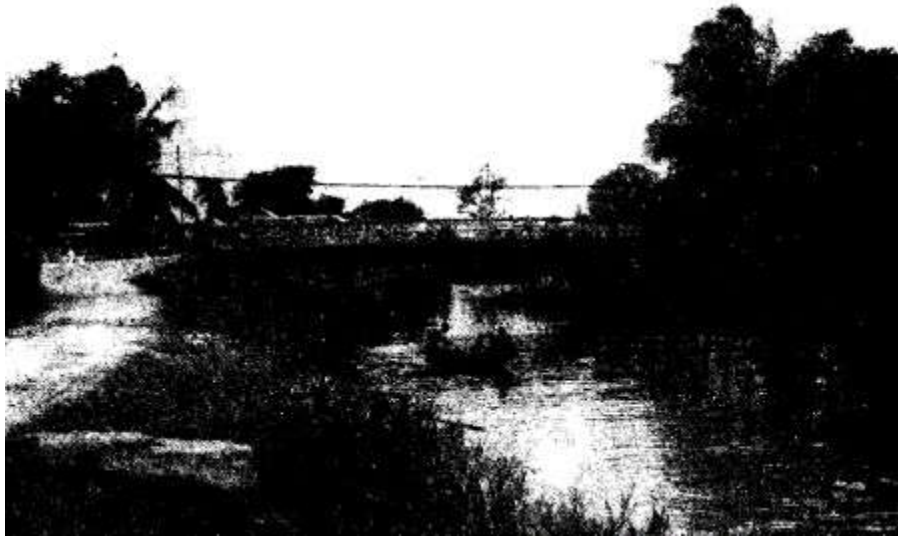
## MỘ ÔNG CHÀ HOÀNG



*Một người có công khuôn phò Nguyễn-Ánh khi bôn tẩu vào Nam. Hiện nay ngôi mộ nằm mé bên kia sông Cần Thơ. Hằng năm có những người Chà đến cúng tế. Ảnh Trần Văn Bé (Phongdinh)*



## CẦU THAM TƯỚNG



*Con rạch và cây cầu mang tên Tham Tướng, kỉ niệm chiến tích vị Tham tướng Mạc Tử Sanh chống Tây Sơn, bảo vệ đất Trấn Giang, bị tử trận. Ảnh Trần Văn Bé (Phongdinh)*

## **RẠCH CẦU THAM TƯỚNG LÀ NƠI THAM TƯỚNG MẠC TỬ SANH ANH DŨNG CHỐNG TÂY SƠN, ĐÈN NỢ NƯỚC**

Nhắc đến những trang mưu quốc anh hùng liệt sĩ không phân biệt màu da chủng tộc, đã có công khuôn phò Nguyễn Ánh trên bước đường bôn tẩu vào Nam.

Chúng ta lấy làm cảm khái cần nêu lên những chiến tích oai hùng của Mạc Tử Sanh đáng cho hậu thế noi gương, tại Cần Thơ ngày nay còn di tích lịch sử mà ít người biết đến, tại sao có cây cầu mang tên Tham tướng ? Sự việc ấy đã chứng minh một cách cụ thể mà chúng tôi đã sưu tầm trong sử liệu, nêu ra ánh sáng hiển quý độc giả tìm hiểu qua các mục di tích đã có trên phần đất Trấn Giang (Cần Thơ) từ thuở xa xưa nay còn lưu dấu.

Theo đại lộ Hoà Bình, đến một cây cầu đúc, thẳng tới là đường đi về thị trấn Cái Răng, vùng cầu đúc ấy mang tên là « Tham Tướng », nên cảnh vật quanh đây đều mang một tên chung : rạch Tham Tướng, cầu Tham Tướng, chợ Tham Tướng.

Tham Tướng ? Ấy là một chức quan võ có từ đời chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát. Mà vị Tham tướng có duyên nợ với vùng đất Cần Thơ này, chính là Tham tướng Mạc Tử Sanh, con quan Đô Đốc trấn Hà Tiên là Mạc Thiên Tứ (cũng gọi là Mạc Thiên Tích).

Tiểu sử Tham tướng chính lý hầu Mạc Tử Sanh, chúng tôi đã ghi chép ở phần Danh nhân. Chẳng những có công mở mang vùng đất này (xưa gọi là Trấn Giang), cha con họ Mạc cũng đã từng khổ nhọc gìn giữ lấy, bảo vệ sinh mạng và tài sản cho đồng bào trong những lúc dẹp nội loạn, ngoại xâm

Cho đến năm Đinh Dậu 1777, trong một trận chống nhau quyết liệt với Tây Sơn tại vùng này, Tham tướng Mạc Tử Sanh tử trận. Ông đã anh dũng cự địch đến phút cuối cùng. Mặc dầu bị quân địch vây phủ trùng trùng, tướng địch kêu gọi đầu hàng, ông vẫn hiên ngang chiến đấu bất khuất.

Tương truyền : khi ông mất rồi, anh linh hiển hách, binh tướng Tây Sơn nếu giở trò đàn áp nhân dân Trấn Giang, từng khiếp trước sự hiển linh ông trừng phạt. Dân chúng Hà Tiên, Trấn Giang mỗi khi có việc gì khẩn bách mà cầu khẩn vong linh ông, đều được ông âm phù mặc trợ cho. Cảm kích niềm ưu ái của ông, lúc sống cũng như lúc chết chẳng quên cứu độ dân chúng, nên vùng đất mà ông đã bỏ mình, được gọi là Tham tướng. Ấu cũng là một sự tưởng niệm xứng đáng đối với bậc đã dày công khai thác và sống chết trên mảnh đất Cần Thơ.

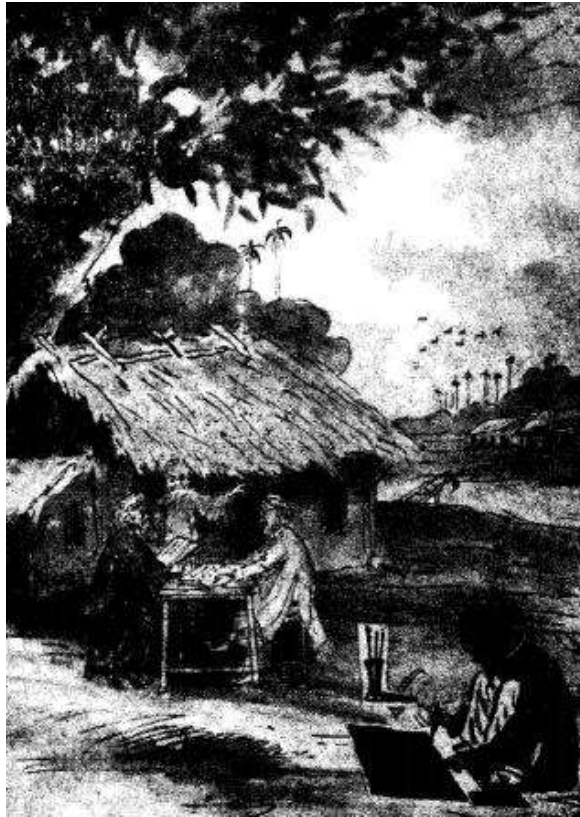
Biết như thế, mỗi khi qua vùng Tham tướng, nếu nặng lòng hoài cổ, hẳn du khách sẽ chẳng khỏi ngậm ngùi di tích hùng hào :

*Vùng Tham tướng nơi gọi nhiều tích cũ,  
Ghi công ơn họ Mạc mở mang.  
Đất Cần Thơ khai thác do Mạc Tứ,  
Huyện Trấn Giang tên gọi thưở ban sơ.  
Từ muôn thưở đất lành thì chim đỗ,  
Tay điểm tô Mạc Thiên Tứ tài tình.  
Đem văn hóa từ Hà Tiên rộng bủa,  
Khắp miền Tây, dậy nước tiếng quang vinh.  
Phải buổi binh Xiêm tràn lan xâm lấn,  
Gặp khi chúa Nguyễn tránh loạn Tây Sơn.  
Dân Trấn Giang từng đứng lên tranh đấu,  
Đỡ vạc nâng thành, chí cả chẳng sờn.  
Noi gương cha, Mạc Tử Sanh oanh liệt,  
Chống Tây Sơn nhiều trận nơi Trấn Giang.  
Quân địch bạo tàn hăng say chém giết,  
Dân Trấn Giang đổ máu rưới giang san.  
Mạc Tử Sanh ! Tham tướng Mạc Tử Sanh !  
Đền nợ nước trả thân ngăn quân địch.  
Mạc Tử Sanh ! Tham tướng Mạc Tử Sanh !*

*Vùng Tham tướng đời đời nêu chiến tích.*

Bài thơ trên đây nói lên tấm lòng dũng cảm của một danh tướng nặng lòng vì tổ quốc, với cái chết liệt oanh, sanh vi tướng tử vi thần, danh lưu muôn thuở, cầu Tham tướng đã bia danh người anh hùng sống mãi với non sông qua bao đời nhắc nhở mền tiếc. Đó chỉ là những điều người ta thêm dệt thêm để cho câu chuyện thêm lý thú.

## XÓM BÀ ĐỒ NGÀY XƯA



*Đây là bức tranh tượng trưng xóm Bà Đồ ngày xưa tại Bình Thủy, là chốn  
tao đàn của các cụ danh nho nổi tiếng thường tới lui, ngâm vịnh thi phú,  
luận đàm thế sự.*

## **XÓM BÀ ĐỒ LÀ NƠI TAO ĐÀN, GÓP MẶT CÁC CỤ DANH NHO CỦA XÃ LONG TUYỀN NGÀY XƯA**

Xuyên qua phần lịch sử, Danh nhân trong quyển sách này, hẳn quý bạn đọc đã nhận thấy công nghiệp của Mạc Thiên Tứ nối chí cha (Mạc Cửu) mở mang thêm vùng Hà Tiên, khai thác đất đai Cần Thơ v.v... Và điều đáng nói nhất là họ Mạc nghiêm nhiên vừa là vị Tao đàn nguyên soái nhóm « Chiêu anh Các » (gồm 32 người) lại cũng vừa là người vun quén cho cây văn hoá Tây Thành.

Họ Mạc đã gây nên học phong sĩ khí tốt đẹp cho Hà Tiên và Cần Thơ, cố nhiên sĩ phu Cần Thơ có chịu ảnh hưởng ít nhiều. Huống chi, từ khi cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa có mặt ở xã Long Tuyền (Bình Thủy), cụ cử Phan Văn Trị lui ẩn ở Phong Điền, cụ tuần phủ Huỳnh Mẫn Đạt cáo quan về hưu ở Hà Tiên, các cụ vẫn thường qua lại với nhau, họp mặt nơi thị trấn Cần Thơ, thử nghĩ tình trạng văn hoá của sĩ phu Cần Thơ lúc bấy giờ có khá cao chăng ?

Lại nữa, các cụ Đồ Chiểu ở Ba Tri, Cử Thạnh, Phan Hiếu Đạo ở Định Tường vẫn tới lui, bảo sao Cần Thơ chẳng được tiếng là trung tâm văn hóa ngay từ thuở xa xưa ?

Điều đáng quan tâm, các cụ đã họp mặt nơi địa điểm nào ? Ngoài việc thăm viếng tận nhà, hẳn các cụ đồng ý chọn một địa điểm chung để cùng nhau lấy thú văn chương làm phương tiêu khiển, bồi dưỡng tinh thần. Ấy là xóm Bà Đồ, một xóm nằm trong vùng Bình Thủy khi xưa, thuộc xã Long Tuyền, cách Cần Thơ 5 cây số ngàn theo lộ Long Xuyên ngày nay.

Địa danh xóm Bà Đồ có nghĩa như thế nào ? Phải chăng nơi đây đã từng có ông Đồ lừng lẫy tiếng tăm, chẳng may khuất sớm, bà Đồ thủ tiết nêu gương, làm rạng thêm danh chồng, nên người trong vùng còn mãi mãi tưởng niệm. Dầu sao, hai tiếng sinh đồ, nói lên một thành phần hữu học trong xã hội. Nơi đâu có các ông đồ thì nơi đó có phong khí văn hoá. Chẳng

khác nào ngày nay nơi nào có thầy giáo, có trường học thì mọi điều văn vẻ hẳn có tốt đẹp hơn các nơi khác.

Chọn địa điểm xóm Bà Đồ làm nơi thành lập Tao đàn, các cụ đã đem thình danh tô điểm cho xóm này trở thành bất hủ, và chứng tỏ cho các thế hệ sau biết rằng khi xưa nơi Bình Thủy từng có một xóm cực kỳ thanh tú văn nhã. Nhất là ngôi sao cụ Thủ khoa Nghĩa ngự trị vòm trời Bình Thủy Long Tuyền lúc bấy giờ, lôi cuốn biết bao ngôi văn tinh khác hướng theo. Rồi thì tao nhân mặc khách dập dìu, sắc thái xóm Bà Đồ biết bao xinh đẹp, đẹp một cái đẹp tinh thần chói chang.

Bao nhiêu văn thơ các cụ nơi miền Tây truyền tụng, biết đâu một phần lớn chẳng do từ chốn Tao Đàn, từ xóm bà Đồ mà ra. Một bốn tuồng « Kim thạch kỳ duyên » của cụ Thủ khoa Nghĩa, tương truyền có sự góp tay điểm xuyên của cụ tuần phủ Huỳnh Mẫn Đạt, chắc cả hai cụ cũng từng lấy chốn Tao đàn ấy làm nơi hội thảo, trao đổi quan điểm, cùng nhau sửa chữa bên chung trà chén rượu, vui sướng hể hả. Và biết đâu khi ấy cũng có lắm bông hoa biết nói, đua tài nhả ngọc phun châu, hoặc câu ca tiếng hát trợ nguồn cảm hứng cho các cụ.

Cứ xem như ngày nay thế hệ trẻ vẫn còn biết nếm thú vị văn chương, họp nhau lập thi văn đoàn chẳng biết cơ man nào mà kể, thì khi xưa chả lẽ các cụ lại thiếu phong độ ấy sao ?

Điều có thể quả quyết, khi xưa Hà Tiên có « Chiêu anh Các », Gia Định có « Bình dương thi xã », « Bạch mai thi xã » lừng danh thì Tao đàn của các cụ văn hào miền Tây nơi xóm Bà Đồ tưởng cũng nên nhắc đến phần nào. Chính các vị cao niên ở Bình Thủy hiện giờ đã nhắc cho chúng tôi được biết về xóm Bà Đồ ấy, và hầu hết các bô lão vẫn còn nhớ, khiến chúng tôi cảm thấy có bốn phận phải ghi lại đây một di tích tốt đẹp đáng kể.

Tiếc rằng nơi đây hiện giờ là chỗ cơ quan quân sự phi trường nên chúng tôi không thể lấy ảnh được chỉ phát họa cảnh trí tượng trưng với chút

niềm hoài cổ.

## **XƯỞNG ĐÚC TIỀN CỦA NAM TRIỀU Ở MIỀN TÂY**

Gần đây, đồng bào Cần Thơ thỉnh thoảng được nghe thấy một số đồng người vớt được vô số tiền điều thời Gia Long, Minh Mạng ở sông Cần Thơ. Người ta đã tìm thấy cả xác ghe chìm, mà bên trong chứa chất toàn những đồng tiền điều nêu rõ mấy chữ « Gia Long thông bảo », « Minh Mạng thông bảo ».

Ghe nào chở tiền như thế ? Từ đâu đến và có nguyên do ra sao ?.

Dựa vào bộ « Đại Nam nhất thống chí » chúng tôi thấy có đoạn này rất đáng chú ý, nói về « Sông Tiền Trường » và « Xưởng cũ Tiền Trường » :

« Sông Tiền Trường ở Đông nam huyện Đông Xuyên (nay là Long Xuyên) 90 dặm, bờ phía Đông Hậu Giang, rộng 1 trượng, sâu 5 thước. Nguyên trước có xưởng tiền Ba Thắc ở đây nên gọi là Tiền Trường. Chi phía Nam chảy hơn 1 dặm thông với sông Qua Giang, tục gọi Cái Bí rồi chảy ra Đại Giang. Chi phía Đông chảy hơn 1 dặm rồi hiệp lưu với sông Cường Thành ».

Và : « Xưởng cũ Tiền Trường ở phía Đông sông Hậu Giang thuộc huyện Đông Xuyên (Long Xuyên) : nguyên trước là xưởng đúc tiền Ba Thắc của nhà nước. Nay đã bỏ ».

Xem thế, chúng ta nhận thấy rằng khi xưa ở miền Tây có xưởng đúc tiền gọi là « Tiền Trường » ; do triều đình tổ chức. Cố nhiên ngoài xưởng đúc tiền ở miền Tây này, còn đôi ba chỗ khác trên lãnh thổ quốc gia.

Hẳn là những khi đúc xong, đủ số theo chỉ thị của cấp trên, ắt là phải lo việc chở chuyên nạp vào kho ở rải rác nhiều nơi. Phải chăng khi chở ngang địa phận Cần Thơ, đã có lúc chìm thuyền, mà xác còn lưu dấu vết đến nay ?



Hoặc giả, đó là thuyền vận tải tài sản của nhà quyền quý nào đó, khi tránh loạn chẳng may đã chìm ở khoảng xa nào, xác thuyền dần trôi đến sông Cần Thơ mà vùi chôn ?

Dẫu thế nào, nhân chuyện tài sản của tư nhân hay của chính quyền vùi đắm dưới đáy sông sâu, chúng ta vẫn có thể rút được một bài học thấm thía về của người thế phù hoa giả tạm.

Nhân đây, tưởng cũng nên nói rõ thêm về việc chính quyền thời xưa đã cho đúc tiền như thế nào.

Ngoài xưởng đúc tiền của nhà nước, mà xưởng đúc tiền ở miền Tây đây là một, chính quyền còn cho phép tư nhân được vay tiền làm vốn mua nguyên liệu lập lò đúc tiền. Nhưng tiền đúc được bao nhiêu phải nộp vào kho đủ số và phải theo khuôn khổ đã định, rồi chính quyền sẽ thưởng cho. Ít lâu thấy có điều bất tiện, chính quyền mới đảm đương lấy công việc đúc tiền, không cho tư nhân can dự vào nữa.

Tiền đúc Ất Hợi 1815, vua Gia Long ấn định giá trị tiền tệ như sau :

- Một đĩnh bạc nặng năm đồng cân ăn một quan bốn tiền.
- Một quan là 10 tiền hay 600 đồng tiền kẽm, hay 100 đồng tiền đồng.

Tiền kẽm thì có những đặc điểm :

1) **18** đồng tiền kẽm xếp thẳng liền nhau dài một thước mộc (thước mộc dài 0m424). **30** đồng tiền kẽm xếp liền nhau thì dài một thước may (thước may dài 0m644). Do đó thước may còn gọi là thước ba mươi đồng.

2) **600** đồng tiền kẽm, nghĩa là 1 quan, nặng 1 kí lô rưỡi. **42** quan rưỡi nặng một tạ thóc hay một tạ gạo (60 kí lô 700 hoặc 63 kí lô 750). **45** quan nặng một tạ muối. **50** quan nặng một tạ sắt.

Xem qua như thế, chúng ta chẳng khỏi ngạc nhiên tự hỏi : Chả lẽ xác thuyền chở tiền chìm trên sông Cần Thơ kia, chỉ có toàn những tiền điều sao ? Còn những bạc đĩnh, vàng nén, vàng thoi đã thất lạc về đâu ?

Hơn nữa, chỉ dựa theo số tiền kêm mà người ta đã xúc lên tại vàm Cần Thơ cách nay mấy năm, ước lượng sức nặng toàn thể có đến hàng tấn. Phải chăng thuyền chở khăm, gặp sóng to gió lớn mà nên nổi !

*Hơn trăm năm kho tàng chìm đáy nước  
Tiền muôn ngàn còn dùng được vào đâu ?  
Gãm xem thế sự rầu rầu,  
Bao nhiêu nước chảy qua cầu trôi xuôi !*

# HUYỀN SỬ

## SỰ TÍCH ĐÌNH THẦN TÂN AN (thị trấn Cần Thơ)

Các ngôi đình nơi làng mạc trên khắp lãnh thổ Việt Nam vốn là nơi tôn nghiêm nhất, tiêu biểu tinh thần của giống nòi, xuyên qua nhân vật đầy đủ đức độ đã được suy tôn làm thành hoàng. Vì các vị thần được tôn trọng là thành hoàng một làng xã nào, vừa là bậc tiết nghĩa, treo gương hậu thế, vừa có nhiệm vụ bảo an lê thứ trong vùng.

Tỉnh Phong Dinh có ba ngôi đình thần đáng kể, đình Tân An tại thị trấn Cần Thơ, đình Bình Thủy thuộc xã Long Xuyên, và đình Nhơn Ái. Mỗi năm đều có cúng tế rất long trọng trang nghiêm.

Vị thần đình Tân An, được sắc phong của vua Tự Đức vào năm thứ 29 (Bính Tý 1876) như sau : « *Sắc phong bốn cảnh thành hoàng Kỳ tính đại vương, khâm mông gia tặng Quản hậu Chánh trực, hựu thiên đôn nghinh chi thần.* »

Điều nên chú ý, năm vua Tự Đức phong sắc thần, chính là năm người Pháp bắt đầu thiết lập tỉnh Cần Thơ. Có lẽ chư vị tiền hiền trong vùng, phần cảm niệm oai linh các đấng anh hùng liệt sĩ của ta, phần cảm xúc thời thế biến thiên, nước non đổi chủ, nên đã cực lực vận động xin phong sắc thần, gọi là ghi chút cảm hoài, sau nữa cho dân chúng hưởng ngưỡng vào đó mà nuôi nấng tinh thần nhớ nước thương nòi.

Cho nên khi đã được sắc phong thần rồi, khoảng năm Canh Thìn 1880, ngôi đình đầu tiên được thiết lập hẳn hoi tại Chợ Giữa, cách thị trấn Cần Thơ trên ba cây số ngàn.

Lúc mới, đình cất bằng cây ván, lợp lá. Người đứng lên thượng hương là ông Lê Hữu Văn. Vị trí ngôi đình day mặt ra mé sông Cần Thơ. Đất do ông Nguyễn Văn Nga hiến dâng.

Đến năm Kỷ Hợi 1899, ngôi đình dời về gần cầu Tham Tướng. Hương chức Hội tề xây cất lại bằng gạch ngói khang trang rộng rãi, 8 nóc. Vẫn do ông Nguyễn Văn Nga hiến đất.

Trải bao thế cuộc thăng trầm, các vị tiền hiền tiếp nối nhau lo việc phụng tự, xuân thu quý tí, hết dạ ân cần. Nhân dân cũng kính mộ sự linh thiêng, chẳng ngớt khói hương chiêm ngưỡng.

Do cụ Quản trị ban Trung đình kể lại, chúng tôi được biết phượng danh quý vị tiền hiền, chánh bái từ trước đến nay như sau : Quý ông Lê Hữu Tiến, Chánh bái Hiến, Lê Văn Chất, Trương Hữu Tuân, Huỳnh Hữu Điền, Huỳnh Hữu Cần, Triệu Công Sum, Huỳnh Hữu Hoằng (đương kim chánh bái).

Những điều linh ứng của vị bốn cảnh thành hoàng, đồng bào tỉnh nhà hãy còn lắm người biết chuyện, nhắc kể lại cho nhau nghe với niềm tôn sùng kính trọng vô biên.

Tương truyền : sau khi dời ngôi đình từ Chợ Giữa ra gần cầu Tham Tướng, linh thần từng hiển hách anh phong, phò hộ độ trì nhân dân được yên lành, phong điều vũ thuận.

Theo lời ông đương kim chánh bái đình Tân An là ông Huỳnh Hữu Hoằng thuật lại với chúng tôi, nơi nhà ông Nguyễn Văn Giai (cháu ngoại cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa) một giáo chức hồi hưu : Trước ngôi đình cũ gần cầu Tham Tướng có nhiều linh ứng xảy ra mà ai ai cũng hay biết. Những ai tỏ ra vô lễ khi đi ngang qua đình, hoặc động chạm gì đến những vật linh thiêng nơi đình không sao thoát khỏi bị thần linh quở trách. Sự trừng phạt hiển hiện bằng những sự hành hạ thể xác, mà chính đương sự cũng phải nhìn nhận lỗi lầm xúc phạm oai linh thần, mới ra nông nổi. Tuy nhiên, kẻ lỗi lầm tỏ ra ăn năn, bệnh tự nhiên thuyên giảm, chẳng cần phải thuốc gì. Bao nhiêu dân chúng có lòng thành cầu khẩn mỗi khi có điều nguy rồi, đều

được linh thần âm phù mặc trợ cho, khiến người người đều cảm kích xưng tụng ân đức.

Lại một điều đáng kể, có liên quan với ông Nguyễn Văn Nga, người đã hiến đất xây cất đình thần. Như chúng tôi đã thuật trong bài « Câu chuyện ông thầy Trung », tương truyền ông Nguyễn Văn Nga vốn là rể của ông thầy Trung, nên đã được truyền cho nhiều pháp thuật nhiệm mầu. Khi ngôi đình đầu tiên thiết lập ở chợ Giữa, day mặt ra mé sông Cần Thơ. Gần đình có cây da to, lâu ngày, nhánh gie vô đình. Tuy sợ mưa gió ngã, nhưng không ai dám đốn. Quý vị có nhiệm vụ chăm nom đình thần, bèn cho mời ông Nguyễn Văn Nga đến hỏi ý kiến, phải làm sao cho ổn ?

Ông Nga cười nói : « Dễ mà, để tôi liệu cho ».

Rồi không cần phải đốn cây vạt nhánh chi cả, ông Nga họa bùa thế nào không rõ, ngọn đa ngã về mé khác. Những người đã chứng kiến chẳng khỏi kinh ngạc, khâm phục.

Trước đình, dưới bờ sông Cần Thơ, có cặp cá hô rất to. Những ngày lành tháng tốt, cặp cá nhờn nhờ bơi lượn trước đình. Người người đều trông thấy, cho là vật của thần linh, nên quanh vùng không dám động chạm đến. Một hôm nọ, có tên lái ghe động lòng tham, quăng chài kéo lên, đem ra chợ Tham Tướng mà bán với giá khá cao. Người ta hay tin thì chuyện đã rồi, và ai cũng có ý lo sợ cho tên lái ghe, khuyên y nên tạ tội với thần. Tên lái ghe vẫn không tin, chẳng kiêng nể chi cả. Qua 24 giờ sau, gã bỗng ngã lăn ra bất ngờ. Thấy thế, thiên hạ càng tăng lòng tin tưởng nơi vị linh thần.

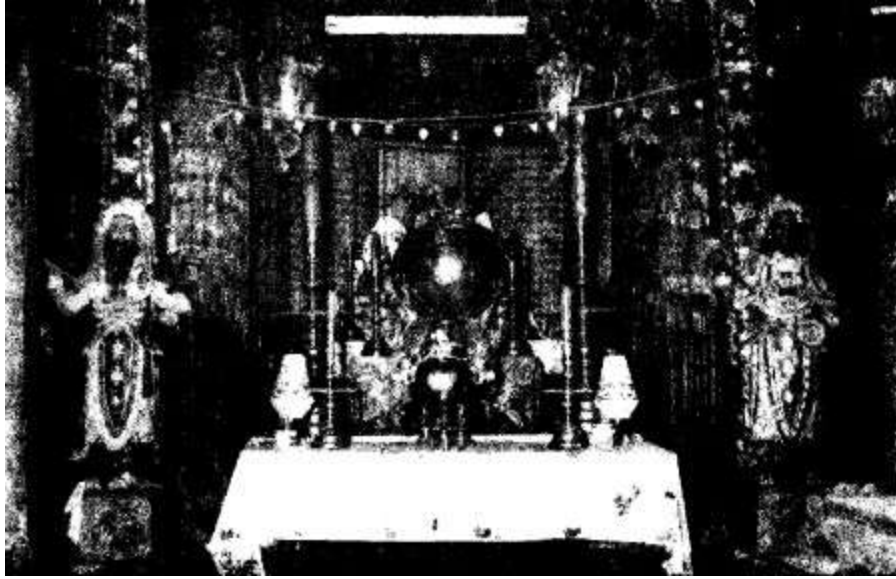
Gần đây, dân chúng thêm chứng kiến lắm việc linh hiển lạ lùng của vị thành hoàng bốn cảnh. Khoảng năm 1944, quân Pháp đang trên đà xuống dốc. Quân Nhật hoành hành. Một hôm, chiếc tàu Pháp mang tên Albert Sarraut chạy trên sông Cần Thơ, ngang qua đình thần cũ, bị nhận chìm, đánh dấu sự thảm hại của thực dân.

Năm 1945, quân Pháp sung công ngôi đình, chiếm làm kho dự trữ súng đạn. Qua năm 1946, ngày 16 tháng 11 âm lịch ngôi đình dùng để chứa đạn bông nổ tung. Gạch ngói, sắt đá đều nát thành mảnh vụn. Nhưng kỳ lạ, chỉ có một tấm tượng thờ thần sơn son thếp vàng văng xa trên một cây số ngàn vẫn còn nguyên vẹn. Sau đó quân đội Pháp đi ruồng bố nhật được giao cho các vị hương chức đem về nhà Hội xã Tân An thờ trên lầu ngày nay.

Do bao sự tích hiển linh ấy, nhân dân truyền tụng. Những ngày tế lễ tam ngươn tứ quý, đáo lệ kỳ yên, sự cúng tế linh đình trọng thể. Thân hào nhân sĩ trong tỉnh đều họp mặt đông đủ, cùng chung đồng bào các giới hành lễ tôn nghiêm.

Hiện nay sắc thần đang thờ trên lầu nhà công sở thị trấn Cần Thơ. Ban Trung đình và đồng bào tỉnh Phong Dinh chưa xây dựng được ngôi đình thờ vị linh thần, hầu gợi sự tưởng nhớ đến công nghiệp người xưa. Rất mong chánh quyền lưu ý tới việc trùng tu đình miếu, để bảo tồn những cái gì thiêng liêng cổ kính.

## ĐÌNH THẦN BÌNH THUY



*Nơi thờ phượng rất trang nghiêm, giữa có linh vị và một bộ lư đồng to lớn, hai bên hai vị quan văn, võ, tay cầm bửu bối, oai phong lẫm liệt, tàn lọng phủ che là nơi ngự trị của vị thần linh bất tử. Ảnh Trần Văn Bé (Phongđinh)*

## SỰ TÍCH ĐÌNH THẦN BÌNH THỦY

Theo lộ trình Cần Thơ – Bình Thủy dài 5 cây số ngàn, qua cầu sắt Bình Thủy, ngó về tay mặt, du khách trông thấy ngay ngôi đình thần kiến trúc mỹ quan, tráng lệ. Chung quanh đình hàng rào cột xây bằng gạch gắn song xi măng. Hai bên hai ngọ môn chững chạc, phía hữu miền Đông lang thờ thần Triệt Lộ, phía tả miền Tây lang thờ thần Phong Thủy. Lại có miếu thờ Sơn Quân (thần hổ).

Đình cực kỳ trang nghiêm, lộng lẫy, đủ cả mọi nghi tiết, xây cất vào năm Tân Hợi 1911. Chánh điện uy nghi, sắc thần do vua Tự Đức phong vào ngày 29 tháng 11 âm lịch. Năm thứ 15 (Nhâm Tuất 1862) để trên ngai vàng rực rỡ.

Gian giữa thờ Đình Công Chánh tôn thần<sup>25</sup> và thờ Trầm Hương công chúa, Huệ Cô công chúa.

Xưa kia ngôi đình cất bằng lá tại vàm, tức là chỗ đình mới bây giờ. Người có trách nhiệm trông nom đình thần đầu tiên là ông Hồ Văn Được và con là Hồ Văn Thanh.

Vị xướng xuất việc cất ngôi đình mới đầu tiên là Tri phủ Nguyễn Đức Nhuận và Cai tổng Lê Văn Noãn. Chẳng may nửa chừng quan Tri phủ mất, ngôi đình đã dời cất tại vàm rạch Ngã Tư Bé trong năm Giáp Thìn 1904 đành phải tạm ngưng. Sau đó ông Hương cả Nguyễn Doãn Cung và Hương chủ Dương Lập Cang bày cuộc cầu cơ hỏi ý kiến linh thần, để xúc tiến công trình xây cất. Đức Bốn cảnh thành hoàng giáng cơ truyền bảo : Bình Thủy mới nhằm long cuộc, trong dân chúng sẽ được thịnh vượng lâu dài.

Do đó, từ năm Tân Hợi 1911, ngôi đình xây cất lại nơi chỗ cũ và tồn tại đến ngày nay.

Sau khi đình cất xong, tương truyền trong cuộc lễ cầu cơ tạ ơn thần tại chùa Nam Nhã, các vị thần Đình Công Chánh, Nguyễn Xuân Quế, Phan



Nhật Vĩnh, Trầm Hương công chúa và Huệ Cô công chúa lần lượt giáng đàn, chuyển động cơ bút đề thơ khen ngợi.

Đình Công Chánh tôn thần xuống bút trước :

*Cảnh lịch Long Tuyền khéo sửa sang  
Cơ đồ rực rỡ sức Cung, Cang  
Thềm soi dáng hồ trường da phụng  
Cột trở vóc rồng lập cánh loan  
Huyền võ tàng che chim nghỉ mát  
Đàn xà đường lộn khách nghinh ngang  
Đố ai có biết cơ này hứng  
Chén rượu quỳnh tương rót đã tràn.*

Trầm Hương công chúa tiếp lời :

*Bồng lai cảnh lịch ấy đâu là  
Cổ miếu Long Tuyền rất khéo chà  
Bạch hồ hiên ngoài xem nghêu nghển  
Thanh long điện trước khéo lân la  
Kìa gương nhật nguyệt loà son sắc  
Nọ vóc kinh thành rực phấn sa  
Một cuộc bông hồ say cạn chén  
Tiếng oanh eo óc thưởng nguy nga.*

Hằng năm đáo lệ kỳ yên, hai lần cúng tế : Lễ Thượng điền suốt 3 ngày 12-13-14 tháng 4 âm lịch. Lễ Hạ điền vào hai ngày 14-15 tháng chạp. Trước kia mỗi kỳ cúng tế chỉ cử hành đơn giản theo nghi lễ thông thường. Nhưng từ khi dân chúng làm ăn phát đạt, lễ thượng điền thịnh sắc thần bằng bè thủy lục có hát bộ ba đêm. Đến năm Bính Thìn 1916, bãi bỏ cuộc rước sắc bằng bè thủy lục rất tốn kém, thay vào bằng một kiệu xe gọi là « Long xa phụng tán ». Về sau còn bày thêm cuộc thi làm bánh mứt khéo trong dịp lễ tế thần, để khuyến khích phụ nữ trau dồi nữ công.

Trải mấy năm biến loạn 1945-46, quân viễn chinh Pháp chiếm đóng đình thần làm căn cứ. Sắc thần đem về chùa Nam Nhã tạm thờ. Cho đến năm 1955 đình thần mới khôi phục lại vẻ tôn nghiêm, rước sắc thần từ chùa Nam Nhã đem về thờ tại đình như cũ. Ban trị sự bấy giờ hoạt động rất đặc lực, gồm có quý ông : Dương Văn Ngôn, Lâm Tri Ân, Phan Văn Tri, Âu Cẩm Xình.

Ban tế sự trên đình thì do vị chánh bái Lê Linh Ký, và bồi bái Võ Văn Thành điều khiển, gồm có quý ông phụ tá : Nguyễn Văn Được, Nguyễn Đức Hàm, Nguyễn Kim Chi, Võ Công An, Trương Phước Tấn và Trần Ngọc Thọ.

Lại thêm một ban phụ nữ gồm có quý bà, quý cô : Ngô Thị Xưa, Nguyễn Thị Mai, Trần Thị Nhạn, Lâm Thị Nhung.

Bắt đầu từ đây, đình thần được săn sóc hơn lên về mọi mặt. Mỗi năm đến lễ kỳ yên, ba đêm hát bội hoặc hát tiêu (Triều Châu) thu hút vô số khách thập phương kéo về Bình Thủy, trước lễ thần sau xem hát, quang cảnh náo nhiệt từng bừng.

Kể về sự linh thiêng của vị bốn cảnh thành hoàng, có điều đáng ghi nhớ nhất là vụ mất bộ lư thau mà thần linh mách bảo tìm lại được.

Nguyên trong đình có bộ lư thau rất lớn cao độ một thước tây, để chưng trước điện. Năm Ất Dậu 1945, thời kỳ biến loạn, bộ lư bị đánh cắp chẳng biết xiêu bạt về đâu.

Đến năm Tân Sửu 1961 tạm yên, nhân tu bổ lại đình thần, quý vị trong ban trị sự tỏ ý thắc mắc về việc bộ lư thau đã mất. Ngày kia, thần linh mách bảo cho ông Lê Văn Dương biết :

- Bộ lư ấy hiện để ở nơi chùa Ba Chúc trên núi Tượng. Hãy đến đó mà tìm sẽ gặp.

Ông Nguyễn Tấn Thời tình nguyện lên non tìm kiếm. Quả nhiên, bộ lư thau chễm chệ phơi mình nơi chùa Ba Chúc. Ông Thời lập tức trở về thuật rõ cho ban trị sự hay.

Quý ông Dương Văn Ngôn, Âu Cẩm Xình, Lâm Tri Ân, Phan Văn Tri, Hoàng Minh Châu thẳng lên núi Tượng điều đình. Các vị sư trong chùa Ba Chúc nghe chuyện đều nói : « Mô Phật ! Bàn đạo những ngỗ đồ của thiện tín có lòng thành dâng cúng cho nhà chùa, dè đâu vật báu của đình thần thất lạc. Nếu thế, chư quý vị an lòng, bàn đạo sẽ cho người vận chuyển hoàn lại ngay ».

Rồi đó các vị sư chùa Ba Chúc đích thân chở bộ lư thau xuống tận đình Long Tuyền. Ai nấy đều cảm kích. Nhân dân trong vùng càng đặt thêm niềm tin tưởng và tôn kính linh thần.

Bộ lư đem về đình còn thiếu một chân con rồng. Ban trị sự chỉnh đốn lại xong, rước quý vị ở chùa Ba Chúc xuống tại đình để tỏ lòng tri ân. Các nghĩa cử đẹp làm đẹp thêm nơi tôn nghiêm kính cẩn.

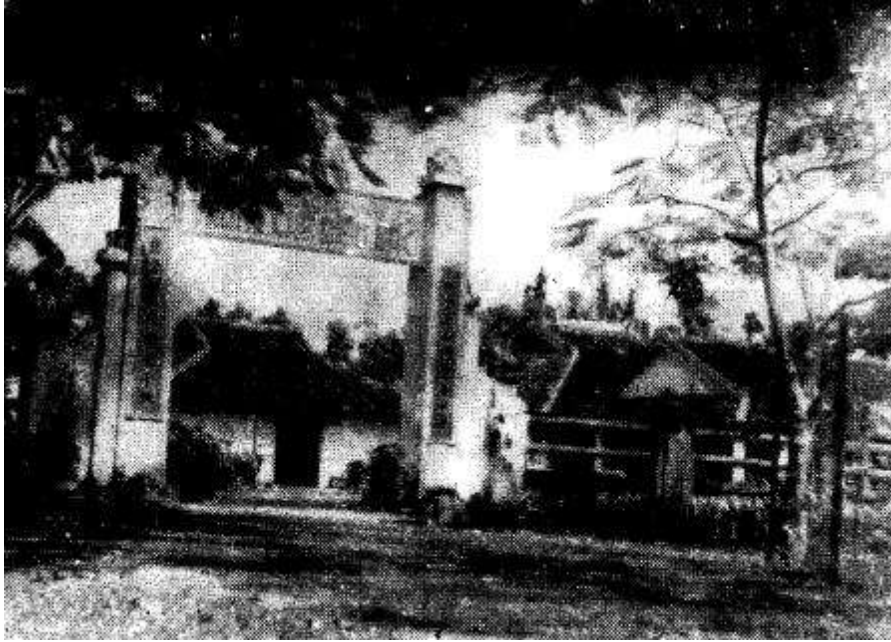
Trong thời gian mất bộ lư thau chưa tìm lại được, có ông Lưu Chánh Lợi, thương gia ở trong làng, nguyện với linh thần làm ăn phát tài nên có cúng một bộ lư thau khác to hơn. Đến nay tìm lại được bộ lư xưa, thành ra trong đình hiện giờ có đến hai bộ lư thau quý giá.

Có thể nói trong các ngôi đình làng trên lãnh thổ nước nhà, đình Long Tuyền đứng vào hàng cổ kính mỹ quan đáng ngợi. Chúng tôi hân hạnh tiếp xúc với vị Chánh tổng Định Bảo là ông Nguyễn Trọng Quyền, nhận được của ông nhiều tài liệu về lịch sử đình Long Tuyền mà thuật lại nơi đây, muôn vàn cảm tạ thành tình quý ông đã vừa giúp chúng tôi trong công cuộc sưu khảo để hoàn thành quyển sách này.

Ngày nay du khách viếng Cần Thơ, nếu lòng hâm mộ quê hương của cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, dời gót về chơi Bình Thủy, có dịp chiêm ngưỡng đình thần, sẽ nhận thấy những lời chúng tôi ca tụng về mỹ quan là

không ngoa. Nhất là vào dịp cúng đình trong kỳ thượng điền tháng tư, nhằm 12-13-14, suốt ba ngày có hát bộ hoặc hát tiều, du khách sẽ hân hoan chứng kiến từng làn sóng người trong tỉnh ò ạt hướng về Bình Thủy, lòng ắt lâng lâng cảm khái.

## ĐỀN THỜ THỐNG CHẾ ĐIỀU BÁT NGUYỄN VĂN TỒN



*Một đền thờ xây cất theo lối cổ, bên trong thờ linh vị hai ông bà Thống Chế. Ngôi đền này ở mé sau lăng của Ngài tại làng Thiện Mỹ quận Trà Ôn.*

## **OAI LINH ÔNG ĐIỀU BÁT LÀM CHẤN ĐỘNG ĐẤT TRẦN GIANG**

Cách chợ Trà Ôn hơn một cây số, cạnh đường Cầu Kè, trong phần đất thuộc xã Thiện Mỹ, tại giồng Thanh Bạch, có một ngôi mộ cổ tục gọi là mộ ông Điều Bát.

Lắm người vẫn ngỡ rằng đó là mộ của một viên quan Việt Nam thời cựu trào. Vì nghe nói ông Điều Bát tên Nguyễn Văn Tồn, ai mà chẳng tưởng đó là người Việt.

Sự thật không phải thế. Ông Điều Bát vốn là người Miên (Cam bốt) trăm phần trăm. Tên tục gọi là Duồng, bởi dày công giúp chúa Nguyễn Ánh phục nghiệp nên được ban cho tên họ Việt là Nguyễn Văn Tồn như lịch sử đã ghi.

Còn ai chẳng biết chúa Nguyễn Ánh đã từng thu dụng người ngoại quốc rất nhiều. Bên cạnh chúa Nguyễn, thường có người Pháp và người Miên giúp đỡ trong việc chống Tây Sơn. Mãi về sau, các người ngoại quốc có công lao ấy đều có tên Việt Nam do nhà vua ban cho cả. Như Nguyễn Văn Thắng tức Chaigneau, Nguyễn Văn Chấn tức Vannier v.v... Và người Miên đầu tiên mang tên Nguyễn Văn Tồn, chính là người còn ngôi mộ di tích ở Trà Ôn mà chúng tôi đã thuật tiểu sử ở phần « Danh nhân », « Di tích », và riêng nơi đây chúng tôi xin nói đến oai linh của ông khi đã về thân.

Nhờ có ông, kiều dân Miên đối với người Việt khá hòa nhã, và mỗi khi có biến ông đều đứng ra khôn khéo dàn xếp an ổn được cả. Uy tín của ông lúc sống và oai linh của ông lúc mất đều được đồng bào Miên, Việt vô cùng kính nể.

Hằng năm, đến ngày giỗ ông, đồng bào tựu đến tấp nập dâng hương cúng tế long trọng. Ngày thường thì mỗi khi đồng bào trong xã có chuyện chi oan ức, phần đông đều tin tưởng nơi sự linh thiêng của ông, một khi chánh quyền địa phương phân xử không xong, việc còn lòng vòng, cả hai bên nguyên đơn và bị can đều đem nhau đến lăng ông để thề. Bởi thế, khi

xưa đồng bào tỉnh Cần Thơ nghe nói đến « lãng ông Điều Bát » ở Trà Ôn, những người biết chuyện không ai không kiêng nể sự linh ứng phi thường. Có thể nói đồng bào Sài Gòn Gia Định đã tin tưởng về lãng Ông Bà Chiêu (tức Tả Quân Lê Văn Duyệt) thế nào, thì đồng bào Trà Ôn Cần Thơ cũng tin ở lãng ông Điều Bát như thế.

Điển hình nhất là chuyện xảy ra thời gần đây, đủ nói lên sự linh thiêng của ông Điều Bát.

Khoảng năm 1945, quân đội Pháp kéo đến Trà Ôn, chúng mở cuộc bố ráp dân chúng, tảo thanh lực lượng kháng chiến ở đây. Ngang qua lãng ông Điều Bát, nghi ngờ có đối phương ẩn núp quanh vùng này, viên sĩ quan chỉ huy truyền lệnh cho quân lính :

Các người hãy đập phá tất cả các vật chướng ngại, dẹp trống trải trọn vùng cho dễ kiểm soát.

Được lệnh, binh lính hùng hổ đập phá chẳng chừa một chỗ nào mà chúng cho là chướng ngại, có thể làm nơi ẩn núp cho đối phương. Trong toán quân, có người biết chuyện, khẽ bảo bạn đồng đội : « Coi chừng, tôi nghe đồn lãng ông này linh thiêng lắm. Nếu chúng ta đập phá, không khéo sẽ mất mạng chớ chẳng chơi ».

Trong toán quân vẫn có người tin tưởng như thế, nên họ giựt mình, ngần ngại bảo nhau : « Phải rồi, tôi đã nhớ ra. Ông thần ở đây vốn là người Việt gốc Miên, mà người Miên thì phần đông đều giỏi bùa ngải, thư phù đáng sợ lắm. Lúc sống họ đã vang lừng oai danh, khi chết ắt còn linh hơn nữa ».

Thấy toán quân xầm xì bàn tán với nhau, viên chỉ huy gắt gỏng : « Máy người sao bỗng dưng rút êm đi vậy ? Bàn tán cái gì ? Không làm cho xong công tác đi sao ? »

Một binh sĩ đánh bạo thưa : « Thưa sếp, chỗ lãng ông Duồng này lâu nay có tiếng linh ứng phi thường, nên anh em lo ngại, không dám xúc phạm

».

Viên chỉ huy cười gằn : « Đừng bàn tán nhảm. Hãy cứ ra tay triệt hạ tất cả để đẹp trống trơn vùng. Lệnh của tôi linh, hay lệnh của ông tà ông quái gì ấy linh ? Ai không ra tay đẹp phá cho mau, đừng trách tôi xử thẳng tay đa nghe ».

Sau mấy lời gay gắt của viên chỉ huy, cố nhiên tất cả binh sĩ đều phải răm rắp tuân theo, nhưng trong số ấy có nhiều người vẫn bất mãn nghĩ thầm : « Ông sếp hách quá, e không khỏi bị thần linh quở phạt. Tội vạ về ông sếp, ta là kẻ dưới quyền, bảo sao thì làm vậy, lo gì ».

Viên sĩ quan chỉ huy hách dịch đứng coi toán binh sĩ dưới quyền tuân lệnh ruồng phá chung quanh lảng ông Điều Bát. Mỗi khi có ai ngần ngại dừng tay, ông la hét : « Cứ đập phá đi, tội lệ gì đã có tao đây. Bất tuân lệnh hả ? tao phạt thẳng tay ».

Nghe giọng rồn rảng, trông mặt đặng đặng sát khí của viên chỉ huy, cấp dưới còn ai dám hó hé gì, răm rắp làm theo mạng lệnh.

Xong, viên chỉ huy cười nói : « Mấy người thấy chưa ? Có gì đâu ? Từ rày đừng tin nhảm nữa mà có hại. Thôi về ».

Ai nấy gượng cười cho vui lòng ông sếp, nhưng trong thâm tâm vẫn chẳng khỏi nghi ngại sẽ có điều báo ứng chớ chẳng không.

Quả nhiên, khi ai nấy đã xuống tàu, viên chỉ huy còn đứng đình ở lại sau, chưa kịp bước theo bỗng sút tay làm rớt trái lựu đạn xuống đất.

- Ầm !

Viên chỉ huy nằm lăn dưới đất, văng mất một cánh tay, miếng lựu đạn ghim đầy mình, máu tuôn đầm binh phục.

Điều khéo tuyệt, chỉ một mình viên chỉ huy ấy thọ hại mà thôi, toán binh lính đều an nhiên vô sự. Giá mà ông ta cùng bước xuống tàu rồi trái lựu đạn mới phát nổ, ắt là đa số phải nguy đến tánh mạng. Phải chăng ông



Điều Bát linh thiêng chỉ trừng phạt riêng kẻ đã ngạo mạn nên mới khiến xui ra như thế ?

Chúng kiến sự kiện quả báo nhãn tiền, chẳng riêng toán binh sĩ hôm ấy đều chẳng khỏi tin tưởng đến oai quyền thần linh, mà hầu hết đồng bào Trà Ôn lúc ấy cũng đều xâm xì : « Ông Điều Bát thật oai linh đáng kính ».

Chúng tôi sờ dĩ ghi lại mẩu chuyện trên, để nói lên một khía cạnh oai linh của ông Điều Bát Nguyễn Văn Tồn, do đó phần lớn đồng bào Trà Ôn Cần Thơ đã sùng kính lắng ông không kém gì lắng ông Bà Chiêu.

Từ năm 1937, lăng này đã được tái thiết theo lối cổ và mở rộng hơn xưa. Trải bao cuộc biến thiên, nhưng sự linh hiển của ông vẫn liên tục cho đến ngày giờ này. Đồng bào dân chúng lúc nào cũng tin tưởng nơi ông không một ai dám thất lễ. Ngày thường cũng như ngày lễ tế, lăng ông tấp nập khách hành hương lễ bái, khói hương nghi ngút phụng thờ.

Mặc dầu vị võ quan này không phải là người Việt, nhưng có công khôn phò chúa Nguyễn Ánh tại Cần Thơ, được phong quyền cao chức trọng và sau khi chết được hiển linh. Sống vi tướng thác vi thần, nên chúng tôi nhắc lại với tinh thần tôn cổ, nhớ đến công lao người xưa với tình đoàn kết giữa hai dân tộc Việt – Miên.

## **CHUYỆN LẠ TRONG CƠN CỤ THỦ KHOA NGHĨA TỪ TRẦN VÀ THẦN CHỦ THỜ CỤ**

Trong báo « Thế giới tân văn » số 21 ngày 27-11-36, ông Phan Văn Thiết có viết một bài « Cái chết của cụ Thủ khoa Nghĩa » (do người em vợ cụ Thủ khoa Nghĩa thuật lại) có nhiều điều đáng chú ý. Đại khái như sau :

Năm Nhâm Thân 1872, sau Tết nguyên đán mấy hôm, ông huyện Côn ở Cần Thơ mời cụ Thủ khoa xuống ăn giỗ. Người em vợ của cụ và một tên bạn chèo đưa cụ xuống thuyền đi Cần Thơ.

Tiệt xong, cụ kiều về. Giữa đường mắc một trận mưa to. Đến nhà, cụ bị cảm nằm vùi. Cụ bà lo sợ sai người đi rước đến bốn vị Đông y sĩ chẩn mạch. Vì biết cụ cũng tinh thông y học, nên bốn vị Đông y sĩ nhất nhất đều có ý kiêng nể cụ mà hỏi ý kiến cụ trước về sự đầu thang. Cụ gắt lên : « Quý ông nhận thấy thể nào thì cứ đầu thang, lo ngại nỗi gì ».

Bốn vị Đông y sĩ ngồi lại bàn bạc cùng nhau, văn chương chữ nghĩa tranh luận vang rân. Cụ khẽ bảo người em vợ : « Ngày ngà quá. Em với chị em dọn cơm nước mời các thầy ấy rồi đưa về. Chi cũng chẳng qua mạng trời, không có gì phải ngại ».

Bệnh cụ xem ra càng ngày càng nặng, nhưng tinh thần cụ vẫn thường tỉnh táo.

Hôm sau, cụ gọi các học trò cụ mà bảo : « Hết canh ba đêm nay thì ta tắt nghỉ ».

Các học trò cụ đều ngạc nhiên, có vẻ không tin lời cụ, vì thấy thần sắc cụ tươi tỉnh như thường.

Đúng ngộ, cụ làm xung. Bấy giờ các học trò cụ và thân quyến mới giựt mình lo lắng, xúm nhau hơ vuốt cho cụ. Hơi thở của cụ chỉ còn hơi hóp.

Đến xế chiều, cụ tỉnh lại, thần thái an nhiên như người vô sự. Cụ gọi các học trò : « Mấy anh lấy bút mực ra đây, chép lấy lời ta lưu niệm ».

Các học trò thưa : « Thầy dặn bảo gì xin cứ nói, anh em chúng con sẽ xin ghi nhớ ».

Cụ khoát tay : « Cứ đem bút mực ra ghi chép cho tiện ».

Không ai dám nói gì nữa, vội vàng tuân theo ý cụ. Cụ bèn đọc hai câu : « Lịch lịch đông bài tây chi, huyền trương trứ minh ; Phân phân uẩn kết châu liên, dữ tiên vi thể ».

Đọc xong. Cụ bảo : « Hãy giữ kỹ. Đừng để sai lạc chữ nào. Chừng ta thác rồi, nhờ bậc túc học coi theo ý đó mà đề bài châm thờ ta ».

Các học trò đều xin vâng. Cụ lại nói : « Hồi trưa này, lúc ta mệt làm xung, có một vì sao nhểu ngay nóc nhà, nhưng ban ngày không ai để ý tới. Đó là các vị tiên trên trời rước ta đi đánh cờ. Số ta hết rồi, canh ba này thì mất. Các người hãy coi chừng, trăng mọc cho ta hay ».

Dặn bảo xong, cụ nằm thêm thiếp. Lâu lâu hỏi chừng trăng. Các môn sinh ở bên cạnh hầu cụ.

Trăng đã lên cao. Các môn sinh thưa : « Thưa thầy, trăng đã mọc ».

Cụ nói : « Thôi ta đi đa ».

Đoạn cụ tắt hơi. Cụ bà quàn linh cửu ba tháng. Đám tang cụ, các quan chức ở Cần Thơ đều có đến đưa trọng thể.

Cái chết của cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, do miệng người em vợ cụ thuật lại như thế, mà ông Phan Văn Thiết đã tường thuật trên báo. Tin chẳng là ở quyền phán đoán của mọi người. Chúng tôi chép lại một huyền sử về cụ Thủ khoa để lưu chút tài liệu. Và dưới đây là bài thơ của thầy đề làm bài châm thờ cụ :

*Thinh danh cửu vĩ đạt đơn trì,  
Khôi thủ văn chương hải nội tri  
Ngọa bịnh du thần do chuyển huyễn,  
Lâm chung di bút thượng ngâm thi.  
Kỵ kình qui khứ huỳnh vân dạng  
Quá hạc lai thời thanh thảo bì.  
Trung thổ tri âm giai tái mịch,  
Nghị dung chỉ xích vĩnh tương ly.*

Tại chùa Minh Sư ở Bình Thủy có hai cái thần chủ thờ cụ : một cái của sư Long Khê (học trò giỏi nhất của cụ) để kể bên tượng Hộ pháp, một cái để theo bàn thờ các người trong đạo.

Nguyên thần chủ ấy của con cụ thờ. Đến sau, người con nghèo khó mới đem gởi vô chùa. Thần chủ của sư Long Khê thờ cụ thì sơn son thếp vàng, đề chữ : « Ất vị giải nguyên, húy Nghĩa, cố tiên sinh chi thần chủ ». Thần chủ của con cụ thờ thì ngoài có lồng kiếng trong một cái vỏ sơn đen chụp lên chữ. Thần chủ làm bằng hai miếng ván đứng, cắm trên một cái chũm vuông, miếng ván trước sơn trắng, đề : « Hiến khảo Ất vị giải nguyên hiệu Nghi chi, phủ quân thần chủ ». Phía dưới, bên tả đề : « Niên canh Đinh Mão (1807) tốt ư Nhâm Thân (1872) niên, chánh nguyệt Nhị thập nhất nhật tứ thời, thọ lục thập thất tuế ». Nghĩa : sanh năm Đinh Mão (1807), chết năm Nhâm Thân (1872) tháng giêng, ngày 21, thọ sáu mươi bảy tuổi.

Do theo mấy chữ đề trên thần chủ, nói về tuổi tác cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, trong « Tri tân » số 101, ông Trực thần nhân đó bảo rằng : « Tính theo ta thì 66 tuổi, tính theo tây thì 65 tuổi. Ở thần chủ đề 67 tuổi, e có chỗ sai ».

Tiếp theo đó, trong « Tri tân » số 173 ngày 4-1-65, ông Lê Thọ Xuân hiến thêm cho bạn đọc những điều bổ ích : Không ! Theo chỗ biết của tôi thì không phải người viết tính sai mà thật là cố ý.

*« Trước hết có phép đánh tay hơi khá là phép tìm 12 chỗ trên mình rồng (thập nhị huỳnh long chưởng pháp). Theo phép này thì lấy năm chết rồi « nam thuận nữ nghịch » đánh tới năm sanh. Cụ Thủ khoa chết năm năm Thân thì « Thân Tý Thìn » và đánh tới năm Mão (năm sanh), thành ra cụ nằm tại « ruột ông rồng vàng » (gặp chữ trường là ruột), rồi có câu thơ « Phúc trường hốt kiến ngô quân vương » Thế là cụ Thủ khoa qua đời năm Thân khá gọi là tốt nên để cụ « thọ lục thập lục tuế » cho đúng. Nhưng người ta ít biết phép này, cái phép chỉ cần rõ năm tử, năm sanh, mà không cần rõ số tuổi. Người ta thường biết phép « Huỳnh long tế thế » (có người gọi là Huỳnh long tế thế), cái phép cần phải rõ số tuổi và tính theo bát quái : càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài.*

*Rõ tuổi cụ thủ khoa rồi, nam khởi căn, nữ khởi khôn, thành ra cụ chết nhằm cung ly. Có bản chép « Tồn ly lợi khẩu tử tôn bản » hoặc : « Ly phùng lộ khẩu tử tôn bản ». Vì sợ cái cung Ly làm cho con cháu nghèo, nên chắc chắn là trong lòng triệu của cụ Thủ khoa (lòng triệu không có hài năm sinh và năm tử mà hài số tuổi) chỉ để : Hưởng thọ lục thập thất tuế. Nghĩa là cố ý xin thêm một tuổi với trời, hay tính thêm một tuổi trong thai, để tính thành cụ chết nhằm cung khôn, một cung rất tốt. Vì sách chép : « Khôn ngộ quý quan phùng quý chức » hoặc : « Khôn ngộ quý công đắc quý nhân ! »*

*...Và điều chắc chắn hơn hết là người viết cố ý muốn che đậy miệng thế gian, tức là muốn tránh lời xấu lời xàm của những kẻ biết phép « Huỳnh long thế thế », lại thiếu giáo dục, hễ đến đám xác hay thấy lá triệu là lật tay « đánh toán » trước mặt mọi người để khoe tài khoe giỏi, nên theo lối thông thường là gia thêm một năm, chớ sanh Đinh Mão (1807) tử Nhâm Thân (1872), cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa rõ đúng 66 tuổi.*

## **MỘT CÁI CHẾT HI HỮU : NUỐT VÀNG TỰ TỬ**

Việc đời, cảnh nào nùng nhất không gì qua cảnh anh hùng mạt lộ ! Dòng họ Mạc lừng lẫy thanh danh một cõi Hà Tiên, từ Mạc Cửu dựng gậy, đến Mạc Tông (tức Mạc Thiên Tứ (hay Thiên Tích) nổi nghiệp, và đến các con của Thiên Tứ thừa hưởng rân tác biết bao, oai nghi lắm liệt là dường nào. Thế mà đến lúc hết thời, sự sụp đổ thật đau thương tột độ.

Nổi nghiệp cha trấn giữ Hà Tiên, Mạc Thiên Tứ có thừa tài kinh luân, đặt cơ nghiệp vững an như bàn thạch. Thọ nhận chức Đô đốc của triều đình, nhưng kỳ thật đối với sự nghiệp hùng vĩ đã dựng nên, Thiên Tứ nghiêm nhiên như vị phó vương một tiểu quốc, một ông vua không mả, có trọn quyền hành động, nơi tiểu quốc Hà Tiên và luôn cả 4 huyện mới khai thác nơi miền Tây là Trấn Di (Bạc Liêu), Trấn Giang (Cần Thơ), Long Xuyên (Cà mau) và Kiên Giang (Rạch Giá).

Tuy nhiên, cuộc đời dinh hư tiêu trưởng xưa nay vẫn là lẽ tuần hoàn bất di bất dịch trong vũ trụ. Có đầy thì phải có vơi, có lớn lên thì rồi vẫn phải có tiêu tán mất đi. Cho nên, bậc đạt quan hăng giữ mực thường, ung dung trong mọi cảnh ngộ, thì mới khỏi phải điên đảo tâm hồn trong những cơn thịnh suy bi thời được.

Họ Mạc hưng thịnh thật là nhanh chóng, người thường thấy thế ai chẳng khen ngợi thềm thuồng những sự vinh hoa phú quý kia. Nhưng có biết đâu rằng : Bạo phát thì bạo tàn. Hễ đến hồi cực thịnh rồi, ắt sẽ phải suy dần, nhất là nếu không khéo tu tình giác ngộ lẽ dinh hư tiêu trưởng, thì không sao giữ bền cơ nghiệp được mãi đâu, và sự sụp đổ không sao tránh thoát.

Giai đoạn suy đồi của họ Mạc, bắt đầu từ năm Nhâm Thìn 1772, khi quân Xiêm kéo sang đánh phá Hà Tiên dữ dội, khiến Mạc Thiên Tứ phải chạy sang Trấn Giang (Cần Thơ). Vừa lui được giặc Xiêm, chưa kịp tái thiết những nơi bị chiến tranh tàn phá, lại phải chuẩn bị đương đầu với Tây Sơn kéo vào Nam.

Đình Dậu 1777, Thiên Tứ phải đau lòng về cái chết của con là Mạc Tử Sanh đã hy sinh cho chúa Nguyễn trong trận chống Tây Sơn mãnh liệt nơi vùng gọi là Tham Tướng ở Cần Thơ bây giờ. Oai thế Tây Sơn lẫy lừng, chúa Nguyễn Phúc Thuần với cháu là Nguyễn Phúc Ánh và người trong hoàng tộc là Nguyễn Phúc Đồng phải chạy tuốt xuống Cà Mau. Tây Sơn đuổi nà theo. Tại Cà Mau, Nguyễn Phúc Đồng bị giết chết, chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần bị Tây Sơn bắt sống và hành quyết. Nguyễn Ánh lên thay nắm binh quyền, chạy sang lưu vong bên Vọng Các (Thái Lan). Mạc Thiên Tứ ở trong cảnh thất thế cũng phải chạy sang Xiêm nương náu. Cùng đi với gia quyến Thiên Tứ có hoàng tử Xuân, con thứ 17 của chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát.

Chẳng bao lâu chúa Nguyễn Ánh khôi phục được thành Gia Định, sai người sang Xiêm triệu Thiên Tứ trở về. Thiên Tứ vào triều kiến vua Xiêm, cảm ơn hậu đãi bấy lâu và tỏ ý xin về. Vua Xiêm nghiêm nghị : « Người có chắc rằng chúa Nguyễn thật lòng ưu ái người chẳng ? Trong cơn nguy biến người đã bỏ nước mà đi, chưa lập chút công lao gì, nay nghe thắng trận, gọi về, người chẳng sợ bị chúa Nguyễn chê trách và các tướng ganh ghét sao ? »

Mạc Thiên Tứ dùng dằng chưa biết liệu lẽ nào. Còn đang ưu tư, bỗng thấy nội giám của vua Xiêm đến mời : « Có việc khẩn cấp, hoàng thượng cho triệu ông gấp ».

Thiên Tứ lật đật vào chầu, Vua Xiêm gay gắt : « Người có hay chuyện gì chẳng ? »

Thiên Tứ ngơ ngác : « Tâu hoàng thượng, chuyện chi ? »

Vua Xiêm cười gằn : « Ta xem ra chúa nước người không thành thật giao hảo với nước ta. Vừa rồi, thuyền buôn của nước ta từ Quảng Đông về qua ngang Hà Tiên, bị cướp sạch cả. Vì sao thế ? »

Thiên Tứ lộ vẻ buồn : « Hẳn là đám côn đồ nào đấy không biết gì đến tình hình quốc gia, nên đã xúc phạm càn rỡ như thế, thật là đáng tiếc. Chúa tôi chẳng bao giờ dung dưỡng lũ cướp ấy đâu, sớm muộn gì ắt cũng sẽ bắt mà trừng trị, giao hoàn tài vật lại cho các tài gia kia chớ chẳng không ».

Vua Xiêm cười nhạt, có vẻ không tin. Mặc cho Thiên Tứ biện bạch cách nào, vua Xiêm vẫn một mực lắc đầu : « Thôi người hãy lui đi. Để rồi xem ».

Sự nghi ngờ đã chớm nở trong lòng vua Xiêm. Mạc Thiên Tứ bàng hoàng lo âu khôn xiết. Bao nhiêu lời biện bạch đều bị gạt ngang, thế thì vua Xiêm đã tỏ ra không tín nhiệm ông nữa, tình thế này nếu không sớm liệu rời nước Xiêm cho sớm, ắt không khỏi nguy đến tánh mạng. Nhưng đi cách nào cho ổn ? Ông còn đang bối rối lo liệu, bỗng thấy một toán ngự lâm

quân kéo đến. Viên chỉ huy đồng dục bảo ông : « Phụng mạng Quốc Vương, chúng tôi đến bắt ông ».

Thiên Tứ sững sờ : « Về tội gì ? »

- Đại sự quốc gia. Đến đây thì ông sẽ biết. Chúng tôi chỉ tuân lệnh mà thi hành.

Ông bị bắt giải đi. Hoàng Tử Xuân, Mạc Tử Dung và rất đông nhân vật đã từng theo ông đều bị bắt cả.

Té ra có một người Xiêm từ Cao Miên về, dâng lên vua Xiêm một bức thơ quan hệ, bắt được trong mình một binh sĩ Việt tên Thuận, tại Thạch Kiều. Thơ gửi cho Mạc Thiên Tứ, đại ý sắp đặt cơ mưu khiến Thiên Tứ làm nội ứng để đánh lấy thành Vọng Các.

Oan hay ưng cho họ Mạc ? Thật là một bức thơ tai hại. Thiên Tứ cực lực phủ nhận tội trạng. Triều đình Xiêm xôn xao bàn luận.

Có lẽ đó là mưu ly gián của Tây Sơn, giả mạo bức thơ ấy, trước khiến vua Xiêm giết Mạc Thiên Tứ đi để cắt đứt một cánh tay đắc lực của chúa Nguyễn, sau khiến hai nước phải đoạn giao với nhau, tức là đỡ bớt một mũi nhọn đáng lo. Giả thuyết nghe ra cũng hữu lý. Nhưng từ lâu vua Xiêm đã ngờ vực Thiên Tứ, nên nay cứ vịn vào đó mà thẳng tay trừng trị.

Vua Xiêm liền xuống lệnh tra tấn Hoàng Tử Xuân và Mạc Tử Dung, cả hai chịu không thấu với sự tra tấn dã man, gào thét phần uất, nguyên rủa phường gian ác. Chúng thấy thế càng dùng cực hình tra khảo. Cuối cùng, Hoàng Tử Xuân khai bừa : « Chúng bây đã nằng nặc quyết một buộc tội, thì cứ làm tội giết ta đi. Ừ đây, chính ta đã mưu toan đánh chiếm thành Vọng Các ».

Chúng liều tra khảo Tử Dung : « Đồng bọn của bây đã khai rồi đó, còn mi to gan đến bức nào cho biết. Mau khai ngay khỏi nát thịt tan xương ».



Tử Dung nạt : « Cha con ta từ bao lâu nay hằng giữ lòng ngay thẳng, há có tà vọng chi mà mang lấy tội tình cay nghiệt chớ ? Lũ bây tàn ác rắp toan hại người, hãy cứ giết ta đi, cha con ta chẳng có tội gì mà phải khai ».

Trước sau một mực Tử Dung căn rắng chịu khổ hình, phủ nhận tội hình, răn rỏi bảo chúng : « Ta nay lâm nạn, lòng ngay dạ thẳng chỉ có một chết mà thôi. Ai trung liệt, ai gian tà, tự có đất trời chứng chiếu ».

Không làm gì hơn được, chúng phụng mạng vua Xiêm hạ sát Mạc Tử Dung chẳng chút thương tiếc.

Hay tin con đã bị giết, Mạc Thiên Tứ kêu trời một tiếng, nước mắt tuôn đầm. Thật là họa vô đơn chí. Ngẫm mình nay tuổi đã 70 lại chẳng may vương điều oan nghiệt thảm khốc, Thiên Tứ bèn lấy vàng nén, vàng lá nuốt vào bụng cho đến tắt thở.

Vua Xiêm lại truyền đem các con cháu ông và 17 người tùy tùng, tất cả 53 người đều chém cả. Duy có 3 người con của hầu thiếp ông và 4 người cháu nội được một vài người Xiêm xin làm con nuôi nên thoát chết.

Nuốt vàng tự tử, phải chăng Thiên Tứ muốn nói lên nỗi cùng muôn thuở : lòng ông tinh thuần như vàng ròng, dù lửa đời trui đốt thế nào cũng không biến sắc được ? Hoặc giả, phải chăng ông muốn cảnh cáo người : vàng bạc đến rất không phải là phương tiện mưu cầu hạnh phúc miên viễn ?

Người đã có công khai thác vùng Cần Thơ, thương ôi ! gặp cảnh nào lòng trong chuỗi ngày tàn bóng xế, chúng tôi ghi chép lại thiên thảm sử, gọi chút lòng thành truy điệu.

## RẠCH CÁI NAI



*Con rạch này trước kia có cặp Sóng thần thường xuất hiện, đồng bào dân chúng nhiều lần chứng kiến hiện tượng kỳ lạ ấy. (Ảnh sưu tầm)*

## CẶP SÓNG THẦN NƠI RẠCH CÁI NAI

Cách nay chừng 50 năm, tại rạch Cái Nai cách thị trấn Cần Thơ độ 5 cây số ngàn, thường có cặp sóng thần xuất hiện. Đồng bào quanh vùng thường chứng kiến hiện tượng sóng thần dậy lên, không ngớt xôn xao bàn tán.

Đang trưa, hoặc lúc xế chiều, quang cảnh vắng lặng. Bầu trời trong trẻo không gợn chút áng mây mù nào, bỗng dưng người ta nghe trên lòng rạch gợn gợn âm ba sóng dậy. Hiện tượng gì thế ? Nào có gió to, mưa lớn chi đâu, sao đất trời lại chuyển động bất ngờ ? Những nhà quanh vùng, người người đều hiếu kỳ, trông ngóng ra phía rạch, nhìn xem hiện tượng lạ kỳ sắp xảy ra.

Lòng rạch xoáy động. Mặt nước rung rinh, từng phút từng chuyển mình dữ dội. Muôn người như một không ai không nghe âm thanh rùng rợn như tiếng thác đổ, tiếng muôn quân hò hét giữa trùng khơi. Rồi thì người người chứng kiến cặp sóng thần nổi lên cao độ một thước, chạy từ đầu rạch này đến đầu rạch khác, bủa vùi trắng xóa.

- Sóng thần dậy ! Sóng thần dậy !

- Ghê thật !

- Oan hồn của các đấng trung thần nghĩa sĩ nào đó chẳng ! Hay là niềm phần uất của muôn binh ngàn tướng một thuở xa nào, mà nay còn vương vất hận không nguôi ? !

Thiên hạ không ngớt bàn tán chung quanh hiện tượng khác thường, hiếm có. Người có học, không chấp nhận những giả thuyết dị đoan, lấy mắt khoa học mà giải thích, nhưng cũng giải thích không trôi. Vì từ xưa đến bây giờ, sông nước Cần Thơ vẫn yên lành, chớ đừng nói chi là con rạch nhỏ, lấy đâu ra sóng to dulong ấy khi mà chẳng hề có sự giận dữ của đất trời trong cơn mưa cuồng gió loạn, để báo hiệu sóng nước sẽ phải nhả mây cau mặt ì ầm gào thét như thế.

Mỗi một lần cặp sóng thần nổi lên, vô phúc cho những ghe thuyền nào đậu quanh đấy, hoặc vừa qua tới đó, không sao thoát khỏi cảnh hãi hùng bập bềnh trên lượn sóng, để rồi cuối cùng bị nhận chìm thê thảm. Nhưng khéo thay ! cảnh tượng chết chóc nào nùng ấy không mấy khi diễn ra. Họa chẳng những ai bạc mạng, vô phước, hay vương tội ác oan khiên gì phải đền báo, mới khiến xui vương mắc vòng tai ách khi sóng thần lên cao độ. Điểm đặc biệt của sóng thần không gieo thảm họa gì, càng khiến dân chúng chất phác càng tin tưởng ở thần quyền. Hẳn là phải có sự linh dị gì tàng ẩn trong hiện tượng thuộc quyền năng của tạo hóa gây nên.

Mà một khi khoa học không giải thích được những quyền năng của tạo hóa, người ta không ai không tăng thêm lòng tin ngưỡng thần linh. Người ta nhớ lại trên đất nước này, ở nhiều nơi vẫn thường có sóng thần. Nào cửa bể Thần Phù, cửa biển Đại Ác, Đại An, sóng thần từng để tiếng trong lịch sử.

*« Lênh đênh qua cửa Thần Phù,  
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm »*

Sóng to, sóng thần xuất hiện trên biển cả, đành rằng chuyện rất thường, không mấy ai cho là lạ lắm. Duy trên sông rạch mà có sóng thần, thì mới là điều không sao khỏi khiến thiên hạ xôn xao. Rạch Cái Nai có sóng thần, khiến những ai biết chuyện đều liên tưởng đến sóng thần từng cơn nổi dậy ở khúc vàm sông Bao Ngược thuở trước.

Nguyên khoảng năm Ất Dậu (1705) quân đội ta và quân đội Chân Lạp (Cao Miên) xung đột cùng nhau. Bên phía Chân Lạp do Nặc Thâm điều khiển binh tướng. Phía chúa Nguyễn do Chánh thống Cai cơ Nguyễn Hữu Vân chỉ huy. Vùng chiến lược nằm trong khoảng Rạch Gầm (Định Tường). Đồi bên bố trí cuộc đọ độ nơi đó.

Bấy giờ, ông Mai Bá Hương, người làng Tân Hương (Cái Quao Trà Vinh, làm chức Xá Lại, vâng lệnh quản đốc một đoàn thuyền chở lương thực. Bị quân Chân Lạp bao vây tại khúc sông làng Bình Ninh, liệu bề khó

thoát, ông cương quyết không để lương thực lọt vào tay quân giặc, liền ra lệnh đục thuyền, nhận chìm, rồi tự vận theo.

Tương truyền : sau khi ông mất, khoảng sông ấy thường nổi sóng thần. Người ta cho là oai linh trung liệt của ông hiển hiện. Cụ Phan Thanh Giản có làm đôi câu đối, ca tụng oai linh ấy : « Nghĩa báo Nam Thiên, cương thượng thường bồi cao tiết ; Khí hiềm Tây tặc, giang tiền do khởi nộ ba ».

Đông Hồ dịch :

*« Thờ vua hết dạ thẳng ngay,  
Gò cao tiết nghĩa càng ngày càng cao ;  
Hiềm xưa hận cũ tuôn dào,  
Trước sông sóng giận ào ào chưa nguôi ».*

Xuyên qua đoạn sử về sóng thần ở vào Bao Ngược ấy, thì cũng rất có thể cặp sóng thần ở rạch Cái Nai biết đâu chẳng phải là dư linh non nước phát tiết ra ? Cần Thơ xa xưa vẫn là bãi chiến trường từng cơn diễn biến hãi hùng qua những hồi binh cách giữa quân ta với Chân Lạp, với quân Xiêm, với Tây Sơn, với quân đội Pháp, biết bao nhiêu là anh hùng liệt sĩ hữu danh cũng như vô danh đã hy sinh xương máu ? Khí uất non sông bàng bạc khắp nơi, chung đúc nên cặp sóng thần kia, biểu dương oai linh tiền nhân đã hiên ngang bất khuất, dũng cảm đương đầu với mọi nghịch cảnh, thi gan cùng bão tố cuộc đời.

Cố nhiên cảm nghĩ như thế không hẳn là đúng. Nhưng thiết tưởng nhắc lại chuyện cặp sóng thần rạch Cái Nai với những cảm nghĩ đẹp để tưởng nhớ đến anh linh người xưa, âu cũng là niềm cảm thông với hồn nước, khích lệ nuôi nấng tinh thần quật khởi của giống nòi ta truyền thống tự muôn thu. Huống chi, khí thiêng sông nước Tây Đô, có cặp sóng thần tô điểm thêm duyên dáng, càng tăng hào khí sĩ phu Tây Đô, chớ có sao.

## Mộ ông Thầy Trung ở Cái Da



*Ông Thầy Nguyễn Văn Trung là một đạo sĩ có nhiều pháp thuật nhiệm mầu, nổi tiếng ở đất Cần Thơ khi xưa. Hiện nay cháu ba đời của ông là ông Huỳnh Công Thiệu còn thờ và giữ những bửu vật của ông tại thị xã Phong Dinh.*

*Trong 4 ngôi mộ này, 2 cái trong là ông nhạc và bà nhạc gia ông Thầy Trung, 2 cái ngoài phía trái là bà Thầy, phía mặt là ông Thầy Trung, chôn tại Cái Da cách Cần Thơ 3 cây số ngàn phía bên tả ngạn rạch Cần Thơ. (Ảnh sưu tầm)*

## **CHUYỆN ÔNG THẦY TRUNG THẢ NÓN QUA SÔNG**

### **MỘT ĐẠO SĨ VANG DANH Ở CẦN THƠ, CÓ NHIỀU PHÉP THUẬT NHIỆM MÀU**

Quý bạn đọc hằng nghe ở miền Tây Châu Đốc khi xưa có Đức Phật Thầy Tây An, ông Cử Đa, Đức Bốn sư ở Núi Tượng được nhân gian sùng kính qua những việc làm phi thường cho là dị nhân xuất hiện.

Thế kỷ 20, cách nay mấy chục năm, tại Châu Đốc nơi làng Hòa Hảo có Đức Huỳnh giáo chủ ra đời giáo đạo, có mấy triệu tín đồ xưng phụng khắp cả Nam, Trung, Bắc đều nghe danh tiếng.

Riêng về Cần Thơ cách nay trên một thế kỷ có một đạo sĩ lầy lừng tên tuổi, đó là Ông Thầy Trung. Cho đến nay các vị bô lão vẫn còn nhớ rõ những chuyện kỳ bí có một không hai của vị đạo sĩ lạ thường. Chẳng những pháp thuật cao cường, nhiệm màu, sản nghiệp của ông tạo ra cũng là vượt hơn đời. Có thể nói một phần lãnh vực rộng lớn tại châu thành Cần Thơ xưa là thuộc quyền tư hữu của ông, và của người con rể ông là Nguyễn Văn Nga.

Ông thầy Trung tên thật là Nguyễn Văn Trung, quê ở xã Tân An huyện Phong Phú (tức vùng Cần Thơ xưa). Thời kỳ ông chào đời, Cần Thơ hãy còn là nơi hoang vắng, nhà cửa lụp xụp, dân cư thưa thớt. Sống trong cảnh nghèo túng, ông sớm dầu dãi tuổi xanh trên đường gió bụi. Không được học hành gì cả, ngày ngày ông ra đồng coi giữ trâu, phụ việc ruộng nương với thân sinh.

Tuy nhiên, bẩm tánh hiền hòa, tin tưởng Phật Trời, ông an nhiên sống với số phận hẩm hiu ; trí mơ màng viếng cảnh năm non bảy núi. Hằng nghe người ta đồn núi này núi nọ có việc linh thiêng huyền bí, với lòng mộ đạo sẵn có, ông quyết chờ cơ hội thuận tiện để đi tìm đấng Minh sư, cầu học đạo màu.

Mỗi ngày, đến bữa cơm thì ông dành để một chén đem phơi trên nóc nhà. Ngày qua tháng lại, cơm khô chứa đầy một bao cà ròn. Lạ thay ! ngày ông cụ bị vừa đủ lương thực ăn đi đường thì cũng chính là ngày ông dẫn bước lên non theo chí nguyện.

Nghe đồn trên núi Điện Bà Tây Ninh là chỗ thanh vắng có nhiều hang sâu động thẳm, nếu lên đó tu sẽ đắc thành chánh quả, ông hâm mộ thiết tha. Giờ đây ông thực hành ý định, khăn gói gió đưa băng rừng vượt nẻo suốt một tháng trường khổ nhọc mới đặt chân lên giữa núi Điện Bà.

Ông ăn tu trong một cái hang đá. Hằng ngày ông chỉ dùng một bữa ăn vào lúc đúng Ngọ. Ấy là cơm khô ngâm nước đựng trong mũn vùa ! Ông đã quyết tâm khổ hạnh, trì chí tu hành, nào có quan tâm đến sự đói no ấm lạnh, chỉ cốt cầm hơi là được.

Thời gian qua...

Bỗng một hôm có Cọp Bạch từ đâu đến nằm ngủ ngoài miệng hang. Sáng sớm thấy thế, ông không khỏi kinh sợ. Nhưng sức nghĩ lại thân mình đã dẫn tới cõi này, dầu chết sống chẳng màng, ông bạo dạn lại gần Cọp Bạch : « Sơn quân ! Ông có thiêng xin hãy dang khỏi miệng hang. Có tôi là người tu hành đây ».

Cọp linh dường nghe biết tiếng người, khẽ gật đầu, nhích mình tránh chỗ. Thấy lạ, và nhìn kỹ dáng điệu hiền từ của Cọp Bạch, ông bạo dạn thêm : « Sơn quân ! Xem ra ông cũng tu hành chẳng ? Chắc ông không còn sát sanh hại mạng như thuở nào ? »

Cọp Bạch lại gật đầu, tỏ tình ý quần quýt lưu luyến với người. Lòng không còn ngại gì nữa, ông bước ra khỏi hang. Cọp Bạch đứng bên ông với nét dịu hiền. Một người một thú, từ ấy xem nhau như bạn đồng cảnh đồng tâm.

Dần dần cơm khô hết sạch, Cọp dường biết cho tình cảnh cạn lương, ngày ngày vào rừng tìm trái cây đem về cho ông ăn đỡ dạ.



Một đêm trăng, ông đang định tọa nhập thiền, thành linh thấy thấp thoáng trước mặt có người ung dung đi tới. Ông ngỡ là ảo ảnh. Té ra nhìn kỹ quả thật có bóng dáng người lạ đến gần. Ấy là một người Huê kiều, phục sức theo lối cổ, áo rộng tay dài, chân mang một đôi giày tào. Dưới bóng trăng, nhận thấy đôi giày không dính cát bụi gì cả, trong trí ông nghĩ thầm : « Đêm thanh vắng, người đường đột đến, hẳn phải là bậc phi phàm ». Bèn lên tiếng hỏi : « Cao nhân quang lâm, có điều chi dạy bảo chăng ? »

Người Huê kiều ấy ung dung đáp : « Tôi mua bán ở chợ Tây Ninh, trời nóng nực quá nên mới lên non chơi cho mát ».

Ông càng nghe nói càng kính mộ, vái chào và sụp lạy : « Cầu xin cao nhân đoái tưởng, chỉ điểm mê đồ cho bản đạo. Đệ tử tình nguyện theo hầu cao nhân đến tận góc biển chân trời, thiên nan vạn khổ không từ ».

Vị ấy xây lưng đi và nói : « Tôi không biết gì hết ».

Ông vẫn kiên tâm trì chí chạy theo cầu khẩn. Được một đổi, vị ấy quay lại bảo : « Thôi, nhà ngươi có lòng thành, để ta dạy cho mà tu. Mai đây nhà ngươi rời khỏi chỗ này, lên chót núi có cốt Bà Đen ngồi dưới chân Bà mà tu niệm ».

Ông khắp khởi mừng, suốt đêm không an giấc. Sáng sớm tinh sương, ông vỗ lưng Cọp Bạch : « Sơn quân ơi, ta tạm từ giã nhau. Trên đường tu học, thâm thập được kết quả gì, ta sẽ chẳng quên người đâu ».

Cọp Bạch cúi đầu, ra chiều quyến luyến. Ông rảo bước. Cọp Bạch đứng nhìn theo cho đến khi ông khuất dạng, hộc to một tiếng như gào khóc, băng mình vào rừng mất hút.

Trên đỉnh núi, ông thầy Trung len lỏi theo đường quanh co khúc khuỷu, bỗng chẳng biết từ đâu có từng hòn đá lăn tới cản ngăn. Ông niệm Phật, van vái : « Cầu nguyện chư vị ở núi non cho tôi được lên đến chót núi, gửi thân tu luyện ».

Vái xong, bỗng dưng đá hết lăn. Ông tìm tới chỗ cốt Bà Đen. Nơi đây, có ao sen thanh quý lạ kỳ. Ông dọn quét lá cây sạch sẽ rồi ở đây tu theo lời vị cao nhân đã dặn.

Được gần một tháng, đêm kia vị cao nhân lại xuất hiện dạy đạo. Ông nhất nhất ghi lòng. Vị cao nhân hỏi : « Từ ao sen ra mé rừng chừng một trăm thước, có đám « Mì tinh » mọc hoang. Đúng ngộ bốc ăn một củ thì không hề đói. Hãy gắng tu cho thành đạo ».

Rồi đó thỉnh thoảng vị cao nhân đến chỉ bảo cho những đạo pháp bí truyền. Cuộc điếm đạo đều về đêm mới bắt đầu.

Thấm thoát trải ba năm học tập. Đêm kia, ông bỗng nghe tiếng gọi vô hình vắng vắng : « Này con, thân mẫu của con vừa mất, ngày mai tẩn liệm, mốt an táng. Con hãy về lập tức ».

Tiếng gọi vô hình lập đi lập lại nhiều lần. Ông đành phải tin theo, khê thưa : « Bạch tôn sư, đường xa diệu vợi, con về thế nào cho kịp ».

Tiếng vô hình nghiêm trách : « Trong ba năm nay người học những gì ? Khi cần kíp không thi thố được diệu thuật nào sao ? »

Ông nghẹn ngào : « Tôn sư cứu giúp cho đệ tử với ! »

Tiếng vô hình bảo : « Người cứ ngồi xếp bằng nhắm mắt, niệm những lời thầy người đã dạy. Khi nghe chim kêu, gà gáy, mở mắt ra sẽ được như nguyện ».

Ông vâng mạng làm y theo. Bên tai nghe gió rạt rào. Thân mình lâng lâng vượt bổng, lướt gió tung mây như có ai đưa lối dẫn đường.

Sực nghe tiếng chim kêu, gà gáy. Nhớ lời dặn bảo, ông mở mắt ra. Như mê mới tỉnh, trước mắt trông thấy cảnh nhà hiển hiện, ông cúi đầu sa nước mắt, nhìn bà con đang sửa soạn chuyển linh cữu thân mẫu ông hạ huyết. Ai nấy hỏi thăm ông tíu tít : « Ba năm nay bỏ đi đâu bật dạng ? »

Ông thờ dài : « Chí nguyện đi tu, chỉ hiềm phước phận còn kém cõi ».

Chôn cất mẹ xong, ông ở nhà chịu tang được một tháng cảm thấy lòng ray rứt, ông lại dời gót lên núi lần nữa.

Trải thêm hai năm tu luyện trên non, bỗng một hôm ông lại nghe văng vẳng tiếng vô hình thuở nọ : « Số người không tu đắc quả được, phải trở về cõi thế làm thầy giúp đời, cứu độ kẻ bịnh hoạn ».

Thật ra chính ông cũng đã đánh tay biết rõ số phận mình, đến đây không tiếp tục được con đường đạo hạnh vẹn toàn như ý nguyện !

Ông đành trở lại cố hương (Cần Thơ). Bấy giờ ông đã 23, 24 tuổi.

Bao nhiêu pháp thuật nhiệm màu ông đã tu luyện được trong năm năm dẫn thân lên chốn non cao, giờ đây ông lần lượt thi thố cho đời biết. Đầu tiên ông trở tài trị bịnh. Đặc biệt những chứng về thần kinh, hình nhân điên điên khùng khùng đến ông trị thì hết ngay. Do đó, đồng bào quanh vùng ngày một biết đến ông, tỏ lòng kính mộ ông rất mực.

Năm ông 25 tuổi, có một gia đình giàu có ở Cần Thơ kêu gả con cho. Người vợ ông là bà Nguyễn Thị Hộc.

Từ ngày ông ở núi về cứu dân độ thế, ông làm nhiều chuyện huyền bí lạ lùng. Có lần, từ bên này sông Cần Thơ, ông thả nón lá và đứng trên nón qua sông một cách nhẹ nhàng.

Dưới sông Cần Thơ ông có nuôi một con sấu cụt đuôi và một con cá hô dài 1m50, ngang 0m80 thả khơi ngoài sông. Khi nào ông muốn gọi cá sấu, cá hô, ông đứng trên bờ vỗ tay, đọc thần chú. Lập tức cá sấu trườn lên bãi, cá hô cũng vô bờ.

Những người cao niên hiện còn sống ở Cần Thơ như quý ông Cao Văn Hùng 81 tuổi, ông Phủ Nguyễn Văn Huê, ông Nguyễn Văn Giai (cháu ngoại cụ Bùi Hữu Nghĩa) nay đã 82 tuổi, hiện giờ ở gần cầu Tham tướng của tỉnh lỵ đều biết rõ chuyện này. Chính quý vị đó đã từng chứng kiến cá hô của ông thầy Trung nuôi nổi lên, lội vào bờ, và có người đến rờ con cá.

Điều đặc biệt, ông trở tài chữa bệnh lạ kỳ cho vợ viên Chánh Tham biện Nicolai, Tỉnh trưởng đầu tiên của tỉnh Cần Thơ khi mới thành lập (1876).

Bà vợ ông Chánh Tham biện Nicolai đau chứng bệnh kỳ quái. Mỗi buổi sớm mai, bà rửa mặt chừng 50 thau nước, chà xát mặt mày đến nổi da mặt đỏ rần. Ông Chánh Tham biện chạy chữa đã nhiều thầy vẫn không có hiệu quả. Viên thông ngôn là Cao Văn Tình (thân sinh ông Cao Văn Hùng mà chúng tôi đã có dịp nhắc qua trong bài « Nữ thiện xạ lừng danh của Tây Đô ») mách cùng ông Chánh Tham biện : « Tại tỉnh này có ông thầy Trung rất giỏi tài phép. Xin quan lớn cho mời ông đến tư dinh trị cho bà mười phần ắt hết cả mười ».

Tánh người Pháp không tin dị đoan. Nhưng thấy vợ đau chứng bệnh lạ thường, ông Chánh buộc lòng phải cho rước ông thầy Trung thử xem, thâm tâm không tin tưởng mấy may nào.

Ông thầy Trung vào tư dinh, đồng dặc hỏi ông Chánh Tham biện : « Bà đau ra sao ? »

Ông Chánh Tham biện nói rõ tình hình, có viên thông ngôn thuật lại cho ông thầy Trung biết. Ông thầy Trung cười khà : « Tưởng gì, bệnh ấy dễ trị mà ».

Liên bảo đem ra một thau nước để trị bệnh. Ông Chánh Tham biện ngạc nhiên : « Trị bệnh cách gì lạ vậy ? Thuốc men ra sao ? »

Ông thầy Trung răn rỏi : « Ông đừng lo. Cứ xem trị thì biết ».

Đoạn, hướng về phía bà vợ ông Chánh Tham biện, thầy Trung nghiêm giọng : « Thau nước kia, bà hãy rửa mặt đi. Đây là thau nước cuối cùng, bà không còn phải rửa nữa ».

Bà Chánh làm y theo lời. Thau nước vừa cạn thì da mặt bà cũng hết đỏ sần sùi và từ ấy dứt hết chứng bệnh.

Tiếng đồn vang xa. Tên tuổi ông thầy Trung được người người khâm phục. Viên Chánh Tham biện Nicolai cũng thời thường thăm viếng thầy Trung, giúp đỡ tận lực những gì mà ông thầy Trung cần.

Suốt mấy mươi năm, ông thầy Trung cứu dân độ thế, không phụ lòng một ai đến nhờ cậy việc gì. Xa gần đều kính mộ.

Một hôm, biết mình sắp từ biệt cõi đời, ông bảo các con cháu : « Hãy đi lo sắm các đồ hậu sự cho ta ngay ! »

Con cháu ngạc nhiên nhao nhao hỏi : « Sao thế ba ? ». « Trong mình ông đau yếu ra sao ? »

Ông khoát tay : « Đừng hỏi rộn. Cứ đi sắm cho ta một cỗ thọ, giờ nắp để sẵn đó ».

Các con cháu không dám hỏi han gì thêm, tuân lời làm y theo.

Đến giờ, ông thản nhiên vào nằm trong cỗ quan tài, dặn con cháu : « Thấy hơi thở của ta tuyệt, hãy liệm ngay ».

Ông đang mạnh dạn như thường, thế mà vào nằm trong quan tài, phút chốc đã tắt thở, lìa cuộc đời một cách bình thản khác thường.

Con cháu ông cho an táng tại trước tòa án Cần Thơ, sau nhà nước mở rộng châu thành nên thân nhân cải táng đem về rạch Cái Da mé bên tả rạch Cần Thơ.

Ngày ông lìa đời, con sấu cụt đuôi của ông nuôi lợi vô rạch Tham tướng (là chỗ khi xưa Tham tướng Mạc Tử Sanh bỏ mình trong trận chống Tây Sơn), rồi ít lâu cá sấu đi mất. Cá hô ông nuôi cũng thường tới lui quanh rạch vùng mộ ông, rồi sao cũng trở về biển cả. Hai con vật linh dường như tưởng niệm ông, đi theo ông ở thế giới vô hình nào.

Câu chuyện ông thầy Trung mà chúng tôi vừa thuật trên đây, các vị bô lão ở Cần Thơ từng biết rõ, người đời còn nhắc mãi với niềm khâm phục, tiếc khó thấy một nhân vật phi thường như thế. Chính ông Nguyễn Văn Giai

một giáo chức hồi hưu (cháu ngoại cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa) kể chuyện cho chúng tôi nghe, cũng tỏ lời tán tụng vị đạo sĩ hiếm có.

Hiện giờ những bảo vật linh thiêng của ông để thờ trên lầu tại nhà người cháu gọi ông bằng cố là ông Huỳnh Công Thiệu tại thị trấn Cần Thơ.

Quý bạn đến tỉnh lỵ này, hỏi qua công việc của ông thầy Trung không ai không biết. Hầu hết đất cát tại châu thành Cần Thơ ngày nay của ông và người rể là ông Nguyễn Văn Nga. Nay ông Nguyễn Văn Nga cũng đã mất và an táng cách chợ Rạch Gòi vài cây số, chỉ để lại cho cháu một chút ít sản nghiệp, sau bao năm kiên tụng dằng dai.

Tục truyền rằng, trước khi lâm chung, ông Nguyễn Văn Nga căn dặn con cháu phải tâu hưu bằng bảy miếng vạt tre, thì sau này sẽ có nhiều điều linh ứng cho con cháu.

Xuyên qua việc làm của ông thầy Trung mà chúng tôi đã tường thuật, có người theo duy vật chủ nghĩa, cho là mê tín dị đoan mỉm cười một cách tự phụ ngạo nghễ, nhưng chính khoa học và kinh nghiệm cho biết đời không có gì là tuyệt đối.

Đời vẫn có nhiều huyền bí mà khoa học chưa làm sao khám phá giải thích nổi. Và lại không riêng gì xứ mình. Lịch sử hầu hết các dân tộc trên thế giới đều có những huyền sử, giai thoại tràn trề những câu chuyện thần bí v.v...

Vấn đề là tin hay không tin tùy quan niệm mỗi người.

# CHUYỆN XƯA TÍCH CŨ

Sau đây, chúng tôi xin cống hiến độc giả vài chuyện truyền kỳ về Càn Thơ xưa.

Đã đành rằng trong thời đại nguyên tử này, khoa học tiến bộ quá sức tưởng tượng mà nói chuyện thủy thần, cá yêu, sóng thần, e lỗi thời đi chăng, song, bên lề lịch sử có dã sử thì chuyện cổ tích truyền kỳ có lẽ cũng đem lại cho bạn đọc đôi phút vui vui, những lúc trà dư tửu hậu.

## CHUYỆN THỦY THẦN

Trước đây độ nửa thế kỷ, tục truyền rằng, tại bến đò máy cũ, dưới đáy sông Hậu Giang, gần dinh Tỉnh trưởng, có dinh của Thủy thần.

Khi kia, một chiếc ghe chài chở đầy cừ chìm tại đó, trong chài có một hộp sắt đựng mấy chục ngàn đồng bạc trắng.

Chủ thuyền mượn thợ lặn xuống lấy hộp bạc và cột đôi vô ghe chài đặng họ trực lên.

Thợ lặn xuống đáy sông gặp Thủy thần. (Người thuật chuyện này cho chúng tôi chép lại, vô tình hay cố ý quên nói rõ Thủy thần nhà ta bao lớn, bao cao, ăn mặc thế nào, râu ria mặt mũi ra làm sao).

Thần không cho thợ đến gần chiếc ghe chài, buộc thợ phải cúng Thần một con heo đứng và một con heo nằm đúng tạ, Thần mới cho phép lấy.

Thợ lặn trời lên mặt sông trình lại, chủ thuyền không tin, cho là thợ đặt điều để vùi tiền ông ta. Ông bèn thuê người khác lặn xuống xem sao, anh này lên cũng thuật mấy lời y như anh trước. Ông chủ thay thợ lặn mấy cũng không có kết quả chi.

Túng cùng, ông phải buộc lòng làm hai con heo đúng tạ, đặt một con đứng một con nằm trên thuyền nhỏ, nhang đèn nổi lên, đem đến nơi chiếc

chài chìm mà cúng vái Thủy thần, rồi sau mới đem hộp bạc và trục chiếc chài lên được.

## **CẶP CÁ « VỒ CỜ »**

Cách đây đã lâu, tại rạch Cái Tắc, làng Phú Lợi, gần cầu đúc Thạnh Xuân, có một cặp Cá Vồ to lớn dị thường.

Kêu là « cá Vồ Cờ », vì chưng cái kỳ trên lưng nó cao quá, chong lên như ngọn cờ.

Ngày kia, có cha con ông thợ chài vừa vãi chài xuống rạch bỗng trúng nhằm kỳ trên cặp cá và dính cứng như mắc lưới câu ; cha con ông hoảng hồn buộc miệng lưới vô mũi ghe, cặp cá lôi chiếc thuyền chạy như dông, chẳng khác buồm bọc gió.

Cha con ông chài kêu trời, la làng inh ỏi, mõ ống đánh như nhái, dân làng tụ hai bên bờ sông đông đảo, song không ai tìm được phương pháp giúp ông chài.

Chấp sau, có một lão nông nhắc lớn ông chài chặt sợi dây cột miệng lưới vô thuyền, hy sinh chiếc lưới ; ông nghe lời, dây đứt, thuyền ngừng lại được, cha con ông chèo vô bờ, phó mặc cặp cá lôi miệng chài đi đâu tùy ý.

Sau, có người Pháp bắn chết cặp cá ấy. Dân làng kéo cá lên, chặt khúc đem về kho ăn, trong bao tử cá họ tìm được nhiều vòng vàng, bông tai, chuỗi hạt.

## **CÁ VỒ MA**

Tại Phong Điền, làng Nhơn Nghĩa, xưa có một phú ông nuôi một ao cá vồ với một ao cá trê trắng đã mười mấy năm.

Cá trê lớn bằng bắp chơn, còn cá vồ to bằng cây cột nhà. Gần ao cá vồ là một bãi tha ma.



Trong nhà phú ông, bỗng nhiên sanh nhiều điều quái dị : bà chủ nhà thành linh không đau mà chết ; những đêm trời âm u, gió thổi lạnh lùng, vắng vắng tiếng qui khóc ma rên trong mấy bụi chuối quanh ao cá vồ.

Chủ nhân nhứt định kêu lái cá bán ao cá vồ.

Lạ làm sao, bốn năm ròng tát nước cái ao khổng lồ của ông vừa cạn thì tuyệt nhiên không thấy bóng một con cá nào đâu cả !

Đêm đến, ông đặt bàn bày lễ vật đốt nhang đèn khấn vái bên bờ ao, thì sáng ra cá lội lúc nhúc đầy ao.

Lái cá mượn người bắt lên thả vô thuyền, chèo đi được một khúc sông, toàn mấy lườn cá biến thành nước lã.

Chủ lái quay thuyền trở lại năn nỉ xin ông chủ hoàn số tiền mua cá, hoặc là ông cho bắt ao cá trê mà thế vào.

Chủ nhân là người tử tế, biết điều, không cãi cộ làm chi. Lần này, ao tát cạn, cá trê không biết « tàng hình » như mấy ông bạn cá vồ kia, nhưng vì nó lớn và sức nó quá mạnh, hai cái ngạnh nó sắc như dao nên người ta lập thể làm cái bàn chông đóng đinh ló ra dài đập vô cần cổ nó, bắt lên tức thì chặt đứt hai cái ngạnh rồi mới thả xuống ghe.

# GIAI THOẠI

## TÌM HIỂU ĐỊA DANH BÌNH THỦY – LONG TUYỀN

Bình Thủy cách thị trấn Cần Thơ 5 cây số ngàn, thuộc xã Long Tuyền, tổng Định Thới, quận Ô Môn.

Xã Long Tuyền có từ đời Hậu Lê, đến đời vua Gia Long năm thứ 15 (Bính Tý 1816), long cuộc trở ra, phong quan càng ngày càng xinh đẹp, nghiêm nhiên là một nơi hình thắng đáng kể.

Thuở xa xưa, làng Long Tuyền có tên là Bình Hưng, sau cải lại là Bình Phó. Hoa màu ruộng đất chưa được khai thác triệt để, dân cư thưa thớt. Nguồn nước chảy trong lành, trong lưu vực từ Cồn Linh cho đến xã Thới Bình, sông sâu mà không có sóng to gió lớn.

Gặp cơn biến loạn, nhân dân ly tán, ruộng đất bỏ hoang. Bấy giờ có ông Lê Thành Hiếu người ở Định Tường chạy giặc, đem vợ con đến đây trú ngụ tại ấp Hưng Hòa (nay là Bình Nhựt), mở mang đường sá, khai khẩn ruộng vườn. Đồng thời, ông Võ Văn Tự cũng người ở Định Tường, đến trú ngụ nơi ấp Thới Hòa (nay là Bình Lạc). Dần dần hai ông đều khá lên, khai hoang lập ấp hẳn hoi. Ít lâu, ông Võ Văn Tự gả con gái cho con trai ông Lê Thành Hiếu, đôi bên kết thông gia, càng thêm rân rác.

Nhưng cơ trời vận chuyển, cuộc tang thương đeo đuổi mãi không thôi. Bỗng lại xảy cơn bão lụt, nhà cửa ruộng vườn tang tóc. Dân chúng lại lâm cảnh màn trời chiếu đất, tạm lánh đi nơi khác một thời gian nữa. Khá lâu mới phục hồi được cảnh sắc như cũ.

Đến đời Tự Đức năm thứ 5 (Nhâm Tý 1852), quan Tuần phủ Huỳnh Mãn Đạt ngồi thuyền đi tuần thú, vừa đến Cồn Linh thì gặp phải trận cuồng phong nổi dậy. Ai nấy đều kinh hoàng.

Một viên hầu cận nhìn xem địa thế, khẽ bầm : « Nơi khoảng xa xa kia có chỗ yên lặng, cho thuyền đến đó núp gió ắt an toàn ».

Cụ Tuần phủ Huỳnh Mẫn Đạt nghe theo, truyền quân chèo thuyền đi ngay vào vàm rạch ấy.

Nhìn kỹ ngọn rạch yên lặng như mặt nước hồ thu, xem ra có long cuộn, cụ Tuần phủ bèn cho gọi dân quanh vùng đến gạn hỏi. Các vị bô lão đến ứng hầu rất đông. Cụ Tuần phủ nói : « Chỗ này cảnh vật lâu nay ra sao ? »

Các bô lão bầm : « Ngọn rạch thường yên lặng, không hề có sóng to gió lớn. Hoa màu thanh vượng. Dân lạc nghiệp an cư. Ấy cũng nhờ đức hoàng ân được thái bình ».

Cụ Tuần phủ khen thầm địa thế như rồng nằm, nghiêm trang tuyên bố : « Nay ta nhờ theo dòng nước đến đây mà được bình yên vô sự. Vậy ta đặt tên cho chỗ này là Bình Thủy ».

Cái tên Bình Thủy còn giữ đến ngày nay, xuất xứ từ giai thoại trên đây.

Rồi đó, cụ Tuần phủ dâng sớ tâu với triều đình, vua Tự Đức mới ban sắc phong thần cho đình Bình Thủy.

Đến năm Mậu Thân 1908, cảnh sắc Bình Thủy đã được tô điểm thêm, duyên dáng quyến rũ lòng du khách.

Vị Tri phủ Nguyễn Đức Nhuận và Cai tổng Lê Văn Noãn khi ấy đều là người quê quán ở Bình Thủy, động niềm yêu quê hương tha thiết, càng gắng gổ mưu sự tốt đẹp cho dân. Nào lo xây dựng đình thần mới, nào mở mang thêm chợ búa, đường sá. Hai ông lại cho mời đông đủ thân hào, nhân sĩ nhóm họp tại công sở, bàn việc đổi tên làng.

Trong bầu không khí nghiêm trang nhưng không thiếu vẻ thân mật nồng nàn, Tri phủ Nguyễn Đức Nhuận lên tiếng : « Khi xưa, quan Tuần phủ Huỳnh Mẫn Đạt vì nhận xét thấy địa thế này tốt đẹp, yên lành, nên đã đặt cho một cái tên Bình Thủy. Đời càng văn vật thì phong khí càng mở mang

ra thiết nghĩ chúng ta cũng nói lên tấm lòng yêu quý mảnh đất quê hương của chúng ta, đánh dấu thêm một đoạn đường đã trải qua. Các ông nghĩ sao ? »

Ai nấy đều tán thành ý kiến hay. Quan Tri phủ nói tiếp : « Cuộc đất của chúng ta đang ở rất tốt. Con rạch thì nguồn nước chảy uốn khúc như rồng nằm, miệng ngậm trái châu là cồn án ngang rạch. Lại có bốn chân : hai chân trước là hình thế rạch Ngã tư lớn và Ngã tư bé ngang nhau ; hai chân sau là rạch Miếu Ông và rạch Cả Tắc ngang nhau. Cái đuôi uốn khúc nằm vắt qua làng Giai Xuân. Địa hình địa cuộc đã trở ra như thế, tôi muốn đặt tên làng lại là Long Tuyền. Quý chức đồng ý chăng ? »

Cai tổng Lê Văn Noãn nổi lời phát biểu ý kiến : « Hai chữ Long Tuyền thật đầy đủ ý vị. Nhưng hai chữ Bình Thủy cũng khá hay. Ý tôi muốn giữ lại cái tên Bình Thủy cho chợ này, và dùng hai chữ Long Tuyền để chỉ toàn xã thì chẳng gì bằng ».

Mọi người đều vỗ tay khen vang dậy. Sau cuộc luận bàn, một mặt quan Tri phủ thông tri cho các xã, các ấp đều biết việc đổi tên làng, một mặt họp cùng thân hào nhân sĩ chung lo kiến thiết vùng đất thân yêu. Nhất là việc xây cất đình Bình Thủy, góp công, góp của đáng kể có ông huyện La Xuân Thạnh và con là La Thành Cơ, bà Đặng Thị Viết – Thân mẫu của ông hương cả Nguyễn Doãn Cung thì hiến đất cất đình.

Đang lúc cuộc chỉnh trang Bình Thủy – Long Tuyền xúc tiến tốt đẹp, bỗng dưng quan Tri phủ Nguyễn Đức Nhuận qua đời trong năm Giáp Thìn 1904. Tuy nhiên, ý kiến ông về việc đặt tên làng là Long Tuyền, đến nay địa danh Bình Thủy – Long Tuyền vẫn còn ghi tạc.

**HUYỆN VĂN – HUYỆN VÕ : HAI DANH TỪ THÚ VỊ TRONG TỈNH CẦN THƠ XƯA**

Non trăm năm trước, đồng bào tỉnh Cần Thơ truyền tụng hai danh từ Huyện Văn, Huyện Võ. Thoạt nghe, hễ ai cũng nghĩ rằng đó là hai huyện nào trong vùng tỉnh Cần Thơ, nếu bảo rằng đó là hai địa danh thì không đúng lắm, vì thật ra đó là hai nhân danh đã đi vào lịch sử, tên tuổi bia truyền nơi miệng đồng bào trong các vùng mà hai nhân vật ấy đã đi qua.

Thế thì sự tích Huyện Văn, Huyện Võ ra sao ? Lâu nay chúng tôi hằng nghe truyền khẩu từ hai danh từ ấy, nhưng xem lại lịch sử thì chẳng thấy ghi chép gì rõ ràng. Nay bắt tay vào soạn quyển sách này, nếu không tìm hiểu hai danh từ ấy là một điều thiếu sót cho việc sưu tầm, lòng không yên. Mà đi dò hỏi các bô lão quanh vùng, thì nhiều cụ vẫn bảo rằng quả có câu chuyện Huyện Văn, Huyện Võ. Sự thật thế nào, mai sau hễ nhà sử học minh định, âu là chúng tôi cứ theo sự truyền khẩu mà thuật lại, ghi chút dấu vết để người sau tiện bề khảo cứu sâu xa hơn.

Tương truyền : Lúc ba tỉnh miền Tây đã lọt vào tay quân đội Pháp, trong nước dấy lên nhiều cuộc nhân dân khởi nghĩa chống xâm lăng. Ngoài những cuộc khởi nghĩa nổi tiếng của Đoàn Công Bửu, Nguyễn Xuân Phụng ở Trà Vinh, Vĩnh Long, đức cố Quán Trần Văn Thành ở An Giang, Đinh Sâm tại Phong Dinh v.v... còn có hai nhóm nghĩa quân có sắc thái gần như tổ chức Thiên địa hội của Trung Hoa. Hai nhóm này biệt lập, không liên quan chi với các nhóm nghĩa quân khác. Địa bàn hoạt động của họ ở trong vùng Cần Thơ – Vĩnh Long – Trà Vinh. Mỗi nhóm có một hiệu cờ riêng. Một nhóm cờ xanh, một nhóm cờ vàng (gọi trại là Kèo Vàng, Kèo Xanh).

Điều nên biết, khi xưa ở Bạc Liêu vẫn có hai nhóm Thiên Địa Hội, cũng có màu cờ như thế. Phải chăng đây là dư đảng của Thiên Địa Hội Bạc Liêu lại dấy lên tụ đảng nơi vùng Cần Thơ, dưới chiêu bài khác ?

Lại nữa, khi chống Pháp, ngoài Trung Bắc vẫn có những nhóm cờ này, cờ trắng, cờ đen v.v... của các tướng Hoàng Sùng Anh, Bàn Văn Nhị, Lưu Vĩnh Phúc v.v... Phải chăng dư đảng ấy cũng có mặt trong Nam ?

Hai nhóm Kèo Vàng, Kèo Xanh bấy giờ hoạt động mạnh ở miền Tây, thâm nhập đảng viên, tổ chức lan rộng khắp chốn. Đặc biệt khi cuộc khởi nghĩa của Đinh Sâm bị đàn áp ở vùng Láng Hầm (nay là Ba Láng), Trà Niềng (thuộc xã Nhơn Ái), nhóm Kèo Vàng và Kèo Xanh tiếp nối xách động quần chúng trong vùng ấy. Trụ sở của họ đặt ở miệt Rạch Gòi, xã Thạnh Xuân (nay thuộc quận Phụng Hiệp).

Tuy nhiên, vì hai nhóm không đoàn kết, có sự chia rẽ, lại đua nhau tranh giành ảnh hưởng, dùng uy tín mà lôi kéo dân chúng về phía mình, gây nên tình trạng rối ren bất ổn. Sự bất đồng của họ làm dao động trong quần chúng, xích mích đôi khi làm đổ máu nhau khiến dân chúng quanh vùng phải điêu đứng với cảnh nời da xáo thịt.

Chánh quyền thực dân tìm cách đối phó. Đầu tiên, chúng xua quân đội bố ráp đàn áp thẳng tay, chúng mượn tay người Việt để đàn áp người Việt, phái hai viên quan người Việt tin cẩn của chúng, đưa vào vùng ấy để lập lại trật tự an ninh. Một người về văn, coi sóc việc hành chánh, một người về võ đảm nhận nhiệm vụ nội an, canh phòng bố trí cẩn mật. Hai viên quan văn võ lợi dụng sự bất đồng của hai nhóm Kèo Vàng, Kèo Xanh, một mặt tuyên truyền kêu gọi dân chúng trở về với sự săn sóc của chánh quyền, một mặt tung lực lượng đàn áp những cơ sở chánh của hai nhóm ấy.

Dần dần hai nhóm bị tiêu hao lực lượng, lại sanh ra làm bậy, làm xằng, khiến dân chúng chán ngán không tin tưởng nơi họ nữa. Do đó, hai viên quan ấy thành công trong việc bình định.

Để tưởng thưởng người giúp việc trung thành đặc lực, chánh phủ Bảo hộ ban chức huyện hàm cho hai viên quan văn võ ấy. Dân chúng kiêng nể oai thế hai ông, gọi hai ông là « Huyện Văn » (ông huyện coi về việc văn trị, hành chánh) và « Huyện Võ » (ông huyện coi việc võ trị nội an). Rồi gọi rộng ra, khắp vùng do hai ông trấn nhậm, cũng gọi là vùng Huyện Văn, Huyện Võ. Lâu ngày thành danh, hễ nói đến Huyện Văn, Huyện Võ thì ai

cũng biết câu chuyện ấy đã được lưu truyền cả miền Hậu Giang, mỗi khi người dân Cần Thơ đến một tỉnh khác cư ngụ, thì đồng bào địa phương ấy gọi là trai Hai Huyện.

Trong quyển « Bạc Liêu xưa và nay », chúng tôi có mô tả một câu chuyện bằng thi văn của cô gái Bạc Liêu năm xưa yêu người trai Hai Huyện, cô nói lên với tấm lòng tha thiết chân thành, chúng tôi trích ra đây đôi đoạn để chứng minh danh từ Hai Huyện được phổ biến sâu rộng trong dân gian.

Đây là những vần thơ của cô gái năm xưa nhan đề :

### **MONG TRAI HAI HUYỆN**

*Em yêu anh người trai Hai Huyện.*

*Em mong anh bước tới gia đình.*

*Tiệt tân hôn em dọn đồ hải sản.*

*Hào, mực, sò, tôm lụi, rùa, cua.*

*Nào cua kình Giá Rai rạch béo,*

*Nào yến sào Đá Bạc Chơn Qui*

*Đền tân hôn sấp U Minh sẵn có,*

*Em hồi môn bằng chiếu đẹp Cà Mau.*

*Dón U minh tiết đông sưởi ấm,*

*Đất Tân Bằng củi đượm than hồng.*

*Trăm năm em giữ chữ đồng,*

*Bổ kình vện phận chỉ hồng se sần.*

*Gái Bạc Liêu hiền lành chất phác*

*Gìn một lòng son sắt không phai*

*Vẽ rồng thêu phượng mặc ai*

*Thề không một mặt dạ hai với chồng.*

Những câu thơ trên đây biểu trưng cho tấm lòng chất phác của một cô gái thật thà, không ngần ngại giới thiệu những thổ vật xứ cô đã có cùng với

chàng trai Hai Huyện qua bao lời sắt đá, một dạ một lòng trăm năm chung thủy.

Sở dĩ có danh từ Hai Huyện xuất xứ tại Cần Thơ nên mới có câu chuyện như thế này, âu cũng là sự khích lệ cho những ai có tinh thần tìm hiểu đến quê hương của mình.

## **GIANG SAN SÁU THANH VANG BÓNG MỘT THỜI CỦA VUA XE ĐÒ CẦN THƠ**

Khoảng giữa đường từ bến « Bắc » Cần Thơ vào bến xe mới ngày nay, mấy năm trước hãy còn một cây cầu sắt mang tên là cầu Sáu Thanh. Vì khoảng đất nơi bến « Bắc » là nơi biệt thự của Sáu Thanh. Cầu Sáu Thanh nay đã dỡ bỏ, khoảng rạch lấp bằng biển thành con đường rộng thênh thang, cũng như tên tuổi Sáu Thanh cơ hồ như đã vùi trong quên lãng của người đời sau khi thời oanh liệt cáo chung.

Mấy mươi năm trước đây, miệt Cái Răng – Cần Thơ – Bình Thủy là giang san của Sáu Thanh ngự trị. Vốn con nhà tử tế giàu có ở Rạch Giá, Sáu Thanh có tướng mạo nho nhã phong lưu, dáng dấp người nghệ sĩ. Đôi mắt sáng quắc chứng tỏ con người thông minh, khôn ngoan lanh lợi.

Có lẽ vì cậy ở sự khôn ngoan lanh lợi, Sáu Thanh đến lập nghiệp ở Cần Thơ, hai bàn tay trắng mà gầy dựng cơ đồ to tát. Học đòi Đơn Hùng Tín thuở xưa, dưới tay Sáu Thanh vô số em út thù phụng.

Trên phương diện cạnh tranh kinh doanh, Sáu Thanh rất giàu thủ đoạn đàn áp đối phương mình, giành lấy mọi phần thắng lợi. Đương thời Sáu Thanh lừng lẫy, nhân viên công lực gần như đã bị mua chuộc hết, vì đối với sự xã giao, Sáu Thanh rất kính cẩn, khôn khéo. Đối với bạn hữu, Sáu Thanh cũng tỏ ra hào hiệp, không hề có tâm trạng chơi xấu, nên cũng được cảm tình của nhiều người. Những em út nào làm bậy, Sáu Thanh không ngần



ngại trừng trị thẳng tay. Trái lại kẻ nào xác láo, cậy thế ý quyền, Sáu Thanh cho em út ra tay thanh toán, không chút nao núng.

Chuyện làm nổi nhất của Sáu Thanh là giới xe đò. Năm bến xe đò Cần Thơ trong tay, Sáu Thanh mặc tình thao túng, đã là vua xe đò, Sáu Thanh một mặt đàn áp các chủ xe đò khác, một mặt cho ra loạt xe mang hiệu « Vạn Lợi », sơn màu đỏ chữ vàng, quyết tâm chiếm độc quyền ngành chuyên chở hành khách miền Tây.

Vì Sáu Thanh muốn làm xếp sòng trong giới anh hùng mã thượng, nên bị một số đông người thù hận oán ghét. Và đã là tay giàu thủ đoạn, cố nhiên Sáu Thanh chẳng khỏi có nhiều điều tác tộ, coi thường pháp luật, khiến có sự kêu rêu ta thán.

Thế rồi, việc thẩu đến tai những thông tin viên báo chí thủ đô. Ký giả Lê Trung Nghĩa, bút hiệu Việt Nam, là một cây bút thẳng thắn vô tư, đang cộng sự với tờ « Đông Dương Mới » (L'Indochine nouvelle) của ông Hoàng Nhữ Nam, liền xuống Cần Thơ săn tin tức, thu thập tài liệu, viết thiên phóng sự điều tra đăng tải trên báo.

Dư luận thủ đô chấn động. Dân chúng Tây Thành xôn xao.

Đem thân vào hang cọp, làm rúng động nhà cầm quyền bấy lâu đã có ý a tòng che chở Sáu Thanh, cái gan của ký giả Lê Trung Nghĩa ai không thán phục ? Đáng ca ngợi hơn nữa, sau đó họ Lê còn lên xuống đôi ba lần để thu thập thêm tài liệu bổ túc, bất chấp mọi sự nguy nan.

Thấy chuyện làm ăn đổ bể, Trưởng ty Cảnh sát Công an lúc ấy là tên Robert, liền cho gọi Sáu Thanh đến sở mà bảo : « Người ta đã công khai tố cáo anh trên báo, liên can cả đến tôi. Anh đối phó cách nào ? »

Sáu Thanh bình thản hỏi lại : « Ông có cách nào che chở cho tôi chẳng ? »

Robert cười gằn nham hiểm, đập bàn : « Cách nào ? tất cả mọi việc đều đã phanh phui tùm lum. Hãy đi nhờ luật sư vào đơn trực tố thẳng đó về tội phỉ báng. Rồi sẽ hay ».

Sáu Thanh nghe theo. Đồng thời cò Robert cũng đầu đơn trực tố Lê Trung Nghĩa.

Kết quả ký giả họ Lê bị đưa ra tòa, về tội phỉ báng mà lãnh án 6 tháng tù ở.

Lê Trung Nghĩa bị bắt, bị ngồi tù, nhưng trong thời gian ấy báo chí thủ đô vẫn tiếp tục đá kích Sáu Thanh và đồng bọn. Dư luận vẫn xôn xao bàn tán.

Không thể dễ như thế được, cấp trên khiển trách cò Robert và thuyên chuyển gã về Sài Gòn cho cai quản bót quận nhứt gần bến đò Thủ Thiêm. Và cũng từ ấy, Sáu Thanh dần dần hết thời oanh liệt và chết trong khoảng đời xuân xanh mới 35 tuổi !

Nhớ lại ngày tàn của những tay anh hùng mã thượng, như vua cờ bạc Sáu Ngọ có cái tên tây là Paul Daron công tử Phước Georges v.v... nào có ra gì đâu. Sáu Ngọ có cái tên Tây là Paul Daron, công tử Phước Georges v.v... nào có ra gì đâu. Sáu Ngọ trong thời oanh liệt tiền rừng bạc biển, của chìm của nổi vô số, nhưng đến ngày nhắm mắt chẳng có hòm chôn, chỉ có một manh chiếu bó xác ! Phước Georges khét tiếng trong buổi thiếu thời, nổi danh Bạch công tử xài tiền như nước, ngày tàn khổ sở nhờ đến tay bạn là Hoàng Phi ở chợ Gạo giúp đỡ cho đến ngày nhắm mắt. Sáu Thanh có hơn gì, ngày tàn mặc dầu cũng còn may mắn được chôn cất rình rang, nhưng tiếng nguyên rủa đã phải nghe đầy tai lúc hết thời và đem theo niềm hối hận xuống tận mồ.

Có người nói, lúc Sáu Thanh hấp hối, dặn bảo người nhà lấy sơn đỏ bôi mặt cho mình. Sơn mặt đi để làm gì khi đã chết rồi ? Người ta bảo rằng Sáu Thanh khiến tô mặt đỏ, để biểu lộ con người khí tiết anh hùng quân tử, vì

trong lịch sử, những người trung cang nghĩa khí đều mặt đỏ, như Quan Vân Trường chẳng hạn. Điều ấy đúng phần nào. Nhưng phải chăng đó là một điểm lương tâm còn sót trong ngày nhắm mắt ? Biết đâu thâm tâm Sáo Thanh còn có ý nghĩ khác nữa, lập dị đến cả khi chết cũng như đã từng làm những việc oanh liệt khác đời lúc sanh thời ?

Dẫu sao, bài học Sáo Thanh vẫn quý giá cho những ai hay giờ thủ đoạn mà chưa gặp lúc kịp tỉnh ngộ ra.

## NỮ THIỆN XẠ TÂY THÀNH



*Nữ thiện xạ Cao Thị Hạnh đã từng hạ được nhiều mãnh hổ. Báo chí Thủ đô đã có lần ca ngợi biệt tài xạ thủ của cô. Ảnh do ông Cao Văn Hùng tặng.*

## NỮ THIỆN XẠ ĐẤT TÂY THÀNH TỪNG ĐƯỢC BÁO CHÍ THỦ ĐÔ NÓI ĐẾN

Quý du khách có dịp viếng Tây Đô, hẳn sẽ được nghe nói đến những nhà tai mắt tăm tiếng của tỉnh này. Có thể nói nếu Bạc Liêu nổi danh với các ông Trần Trinh Trạch, Chung Bá Khánh, Cao Triều Phát, thì Tây Đô cũng có những nhà doanh nghiệp đáng kể như Cao Văn Trạng, Trần Đắt Nghĩa, Khương Bình Tịnh, v.v... Chúng tôi sẽ đề cập công nghiệp của quý ông Cao Văn Trạng, Trần Đắt Nghĩa từng góp sức tô điểm tỉnh nhà qua các ngành sinh hoạt, ở phần khác. Nơi đây, chỉ xin ghi lại nét kiêu hùng của một nữ thiện xạ, một đóa hoa hương sắc độc đáo của Tây Thành cách nay mười năm, vốn người trong họ Cao Văn.

Nhưng ngược dòng thời gian mười năm về trước, nào có mấy bóng dáng trang đài các yêu kiều khoác y phục trang mã thượng hào hoa ? Ấy vậy mà Tây Đô ngày trước vẫn có một Cao Thị Hạnh từng mang súng đương đầu triệt hạ các loài mãnh thú cọp, voi, há chẳng là điều thú vị ?

Giở chồng báo cũ cách nay mười năm, chúng tôi đã biết qua tài thiện xạ của cô Cao Thị Hạnh, nhưng không có dịp nói đến. Nay nhân bắt tay soạn thảo quyển « Cẩn Thơ xưa và nay » trong chương trình sưu khảo biên tập toàn bộ « Địa phương chí » ; để lấy tài liệu chính xác hơn, chúng tôi hân hạnh tiếp xúc với ông Cao Văn Hùng nơi biệt thự ông ở đường Lý Thường Kiệt, và được ông kể rõ về cô Cao Thị Hạnh, nguyên là cháu nội ông.

Cô Hạnh là con ông Cao Văn Trạng, con người hoạt bát, chí khí không kém bậc nam nhi. Cô thường theo cha trong những cuộc săn bắn nơi rừng Biên Hòa, Xuân Lộc. Chính tay cô đã hạ nhiều mãnh hổ, và có lần đã bắn chết mấy tên cướp tại quán Chứa Chan. Tài săn bắn của cô, một dạo đã được nhiều báo chí Thủ đô đề cao, cho là nữ thiện xạ ở Việt Nam. Chúng tôi đã thấy tại biệt thự của ông Cao Văn Hùng nhiều bức ảnh cô chụp với xác mãnh hổ mà cô đã triệt hạ.

Chúng tôi tỏ ý muốn có một bức ảnh, để nói lên việc sưu tầm trưng thực hiện quý bạn đọc xem qua. Ông Cao Văn Hùng vui vẻ trao cho một bức, mà chúng tôi ghép bên đây.

Tường nên nói rõ, ông Cao Văn Hùng vốn là cựu Hội đồng tỉnh Phong Dinh. Năm nay ông đã 81 tuổi, niên kỷ cao mà con người quắc thước, hoạt bát. Trong cuộc hàn huyên, ông không ngần ngại kể qua nhiều công việc của tỉnh này thời xa xưa. Chúng tôi được biết ông là cháu ngoại cụ Tôn Thận Đức làm Tri huyện trấn An Giang, sau đổi về Long Hồ (Vĩnh Long), ít lâu thọ bệnh mất tại đây. Mộ cụ Tôn Thận Đức nay còn tại chợ Ngã Tư (Long Hồ), trong một miếng vườn rộng.

Bà Cao Văn Hùng, nữ danh Lê Thị Anh, năm nay 79 tuổi, vẫn khương kiện, tận tâm phục vụ trong các công cuộc phước thiện, xã hội tại tỉnh nhà. Bà khuyến khích các phụ nữ tham gia mọi công tác có tánh cách từ thiện giúp đời, an ủi, xoa dịu sự đau khổ của kẻ bạc phước.

Trong ngày khánh thành bến Ninh Kiều (5-4-1958), ông Bộ trưởng Nội vụ khi ấy là Lâm Lễ Trinh đã gắn Chương Mỹ bội tinh cho bà. Cho đến bây giờ bà nghiêm nhiên là Phó hội trưởng Hội phụ huynh học sinh trường Trung học Phan Thanh Giản. Tuổi 79 còn tận tụy làm việc đời, quả là tấm gương cần lao phục vụ sáng chói.

Sanh trưởng trong một gia đình như thế, thảo nào cô Cao Thị Hạnh chẳng có phong độ hơn người.

# **PHẦN THỨ TƯ : SINH HOẠT TÔNG GIÁO**

- \* CẦN THƠ XUYÊN QUA CÁC GIÁO PHÁI**
- \* TỔNG KẾT SỐ TÍN ĐỒ CÁC TÔN GIÁO TOÀN TỈNH**

# CẦN THƠ XUYÊN QUA CÁC GIÁO PHÁI

Ở Á Đông về phương diện tín ngưỡng của đại đa số dân chúng Việt Nam, có tinh thần tổng hợp liên kết các tinh túy của nền văn minh Trung Hoa, Ấn Độ, Hồi Giáo, tạo nên tam giáo : Nho, Thích, Đạo.

Kinh nghiệm cho biết hầu hết người Việt Nam có tinh thần sùng kính Đạo pháp, không phân biệt màu da chủng tộc, sẵn sàng chấp nhận mọi điều phải, mọi chơn lý.

Từ khi ánh sáng Tây phương soi rọi đến, truyền bá những tôn giáo mới : Công Giáo, Tin Lành Giáo, Thông Thiên Học, Đạo Ba Hai v.v... miễn là các tôn giáo ấy dạy điều lành điều thiện. Vùng Cần Thơ từ thuở xa xưa nói chung dân chúng có trình độ văn hóa cao, người địa phương có tinh thần hiếu cổ hay tôn thờ cúng lạy như là Đạo làm người, thờ cừu huyền thất tổ. Về vật chất nơi đây đất đai màu mỡ, huê lợi dồi dào, con người đủ cơm ăn áo mặc, tâm trí rảnh rang có dịp suy tư về thế sự thăng trầm của kiếp sống con người bé bỏng, nên hướng về mặt tinh thần nhiều, với ba yếu tố : Thiên Thời, Địa lợi, Nhơn hòa.

Thích tìm tòi nghiên cứu, chấp nhận những lý thuyết sâu xa, đất Cần Thơ là nơi phát triển tôn giáo và có nhiều chi phái đáng kể, được phổ biến khắp miền Nam hoặc xa hơn nữa.

Chúng tôi xin nêu lên một ít tôn giáo cũng như đền thờ, thánh đường, thánh thất, tiêu biểu cho sự tự do tín ngưỡng của từng lớp nhân dân qua nhiều màu sắc, xu hướng khác nhau.

Từ lâu nay, toàn tỉnh Phong Dinh có rất nhiều ngôi chùa Phật. Người Hoa Kiều thì có những ngôi chùa Ông, chùa Bà, chùa Ông Bồn.

Gần đây, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất có chùa Kiến Quốc ở đường lộ Hai mươi (nay các vị trụ trì dời về chùa Khánh Quang ở đường



Nguyễn Huỳnh Đức). Hội Phật học thì có ngôi chùa tọa lạc nơi góc đường Hòa Bình – Nguyễn Thái Học ngay ngã tư.

Thiên chúa Giáo có ngôi nhà thờ Chánh Tòa, ở đường Nguyễn Công Trứ, và trong tương lai, ngay đầu đường Nguyễn An Ninh chỗ giáp nối với đại lộ Hòa Bình, nhà chung sẽ xây cất với phương tiện riêng một đại giáo đường. Con đường chạy dọc hai bên Giáo đường, trước Giáo đường sẽ có một công viên, lối kiến trúc rập theo Vương cung Thánh đường Sài Gòn. Rồi đi qua đại giáo đường là nơi sẽ xây cất trường La San và đang xây cất trú quán nữ sinh.

Tin Lành thì có ngôi nhà thờ ở góc đường Phan Thanh Giản. Quân đội cũng có 2 ngôi nhà thờ, một ở đường Hòa Bình, một ở Phan Thanh Giản. Những ngày chủ nhật và ngày lễ đạo, dập dìu tín đồ trang nghiêm dự lễ. Không khí đạo đức tràn lan, cảnh tượng dịu hòa êm ả, lâng lâng cao đẹp tâm hồn.

Đạo Ba Hai cũng có một trụ sở tại đây.

Phật giáo Hòa Hảo cũng đã lần lần xây dựng những ngôi chùa mới ở nhiều nơi trong tỉnh. Cao Đài cũng có Thánh Thất và Cao Thượng Bửu Tòa tôn quý.

Giáo phái Du Tăng Khất Sĩ thành lập hai Tịnh xá Ngọc Minh và Ngọc Liên, cũng như đã có ở các nơi khác.

Xem như thế, ta nhận thấy tín ngưỡng tôn giáo ở Phong Dinh cũng phát triển chẳng kém nơi nào của miền Nam đầy sắc thái đạo nghĩa. Xu hướng tín ngưỡng nào cũng thể hiện tùy duyên, tự do sinh hoạt.

Trên khoảng đường Nguyễn Thái Học, phía bên số chẵn có chùa Bửu An, tục gọi chùa Cô Hồn, xưa nay vẫn có tiếng, về phía bên số lẻ thì có chùa Bảo An dành riêng cho các ni cô, sư nữ, riêng về 6 quận trong tỉnh đều có nhiều đình chùa và chi nhánh các tôn giáo rải rác khắp làng mạc xa xôi đều có người tới lui lễ bái tín ngưỡng.

## NHÀ THỜ CHÁNH TÒA CẦN THƠ



*Đây là Đức Cha sở Trần Văn Long cùng tác giả đứng trước sân nhà thờ Chánh tòa Phong Dinh, ở đường Nguyễn Công Trứ. Ảnh kỷ niệm ngày 1-10-1966. (Photo Văn Kính)*

# CÔNG GIÁO

## VIẾNG NHÀ THỜ CHÁNH TÒA CẦN THƠ

Đến Phong Dinh sưu tập qua phần Đạo giáo, hỏi thăm các giáo dân địa phương ít người nhớ rõ lịch sử địa phận của họ này vì không minh chứng rõ rệt năm nào.

Chỉ còn có một cách là phải thân hành đến ngay nhà thờ chánh tòa mới có thể biết được nguồn gốc. Một buổi trưa vào khoảng 10 giờ, chúng tôi lái xe chạy thẳng vào nhà thờ đường Nguyễn Công Trứ để tìm linh mục Trần Văn Long ở tại đây. Xe đậu trước sân nhà thờ chánh tòa, chúng tôi bước xuống đi thẳng vô phòng tiếp khách ở mé bên phải, gặp ngay thầy thơ ký đứng dậy chào hỏi chúng tôi một cách lễ phép : Thưa ông, ông cần gặp ai.

Chúng tôi đáp ngay : Thưa thầy vui lòng cho tôi gặp Linh mục Trần Văn Long. Nói xong tôi trao một danh thiếp cho thầy thơ ký nhờ chuyển giao đến Linh mục.

Thầy thơ ký xây lưng đi vào phòng riêng của Linh mục rồi trở ra nói với chúng tôi : Xin ông ngồi chờ một tí, Linh mục ra ngay. Ba phút sau Linh mục mở cửa ra mời chúng tôi vô phòng riêng của ngài. Tôi tự giới thiệu đến đây trước viếng địa cảnh nhà thờ và cần gặp ngài tìm hiểu một ít tài liệu về Công giáo, nhất là địa phận Cần Thơ, Linh mục nở một nụ cười thông cảm : Tôi có đọc qua các tác phẩm anh viết, nhận thấy việc làm của anh rất hữu ích, góp công tô điểm quê hương xứ sở bằng những loại sách sưu khảo từng địa phương, làm cho đồng bào các giới tìm hiểu đến nguồn gốc lịch sử của tỉnh nhà qua bao thời kỳ thay đổi, cùng các danh nhân liệt sĩ và phong tục tập quán của người Việt, mà phần đông, ít người quan tâm đến cái hay, cái đẹp của nước nhà.

Riêng cá nhân tôi, rất vui thích trước việc của anh làm, mà chúng tôi cũng có chí hướng ấy, tiếc rằng ngày qua ngày, không thể thực hành ý

nguyện được, anh nên xúc tiến công cuộc sưu tập, càng nhiều càng hay. Đây là một vấn đề tốn nhiều công phu, để góp phần tô điểm nền văn hóa dân tộc, thật đáng khuyến khích. Linh mục nói dứt lời, rồi tiếp qua kể phần lịch sử địa phận họ Cần Thơ cho chúng tôi ghi chép bằng tốc ký :

## **LỊCH SỬ ĐỊA PHẬN CẦN THƠ**

Căn cứ theo Việt Nam Công giáo Niên giám, địa phận Cần Thơ thành lập trong năm 1844 ngày xưa, từ tỉnh Bình Thuận trở vào cho hết Nam kỳ và cả xứ Cao Mên (PhnomPenh) tới năm 1850 khi được tách ra để lập thành một địa phận mới : Địa phận Nam Vang gồm toàn xứ Cao Mên và các tỉnh Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Bạc Liêu, Sóc Trăng và hầu hết toàn tỉnh Cần Thơ, Long Xuyên và Sa Đéc.

Tới ngày 20-9-1955 do sắc lệnh « Quodchristus » của Đức Giáo Hoàng Piô XII phân đất gồm các tỉnh hiện thời, Phong Dinh, Ba Xuyên, An Xuyên, Chương Thiện, An Giang và Kiên Giang được tách ra để thành lập địa phận mới và trao cho Đức Cha Phaolô Nguyễn Văn Bình, là Giám mục đầu tiên coi sóc.

Ngày 21-11-1960 đồng thời việc thành lập Hàng phẩm trật cho toàn cõi Việt Nam, 2 tỉnh An Giang và Kiên Giang được tách từ địa phận Cần Thơ để thành lập địa phận mới : Long Xuyên. Để thay thế Đức cha Phaolô Nguyễn Văn Bình được cử làm Tổng Giám mục Sài Gòn, Tòa thánh đã bổ nhiệm Đức cha Philipphê Nguyễn Kim Điền lên coi sóc địa phận, ngài đã nhận chức ngày 3-4-1964. Ngày 9-1-1964 Đức cha Điền kiêm luôn giám quản địa phận Huế.

Ngày 4-4-1965, Đức cha Giacôbê Nguyễn Ngọc Quang được chọn làm Giám mục Cần Thơ, ngày 5-5-1965, Ngài thụ phong Giám mục ; ngày 6-5-1965, về nhận chức Cần Thơ cho đến nay.

Linh mục đã kể qua phần lịch sử địa phận nhà thờ chánh tòa Cần Thơ cho chúng tôi ghi chép cũng khá đầy đủ.

Một điều đáng cho chúng tôi chú ý nhất, nhận thấy những vị nắm giữ chức vụ quan trọng của khối Công giáo hiện thời, trước kia đều có ở địa phận Cần Thơ.

1. Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình (nay làm Tổng giám mục giáo khu Sài Gòn)

2. Cha Bề trên Antôn Nguyễn Văn Thiện (nay làm Giám mục địa phận Vĩnh Long)

3. Giám mục Philipphê Nguyễn Kim Điền (nay làm Giám quản địa phận Huế)

Một sự diễn tiến đáng ghi nhận và hãnh diện cho tất cả giáo dân ở miền Tây nói riêng, toàn lãnh thổ Công giáo ở miền Nam V.N. nói chung, ba ngài đã tận tụy hy sinh, vun trồng nền đạo giáo, làm nhiều việc công tác xã hội từ thiện cho địa phận Cần Thơ trong thời gian nhận chức.

Nay gợi lại đôi nét quá trình của các ngài khiến cho giáo dân địa phận Cần Thơ càng thêm miên man cảm nhớ qua bao công cán của các ngài, giúp cho Cần Thơ trở nên thịnh vượng đến ngày nay.

Những tài liệu được trình bày trên đây là một phần lớn nhờ Linh mục Trần Văn Long cho biết. Trong khi tiếp chuyện với Linh mục, nhận qua lời nói và đức độ của ngài có một tinh thần cởi mở, Linh mục có óc văn nghệ hay tìm tòi nghiên cứu qua các tôn giáo. Ngài thích hoạt động về những việc từ thiện xã hội. Trên một giờ tiếp chuyện với Linh mục, chúng tôi xin kiểu từ ra về, Linh mục tiễn đưa ra sân và hướng dẫn chúng tôi quan sát những cơ sở chung quanh nhà thờ, bên cạnh có một trường tiểu học mang tên Tây Đô. Linh mục cho biết : Trường này số học sinh lên tới 900, và một trường trung học khác mang tên Đồng Tâm, gồm có 700 học sinh, phía trước mé bên đường Nguyễn Công Trứ, đối diện nhà thờ Chánh tòa có một

nhà in, nhà sách bán đủ loại sách công giáo tượng ảnh, chuỗi, những bức ảnh xinh đẹp bên Vatican gửi sang. Linh mục còn cho biết, năm 1967 sẽ xây cất thêm một trường Tabert gần khu đất viện Đại học Phong Dinh, để tiếp nhận một số học sinh mới.

Thật ra, trách nhiệm của ngài đang đảm đương nhiều việc quan trọng đối với sự chấn hưng nền đạo lý tại tỉnh nhà. Được biết Linh mục sinh trưởng tại Phong Dinh và cũng ở lâu năm tại nhà thờ Chánh tòa này, mọi việc gì Ngài cũng am hiểu sâu rộng.

Biết qua phần công việc trước sau, chúng tôi lấy làm thỏa mãn và đồng thời đứng chụp chung với Linh mục một tấm ảnh lưu niệm trước nhà thờ Chánh tòa, để tỏ lòng quý mến trong ngày gặp gỡ với nhiều cảm tình ghi nhớ trong thâm tâm, qua sự chất phác hiền hòa của bậc chơn tu gương mẫu.

Tiện việc sưu khảo, chúng tôi xin kể qua đôi nét tiểu sử của Đức Tổng giám mục giáo khu Sài Gòn và vị Giám quản giáo dân địa phận Huế với Đức giám mục địa phận Vĩnh Long, trước kia có liên quan tới Cần Thơ, để quý bạn đọc tìm hiểu thêm qua phần đạo đức của các Ngài.

### **TIỂU SỬ ĐỨC CHA NGUYỄN VĂN THIỆT GIÁM MỤC ĐỊA PHẬN VĨNH LONG (Nguyên cha sở nhà thờ chánh tòa Cần Thơ)**



Đức Cha Antôn Nguyễn Văn Thiện sinh ngày 13-3-1906, Ngài vào Tiểu chủng viện Cù Lao Giêng và năm 1923, nhập Đại chủng viện Nam Vang (Cam-bốt).

Tới năm 1932, Ngài chịu chức Linh mục, rồi về làm giáo sư nhà giảng ở Banam năm ấy.

Năm 1941, Ngài được bổ nhiệm Cha sở Cù Lao Tây và coi Họ ấy 14 năm.

Ngày 27-7-1955, Ngài đổi về làm cha sở Năng Gù, một họ lớn nhất trong địa phận.

Khỏi mấy tháng khi Đức cha Phaolô Nguyễn Văn Bình về làm Giám mục Cần Thơ, Ngài liền được bổ về làm Cha sở nhà thờ chánh tòa Cần Thơ.

Đầu năm 1956, Ngài được thăng chức Bề trên Địa phận, và năm 1957, kiêm luôn chức Giám đốc Công giáo Tiến hành Địa phận.

Làm giám đốc Công giáo Tiến hành, Cha đã tổ chức các đoàn thể : Con Đức mẹ, Đạo Binh, Gia đình phật-tạ, Hội Cựu Tu sĩ, Hội Dòng Ba v.v... Cha liên tiếp mở nhiều lớp huấn luyện chiến sĩ C.G.T.H. tại Chủng viện Khánh Hưng, tại chính tỉnh Cần Thơ, hoặc Biệt thự Thánh tâm Đà Lạt.

Cha rất nhiệt thành việc ấn hành các sách báo để truyền đạo, năm 1954, Cha lập tờ báo Thực Hành làm cơ quan liên lạc trong địa phận, đồng thời mở mang văn hóa. Vào tháng 5-1955, Cha còn hoàn thành một nhà in tại Cần Thơ.

Công lao và đức độ của Cha vang đi xa, nên Tòa thánh đã bổ nhiệm Cha làm Giám mục địa phận Vĩnh Long chính ngày lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm mồng 8 tháng 12 năm 1960. Lên làm Giám mục, Đức Cha chọn khẩu hiệu : Việc làm và Chân lý (Opere et Veritate) để phù hợp với nguyện vọng của Ngài xưa nay.

Lễ tấn phong Giám mục được khởi hành ngày 21-1-1961 trước Vương Cung Thánh đường Sài Gòn, do Đức Cha Ngô Đình Thục chủ phong.

Ngày 3-4-1961, Ngài chính thức nhậm Địa phận Vĩnh Long.

*(Trích Việt Nam Công giáo Niên giám 1964)*

## **TIỂU SỬ ĐỨC CHA NGUYỄN VĂN BÌNH TỔNG GIÁM MỤC SÀI GÒN (Nguyên Giám mục Địa phận Cần Thơ)**



Sinh trưởng trong một gia đình đạo đức thuộc họ Tân Định, Sài Gòn, Thân phụ Ngài giữ chức biện hộ và vì tinh thần tông đồ, đã tình nguyện dâng công phục vụ trên 50 năm tại Nhà in Tân Định.

1922 : Sau khi học hết chương trình Tiểu học Taberd, Cha Bề Trên Cao, bổn sở Tân Định thấy Ngài có nết na đức hạnh nên đã lo cho vào Tiểu chủng viện Sài Gòn.

1932 : Bề Trên gọi Ngài đi du học tại trường truyền giáo bên Roma.

1937 : Thụ phong Linh mục tại Nhà thờ thánh Gioan La-Tran ngày 27-3-1937.



1938 : Đức Cha Dumortier Giám mục Sài Gòn gọi Ngài về Địa phận và bổ nhiệm Ngài coi họ Đức Hòa.

1942 : Làm giáo sư Tiểu chủng viện Sài Gòn. Được ít lâu, gặp lúc trong nước loạn lạc, Tiểu chủng viện tản cư xuống Cái Nhum.

1947 : Hồi cư về Sài Gòn, Ngài được chỉ định làm giáo sư Chủng viện và làm Tuyên úy các Sư huynh Taberd.

1948 : Bề Trên cử Ngài đi coi họ Cầu Đất.

1955 : Đức Cha J. Cassaigne gọi Ngài về làm giáo sư Đại chủng viện Sài Gòn. Nhưng mới được mấy tháng, Tòa thánh đặt Ngài làm Giám mục địa phận Cần Thơ, mới thành lập ngày 20-9-1955. Ngài thụ phong Giám mục tại nhà thờ Đức Bà Sài Gòn ngày 30-11-1955.

1960 : Tòa thánh đặt Ngài lên làm Tổng Giám mục Sài Gòn, nhân dịp thiết lập Hàng Giáo phẩm tại Việt Nam (24-22-60).

Ngài chính thức về nhận địa phận Sài Gòn ngày lễ Phục sinh 2-4-61.

*(Trích Việt Nam Công giáo Niên giám 1964)*

**TIỂU SỬ ĐỨC CHA NGUYỄN KIM ĐIỀN GIÁM QUẢN ĐỊA PHẬN HUẾ (Nguyên Giám mục địa phận Cần Thơ)**



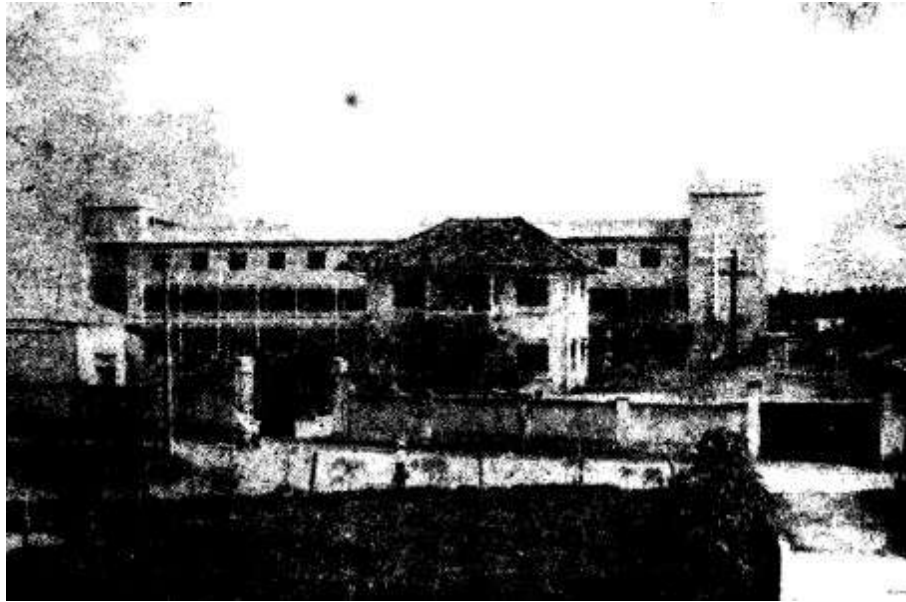
Đức Cha Philipphê Nguyễn Kim Điền sinh tại Gia Định ngày 13 tháng 3 năm 1921. Năm 1933, khi mới lên 12 tuổi, cậu Philipphê Điền vào Tiểu chủng viện Sài Gòn. Bảy năm sau (1940), Ngài lên Đại chủng viện. Ngày 21-9-1947, Cha thụ phong Linh mục. Làm Linh mục, Cha được cử về Tiểu chủng viện Thánh Giuse giữ chức giáo sư. Khi làm giáo sư, Cha tỏ ra một tinh thần cao siêu, hết lòng với nhiệm vụ dìu dắt con em, nên mấy năm sau, Đức Cha lại đặt Cha làm Giám đốc Tiểu chủng viện ấy.

Từ lâu, Cha Philipphê vốn ôm hoài bão đi tu nhiệm nhặt hơn, nên sau khi đem nguyện vọng trình bày cùng Đức Giám mục địa phận và được đồng ý, Cha vào Dòng Tiểu đệ Chúa Giêsu của Cha Foucauld năm 1955. Tới ngày 8-12-1960, Cha được Tòa thánh cử làm Giám mục địa phận Cần Thơ thay thế Đức Cha Phaolô Nguyễn Văn Bình từ đây được bổ nhiệm Tổng Giám mục Sài Gòn. Lên làm Giám mục, Ngài đã nhận khẩu hiệu : « Tôi nên tất cả cho mọi người », (Omnia Omnibus).

Lễ tấn phong Giám mục đã cử hành trước Vương Cung Thánh đường Sài Gòn ngày 22-1-1961, và Ngài đã chính thức đi nhậm địa phận Cần Thơ ngày 3-4-1961. Tiếp theo ngày 6-1-64 Tòa thánh đặt Ngài làm Giám quản địa phận Huế.

*(Trích Việt Nam Công giáo Niên giám 1964)*

## CHUNG VIỆN Á THÁNH Ở CÁI RĂNG



*Chung viện nằm trong vùng đất rộng trên bốn mẫu, nơi đây có mở nhiều lớp dạy các sinh viên Công giáo, và cũng là nơi đào tạo những vị Linh mục tương lai. Ảnh của Linh mục Nguyễn Mạnh Đồng tặng ngày 10-8-1966.*

## **VÀI NÉT VỀ CHUNG VIỆN Á THÁNH QUÝ NƠI ĐÀO TẠO CÁC VỊ LINH MỤC TƯƠNG LAI**

Đã biết chút ít về ngôi chùa Ông ở Cái Răng, du khách ắt cũng sẽ chú ý đến hoạt động của quý vị linh mục về Chung viện Á Thánh Quý, cũng ở thị trấn Cái Răng, phía trên đường Võ Tánh (tục gọi đường lên Hăng rượu cũ), thuộc ấp Yên Thượng, xã Thường Thạnh, quận Châu Thành.

Khi chúng tôi đến Cần Thơ sưu tập tài liệu xuyên qua các tôn giáo bạn ở đây, được sự hướng dẫn của một nhân sĩ Tây Đô, vào Cái Răng tìm đến viếng Chung viện Á Thánh Quý, hân hạnh được vị Linh mục trẻ tuổi Nguyễn Mạnh Đồng niềm nở tiếp chuyện.

Linh mục đã hướng dẫn chúng tôi đi quan sát qua các cơ sở của Chung viện và giải thích sự tu học nơi đây qua mọi khía cạnh. Chung viện Á Thánh Quý là cơ sở lớn lao, đầy đủ tiện nghi, có sân rộng rãi, ba tầng lầu dùng làm lớp học. Bên cạnh có nhà thờ, và còn đang chuẩn bị cất ở mé sau thêm một dãy nhà lầu nữa để mở thêm lớp học. Dưới đây xin nhường lời vị Linh mục Nguyễn Mạnh Đồng đầy nhiệt huyết ưu ái giang sơn, tường thuật rõ về Chung viện Á Thánh Quý, một chung viện đồ sộ nhất ở Cái Răng, mang tên vị Thánh tử đạo trong đời vua Tự Đức, đáng nghiêng mình kính mến !

### **CHUNG VIỆN Á THÁNH QUÝ**

Chung viện này là một trong số nhiều cơ sở giáo dục lớn của Hội thánh Công giáo ở miền Hậu Giang. Đó là một trường đào tạo các thiếu niên để sau này có đủ tài đức làm linh mục và hoạt động trong các đạo của những tỉnh Phong Dinh, Ba Xuyên, Chương Thiện, Bạc Liêu và An Xuyên. Tất cả trường Công giáo nào có mục đích đào tạo các thiếu niên để sau này làm linh mục, đều được gọi là Chung viện. Chung viện có nghĩa là nơi ươm cây, các trường kia cũng giống như những vườn ươm cây non để nó lớn mạnh mẽ đem trồng.

Chủng viện này có tên là Á Thánh Quý. Chữ Quý là tên của Linh mục Đoàn Công Quý (1826-1859) người làng Búng, tỉnh Gia Định. Linh mục Đoàn Công Quý đã can đảm hy sinh mạng sống để làm chứng lòng trung tín của mình với Thiên chúa. Ngài đã bị trảm quyết vì đức tin thời vua Tự Đức (1859) tại Châu Đốc. Ngài được Hội thánh Công giáo tôn phong lên bậc Á Thánh, vì thế gọi là Á Thánh Quý.

Chủng viện Á Thánh Quý đã được thành lập từ năm 1956 ở Khánh Hưng, Ba Xuyên, nhưng vì đất đai chật hẹp nên đã được di chuyển về đây khoảng tháng 12 năm 1961. Chủng viện tọa lạc trên một khu đất rộng chừng bốn mẫu tây, nằm bên bờ sông Cái Răng, cách quận Châu Thành Cần Thơ chừng 200 thước và cách tỉnh lỵ Cần Thơ về phía Nam chừng 7 cây số. Khu Chủng viện được xây cất từ năm 1961 với đầy đủ tiện nghi lớp học, sân chơi, nhà ngủ, nhà ăn và một nhà thờ dành riêng cho việc thờ phượng Thiên chúa. Kinh phí xây cất do các tín đồ Công giáo khắp hoàn cầu đóng góp. Chủng viện có đủ các lớp cho bậc trung học cả đệ nhất cấp và đệ nhị cấp. Các học sinh học trong Chủng viện thường được kêu là các chủng sinh. Ngoài các môn học theo chương trình chánh phủ, các chủng sinh còn phải học thêm La ngữ và giáo lý của đạo Công giáo. Nhưng việc quan trọng nhất là việc huấn luyện tinh thần đạo đức và tư cách con người. Ban giám đốc và giáo sư gồm toàn là linh mục ở ngay trong trường và các chủng sinh cũng nội trú trong trường. Hằng năm mọi chủng sinh chỉ phải đóng góp một số học phí tượng trưng, còn bao nhiêu chi phí khác đều do hảo tâm của các tín đồ Công giáo trong nước và trên thế giới đài thọ. Mỗi năm chủng viện đều có thu nhận học sinh mới, nhưng chỉ thu nhận những thiếu niên công giáo nào có ý muốn vào học tập để sau làm Linh mục và có đủ điều kiện về đạo đức, học thức và sức khỏe. Sau khi học mãn ban trung học (chừng 7 năm) các chủng sinh được gửi đi tu luyện ở một chủng viện cao cấp hơn gọi là Đại chủng viện. Qua ít nhất 7 năm tu luyện nữa, chủng sinh nào có đầy đủ mọi điều kiện mới được làm Linh mục. Việc đào luyện và tuyển chọn rất

gắt gao nên tỷ số các chủng sinh được làm linh mục thường chỉ được 20% là nhiều. Còn số 80% kia sẽ ra đời làm việc giúp ích cho xã hội như mọi công dân khác. Hiện nay cơ sở giáo dục này còn đang tiếp tục được khuyến khích để có thể thu nhận nhiều thiếu niên hơn, hầu góp phần trong công cuộc chấn hưng đạo đức, phát triển ngành giáo dục và cung cấp nhiều nhân tài hoạt động trong mọi lãnh vực xã hội của dân tộc.

## BỮU THÁP ÔNG NGÔ VĂN CHIÊU



*Ngôi bửu tháp tọa lạc phía tay trái đường Cần Thơ đi Cái Răng, của Ông Ngô Văn Chiêu là người sáng lập Cao Đài giáo. (Ảnh sưu tầm)*



# CAO ĐÀI GIÁO

## ÔNG NGÔ VĂN CHIÊU NGƯỜI SÁNG LẬP ĐẠO CAO ĐÀI

Trên kia chúng tôi đã trình bày đại cương về các giáo phái sinh hoạt nơi Phong Dinh. Nhưng nói đến tỉnh Phong Dinh, nhắc đến đạo Cao Đài mà không nói đến vị sáng lập nên Đạo, duyên nợ rất nhiều với đất Cần Thơ, e chẳng khỏi thiếu sót.

Du khách đến viếng Phong Dinh, dạo qua khoảng đường từ Tham tướng (Cần Thơ) đến Đầu Sáu, sẽ nhận thấy ngôi Chiếu minh đàn, nơi Tổ đình ghi di tích đức Giáo tông sáng lập Cao Đài Đại đạo (tam kỳ phổ độ).

Đức giáo chủ đạo Cao Đài họ Ngô húy Văn Chiêu, đạo hiệu Minh Chiêu, dòng dõi quan Thị lang triều đình Huế, di cư vào Nam khoảng năm 1864-66, ngụ ở khu Hòa Hưng (ngoại ô Sài Gòn – Chợ Lớn). Thân phụ Ngài là Ngô Văn Xuân, thân mẫu là Lâm Thị Quý. Ngài ra đời ngày mùng 7 tháng giêng năm Mậu Dần (nhằm 28-2-1878) nơi quê mẹ tại Bình Tây (Chợ Lớn) trong một căn nhà lá nhỏ ở vùng sinh lầy, phía sau ngôi chùa Quan Thánh, tục gọi là chùa Ông nhỏ.

Năm lên 6, Ngài nương nhờ người cô là Ngô Thị Đây ở Mỹ Tho, có chồng Huê kiêu bán thuốc bắc và cây ván. Năm 12 tuổi Ngài bạo dạn nhờ Ông Đốc phủ Sùng đỡ đầu cho, nên được nhận vào trường Trung học Mỹ Tho (nay là trường Nguyễn Đình Chiểu) rồi lên Sài Gòn học trường Chasseloup Laubat (nay là J.J. Rousseau). Đến năm 21 tuổi đỗ bằng Thành chung, ra làm việc tại sở Tân Đáo Sài Gòn từ ngày 23-3-1899 đến 31-12-1902. Rồi đổi sang tòng sự tại dinh Thượng thư, sau đổi xuống tòa Hành chánh Tân An. Năm 1917, Ngài đỗ tri huyện. Nhưng vẫn sống thanh bần, liêm chính.

Từ năm 1920 đến 1924, Ngài ngời chức quận trưởng Phú Quốc (Hà Tiên). Rồi đổi về Sài Gòn.

Vị hôn phối của Ngài là Bùi Thị Thân, trước sau sinh hạ 9 người con, hai gái lớn là Ngô Thị Ngử và Ngô Thị Hồng đều mất sớm, còn lại 7 người : Ngô Thị Yến Ngọc, Ngô Thị Nguyệt, Ngô Văn Nhựt, Ngô Văn Tinh, Ngô Tường Vân, Ngô Thanh Phong và Ngô Khai Minh.

Nặng lòng đạo đức, Ngài được Cao Đài Tiên ông giáng cơ truyền đạo cho, và khởi sự ăn chay trường, hành đạo từ mùng 1 Tết năm Tân Dậu (8 février 1921), thiết lập đàn cơ tại chùa Quan Âm nơi Dương Đông Phú Quốc, chùa này lâu ngày đã hư. Năm 1961, đệ tử Ngài dựng ngôi chùa Cao Đài tại đây để niệm nơi phát nguyên Cao Đài Đại đạo và cùng lúc dựng cái am để kỷ niệm Quan Âm tự).

Ngài đổi về Sài Gòn khoảng năm 1924 và đến cuối năm 1925 thì vâng mạng Đức Cao Đài Tiên ông Đại Bồ Tát Ma ha tát đem mỗi đạo truyền ra.

Đã từ lâu, khi ngài hầu đàn Hiệp Minh ở Cái Khế, Tiên ông cũng vẫn đã giáng cơ cho Ngài nhiều bài thơ dạy đạo thâm trầm (xin xem bài « *Đàn tiên Cái Khế* » sau đây). Kịp khi Ngài sắp đổi về Sài Gòn, Đức Cao Đài có cho Ngài một bài thi :

*Kín ngoài rồi lại kín trong  
Đường xa phong cảm thương lòng để vui  
Công đầu chịu cực đừng lui  
Thiên tào thẳng thưởng đạo mùi ngọt ngon  
Ba năm lòng sáng như son  
Trèo non xuống biển vuông tròn công phu  
Chớ phiền mỗi mệt lòng tu  
Trắng kia mây vệt Đường Ngu gặp liền  
Mưa toan vụn thấy thanh Thiên  
Các đào rõ biết mỗi truyền chánh tông  
Giờ này thầy điểm thâm công  
Ngày sau con sẽ cõi rồng về nguyên*

*Ngoài trong sạch tợ bạch liên  
Khá hòng gìn giữ mối giếng chớ xao  
Chiêu chiêu nguyệt thấu thanh thao  
Trên đầu cũng có Thiên tào xét xem  
Thấm mùi con biết lân nem  
Đề hồ con uống Thầy xem ân cần  
Đạo luyện khắc kỷ phục thân  
Chiêu con khá giữ Thầy phân cạn lời.*

Đến ngày 13 tháng 3 năm Nhâm Thân (nhằm 18 Avril 1932) lối 3 giờ chiều Ngài liễu đạo trên xe chở Ngài định đưa về Sài Gòn khi chiếc đò Mỹ Thuận vừa ra khơi độ hai ba phút tại sông Tiền Giang. Thế là đoàn xe phải quay về Cần Thơ để làm lễ an táng.

Thật là huyền diệu. Trước đó, hôm rằm tháng giêng, Ngài đã nhuốm bệnh tại Tân An. Ông Đốc phủ Vương Quang Kỳ xuống thăm, Ngài có nói : « Tôi tuy đau nhiều mà không chết ở đây đâu ». Thầy định cho tôi sẽ bỏ xác tại giữa sông Cửu Long (Tiền Giang). Và quả đúng như lời Đức Đại Từ Phụ đã giáng cơ bảo trước trong bài thơ đã gi trên :

*Giờ này Thầy điếm thâm công  
Ngày sau con sẽ cõi rông về nguyên.*

Đám táng Ngài vô cùng trọng hậu. Bửu pháp Ngài an vị nơi nghĩa địa Chiếu Minh (Cần Thơ).

Về sau, Ngài vẫn thường giáng đàn, chuyển cơ bút dạy Đạo ở nhiều nơi.

# PHẬT GIÁO HÒA HẢO



## MIỀN TÂY VỚI SỰ TÔN SÙNG ĐỨC HUỲNH GIÁO CHỦ

Đạo Cao Đài đã có cơ duyên với Cần Thơ như đã kể trên, mà nên Đạo Phật giáo Hòa Hảo đối với Cần Thơ cũng nhiều tình gắn bó.

Vị khai sáng nền Đạo Phật giáo Hòa Hảo là Đức giáo chủ Huỳnh Phú Sổ. Khoảng năm Canh Thìn 1940 từng có mặt ở Xà-no, thuộc xã Nhơn Nghĩa (Cần Thơ). Ngài đã lưu bút khi đến Nhơn Nghĩa :

*Vui mừng gặp chốn hiền lương  
Dốc lòng mở cửa Phật đường độ dân  
Làng Nhơn Nghĩa để chơn đến chốn  
Thấy dương trần trà trộn tà tâm  
Oai thần đem đạo huyền thâm  
Nhiệm màu phổ độ âm thầm ai hay (...)*

Và Ngài đã cực tả tâm sự mình qua những vần lo đạo thương đời, yêu nước mến nòi :

*(...) Tay hạ bút viết bài chung cuộc*

*Ai rõ lòng con cuốc khỏi kêu  
Thân khùng vận bì trở trâu  
Phiêu lưu trôi giạt danh nêu khắp cùng  
Ai giàu có thung dung thanh nhã  
Ta lo đời sắt đá bền gan  
Âu sầu nước giọng riêng than  
Trách dân chẳng sợ hùm lang cứ gần.*

Chẳng bao lâu Ngài lìa Nhơn Nghĩa mà đi Bạc Liêu, lòng vẫn lưu luyến nhân vật Cần Thơ :

*Kể từ mười tám tháng tư  
Canh Thìn lưu chữ thiện từ tới đây  
Cho làng Nhơn Nghĩa biết Thầy  
Dem truyền mỗi Đạo thang mây chỉ chừng  
Nay vì thời vận chuyển luân  
Ở trong cõi tạm đã từng đổi thay  
Cầu cho già trẻ gái trai  
Rủ nhau niệm Phật liên đài ắt lên  
Tục kêu là rạch Xà No  
Vàm kinh ông Bốn eo co khúc đường  
Ngày Thầy lìa cách quê hương  
Về đây nương ngụ bởi thương dân lành...*

Lìa Cần Thơ xuống Bạc Liêu rồi lên Sài Gòn, cuộc đời Đức Huỳnh giáo chủ đây tận tụy với nhân sinh, truyền bá phổ thông giáo lý. Chúng tôi sẽ thuật rõ hơn về cuộc đời Ngài trong quyển « An Giang xưa và nay » đang sưu tầm, vì quê Ngài vẫn ở làng Hòa Hảo (Châu Đốc). Nơi đây chúng tôi chỉ xin tạm ghi chút dấu vết của Ngài khi có mặt ở Cần Thơ. Điều cần nhấn mạnh, lúc Ngài lìa Xà No, ngồi đò máy chạy ngang qua thị trấn Cái Răng, đồng bào Cái Răng bấy giờ cũng nô nức tập trung dài theo bờ sông

và tràn xuống cầu tàu mà chực đón chào Ngài, quang cảnh vô cùng cảm động.

Từ khoảng năm 1945 đến 1955, miền Tây từng rực rỡ bóng cờ dà của nền Đạo Phật giáo Hòa Hảo. Nhất là nơi Cái Vồn (nay là quận lỵ Bình Minh, thuộc tỉnh Vĩnh Long), vốn là đại bản dinh của Trung tướng Trần Văn Soái – một tín đồ trung kiên của Ngài quân đội Phật giáo Hòa Hảo cũng lừng lẫy thanh danh. Và tại Cái Vồn, có tờ báo « Chiến đấu » vốn là cơ quan của quân đội Phật giáo Hòa Hảo do ông Văn Phú làm Giám đốc chánh trị, ông Thành Nam làm chủ bút, cũng là đáng kể.

Rồi sau cuộc đàn áp của trào Ngô Đình, ngày nay nền Đạo Phật giáo Hòa Hảo càng thêm khởi sắc, Cần Thơ lại thấy rợp bóng cờ.

# PHẬT GIÁO

## CHÙA NAM NHÃ CÓ TIẾNG NHẤT Ở BÌNH THỦY

Như ai cũng biết, khi cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa lui về ở ẩn nơi Bình Thủy, không khí văn chương đạo đức ở đây xoa dịu mọi tâm hồn. Điểm đặc biệt hàng môn đệ xuất sắc nhất của cụ đều có xu hướng về tôn giáo tôn sùng Nho, Thích, Đạo. Nổi tiếng nhất là Long Khê lão sư Nguyễn Giác Nguyên.

Khi cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa mất, ông Nguyễn Giác Nguyên thờ cụ tại chùa Nam Nhã do ông xây dựng. Chùa này nghiêm nhiên được mọi giới hướng ngưỡng sùng phụng, hằng lui tới lễ bái.

Trong chùa thờ đủ Tam giáo. Thuở xưa, các vị hương chức trong làng vẫn thường đem nhau đến đây hương đăng trà quả bày cuộc cầu cơ. Và điều linh ứng lạ lùng, chư vị thành hoàng bốn cảnh vẫn thường nhập đàn giáng cơ bút cho thơ, hoặc mách bảo những điều vị lai ứng nghiệm. Đôi khi cần mở cuộc trai đàn cầu siêu, hay thiết những đại lễ trang trọng tôn nghiêm, nơi đây cũng là chỗ dập dìu thiện nam tín nữ thành kính dâng hương, đảo cáo.

## CHÙA HIỆP THIÊN CUNG – NGÔI CHÙA LINH THIÊNG NHẤT Ở CÁI RĂNG

Thị trấn Cái Răng cách tỉnh lỵ Cần Thơ 6 cây số ngàn, thuộc xã Thường Thạnh, quận Châu Thành, có ngôi chùa xưa gần một thế kỷ nay, do người Hoa Kiều xây dựng mang tên « Hiệp Thiên Cung ». Chùa này hằng năm có tổ chức cúng kiến long trọng, linh đình suốt 3 ngày đêm 12-13 và 14 tháng 5 âm lịch.

Có nhiều điều linh thiêng mà đến nay dân chúng Cái Răng còn ghi nhớ :

Khoảng năm 1934, vùng quanh chợ xảy ra hỏa hoạn to. Đội vòi rồng và đồng bào nơi chợ cứu hỏa không xuể. Một số đông cầu niệm thần linh hỗ trợ, vào chùa gióng trống giông chuông inh ỏi. Bỗng đâu mọi người đều giật mình sức thấy một vầng hào quang xanh xẹt nhanh như chớp từ hướng nhà chùa thẳng tới đám hỏa hoạn. Phút chốc mây đen kéo giăng, mưa tuôn dập tắt đám lửa đang cháy ngất trời, khiến người người đều xưng tụng oai linh thần thánh trời Phật.

Lại một khi kia, giữa lúc trời quang mây tạnh, không một ngọn gió thoảng qua, mà cột cờ dựng trước sân chùa bỗng nhiên ngã đổ. Nhưng lạ lùng thay ! cột cờ chỉ từ từ ngã dựa mái chùa, tuyệt nhiên không hư hại đến một viên ngói. Điều nên biết là cột cờ ấy làm bằng thứ gỗ quý thân cao sức nặng. Ai cũng hãi hùng khi nghe gãy rắc, vì tưởng tượng sẽ có sự thiệt hại to tát về sản vật, hoặc về sinh mạng cũng không chừng. Thế mà không một sự thiệt hại gì xảy ra. Việc ấy đã là linh dị, dường như có oai thần hộ trợ, nhưng linh dị hơn nữa là sau đó tai biến xảy ra khiến giới Hoa Kiều khi ấy (khoảng năm 1946) bị quân đội Pháp khủng bố cũng nhiều. Rõ là điềm báo trước cho bốn hội biết. Vì khi cột cờ ngã đổ, người ta xem xét kỹ, thân cây không hề bị mối mọt chi, mà chân cột cờ cũng không bị đứt bao giờ. Bốn hội Hoa Kiều bèn cùng nhau dâng hương lễ bái, khẩn nguyện cầu an. Thần linh chứng tri sau đó mọi việc đều yên, dân chúng làm ăn thanh vượng lại. Năm sau, tổ chức cuộc lễ tạ trọng hậu bội phần.

Mỗi kỳ đáo lễ cúng tế, đều có rước hát Tiều (Triều Châu) trình diễn suốt ba ngày ba đêm. Quang cảnh tưng bừng náo nhiệt khôn xiết kể, chẳng kém ngày lễ vía Bà Chúa Xứ ở núi Sam Châu Đốc, vía Bà Mả Châu Cà Mau. Ba nơi đây trở thành cổ lệ, vẫn còn duy trì đến ngày hôm nay.

## **ĐÀN TIỀN CÁI KHẾ**

Khoảng sáu mươi năm về trước, trong nước ta đã có một thời rất nhiều nơi thiết lập đàn tiên. Được nhắc nhở nhiều nhất là đàn tiên Cao Lãnh và



đàn tiên Cái Khế.

Tương truyền đàn tiên ở Cao Lãnh (Kiến Phong) thời thường Lý Thái Bạch giáng đàn làm thơ khá hay và tiên tri lắm việc nhiệm mầu. Đàn tiên ở Cái Khế (Phong Dinh) cũng thường có vị tiên Lý Thái Bạch giáng đàn, nhưng đặc biệt nhất lại có cả vị tiên Trần Đoàn ở Trung Quốc và ông Cử Đa ở nước ta nhập cơ đàm luận thi văn với các bậc túc nho đã có lòng thành hầu đàn.

Vì sao thiết lập đàn tiên ? Buổi bấy giờ việc đời đang cơn hỗn loạn, tình hình chính trị rối ren, lòng người quá náo nê thế sự đành quy ngưỡng cõi vô hình, hướng tâm linh cầu vọng ở các đấng thiêng liêng, mong được hé cho biết chút huyền cơ nào, hoặc là nhờ ơn trên bảo ban dẫn dắt cho trên con đường đạo lý.

Một đêm thanh vắng, các vị hầu đàn đều đồng ý cầu nguyện ơn trên hộ độ chúng sanh, ngưỡng mong chư vị giáng đàn cho biết về thời cuộc mai sau. Đến khuya, cơ bút chuyển động, lưu để một bài truyền tụng như sau :

*Cuộc đời càng gẫm lại càng cay  
Cực nổi thiên cơ chẳng dám bày  
Rắn nép dưới hang coi ngựa chạy,  
Khỉ ngồi trên cội đợi gà bay.  
Đông tây lộn xộn trời thay xác  
Nam Bắc ê hề đất chở thầy  
Thế sự mường phần tiêu bẩy tám  
Thần tiên thấy vậy cũng châu mày*

Bài thi cầu cơ này về sau nghe đâu ở nhiều nơi cũng có và truyền tụng lan rộng ra. Chiêm nghiệm thời cuộc, từ trước người ta vẫn đã bàn luận giải thích nhiều, cho đến gần đây, thỉnh thoảng cũng còn có người nhắc tới.

Lại một đêm khác, vị tiên giáng đàn, cho một bài thơ :

*Mái rùng trông đã bóng trăng chen*

*Lấp loáng canh khuya mấy ngọn đèn  
Sương nhuộm bên hồ dầu ngọn cỏ,  
Gió đưa ngoài cửa ngát mùi sen.  
Lầu mai tay điểm ba hồi trống,  
Quán liễu tai nghe mấy nhịp kèn.  
Chén rượu say sưa chơi với bạn.  
Chưa quen ta cũng lấy làm quen.*

Lời thanh thoát, tứ siêu nhiên. Rõ là thơ của bậc siêu nhân ngoài vòng trần tục. Các vị hầu đàn khẽ thưa : « Xin tiên trưởng cho biết cao danh tôn tánh ».

Cơ bút viết ngay hai chữ : « Trần Đoàn ! »

Một vị kinh ngạc thưa : « Tôn giá là Hi Di lão tổ đời Tàn Đường sang Tống ? »

Cơ bút viết : « Chính phải ».

Ai nấy chẳng khỏi sửng sờ. Trong cõi hư linh quả có những điều huyền diệu mà trí người không sao dò thấu. Thật chẳng ? Giả chẳng ? Không biết phải dựa vào đâu mà quyết đoán được. Vì người chấp bút khi ấy là người mà các vị hầu đàn đều tín nhiệm. Và lại theo chỗ chúng tôi nghe biết, khoảng năm 1935, trong một cuộc cầu cơ tại hồ Tĩnh Tâm ở Huế, cũng có vị tiên Hi Di Trần Đoàn giáng cơ.

Dần dần mê say thích thú với cuộc cầu cơ, các vị hầu đàn và tao nhân mặc khách hơn hở họp mặt nơi đàn tiên Cái Khế. Một đêm kia, cơ bút bỗng chuyển đề một bài hát nói :

*Lưu thủy nhân tình bạc,  
Phù vân thế sự không.  
Riêng tiêu dao tự tại cảnh non Bồng,  
Ngàn hoa cỏ non sông treo bức họa.  
Nguyệt minh vân liễn giá,*

*Từ túy thạch sàng miên  
Cảnh trần gian che mắt gấm hà yên,  
Chén rượu thánh, cuộc cờ tiên nhàn lạc thú.  
Nhất điểm thanh tâm than võ trụ  
Bầu linh đơn đầy đủ ấy no lòng.  
Nhẹ nhàng trong cõi... HƯ KHÔNG*

Bài ca trù này càng đậm nét tiên phong đạo cốt hơn cả bài của Trần Đoàn nữa, nên khiến ai nấy đều gật gù tán thưởng. Một vị khế thừa : « Cầu xin tôn giá cho biết cao danh quý tánh ».

Cơ bút chuyển : « Thì ta đã ký tên dưới bài rồi đấy ».

- Tôn giá chỉ cho thơ, chúng tôi chưa hân hạnh được biết cao danh.

- Cứ đọc lại câu chót, hai chữ cuối câu đã nói rõ.

- « Nhẹ nhàng trong cõi... Hư không ». Thừa tôn giá, phải chăng « Hư không » là đạo hiệu của tôn giá ?

Thì ra vị giáng cơ chính là cụ Cử Phan Văn Đa, tục gọi Cử Đa. Cụ Cử Đa vốn là bậc ái quốc trong thời vua Tự Đức. Sau nhiều trận chống Pháp, binh cùng sức kiệt, cụ lui ẩn non cao rừng rậm. Lòng trung nghĩa, chí siêu nhiên thoát tục, đạo cao hạnh trọng, cụ đặc quả vị, thăng tiên. Cụ có hiệu là Ngọc Thanh, và đạo hiệu Hư không.

Đại khái đàn tiên Cái Khế đã nổi tiếng một thời, chính nhờ có những thiên giai thoại thâm trầm đạo vị.

## **DU TĂNG KHẮT SĨ**

Xuyên qua các tôn giáo mà chúng tôi đã trình bày, nhận thấy phái Du Tăng Khất Sĩ có mặt ở đây mà không nêu lên để quý độc giả tìm hiểu qua giới hạn của phái này là một điều thiếu sót.

Người sáng lập đạo Du Tăng Khất Sĩ là Đức tôn sư Minh Đăng Quang, gốc ở Tam Bình tỉnh Vĩnh Long miền Tây Nam phần.

Lúc sinh thời, Ngài có viết bộ sách Chơn Lý, dày cả ngàn trang, gồm 69 đề tài liên quan tới đời sống con người, nên được nhiều người tìm đọc, và in đi in lại mãi cho đến ngày nay.

Đạo Ngài chủ trương giới hạnh Khất thực độ thân, không tạo chùa lớn, chỉ ở tịnh xá, am, cốc, chốn thanh tịnh vắng vẻ, giới hạnh đạo giữ từ 10 giới tới 250 giới, 10 giới trọng 48 giới khinh của chư Bồ Tát và có rất nhiều pháp môn khác về giới định huệ.

Luật Khất Sĩ : không được cất giữ tiền bạc trong người, không mang giày, dép, không đội nón, không ngủ giường rộng, mỗi ngày chỉ dùng một bữa gạo chay ; trọn đời hy sinh làm việc Phật sự, truyền bá giáo lý, dẫn dắt nhơn sanh hướng về đạo pháp tu hành, tránh điều tội lỗi. Đó là mục đích duy nhất của phái Du Tăng Khất Sĩ.

Chúng ta đã thấy khắp trên lãnh thổ, nơi nào cũng có những am cốc tịnh xá, bóng y vàng của Chư Tăng Khất Sĩ lê gót đó đây, gieo duyên kết phước vun trồng nền đạo hạnh.

Một trong những tăng sĩ hiện nổi chí Đức sư tổ Minh Đăng Quang là Đại Đức giảng sư Giác Nhiên, sanh trưởng tại quận Ô Môn, tỉnh Cần Thơ, và còn rất nhiều quý sư khác đang phát huy mỗi đạo ở khắp nơi.

Cần Thơ có 2 tịnh xá của Tăng và 1 tịnh xá Ni, mỗi tháng bốn ngày qui hội, đó là ngày rằm, 30, mùng 8 và 23, những ngày ấy quang cảnh các tịnh xá thật náo nhiệt. Quý sư phải lo nhiều việc, khỏi đi Khất thực như thường lệ.

Thiện nam tín nữ lũ lượt đến tịnh xá lễ Phật và cúng cửu huyền thất tổ cùng sớt bát cho chư tăng.

## VÀI NÉT VỀ KHẤT SĨ HIỆN ĐẠI HÓA

Khất sĩ hiện đại hóa. Thân kẻ sĩ, là người học trò khó, học đạo giải thoát, hòa mình trong sự sống chung như mọi người, hiến thân cúng dường tam bảo và chúng sanh.

Hiện đại hóa khất sĩ không làm mất bản thể khất thực, tại sao ? Vì tình thương nên phải đi khắp các nẻo đường trong xã hội như mọi người, để tùy cơ duyên hóa độ cho giải thoát. Hiện đại hóa khất sĩ không chủ trương khất sĩ để thành phú sĩ mà vẫn lập trường tạo ngôi nhà khất sĩ thanh bần đơn giản cho là ngôi nhà tạm, để đi ngay chơn lý. Căn bản hiện đại hóa khất sĩ là nắm giữ giáo lý y bát chơn truyền, để tự giải thoát bằng phương tiện Ta bà khất hóa độ sanh, ích lợi chung cho mọi người.

Hiện đại hóa khất sĩ lấy cực hạnh để ứng chịu mọi cảnh ngộ, xin lấy cho mình nghiệp khó khăn, và chịu chết để trả nghiệp cũ cho đặng mau giải thoát.

Hiện đại hóa khất sĩ không chủ trương làm văn thơ lãng mạn, không chủ trương triết lý đấu tranh chánh trị, không chủ trương vật chất của cải, cái ta, tư hữu. Ngoài y bát tùy thân, lễ một trung đạo chánh pháp. Khất sĩ là con người duyên giác tha phương, có thể tập trung thành từng đoàn người giác ngộ hành đạo như hồi thời Đức Phật tại thế, để sống theo lẽ một siêu nhiên Chánh đẳng, Chánh giác. Người khất sĩ giác ngộ không sống cho quá khứ, không cầu vị lai, cũng không chấp hiện tại, mà sống giác ngộ chơn lý. Thiên sứ của Khất sĩ là đánh thức phản tỉnh con người, trên không gian gián tiếp, nên phải chủ trương hành đạo trì bình hóa đạo vậy ?

Người Khất sĩ hiện đại làm duyên cho thế nhân, để tự ngộ, tự giác : là tự cách mạng lý căn bản siêu nhiên cho tâm linh, và bản thân thành Phật tử chơn chánh, sống biết phước thí là sự trao đổi trong lẽ sống chung theo công lý vô trụ, để người người ai cũng Phật tử ; nhà nhà là hộ giống lành

gia đình Phật tử. Nhà ai tự ngộ, tự giác ra đi nhập chúng, ly gia cắt ái, thọ ân tam bảo và chúng sanh, sống chung lẽ một bình đẳng.

Người khất sĩ hiện đại chính là người lính siêu côi tam giới, giải thoát và bảo vệ tâm linh cho chúng sanh, gieo trồng hạt giống từ bi đạo quả Bồ đề cho nhân thế, để cho ai trải qua nhiều kiếp trên không gian và thời gian diệt tận cái khổ, mà thấy đạo là thiên đường tại thế và Niết bàn xuất thế.

Người Khất sĩ hiện đại là điển hình của giáo lý giải thoát, căn bản trên cương vị : tam thể, tam tụ, lục hòa. Sống Biết và Linh để đi đến mức siêu hình học bản thể chơn như tuyệt đối.

Khất sĩ hiện đại là học trò khó, phải vui chịu với cảnh ngộ, nhưng tương lai là hạt giống lành giải thoát siêu côi tam giới, siêu nhơn loại. Ai là khất sĩ hiện đại phải ngó ngay vào chơn trời mới, kỷ nguyên mới, con người mới cho ngày ngày càng mới ; là mỗi bước đi phải cảnh giác nơi tâm mình, để chứng thấy bản thể tâm linh mà phát triển Phật tánh, gây cơ Đại đồng đem chúng sanh đến đời sống hòa bình hạnh phúc và trí huệ trên chơn lý cao thượng, hầu giải thoát tứ khổ : Sanh, Lão, Bệnh, Tử, để tiến đến người mới của giáo pháp Phật Thích Ca Mâu Ni. Nói truyền một kỷ nguyên mới chơn phước cực đại. Để làm tròn sứ mạng, người khất sĩ phải tạo cho mình nhiều trí thức và trí huệ tự giác, đem căn duyên chánh pháp làm cho cõi đời an lành, xử đạo giải thoát, chánh giác Phật đà.

Vì vậy nên người khất sĩ không quan tâm đến sự thành công hay thất bại, đời mình sao là sao, mà tự cho mình có bốn phận gieo trồng sản xuất hạt giống từ bi đạo quả Bồ đề cho nhơn thế, trên mặt đất địa cầu này, cho phù hợp với dân trí chúng sanh, nhờ kinh nghiệm chiến tranh lạnh và nóng, mà ý thức giác ngộ nhiều rồi. Họ chỉ muốn tu thôi, mà tu bằng nội tâm để thế gian đều giác ngộ cõi đời tốt đẹp.

Hòa hiệp các tôn giáo và đảng phái ; bằng sự thương yêu tha thứ cho nhau ; có thương yêu tha thứ mới mong thực hiện được tinh thần Từ bi, Bác

ái, và tự do bình đẳng, có thật sự tự do bình đẳng mới có Hòa bình và hạnh phúc chơn thật.

## **BẢNG TỔNG KẾT SỐ TÍN ĐỒ CÁC TÔN GIÁO TỈNH CẦN THƠ**

Theo tài liệu mới nhất chúng tôi sưu tập của các giáo phái ước lượng so với dân số toàn tỉnh như sau :

### **TÔNG GIÁO – SỐ TÍN ĐỒ – TỶ LỆ BÁCH PHÂN**

Thiên Chúa – 14.810 – 5

Tin Lành – 1.792 – 0,44

Cao Đài – 40.370 – 11

Phật Giáo – 293.917 – 75

Phật Học – 80.405 – 22

Tu Tại Gia – 111.603 – 28

Hòa Hảo – 38.497 – 10

Thiền Lâm – 10.319 – 4

Tịnh Độ Cư Sĩ – 28.942 – 8

Tăng Già – 2.536 – 0,7

Phật Giáo Miên – 18.369 – 6

Cổ Sơn Môn – 2.773 – 0,8

Du Tăng Khất Sĩ – 491 – 0,01

Đạo Bahai – 165

Hiện nay, con số tín đồ các tôn giáo còn tăng lên nhiều, nói lên tấm lòng hướng ngưỡng về đạo lý của đồng bào.

## CHÙA KIẾN QUỐC



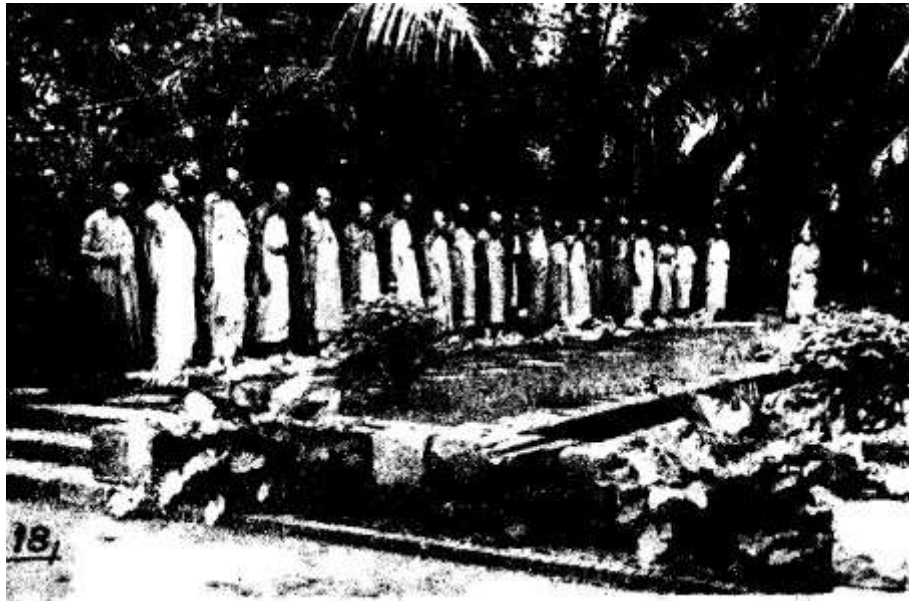
*Một kiến trúc tân tạo, nằm về phía mặt đường Kiến Quốc (lộ 20), chùa này do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất quản trị. Ảnh Trần Văn bé (Phongdinh)*



## TỈNH XÁ NGỌC MINH CẦN THƠ

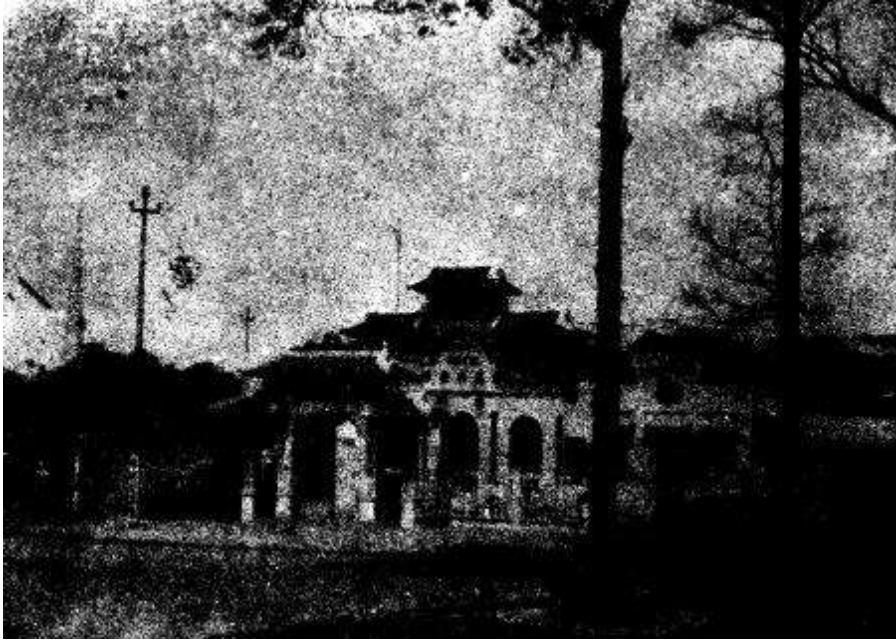


*Thầy đứng giữa là cố Đại đức Minh Đăng Quang, người lập đạo Du Tăng  
Khất Sĩ*



*Trong một buổi lễ tại Tịnh xá Ngọc Minh vài chục năm trước, chư tăng đang qui hội để nghe những lời vàng ngọc của Đức Tôn sư Minh Đăng Quang.*

## HỘI PHẬT HỌC NAM VIỆT



*Hội này xây cất rất uy nghi, bên trong thờ Phật trang nghiêm, có giảng đường rộng rãi, có nơi hội họp cho các thiện nam tín nữ trong những ngày lễ Phật. Vị trí day mặt ra đại lộ Hòa Bình. Ảnh Trần Văn Bé (Phongdinh)*

# **PHẦN THỨ TƯ**

- \* CẦN THƠ VĂN VẬT NGHỆ THUẬT**
- \* CẦN THƠ VỚI BỘ MÔN SÂN KHẤU**
- \* CẦN THƠ QUA CA DAO, PHONG TỤC, TẬP QUÁN**

# CẦN THƠ VĂN VẬT

Mang danh từ là « Trung tâm Văn hóa miền Tây », Cần Thơ có gì đặc sắc, để xứng đáng tự hào như thế ?

Đứng về mặt sưu tầm khách quan, chúng tôi xin trình bày những gì Cần Thơ đã đóng góp về văn hóa. Còn có xứng đáng với danh từ « Trung tâm Văn hóa miền Tây » hay không ? Xin nhường quyền quý bạn đọc phê phán.

Cần Thơ thuở xưa khi còn là huyện Trấn Giang, dưới sự chăm nom săn sóc của Mạc Thiên Tứ, cố nhiên sĩ phu đều đã chịu ảnh hưởng ít nhiều về phong độ của họ Mạc – vị Nguyên soái Tao đàn « Chiêu Anh Các ». Tiếc vì binh biến liên miên, văn hóa đành phải lui bước trước bạo lực quân phiệt. Nạn binh đao gieo tang tóc khắp xóm làng ai còn lòng nào nghĩ đến sáng tác văn chương, gây nền văn hóa ? Lại nữa, lửa chiến tranh thiêu rụi bao sản nghiệp mồ hôi nước mắt của dân chúng đồng thời cũng tàn phá những công trình văn hóa. Tìm dấu vết để kiểm điểm lại kho tàng văn hóa trong thời kỳ ấy, phỏng còn sót được gì để dò lần manh mối ? Một điều có thể tin chắc, trình độ văn hóa của đồng bào Trấn Giang (Cần Thơ xưa) bấy giờ đã khá cao : Họ Mạc đã nghiêm nhiên coi Tây Thành như một Phương Thành (Hà Tiên) thứ hai, ắt là chẳng tiếc gì mà không ra sức phổ biến văn hóa lan rộng tới vùng này. Cứ xem như khi binh Xiêm xâm phạm Hà Tiên, họ Mạc lui về Cần Thơ cố thủ, thì trước đó họ Mạc ắt đã phải dự liệu mà di chuyển sách vở văn chương xuống Cần Thơ, đào luyện nhân tài cho nơi đây để trừ bị mai sau. Như thế sĩ phu Cần Thơ được dịp trau dồi học vấn, phát triển tài năng đáng kể.

Một quyển « Song tinh bất dạ » của Nguyễn Hữu Hào, một quyển « Thơ nàng Chuột » (dựa vào « truyện Trinh Thử » của Hồ Huyền Quy đời

Trần) xuất hiện vào thời này, nói lên trình độ văn hóa khá cao của sĩ phu Cần Thơ nói riêng, miền Tây nói chung.

Lần đến đời Tự Đức, văn hóa phát triển tốt đẹp nơi đây : Long Xuyên có Bùi Hữu Nghĩa, Phong Điền có Phan Văn Trị, Lê Quang Chiêu là những tên tuổi ai ai cũng biết. Nhất là xóm Bà Đò ở Bình Thủy nghiêm nhiên là chốn Tao đàn họp mặt của các tao nhân mặc khách Cần Thơ, lôi cuốn thêm lắm bậc danh tài miền Tây về đây như cụ Huỳnh Mẫn Đạt ở Hà Tiên, cụ Phan Hiến Đạo, cụ Cử Thạnh ở Định Tường, cụ Đồ Chiêu Bến Tre v.v... Các cụ chung sức nhau xây nền văn hóa, chẳng là điều vinh diệu cho Cần Thơ lắm sao ?

Kịp khi văn hóa Tây phương du nhập theo gót chân xâm lược của quân đội Pháp, thứ chữ Quốc ngữ La tinh hóa xuất hiện, báo chương ra đời, Cần Thơ cũng góp tiếng nói trên đàn Ngôn luận qua tờ « Le Courier de l'Ouest » và « An hà báo ». Rồi thì lần lượt Long Xuyên có Đại Việt tạp chí, Lưỡng Xuyên Phật Học ; Sa Đéc có báo Tân Tiến (tức Tiến Bộ) ; Rạch Giá có tạp chí Tiến Hóa v.v... miền Tây há chẳng có sắc thái đặc biệt của mình ?

Về giáo dục, trường Trung học Collège ra đời, chỉ nhường Sài Gòn có Chasseloup Laubat và kém Mỹ Tho có Collège, tức trường Nguyễn Đình Chiểu bây giờ, lập trước chẳng bao lâu. Nhưng mới đây, Viện Đại học đã bắt đầu khai giảng niên khóa 1966-1967 một ít phân khoa đã chuẩn bị xong, và sắp hoàn tất công cuộc kiến trúc toàn viện trong thời gian gần đây, sẽ đem lại cho Cần Thơ một phong khí mới, một bộ mặt khả ái và gây nên cuộc sinh hoạt cao đẹp, sao cho xứng với danh hiệu Tây Đô. Trong khi Vĩnh Long đã vươn mình lên từ trước, tự hào được với những trường kỹ thuật, Sư phạm và bao nhiêu Trung tâm huấn luyện khác, Cần Thơ vượt tiến với Viện Đại học mới khôi phục được phần nào địa vị « Trung tâm Văn hóa miền Tây ». Và chắc chắn sẽ đẹp hơn lên mãi, sẽ còn cố gắng nhiều hơn về mọi phương diện mới chinh phục được trọn vẹn lòng yêu của du khách bốn

phương, thỏa lòng kỳ vọng của hơn sáu triệu đồng bào miền Tây thường hướng mắt về Cần Thơ mà nhìn xem cuộc chuyển mình.

Thêm một bước tiến nữa là nhật báo « Miền Tây » tỉnh Cần Thơ ra đời của nhóm ký giả chuyên nghiệp, quê cũng ở miền Tây, đó là niềm an ủi đồng bào tỉnh nhà đỡ xót xa vì cảm thấy muộn quá, riêng về vùng IV chiến thuật có tờ chiến sĩ miền Tây. Thật ra, Cần Thơ đáng lẽ phải có nhiều báo chí thêm nữa : thế mới là nét điểm tô đậm đà duyên dáng nhất cho bộ mặt Tây Thành, mới gây hào hứng phấn khởi trong cuộc sinh hoạt tinh thần. Cần Thơ xưa nay đã sản xuất biết bao nhơn tài lỗi lạc từng điểm tô nền văn học cho nước nhà.

Nhà học giả Hồ Hữu Tường quê tại Cái Răng Bé thuộc tỉnh Phong Dinh, tên tuổi ông ai ai cũng biết, Lưu Hữu Phước ở Ô Môn người sáng tác bản quốc ca đầu tiên ở VN hồi phong trào thanh niên tiên phong nổi lên chống Pháp. Cần Thơ cũng là nơi cư ngụ của tiểu thuyết gia Hồ Biểu Chánh, lúc ông ngồi ghế chủ quận tại Ô Môn, ông đã viết rất nhiều bộ tiểu thuyết có giá trị, đượm màu sắc quê hương dân tộc, nói lên thở thanh bình.

Ông Phan Văn Trường, một văn hào người ở Định Tường đến cư ngụ có nhiều tiết tháo đã gây lăm tiếng vang tại Tây Thành. Một điều đáng cho chúng ta chú ý, Cần Thơ là nơi qui tụ biết bao nhà Đạo giáo tên tuổi lẫy lừng. Ông Thầy Trung, một đạo sĩ có nhiều bí phép nhiệm màu được đồng bào mến phục. Ông Ngô Văn Chiêu, người sáng lập nền Đại đạo Tam Kỳ, qui tiên tại sông Cửu Long, đem về Cần Thơ an táng, và xây bửu tháp.

Đức Huỳnh giáo chủ, lúc sinh thời có đến Cần Thơ nhiều lần thuyết pháp bằng văn thơ ứng khẩu, được hằng triệu tín đồ ngưỡng môn thọ giáo, tặng ngài là một bậc siêu phàm. Chủng viện Á Thánh Quý ở Cái Răng là trung tâm đào tạo các linh mục tương lai của khối công giáo xuất phát tại đây<sup>26</sup>.

Xuyên qua một số nhân vật tượng trưng về mặt Đời và Đạo kể trên đã gây ảnh hưởng tốt cho đồng bào các giới, nhất là thế hệ trẻ đang vươn mình trên đường phụng sự văn hóa dân tộc, khi tỉnh nhà bừng hương sắc với vườn hoa văn nghệ muôn màu muôn vẻ, sẽ còn đẹp đẽ hơn lên biết bao.

## **HỘI PHỤ HUYNH HỌC SINH**

Ngày nay, tuy có Hội phụ huynh học sinh ra đời nhưng so sánh với Hội Khuyến học năm xưa, về sự hoạt động đem lại cho những con em tỉnh nhà bằng sự giúp đỡ, hoặc ủy lạo về mặt tinh thần, theo đà tiến triển, Hội phụ huynh học sinh nếu tích cực làm việc chắc chắn sẽ gặt hái được nhiều thành quả tốt.

Theo sự tra cứu của chúng tôi khoảng năm 1943, Cần Thơ đã từng có Hội Khuyến học với vị Hội trưởng đầy tâm huyết là bác sĩ Lê Văn Ngôn, Phó Hội trưởng là vị Thanh tra tiểu học Nguyễn Văn Kính, tạo nên biết bao công trình rạng rỡ cho nền văn hóa tỉnh nhà. Nào tổ chức các cuộc diễn thuyết về văn hóa, mở cuộc thi văn chương, nào viếng mộ cụ Phan Văn Trị, trùng tu ngôi mộ cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa v.v... đặc biệt nhất là xuất bản tập kỷ yếu của Hội vào dịp Tết 1963 với sắc thái « Xuân Tây Đô », đáng là điểm son của Hội Khuyến học tập hợp đông đủ thân hào nhân sĩ, trí thức, tài hoa son trẻ Tây Thành.

## **HAI TỜ BÁO ĐẦU TIÊN Ở CẦN THƠ**

Le Courrier de l'Ouest và An Hà báo. Nhìn lại Cần Thơ trong quá khứ, từ năm 1911, Cần Thơ bắt đầu có máy in báo, do luật sư Gallois Montbrum hiệp với nhóm nhà tư bản trong tỉnh sáng lập. Nhà in này lấy tên là « Imprimerie de l'Ouest », nhận in sổ sách giấy tờ của chánh phủ và tư nhân. Rồi sẵn cơ sở, đào luyện một nhóm ăn công thạo nghề, luật sư Gallois Montbrum cho xuất bản tờ tuần báo Pháp văn « Le Courrier de l'Ouest » là



tờ báo đầu tiên của Cần Thơ. Chủ bút là ông Võ Văn Thơm, huyện danh dự, thông phán tại Cần Thơ. Quản lý là ông Trần Đắt Nghĩa, giáo viên. Báo có hai trang. Tiếng là tuần báo, nhưng có khi đến hai ba tuần mới ra được một số. Rồi ít lâu thì đình bản, bởi ít độc giả và thiếu tay tô điểm.

Rút kinh nghiệm về báo bằng chữ Pháp ít người đọc, năm sau (1912), ông Võ Văn Thơm đứng tên chủ nhiệm tờ « An Hà nhật báo » kêu gọi các bậc nho văn quanh vùng viết bài. Bộ biên tập tăng cường gồm có quý ông Lê Quang Chiêu, Nguyễn Tất Đài, Phạm Kỳ Xương tức Phạm Bá Đại, Lương Khắc Ninh v.v... Việc quản lý vẫn giao về ông Trần Đắt Nghĩa.

Khoảng cuối năm 1913, do sự giới thiệu của ông Võ Văn Thơm với luật sư Gallois Montbrum, ông Phạm Bá Đại đảm nhận việc biên tập, đổi tên báo lại là An Hà báo.

Ông Phan Bá Đại người xã Thới Long (nay thuộc quận Phong Phú, tỉnh Cần Thơ) xuất thân làm thơ ký tùng sự với bác sĩ Lalung Bonnaire tại bệnh viện Cần Thơ. Ngay khi nắm bút quyền An Hà báo, ông chỉnh đốn lại từ hình thức đến nội dung. Báo đổi ra xuất bản hằng tuần vào mỗi chiều thứ bảy.

Vốn là người có tâm huyết, ông Phạm Bá Đại rất say mê nghề cầm bút, quyết tâm làm toàn vẹn sứ mạng thiêng liêng của nhà ngôn luận. Nhưng mà biết làm sao hơn, khi mà thực dân hằng kiểm soát rất gắt gao.

Dưới các bút hiệu Thế Trung, Kiều Xuân Hương, An Giang nữ sĩ, ông viết đủ loại trong sự dè dặt thường lệ miễn sao còn có chút phương tiện gửi nhẵn với xa gần tâm sự ông ký thác trong một bài thơ « Cái đèn chong » đăng tải trên báo nhà.

*Sáng chẳng bằng trăng cũng chói lò  
Đèn chong tuy nhỏ tỏ gần xa  
Khêu tim chỉ dốc soi đường tối  
Cháy ruột phòng toan rọi nẻo xa*

*Canh lụn bạn cùng trang chí sĩ  
Đêm khuya nghịch với lũ gian tà  
Miễn là giúp ích trong thiên hạ  
Đâu nệ ghe lần gió táp qua.*

Đến khoảng năm 1924, ông Trần Đắt Nghĩa xin nghỉ làm quản lý nhà in, nhà báo, để ra lập hãng xe đò chạy đường Cần Thơ – Nam Vang, Cần Thơ – Sài Gòn, Cần Thơ – Rạch Giá. Người được mời thay chân quản lý là ông Đỗ Văn Y. Ông Y vốn là một nhà cách mạng, người Cao Lãnh, tạm dừng chân chốn Tây Thành.

Mãi đến năm 1932, sau khi luật sư Gallois Montbrum về Pháp, báo An Hà thốn mồn dần rồi tự đình bản.

Điều nên luận xét kỹ, nếu chẳng bị chánh quyền ràng buộc, ngôn luận được tự do, tờ An Hà báo chắc là khởi sắc hơn nhiều. Những cây bút có giá trị của miền Tây khi ấy cũng nhiều, nhưng có lẽ đều cùng chung một tâm trạng đau buồn thời thế.

Đến ông Đỗ Văn Y kế chân làm quản lý, tài năng và tâm huyết của ông Y như thế nào, lịch sử từng ghi chép rõ. Ông sinh trưởng nơi Cao Lãnh là đất sản xuất lắm nhà cách mạng. Thọ khí bẩm ấy nên ông cũng đã hy sinh vì tổ quốc ít nhiều. Lúc thanh niên đang làm giáo học, ông bỏ chức theo phong trào Đông Du, từng học tại « Trung Đức học đường », bốn ba hầu khắp các nước ngoài : Trung Hoa, Nhật, Đức, Pháp. Ông đã theo làm thông ngôn kiêm tùy viên cho Đức Kỳ ngoại hầu Cường Để trong một chuyến Âu du năm 1913. Ở quyển Cuộc đời Kỳ ngoại hầu Cường Để, chính Kỳ ngoại hầu đã nhiều lần nhắc nhở đến ông với niềm mến mộ vô cùng. Con người ấy dừng chân nơi Tây Thành, lại vào làm quản lý một cơ quan ngôn luận, nếu đặc thế phải thời thì ông đã thúc đẩy tờ báo tiến mạnh, há thiếu khả năng phục vụ để đến nỗi phải đình bản tờ báo hay sao ? Chẳng qua cũng đồng một tâm trạng nào nề như ông Nghĩa khi nhìn bộ mặt tờ báo bị méo

mó nghề nghiệp nhiều quá, ông đành chịu để cho báo đến nước cùng. Thà như thế còn hơn. Và mai sau còn để cho người đời luyến tiếc, cảm phục được.

Huống chi, về trước Cần Thơ hãy còn có mặt một nhà cách mạng lão thành khác là cụ Hội đồng Nguyễn Thần Hiến (xin xem phần Danh nhân trong quyển này) và cụ đã chết vì tổ quốc vào năm 1914, tâm chí sĩ phu Cần Thơ há có hèn đâu. Văn hóa trong buổi ấy không phát triển tốt đẹp được, do vì sao ?

Ngoài việc ấn loát tờ An Hà, nhà in « Imprimerie de l'Ouest » (sau này cũng đổi tên là nhà in An Hà, chỗ nhà in Trần Đất bây giờ) còn in và phổ biến tại Cần Thơ nhiều tác phẩm có giá trị : Về giáo khoa : Sách mẹo An Nam bậc tiểu học và trung học của Trần Kim, An Quảng Tân Biên (tức từ điển Việt Nam của Dominique Lê Đình Ninh).

Về y học : Nhi khoa luận trị của Nguyễn Xuân Dương, loại sách y học phổ thông của Nguyễn Văn Xương.

Về văn học : Bấm ông chủ (tiểu thuyết) của Huỳnh Văn Tâm, Quán bên đường (thơ) của Trúc Thần v.v...

Trên đây toàn là những sách hay đáng kể và còn nhiều nữa, chúng tôi có xem qua từ lâu hết sức tán thưởng, rất tiếc lâu ngày quên mất tên sách, tên tác giả, mà lại không có sẵn nơi tủ sách để kiểm điểm liệt kê.

Nói tổng quát, qua ngần ấy sự việc chúng tôi đã trình bày, Cần Thơ đã đóng góp khá nhiều và đáng ngợi về công trình xây dựng nền văn hóa.

**TRƯỜNG TRUNG HỌC COLLÈGE NAY ĐỔI TÊN LÀ PHAN  
THANH GIẢN**



*Ngôi trường này xây cất từ xưa, vẫn trường tồn đến ngày nay. Nơi đây đã  
đào tạo biết bao nhân tài cho đất nước. Ảnh Trần Văn Bé (Phongdinh).*

## RẠP HÁT THUỞ XƯA



*Cần Thơ còn lưu dấu những hình ảnh xa xưa. Đây là rạp hát của Thầy Lý, đã lui về trong quá khứ. Hiện nay là chỗ Phong Dinh tử lâu. (Ảnh sưu tầm)*

# **BỘ MÔN SÂN KHẤU KỊCH TRƯỜNG**

## **TỪ ĐẠI BAN TRẦN ĐẤT ĐẾN NAM NỮ CA KỊCH SĨ HỮU DANH CỦA TÂY ĐÔ**

Nói đến tên tuổi các nam nữ ca kịch sĩ lừng danh : Phùng Há, Tư Chơi, Bảy Nhiêu, Năm Châu, Tư Út, tưởng chẳng ai là không biết. Dẫu người không mấy quan tâm đến bộ môn sân khấu kịch trường trong lãnh vực văn nghệ, đôi lúc ắt cũng có nghe người xung quanh nói đến các ngôi sao ấy của giới ca cầm. Chính cô Bảy Trương Phụng Hảo (Phùng Há), anh Năm Nguyễn Thành Châu đã bắt đầu nổi danh khi đứng trên sân khấu đại ban « Trần Đất » của ông bầu Trần Đất Nghĩa, người tỉnh Cần Thơ.

Sau nghỉ làm quản lý nhà in, nhà báo An Hà, ông Trần Đất Nghĩa trở nên nhà doanh nghiệp, lập hãng xe đò, hãng rượu ngọt. Rồi đến năm 1930 ông ra làm bầu gánh, nêu cao bảng hiệu « Trần Đất » Đại ban Trần Đất thu hút hầu hết các minh tinh sân khấu lúc bấy giờ. Do đó, gánh Trần Đất nghiêm nhiên đứng vào bậc nhất Nam kỳ, được khán giả hoan nghinh, đi trình diễn từ Nam chí Bắc.

Thế là về mặt ca kịch, Cần Thơ cũng đã rước được tiếng khen với một gánh Trần Đất khéo chinh đốn.

Đã có gánh hát, đã đem tiếng đàn ca gieo rải khắp đó đây, cố nhiên có ảnh hưởng lớn đến tâm trí những ai yêu chuộng nghệ thuật cầm ca. Do đó, lần lần Cần Thơ nổi lên khá nhiều nam nữ ca kịch sĩ hữu danh.

Đáng kể trước nhất có cô Năm Nhỏ, một tài năng được ca ngợi là « Hậu tổ » của làng hát bộ. Vì cô sở trường về hát bộ.

Cô Năm Nhỏ quê quán ở Cái Vồn (khi trước thuộc tỉnh Cần Thơ nay thuộc quận Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long). Cha cô vừa là ông Bầu vừa là anh kép của gánh hát nhà, nên cô nhiễm hát, tập hát rồi ra sân khấu. Ít lâu nổi

đanh, cô được gia nhập đoàn « Phước Thăng » diễn hằng năm tại rạp Cô Tám do Bà Hộ là ngoại tổ của ông bầu Nguyễn Ngọc Cương (Giám đốc đoàn cải lương Phước Cương).

Tài nghệ của cô càng ngày càng tiến triển đến mức ai cũng khâm phục, cho là Hậu tổ của nghề hát bộ.

Nhưng đến khi cao trào cải lương được hoan nghênh hơn, làng hát bộ đi dần vào chỗ lu mờ, cô Năm Nhỏ thất thời lui bước, bệnh mất trong năm 1938 tại một gian nhà lá quạnh hiu ở vùng Lò Siêu (Chợ Lớn).

Sân khấu cải lương dần dần lấn át hát bộ. Giới cầm ca làm say lòng khách mộ điệu qua những dây tơ đồng kim, tranh, cò, sến với những bài bản mới, du dương hấp dẫn. Nam nữ ca sĩ Cần Thơ có tiếng, đáng kể có cô Năm Cần Thơ, và gần đây, gia đình Túy Hoa Anh Lân trong ban ca kịch « Dân Nam » vẫn là người quê ở Tây Đô.

Chịu ảnh hưởng của gánh Trần Đắt, ít lâu tại thị trấn Cái Răng (xã Thượng Thạnh quận Châu Thành) cũng có ban « Đồng Tâm » được hoan nghênh một thời, với những vở tuồng khá hay của soạn giả Nguyễn bá Thọ :

1. Một chữ đồng (tuồng xã hội)
2. Uất Trì giả điên
3. Đông giao tử tiển (Phụng Kiều – Lý Đáng)
4. Mẫu tử đoàn viên (Lý Thần Phi và vua Tống Nhân Tông, vụ tra án Quách Hòe) v.v...

Và soạn giả Bá Ngộ Mai cũng được khen ngợi với bốn tuồng « Tiết Liễu lương duyên » (có in thành sách). Út Trà Ôn một danh ca khét tiếng ở miền Nam với sáu câu vọng cổ quê ở quận Trà Ôn.

Rồi theo đà phát triển, ngành ca kịch Tây Thành cũng từng đóng góp vào việc tô điểm bộ môn sân khấu trong lãnh vực văn hóa. Cho đến gần đây, giới tài hoa son trẻ vẫn hằng tổ chức nhiều đại nhạc hội, nhiều ban trình diễn văn nghệ khả quan, như ban Văn nghệ Ninh Kiều, ban « Tinh

Hoa miền Tây ». Soạn giả ngày nay thì có Lâm Tồn, Thanh Giang là hai cây bút của Cần Thơ từng có nhiều vở tuồng ăn khách. Nhạc sĩ Sáu Xiêm cũng có ngón đàn làm say mê lòng khách mộ điệu.



# SINH HOẠT VĂN HÓA

Về văn hóa, ngoài sự hoạt động của nhà in miền Tây (Imprimerie de l'Ouest với 2 tờ báo Le Courrier de l'Ouest và An Hà báo mà chúng tôi kể ở đoạn trên, tưởng cũng nên đề cao công trình của Hội Khuyến học Cần Thơ đã góp tay bồi đắp nền văn hóa nước nhà nói chung, điểm tô sắc thái thanh bạch của Tây Thành nói riêng.

Để tạo sinh khí cho văn nhân thi sĩ Tây Đô, để thúc đẩy giới trí thức lưu tâm đến tiền đồ văn hóa nước nhà mà cũng đứng đóng góp tâm huyết xây dựng, Hội Khuyến học đã làm được những điều đáng kể.

1. Tổ chức các cuộc diễn thuyết. Đầu tiên, ông Nguyễn Văn Kính bút hiệu Bảo Mỹ, nguyên Thanh tra Tiểu học tỉnh Cần Thơ, diễn thuyết về « thi sĩ Tản Đà ».

2. Mở giải thưởng văn chương tác phẩm đoạt giải năm 1943 là quyển « Đồng quê » của Phi Vân.

Đông đủ trí thức thuộc các thành phần trong xã hội gia nhập hội : Luật sư, bác sĩ, nhân sĩ, công tư chức v.v... Đặc biệt là hầu hết các cây bút hữu danh của Tây Đô đều có mặt trong Hội Tây Đô : Giáo sư Nguyễn Văn Kiệt, Tố Phang tức Thuần Phong Ngô Văn Phát, Trục Thần tức Tam Đức Nguyễn Trung Ngôn, Trường Sơn Chí Ung Ngọc Kỳ, Tùng Đức Mã Sanh Long, Việt Quang Tạ Minh Quang v.v... Ngày nay tên tuổi các cây bút kể trên, trong văn giới không ai là không biết.

Nữ sĩ Ái Lan cũng từng là hội viên rất nhiệt thành, họa sĩ Văn Mười và cùng anh em văn nghệ sĩ Tây Thành làm đẹp cho tỉnh nhà chẳng ít.

Khách văn chương vẫn thường lui tới luận đàm thế sự, xướng họa thi văn nơi Tao đàn Dương Chí. Một khách tinh văn nghệ (salon littéraire) của ông Dương Chi, Dương Du Cam, cựu giáo sư trường Trung học Phan

Thanh Giản mà cũng là một nhạc sĩ điêu luyện ngón đàn tranh và có tiếng với nhiều nhạc khí khác. Đã có tài về cổ nhạc, ông Dương Du Cam cũng sành cả tân nhạc, xử dụng tinh tường cả mấy nhạc khí phương Âu. Tài tình, phong nhã, ông lại có tâm hồn hướng ngưỡng về đạo lý, sùng mộ đạo Phật, có chân trong Hội Phật học Cần Thơ. Đáng tiếc ông mất đi, Tao đàn Dương Chi mất nhiều nét đẹp.

Thi văn đoàn của các bạn trẻ Tây đô cũng đôi bước theo bậc đàn anh, kể cũng khá nhiều. Đặc biệt nhất có văn đoàn « Chim Việt ». Những cây bút đáng kể của « Chim Việt » có Trần Quang Nghĩa, Thùy Nhiên, Hồ Hải v.v... Điều đáng khen là văn đoàn Chim Việt còn cố gắng cho ra một tờ tuần báo mang tên « Hoa Niên », hình thức trình bày thanh nhã khả ái, nội dung hay, vui, bổ ích.

Rồi thì lần lượt về sau, còn có thêm những thi văn đoàn mà bạn trẻ trong đoàn từng có thơ văn đăng tải trên các báo thủ đô như :

Hồn xưa nước mắt, Nhóm 20 người, Bút non, Sương khói lam, Hương trầm, Chân thành phố, Phương, Hoa sắc tím, Ái hữu chi nhánh Dòng sông Hậu v.v...

Gần đây hơn, những mầm non văn nghệ của Tây Đô gom về bốn thi văn đoàn, đang trên đà phát triển : Về nguồn, Thảo nhi, Vùng đất sống, Mầu tuổi ngọc.

Thi văn đoàn « Về nguồn » do cây bút trẻ Trúc Khanh, Lê Phước Nghiệp chăm nom đôn đốc hứa hẹn tương lai sáng lạng huy hoàng. Hai bạn trẻ Huyền Vân Thanh, Lê Hoàng Viện, Kiều Diễm Phương đầy triển vọng, thi văn đủ loại, từng đăng trên các báo hằng ngày, tuần san, tạp chí.

Hiện nay, Cần Thơ còn có nhật báo « Miền Tây » và trong tương lai chắc sẽ có nhiều tuần báo, hoặc những cơ sở xuất bản, chừng ấy Cần Thơ sẽ xứng với danh tiếng Tây Đô biết bao.

# ĐẸP CẦN THƠ QUA THI CA

Lời nhà biên khảo :

*Cần Thơ thơ mộng*

*Cần Thơ mến yêu*

*Cần Thơ người đẹp cảnh xinh*

*Địa linh như kiệt Phong Dinh ruộng vườn*

*Thăng trầm khói lửa đau thương*

*Cần Thơ quật khởi trên đường phục hưng.*

Xuyên qua những văn thơ trên đây khách lã du từ trước tới nay chưa có dịp viếng Cần Thơ, hoặc có người cũng trải qua nhiều lượt, ít ra cũng cảm nghĩ đến hình dung cảnh vật, đất đai Cần Thơ như thế nào ?

Cần Thơ là một tỉnh trù phú, dân cư đông đúc, ruộng vườn giăng giăng rộng lớn, thuộc vùng Châu thổ sông Cửu Long đồng bằng, không có núi non, nằm trong bình nguyên Nam phần Việt Nam.

Về địa hình địa vật có nhiều sông rạch chằng chịt quanh co khúc khuỷu, mang theo màu mỡ của đất phù sa do sông Cửu Long bồi đắp, quanh năm nước ngọt, cây trái oằn sai, lại thêm các cô thôn nữ ngây thơ hiền lành chất phác với dáng điệu kiều diễm đầy quyến rũ :

*Cần Thơ cảnh vật tươi xinh*

*Gợi lòng du khách đậm tình nước non.*

Cần Thơ có thể nói là trung tâm của các tỉnh miền Tây Nam phần nói riêng, toàn lãnh thổ Việt Nam nói chung, trực giao thông quan trọng địa thế thuận lợi về mọi mặt. Kinh tế, chánh trị, quân sự, văn hóa v.v...

Là nơi kết tinh và phát xuất lắm nhưn tài làm rạng rỡ quê hương. Tìm hiểu qua địa hạt văn hóa của thời xưa, chúng ta không thể quên những cây viết tinh hoa, nổi bật trên nền trời văn học khắp nơi đều cảm phục, trong số

có các cụ Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị (tức Cử Trị), Lê Quang Chiêu, Nguyễn Thanh Trường Hồ Hữu Tường hiện đại). Nói đến thế hệ trẻ, trong số nhà văn, nhà thơ tại tỉnh ngày nay, chúng tôi hân hạnh được biết các bạn : Nam Xuân Thọ, Uyên Thảo, nữ thi sĩ Kiều Diễm Hương, Trúc Khanh, Lan Hương, cô Thanh Nga, các bạn đã từng góp mặt trên văn đàn qua những bài văn, bài thơ đượm màu sắc quê hương tình dân tộc, nói lên từng vùng, từng quận ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên của làng mạc.

Đây là những vần thơ mô tả mỗi quận trong tỉnh Phong Dinh, dưới mắt văn nhân thi sĩ đầy vẻ mến yêu, tô đậm những nét đẹp Cần Thơ càng thêm duyên dáng.

**Cái Răng :**

*Cầu xưa ba nhịp Cái Răng  
Trơ cùng tuế nguyệt trâm thẳng vẫn còn  
Tiếng con đò mộng thon don  
Tình quê bể cạn non mòn không phai*

**Phụng Hiệp :**

*Ngã bảy rẽ lối xuôi dòng  
Cà Mau, Rạch Giá đau lòng chia ba  
Ngàn năm không nhạt tình ta  
Mến yêu non nước ông cha tạo thành*

**Phong Phú :**

*Ô Môn lúa tốt ngập đồng  
Vàm Nhon, Ba Mít, đượm nồng ý thơ  
Em về Tân Thới bơ vơ  
Ba xe em ở bao giờ thăm anh ?*

**Thuận Trung :**

*Cờ đỏ đã rách lâu rồi  
Tiếng còn cờ mất bồi hồi nhớ em*

*Mơ buồn thử đợi nhìn xem  
Cảnh xưa còn đấy mà em đâu rồi ?*

**Thuận Nhơn :**

*Vàm Bi, Trà Ết, Xà No  
Về đây còn nhớ câu hò năm xưa  
Nửa khuya trăng nhạt sao thưa  
Ngồi đây mơ mộng gió đưa trăng về.*

**Phong Điền :**

*Em ôi Nhơn Ái, Trà Niềng  
Là nơi đôi lứa hẹn nguyên trăm năm  
Trăm năm êm ả hơi cầm  
Nguyễn xưa còn nhớ anh năm anh mơ*

Hình ảnh quận Thuận Trung xuyên qua thơ Uyên Thảo, ngâm câu :

*« Trông về Thị Đới lòng láng tưởng,  
E ấp dài trang rám nắng đào »*

Ai không chạnh tưởng đến câu ca dao từng gọi lòng ai se thắt :

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau  
Trông về Thị Đới ruột đau chín chiều*

Thị Đới vốn là con kinh nổi liền Ô Môn (Cần Thơ) sang Rạch Giá

*Lòng nhớ mong ai mà se thắt,  
Nẻo quê hương hun hút áng mây mù !*

Tuy nhiên, hình ảnh Phong Điền qua các miền « Trà Niềng, Nhơn Ái trăm năm đợi, nguyệt thủy chung, lòng chẳng bước sang », thì tấm lòng son sắt của người Cần Thơ càng biểu lộ rõ rệt.

Nguyệt thủy chung vẫn là niềm thệ nguyệt son sắt đá vàng của đồng bào miền Tây chan chứa tình yêu nước thương nhớ, trọn tình vẹn nghĩa. Nhất là những khi phong ba nổi dậy trên đất nước, hình ảnh người lính

chiến bảo vệ quê hương càng được nổi bật nét kiêu hùng, mơn man qua ca dao thăm thiết để giục thúc ai trên đường nghĩa vụ :

*Gió Vĩnh Long về qua Sa Đéc  
Mưa Cần Thơ nắng đẹp Long Xuyên  
Em là cô gái Hà Tiên,  
Nhớ anh lính chiến qua miền Hậu Giang.*

Đã theo dõi Uyên Thảo thăm qua sáu quận tỉnh Phong Dinh. Xin mời bạn lại theo viếng làng quê chợ quận, thôn xóm yên tĩnh với những tâm hồn thuần phác mộc mạc đáng yêu, qua ngòi bút thi sĩ Trúc Khanh :

**Xóm chài :**

*Mây trắng Cần Thơ vương tóc em  
Chiều mơ lả lướt mấy con thuyền  
Đèn lên bến nhỏ sâu manh lưới,  
Đưa đón nhau – đò qua nửa đêm*

**Mái Dầm :**

*Em Mái Dầm sông xa lớp lớp  
Băng lãng mọc tím lối lên trời  
Khói tàu bay trắng vòm kính nhỏ  
Đôi mắt em – màu xanh biển khơi*

**Băng Tảng :**

*Băng Tảng xóm trở nghèo xơ xác  
Đồn cỏ – nền hoang – thuở tối tăm  
Phố chợ trời mưa dầm ướt đất  
Vào thương để mộng nếp trắng rằm*

**Bình Thủy :**

*Bình Thủy đường chân loang loáng nước  
Về em – theo cỏ rỗi Long Xuyên  
Mưa rơi thán sáu dài hoang lệ*

*Trăm bóng sao cài đang ngả nghiêng*

**Bình Minh :**

*Trưa nắng em về sông Bassac  
Hồi chuông chiều niệm tuổi bình minh  
Nhớ nhau qua giáo đường năm ngoái,  
Quạnh vắng rồi em – đứng một mình*

**Cái Răng :**

*Và Cái Răng trời lên dáng xưa,  
Lời Trung Hoa vọng buổi giao mùa  
Thương em áo trắng buồn đơn chiếc,  
Hai đứa xa từ trong giấc mơ.*

(« Cần Thơ » của Trúc Khanh)

Đạo gót ở nhiều nơi, quay về tình lý. Xa trông kìa ai đứng ngóng đò nơi bến vắng. Tâm sự ai man mác khi đò đã ra khơi mà mình lỡ chuyến. Bâng khuâng chạnh cảm, nữ sĩ Kiều Diễm Phương nói lên tâm sự của người bán khoán nghĩ ngợi chuyện ngày mai :

*Tây Đô sóng nước lặng lơ trôi  
Một chiếc đò con tách bến rồi  
Thấp thoáng bên kia người vẫy gọi  
Lạnh lùng đò vẫn lướt ra khơi.  
Đôi mắt trông theo vời vợi buồn  
Cúi đầu lặng bước bóng chiều buông  
Đò đời lỡ chuyến thôi đành vậy  
Chẳng biết đò duyên có lỡ không ?*

(« Lỡ chuyến đò » của Kiều Diễm Phương)

Nhưng đò đời lỡ chuyến phải tạm dừng chân, dù đường chiều phố vắng lộng gió dịu hiu, du khách ơi, nét đẹp Tây Đô hay bất cứ đâu đâu trên cõi

Việt muôn thuở vẫn như bình sắc qua cánh áo trắng nữ sinh, tiêu biểu nét kiên trinh thuần Việt, Đông phương trang nghiêm khả ái :

*Hoang vắng hoàng hôn trái phố chiều  
Trên con đại lộ gió điều hiu  
Vài cô áo trắng đi trong nắng  
Lướt thướt mây trôi quyện bóng chiều.  
Nẻo vắng đưa về một nữ sinh  
Thơ ngây vẻ đẹp vẻ băng trinh  
Gió vờn nhẹ nhẹ hôn tà áo,  
Lớt phớt trên môi ngỏ ý tình  
(« Phố chiều » Thơ Kiều Diễm Phương)*

Cảm tưởng những lời diễn tả của các bạn thi nhân qua sắc thái từng địa phương, nói lên với tấm lòng tha thiết yêu mến quê hương, cốt làm sống lại mảnh đất của tiền nhân đã đem xương máu gầy dựng với những trang sử oai hùng bất khuất.

Ngày nay thế hệ trẻ nặng lòng vì non sông, chỉ mượn ngòi bút dệt nên những dòng thơ lưu niệm, góp phần tô điểm trong tác phẩm này càng thêm phong phú, để làm món quà tinh thần tặng quý bạn bốn phương, muốn tìm hiểu phần đất Hậu Giang thơ mộng non nước hữu tình, diễn tả qua bao cốt chuyện hữu ích đáng đề cao.



## CẢNH ĐẸP TRÊN SÔNG CẦN THƠ



*Quán chi dãi nắng dầm mưa,  
Một lòng đợi bạn ngày xưa trở về !*

# TÌM HIỂU PHONG TỤC TẬP QUÁN MIỀN NAM QUA MẤY VẦN CA DAO

Nước Việt Nam trải qua bốn ngàn năm văn hiến lịch sử, nhưng đặc tính dân tộc không sao mất được.

Chúng ta là người dân Việt đã hấp thụ nền văn hóa cổ truyền tự bao thế kỷ, há không nêu công ơn tổ tiên qua những lời thơ sơ mộc mạc, nhưng đầy ý nghĩa thanh cao và chất phác của người miền Nam.

Hôm nay chúng tôi mạo muội trình thiên khảo cứu qua những vần ca dao miền Nam văn vật, hiến quý bạn đọc có tinh thần hiếu cổ thường thức không đến đổi là vô bổ.

Nhưng lòng rất băn khoăn một nỗi lo âu, là trong thời khoa học ánh sáng văn minh gieo rắc từ thành thị đến thôn quê, mà nhắc đến những câu chuyện mộc mạc như thế, chắc cũng có người cho chúng tôi là lạc hậu.

Thiết tưởng ở đời, cây có cội nước có nguồn, vì lẽ đó mà chúng tôi không ngần ngại nêu lên những câu nói ấy để làm sống lại tình quê hương dân tộc.

Chúng tôi xin mở đầu những câu dưới đây :

*Mẹ già ở túp lều tranh,  
Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con.*

Tuy nhiên ca dao miền Nam phản ảnh cả tinh thần dân tộc và đã nhiều phen thúc đẩy lòng hiếu thảo của con người, nhớ đến câu sanh thành dưỡng dục, nhắc nhở đồng bào phụng sự trên đường chánh nghĩa :

*Anh ôi phải lính thì đi  
Cửa nhà đơn chiếc đã thì có em.*

Nó đã ung đúc biết bao nhiêu liệt nữ anh hùng, cha lành, con thảo, thế thì các lời ca ấy, dầu muôn nghìn đời về sau vẫn là mới mẻ ta không thể lãng quên được.

**Mẹ dạy con gái :** Một khi con gái lớn lên, đến tuổi dậy thì, mười lăm, mười bảy tuổi, thì mẹ đã căn dặn giữ gìn nết na cho đoan chánh :

*Ra đi mẹ có dặn rằng :  
Làm thân con gái chớ ăn trầu người*

Chừng có đôi có bạn rồi thì :

*Con gái có hai bến sông  
Bến đục thì chịu bến trong thì nhờ*

Người xưa rất nghiêm khắc, trong nhờ đục chịu, không nên lộn nài tháo ống, mà mang tiếng gái lộn chồng :

*Trăm năm trăm tuổi may rủi một chồng  
Dầu ai thêu phụng vẽ rồng mặc ai !*

Thiếu nữ nào vẹn toàn công dung ngôn hạnh thì kẻ kính người vì, chớ ai có màng chi người đẹp mà trắc nết lãng lơ :

*Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,  
Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người.*

**Cha dạy con trai :** Đã sanh làm thân con trai thì phải làm sao cho xứng đáng với đời, tròn câu hiếu thảo không hổ mặt với xóm làng :

*Công cha nghĩa mẹ chớ quên  
Ởn vua lộc nước mong đền con ơi  
Như vầy mới gọi rằng trai  
Trên lo nghĩa chúa dưới mài thảo thân*

Cha lại còn nhắc nhở :

*Chữ rằng hổ tử lưu bì*

*Làm người phải để danh gì hậu lai*

Và :

*Làm sao giữ trọn đạo ba  
Sau dầu có thác cũng là thơm danh.*

Trong sự lập thành gia thất, cha mẹ dặn con, đối với cha mẹ vợ, cũng luôn luôn đối đãi cho ra vẻ con nhà lễ giáo :

*Tới đây thủ lễ nghiêng mình  
Dầu không đặng vợ cũng tình mẹ cha*

Rủi cơm không lành canh không ngọt thì :

*Bình phong cần ốc xà cừ  
Vợ hư để vợ, đừng từ mẹ cha.*

**Đức hy sinh của phụ nữ :** Chẳng lựa phải nói, độc giả cũng thừa hiểu rằng trong việc nội trợ tề gia, đức hy sinh của người phụ nữ Việt Nam thật vô bờ bến ! Chúng ta hãy nghe những câu hát sau đây :

*- Có con phải khổ vì con,  
Có chồng phải gánh giang san nhà chồng.*

*- Có chồng phải lụy cùng chồng,  
Đắng cay phải chịu mặn nồng phải theo.*

*- Lên non thiếp cũng lên theo,  
Tay vịn chân trèo, hái trái nuôi nhau.*

*- Đi đâu cho thiếp theo cùng,  
Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cam.*

**Cảnh chia ly :** Nhưng nếu vì hoàn cảnh bắt buộc mà không được theo chồng thì vợ lại an ủi :

*Anh đi em ở lại nhà  
Hai vai gánh nặng, mẹ già con thơ.*

Khi chồng đi vắng, các bạn nữ nhi không khỏi buồn lòng :

*- Anh đi lưu thú Bắc thành*

*Để em khô héo như nhành mai khô*

*- Phụng hoàng lẻ bạn sầu tư*

*Em đây lẻ bạn cũng như phụng hoàng.*

Buồn thì buồn vậy, nhưng vẫn không quên nhiệm vụ khuyên chồng ra đi, tức là không ngại hy sinh vì chánh nghĩa :

*Anh ơi phải lính thì đi*

*Cửa nhà đơn chiếc đã thì có em.*

Mấy câu hát trên đây có lẽ ra đời dưới thời Gia Long, vì sau khi thống nhất sơn hà, Gia Long còn bắt lính tráng trong Nam đem ra Trung Bắc xây đắp đồn lũy.

Tổng trấn thành Gia Định, lúc bấy giờ là Lê Văn Duyệt nhiều phen dâng sớ nhắc nhà vua cho lính về quê, bởi vua Gia Long có hứa ngày nào thân phục cơ đồ thì lính Nam kỳ được hồi hương lập tức. Song vua Gia Long tái tạm khuyến dụ, chứ chưa chịu giải quân làm cho chinh phụ ôm mối hận tình :

*Ra đi em một ngó chừng*

*Ngó sông, sông rộng, ngó rừng, rừng cao.*

Lúc ấy chinh phu không khỏi xót xa gan bào ruột thắt, muốn nói mà nói không ra lời :

*Lên xe túc một tiếng còi,*

*Thương con nhớ vợ, lệnh đòi phải đi.*

**Đoàn kết :** Một quốc gia hùng mạnh, dân tộc có nhiều chí khí, khó mà thành công, nếu không biết đoàn kết, nghi kỵ chia rẽ, vì đoàn kết thì sống mà chia rẽ thì chết :

*Non cao ai đắp mà cao  
Sông sâu ai bới ai đào mà sâu*

Đó là một công trình của một thế hệ. Mọi người trong xứ đối xử với nhau đều có quan hệ mật thiết :

*Sấm bên Đông động bên Tây  
Tuy rằng nói đó nhưng đây động lòng  
Nhiều điều phủ lấy giá gương  
Người trong một nước phải thương nhau cùng  
Ở cho phải nghĩa phải nhân  
Cây đa cây Thần, Thần cây cây đa.*

Trong chương phong tục này, chúng tôi xin thêm vài câu nhận xét về tình tường mà người ta thường nói, thành ra những câu ấy đã in vào trí nhớ của giới bình dân được truyền tụng đến ngày nay :

*- Mười ba trăng lặn gà kêu  
Mười bốn trăng lặn gà đều gáy tan  
- Đêm khuya thức dậy xem trời  
Thấy sao bên Bắc đối đời qua Nam  
- Sao hôm chờ đợi sao mai  
Trách làng sao vượt thương ai bằng chùng.*

**Và thời tiết :**

*- Chuồn chuồn bay thấp trời mưa  
Bay cao trời nắng đập dừ em ăn.*

Đất nào cũng có thổ sản này, cho nên có câu :

*- Gió đưa gió đẩy về rẫy ăn còng  
Về sông ăn cá, về đồng ăn cua*

Đồng bào Việt Nam ta lúc nào cũng vui sống, quanh năm làm lụng vất vả, để mong đến Tết được thỏa thích ăn chơi :

*- Cu kêu ba tiếng cu kêu*

*Cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè.*

Mặc dầu ca dao ở miền Nam chuyên tả tình cảm, song ca dao còn là tiếng nói của các bạn bình dân, nó là sản phẩm của đồng ruộng, của làng mạc sau lũy tre xanh, nên nó phản ánh cả phong tục của dân quê ta vậy.

Chúng tôi sưu tầm qua một ít ca dao trong quyển « Phong tục miền Nam qua mấy vần ca dao » của cụ Đào Văn Hội, hầu cống hiến bạn đọc tìm hiểu thâm ý của người xưa đối với người nay rất xa biệt.

**Đây là ít vần thơ của một tu sĩ cảm tác khi trở lại Tịnh xá Ngọc Minh, sau một thời gian xa cách**

### **TÁI NGỘ CẦN THƠ**

*Chiều mười chín, một chiều trời oi ả  
Trên từng không tung cánh một đàn chim  
Gió rì rào... sóng mạ lượn êm êm  
Tôi dừng bước đây Ngọc Minh Tịnh xá  
Ôi ! Cảnh vật, sao tiêu điều hoang dã ?  
Xưa : Bồ đề xanh ngắt lá xum xuê...  
Đàn chim ca ríu rít rộn bay về  
Cây phượng vĩ khoe tàng xanh che mát.  
Hồ trong vắt, sen hồng hương ngan ngát  
Ánh đèn màu : chớp, nhoáng, rạng hào quang  
Nhưng than ôi ! Bao cảnh đẹp huy hoàng  
Theo ngày, tháng, đã lui về dĩ vãng !  
Đây, Tịnh xá ôi ! nằm trong hoang vắng !  
Đây, tàng dừa, ôi ! căn cỗi xác xơ !  
Đây, bồ đề tróc gốc, hết nên thơ !*

Chỉ còn lại vài hàng cây « sấu đũa »  
Thoáng mắt đưa : gió vàng lay ngọn lúa  
Chạnh nhớ câu : « Sắc Sắc tức Không Không »  
Sao thế nhân mê mãi chốn bụi hồng ?  
Rồi kết cuộc : « Vạn ban đô thị giả ! »  
Tuy chẳng phải : « Nương dâu thành biển cả »  
Song cũng là : « Tịnh xá hóa đường đi ! »  
Cảnh đã thay, đã đổi, đã biến đi !  
Còn tâm đạo, đạo tâm ra sao nhỉ ?  
Nhân, đừng gót muôn phương, nơi tình lý  
Dệt vần thơ, kỷ niệm đến Cần Thơ  
Vì kiếp tằm đến thác vẫn vương tơ  
Để đền trả nợ dâu cho nhân thế  
(Pháp sư Giác Huệ)



**PHẦN THỨ SÁU : CẦN THƠ XƯA, PHONG  
DINH NAY**

# TRÊN ĐƯỜNG PHỤC HƯNG KIẾN THIẾT

## BẾN LÊ LỢI NGÀY XƯA

Một nhà văn đã viết : « Bạn có về Cần Thơ nhớ ghé thăm cảnh đẹp Tây Đô, một thành phố giàu sang xinh đẹp, nằm cạnh dòng sông Hậu dịu hiền... » Tây Đô đẹp. Những nét đẹp muôn đời phát huy trình độ dân tộc nơi đây càng ngày càng vượt tiến. Mỗi lần đặt chân qua đây là du khách không bỏ lỡ cơ hội dạo bến Ninh Kiều. Không một du khách nào là chẳng nghe nói đến bến Ninh Kiều của Cần Thơ.

Bờ sông Cần Thơ khi xưa vẫn thường dập dìu khách lãng du. Những đêm trăng, trên sông vang ngân tiếng hò đối đáp của khách thương hồ, tiếng đàn hát của khách cầm ca. Do đó, tương truyền khi chúa Nguyễn Ánh náu mình ở Cần Thơ, đặt tên cho con sông là « Cầm Thi Giang » nghĩa là con sông của thi ca đàn hát. Lâu ngày gọi trại đi, hai chữ « Cầm Thi » biến thành « Cần Thơ ».

Lúc bấy giờ bến sông Cần Thơ vẫn chưa được tay người tô điểm. Những hàng cây dương, cây sao đua nhau soi bóng dưới lòng sông gợi cảnh hữu tình đầy thơ mộng.

Mỗi buổi chiều về, các cụ bô lão đầu chít khăn điều, tay chống gậy ung dung chậm rãi nhẹ bước tiến theo bờ sông ngắm cảnh. Các cô thôn nữ ngây thơ duyên dáng, mặc áo trắng quần lãnh đen, bới tóc thả vòng bánh lái cũng góp mặt nơi đây. Cảnh trí hữu tình quyến rũ biết bao thi nhân mặc khách nói lên của thuở thanh bình.

Chiều lộng gió, từng đàn cò trắng chiu chít kêu vang tụ họp chập chờn đáp xuống trên những ngọn cây ngập trắng.

Vầng dương vừa khuất bóng. Cảnh hoàng hôn buông xuống khắp cả núi sông, gợi bao tâm tình kỷ niệm, hồi tưởng qua những mẩu chuyện xa

xưa mà nhớ đến tiền nhân đã dày công gian khổ xây đắp bến Cần Thơ, trồng từng gốc cây, lấp những hầm hố sinh lầy, tuy không mỹ quan nhưng đó là hình ảnh lưu dấu muôn đời gắn vào lòng dân đất Trấn Giang cần nhớ đến...

Sau thời quân Pháp đến chiếm Trấn Giang của Nam triều, lập Tòa Bồi tại Cần Thơ do Đại úy Nicolai làm Chánh tham biện từ 1876 liên tục các trào tham biện khác Villard, kế Nicolai trở lại lần thứ hai, Lebrun Boquillon nối tiếp v.v... Từ đây châu thành được mở rộng, các công sở dinh thự dựng lên, bến Cần Thơ được chỉnh trang cẩn đá xây gạch theo chỗ cũ để ngăn sóng thủy triều dọc theo bờ sông, để làm thành cái bến. Thông thường chỉ là bến ghe, bến tàu lục tỉnh, vì các tàu bè chạy khắp miền Hậu Giang đều ghé bến ở đây mà chuyển vận hàng hóa, đưa rước hành khách.

Đồng bào địa phương thường nhóm họp mua bán theo bờ sông rất phần thanh kê là bến Hàng Dương.

Do đó bến này được mang tên là Quai de Commerce.

Với hình ảnh bến Cần Thơ khi xưa chúng tôi sưu tầm được, đem ra đối chiếu với cảnh ngày nay, tuy có vẻ mỹ quan lộng lẫy, nhưng sánh ra đâu bằng cảnh trầm lặng với bộ mặt khiêm tốn của thời xa xưa.

Mặc dầu cảnh cũ đã lui về với quá khứ, nhưng hình ảnh ấy đã gợi cho những ai có tinh thần tồn cổ, hoài bão quê hương mến yêu non nước, hình bóng không khỏi ngậm ngùi luyến tiếc, muốn tìm lại bến Cần Thơ khi xưa đâu còn nữa ?

## BẾN LÊ LỢI NGÀY XƯA



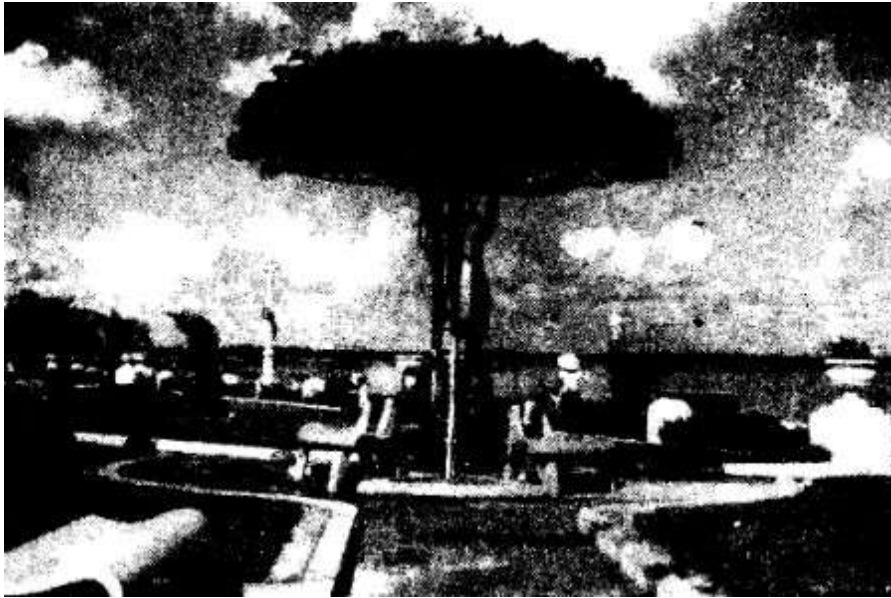
*Bến này, xưa là nơi tập trung các ghe thương hồ mua bán. Đồng bào địa phương thường gọi là bến Hàng Dương*

## ĐƯỜNG LÊ LỢI NGÀY XƯA



*Đường Lê Lợi ngày xưa, hai bên có những cây cổ thụ giao đầu, phủ lá, tuy không được quang đãng, nhưng rất trầm lặng.*

## BẾN NINH KIỀU NGÀY NAY



*Trên đà chính trang kiến thiết đô thị, bến Lê Lợi đã được nới rộng. Những cây hai bên vệ đường đều triệt hạ, dựa bờ sông cần đá. Trên làm công viên, để băng cho du khách nghỉ chân hóng mát. Quang cảnh xưa và nay khác nhau xa biệt.*

## BẾN NINH KIỀU NGÀY NAY



*Những cảnh cũ đã lui về trong quá khứ, Tây Đô ngày nay hiện lên với bộ mặt mới mẻ, đường sá nơi rộng, cảnh trí hai bên bờ sông Cần Thơ được sửa đổi, mang tên là bến Ninh Kiều.*

## **BẾN NINH KIỀU NGÀY NAY**

Khoảng năm 1954, xóa bỏ hết tàn tích thực dân, triệt hạ những cây sao bóng mát, tấm bảng mang tên Quai de Commerce đổi lại là bến Lê Lợi. Rồi dần dần chỉnh trang thành phố, sửa đổi bộ mặt bến sông.

Trước kia, xuồng ghe thương hồ đậu tấp nập dài suốt bến, tạo thành bến chợ hơn là bến dạo mát. Chính quyền bèn dành riêng một khoảng bến, sắp đặt phong quang mỹ thuật, làm nơi du khách thỏa tình hứng gió, ngắm cảnh. Bến rộng 14 thước, dài 440 thước, một đầu là căn cứ Hải quân, một đầu là chợ Cần Thơ. Một vườn chơi trẻ em xinh xắn nằm gần căn cứ Hải quân.

Ngày 4 tháng 8 năm 1958, ông Bộ trưởng Nội vụ là Lâm Lễ Trinh từ thủ đô xuống chủ tọa cuộc lễ khánh thành, đặt tên là bến Ninh Kiều.

Vì con đường nằm dọc theo bến mang tên là Lê Lợi, nên đặt tên bến là « Ninh Kiều » để kỷ niệm công một chiến tích oai hùng của Bình Định Vương Lê Lợi tại bến Ninh Kiều, ở đất Bắc thuở xưa. Trận đánh ở bến Ninh Kiều, Tụy Động, Lê Lợi đã khiến quân Minh kinh hoàng khiếp phục :

*« Tụy-Động thân phơi đầy đất  
Ninh Kiều máu chảy thành sông »*

Mang tên kỷ niệm một chiến tích oai hùng cũng như những tên bến Bạch Đằng, Chương Dương, Hàm Tử, nhưng bến Ninh Kiều có sắc thái riêng, vẻ đẹp riêng. Những tảng đá xanh cấu kết tạo thành bờ sông kiên cố. Những cây chà là với các tàu lá nhô ra như ngọn mây cây dừa kiếng. Lá cây màu vàng, sắc vàng quý phái, trang điểm cho nét đẹp về chiều. Dọc bến có chừa một lối đường cho du khách thả rong theo bờ sông nhìn nước Hậu Giang in bóng trắng rằm trong mát. Một hàng băng đá để du khách nghỉ chân, mắt hướng về phía bên kia sông : Xóm Chài le lói ánh đèn dầu, yên tĩnh và bình thản, xa hơn, cù lao Bần lờ mờ trong màn đêm.



Còn có những con đò đưa rước khách qua sông hoặc chiều lòng khách thả trôi thuyền trên dòng nước để nhìn lên thành phố rực ánh đèn. Ngồi nơi băng đá, những ánh đèn tròn gắn trên đầu trụ đứng, tỏa ánh sáng mờ lung.

Công viên xanh rì thảm cỏ. Những lối đi tráng nhựa, với lẽ xi măng len lỏi vào sân cỏ trông đẹp mắt. Mỗi một cây kiểng có tầng « kỹ thuật » (cắt, uốn cẩn thận) vòng tròn thật lớn, cao và rợp bóng mát ; xung quanh có con đường tròn với ba lối đi vào để tìm bốn chiếc băng đặt đầu lưng nhau. Vào những buổi chiều, du khách tha hồ vào đây nghỉ ngơi. Thêm một hàng cây dương giống loại cây tùng, thẳng đứng, xếp thành đường thẳng dọc theo lề đường bến Ninh Kiều như trơ gan cùng mưa nắng.

Ban ngày, bến Ninh Kiều còn là nơi hành nghề của những nhà nhiếp ảnh. Du khách sẽ bắt gặp biết bao nhiêu kiểu ảnh mới xinh đẹp của bến Ninh Kiều với hình dáng của du khách, trên bảng treo quảng cáo của các nhiếp ảnh viên : Văn Mười, Văn Kinh, Hoàng Xuân Sít v.v...

Về đêm, từng đàn em bé gái, bé trai đội từng xè mía, rổ đậu mời mọc du khách. Ở đây du khách sẽ nếm được chất ngọt ngào của mía Cần Thơ, mùi thơm của đậu phộng rang nóng bỏng. Phía đầu chợ, còn có những quán nước, xe trái cây, quầy chè, gánh hột vịt lộn, xe mì, cháo, hàng đồ nhậu mọc lên như nấm. Bãi đất trống bên bờ sông bấy giờ biến thành một khu chợ lộ thiên, chói chang bóng đèn ngũ sắc như sao sa. Người mua kẻ bán ồn ào.

Những đêm thứ bảy, chúa nhật hoặc những ngày lễ, bến Ninh Kiều có trình diễn văn nghệ, nơi sân khấu thiết lập trên cây cầu bắc nhô ra sông. Những màn phô diễn tân cổ nhạc với giọng hát địa phương vang lên lời ca dân tộc.

Trai thanh gái lịch dập dìu. Nếu ở Thủ Đô du khách rất ít khi thấy những tà áo bà ba, áo dài tha thướt, thì ở đây còn có những vẻ đẹp ở đó, gợi lên hình ảnh thân yêu tự muôn đời.

Cái đẹp của bến Ninh Kiều là dáng đẹp thùy mị, đáng yêu. Càng ngắm cảnh Ninh Kiều, người ta càng thấy tấm tắc khen thầm sáng kiến của ông cựu Tỉnh trưởng Đỗ Văn Chúc – người đã tạo cho Cần Thơ một bến xinh tươi thơ mộng.

Du khách mỗi lần qua đây đều phải ngậm ngùi khi : Từ biệt Ninh Kiều :

*Tôi đến đây năm hôm rồi em,  
Lang thang qua phố mưa buồn đêm.  
Ninh Kiều bến đợi ai xa lạ,  
Tôi chỉ mình tôi ngắm bóng mình.  
Thuốc đóm lờ như đèn trên sông.  
Thuyền ai về đó có xuôi dòng !  
Tôi người xa xứ đi phương lạ,  
Đến chẳng ai mừng – đi cũng không.  
Làm khách năm hôm làm khách trọ,  
Gió mang ý lạc nhớ cô phòng.  
Ở đây son phấn lên từng đợt,  
Đã bán bao nhiêu đời trắng trong ?  
Mai này giã từ Tây Đô ơi !  
Duyên em còn ửng nét môi cười.  
Hãy quên tóc rối người lang bạt,  
Đừng nhắc chung tình, hẹn lứa đôi.  
Cho nước Tiền Giang êm thấm chảy,  
Hậu Giang cũng ngọt chuyển đò xuôi.  
Nửa đêm quán trọ ngủi tâm sự,  
Mai lại làm thân én cuối trời.  
(Thơ Phan Yến Linh)*

Cố Trung tá Lê Hằng Minh khi « Về Phong Dinh », đặt bước nơi bến Ninh Kiều vẫn nghe dạt dào sóng cảm, man mác hồn thơ khi ngắm cảnh

nhớ người xa vắng :

*Phong Dinh có bến Ninh Kiều,  
Có dòng sông đẹp với nhiều giai nhân.  
Cuộc đời luống những phù vân,  
Trở về bến cũ cố nhân xa vời !  
Thân em như cánh « hoa rơi... »  
Thân em như cánh chim trời bơ vơ !  
Yêu em lỡ cả cuộc đời,  
Nhớ thương chỉ gửi mây trời từ đây*

Về Phong Dinh ngắm lại bến Ninh Kiều, băng khuâng chạnh nhớ bóng dáng người yêu từng sánh đôi nhau trên bến đẹp, luồng cảm xúc niềm đau « Dang dở ». Hăng Minh lại vang ngân tơ lòng tha thiết :

*Anh về mong dệt đường tơ  
Cùng người em gái bên bờ Phong Dinh.  
Thương thay cái kiếp duyên tình,  
Tình không trọn vẹn duyên mình dở dang !  
Bao ngày cách trở quan san,  
Trở về bến cũ em vừa sang ngang !  
Từ đây chia cách đôi đàng,  
Kiếp này không hợp thôi bàn kiếp sau.  
(thơ Hăng Minh)*

Từ khi còn là bờ sông Cần Thơ đến khi mang tên bến Ninh Kiều, bến Ninh Kiều đã trở thành một địa danh lừng lẫy :

*Cần Thơ có bến Ninh Kiều,  
Mỗi chiều thứ bảy người nhiều như nêm.  
Đẹp xinh cảnh sắc về đêm  
Nhìn sông thấy nước nhớ thêm tình người  
(thơ V.Th.)*

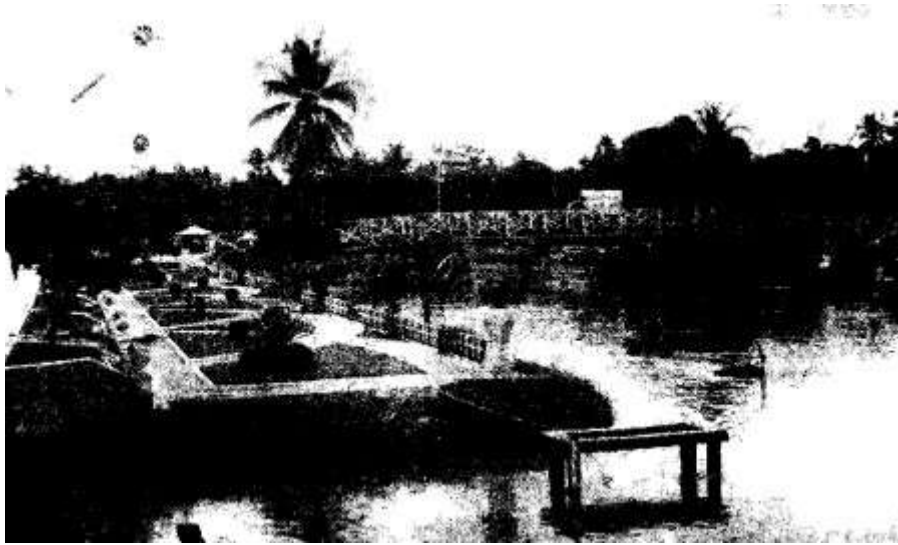
Và thẳng cánh Ninh Kiều sẽ còn hứa hẹn duyên dáng hơn lên trong dịp  
trùng tu gần đây.

## CHINH PHỤ NINH KIỀU



*Chờ anh chở khảm thuyền hy vọng  
Về bến vinh quang dệt mộng lành  
Cảnh cũ nước trăng xinh đẹp quá  
Thuyền xưa chớ để nước chia dòng.  
Ảnh Văn Mười (Phongdinh)*

## CẦU ĐÔI RẠCH CÁI KHẾ



*Một quang cảnh nên thơ đầy quyến rũ, nơi rạch Cái Khế có bắc hai cây cầu đôi chạy hai chiều, tiện cho sự giao thông trong thành phố, xe cộ khỏi bị ứ đọng. Dưới dốc cầu, dựa bờ rạch có một huê viên tân tạo. Đêm về, đồng bào quanh vùng thường thả bộ ra bến Nhị Kiều dạo mát. Ảnh Trần Văn Bé (Phongdinh)*

## **BỜ RẠCH CÁI KHẾ NGÀY XƯA VÀ BẾN NHỊ KIỀU NGÀY NAY**

Gần xa mẩn cảnh Tây Đô qua bến Ninh Kiều, thiết tưởng không thể không thường lăm đến bến... Nhị Kiều

Bến Nhị Kiều nằm dọc theo rạch Cái Khế, từ đầu đường Cống Quỳnh đến gần vườn Đàn Tiên. Nhưng đáng kể nhất là khoảng từ cầu Xán Thối qua khỏi cầu Đôi Mới.

Gọi là bến Nhị Kiều, vì trên khoảng đường dài theo con rạch Cái Khế này, từ đường Duy Tân qua Cống Quỳnh, có hai cây cầu đáng kể : Một cây cầu đúc mới, rộng rãi xinh đẹp, thay cho cây cầu đôi cũ ; một cầu đôi mới dựng nên khi dẹp cầu đôi cũ, nay nghiêng nhiên để y như thế, tô đậm thêm duyên dáng yêu kiều của vùng Cái Khế đang chuyển mình vươn lên, phô màu khoe sắc. Hai cây cầu còn ở hai đầu đường Duy Tân và Cống Quỳnh, vừa tiện lợi cho sự giao thông, xe cộ khỏi bị kẹt, vừa làm tăng thêm cảnh trí sắc sảo đẹp mắt.

Con rạch Cái Khế bao vòng cồn Cái Khế, một nhánh nhỏ của Hậu Giang, xưa mang tên là Liêm Hà. Dưới mắt cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, Cái Khế khi xưa cảnh vật êm đềm, không khí trong lành, dân tình mộc mạc :

*Sông Liêm thu tiết muện rau đay  
Ong óng hơi ca rộn xóm chài  
Rẽ nước om sòm con sóng vỗ,  
Ven trời thơi thới nhận hàng bay  
Cây cao gió thúc nhành hoa khuất  
Hoa rụng dòng xuôi nước chảy đi  
Thuyền nhỏ một chèo chưa định chỗ,  
Đêm tàn trên tháp, rượu ve đây.*

Ngâm ngợi bài thơ của cụ Thủ khoa để miên man hồi tưởng cảnh Cái Khế xưa, rồi sức nhìn lại Cái Khế ngày nay đang trên đà kiến thiết, tân tạo

mỹ quan, lại thêm một bến Nhị Kiều điểm xuyên cảnh trí, hẳn du khách sẽ cảm thấy khó quên Cái Khế.

Một khoảng đất rộng dành làm bến, có trồng các loại cỏ tựa bến Ninh Kiều như trái thảm xanh, trông dịu mắt. Lối đi nhỏ len vào sân cỏ mà từ trên đường nhìn xuống người ta có cảm giác như từ trên một ngọn đồi nhìn xuống đồng ruộng xanh màu mạ. Những chiếc băng đá xếp vòng theo bốn cột trụ sắt, trên có mái che mát, thích hợp cho du khách từ những miền xa xôi về đây ngắm cảnh. Đẹp hơn nữa, mấy cây điệp trở bông đỏ ối, đó là những nét đặc biệt mà bến Nhị Kiều đã thu hút khách qua đây.

Ban ngày, bến Nhị Kiều nghiêm trang nằm phơi dưới ánh nắng oi nồng của mùa hè, dưới cơn mưa tầm tã của mùa mưa tháng sáu, nhưng qua cơn nắng đốt mưa chan, cảnh trí xinh lịch vẫn là xinh lịch đầy quyến rũ.

Thật ra bến Nhị Kiều đâu sánh nổi bến Ninh Kiều. Tuy nhiên, với vẻ khiêm nhường sự quyến rũ cho bến Ninh Kiều, dáng e lệ khiêm nhường của Nhị Kiều càng tăng sắc thái đáng yêu. Du khách không thể vô tình với phong cảnh quyến rũ êm đềm nơi đây. Dù không từng bùng lộng lẫy, nhưng nét diễm lệ thanh tân mới là dễ khiến lòng người đắm đuối, say mê nồng đượm mặn mà.

Đêm đêm, bến Nhị Kiều đón nhận bước chân nhàn hạ của khách hóng mát sau một ngày làm lụng mệt nhọc, hoặc những đôi tình nhân tạm dừng chân cùng nhau tâm sự. Họ âu yếm sát vai nhau ngồi nhìn dòng sông Cái Khế, hay đôi mắt lên cầu trông các chuyến xe thay nhau qua lại. Sông Cái Khế dù nhỏ nhưng nước sông luôn luôn tràn đầy như lòng du khách chứa chan bao mối tình.

Sanh sau đẻ muộn hơn Ninh Kiều, bến Nhị Kiều được mang tên vào năm 1964 khi cầu đôi Cái Khế làm xong và đặc biệt được chú ý ngay. Vì từ xa xưa đến bây giờ, Cái Khế mới được tung tiu, tô điểm cho như thế.



Bến Nhị Kiều ra đời đã chiếm mất một số du khách của bến Ninh Kiều. Trong đêm trăng, sóng nước Cái Khế gợn lăn tăn, nhuộm một màu vàng ẻo là tình tứ, du khách ngời tâm sự với người yêu, khác nào Lưu Nguyễn nhập thiên thai thanh thoát.

Cơn gió đùa mơn man trêu ghẹo. Nàng nép mình vào chàng như tìm sự che chở :

*Sóng nước Nhị Kiều xinh đẹp quá,  
Tình em trao gửi đẹp chẳng anh ?*

Như say sưa với sóng nước, sóng tình, chàng cầm lấy tay nàng, mắt nhìn sâu-đáy nước :

*Bao giờ Cái Khế không còn nước,  
Mình mới không nên nghĩa vợ chồng.*

Ân tình đẹp, khung cảnh đẹp, bến Nhị Kiều duyên dáng chẳng tàn phai. Cảnh vắng đêm thanh, trăng khuya rạng bóng, du khách càng dễ đắm say lòng ngắm cảnh, gợi nhớ đâu đâu.

Nếu du khách về viếng Tây Đô, thường lăm bến Ninh Kiều mà không kịp đặt bước đến Nhị Kiều là một điều thiếu sót lắm :

*Anh về đường ấy xa xa  
Có thương em nhớ đi qua Nhị Kiều  
Trên trời điệp nở, ve kêu  
Dưới sông sóng nước mỹ miều đó anh...  
Em thường mong đợi tin lành  
Về đây anh nhớ cau xanh, trầu vàng...  
...Anh về thưa chuyện của nàng  
Để mai cầu lễ đá vàng trăm năm.*

(Thơ V. Th.)

## VƯỜN THẦY CẦU NGÀY XƯA



*Đây là ông Đoàn Hữu Cầu, một nhân vật có tiếng tăm ở Cần Thơ. Lúc sanh tiền, có tạo ra một cảnh huê viên rất xinh đẹp, trồng nhiều hoa thơm cỏ lạ, cảnh trí lộng lẫy, tiếng đồn khắp nơi, du khách thường đến viếng chơi tấp nập. Ảnh chụp trong lúc ông ngồi câu cá dưới ao trước biệt thự của ông. (Ảnh sưu tầm).*

## VƯỜN THẦY CẦU NGÀY XƯA

Một nơi từng nổi tiếng thẳng cảnh quyến rũ tao nhân mặc khách.

Mấy mươi năm trước, du khách viếng Cần Thơ vẫn thường nghe nói đến vườn Thầy Cầu, vì là nơi phong quang, cảnh trí khá xinh tươi, do chủ nhân là một bậc thượng lưu trong xã hội từng có du học tại Pháp, khéo tạo nơi thưởng lãm thanh nhã.

Thầy Cầu tên thật là Đoàn Hữu Cầu, xuất thân làm luật sư ở Tòa án Cần Thơ. Ngôi vườn và tư thất của Thầy Cầu nằm gần cuối đường Cống Quỳnh và đối diện với rạch Cái Khế, cách tỉnh lỵ Cần Thơ chừng 3 cây số. Vườn bắt đầu được sửa sang khoảng năm 1930-31, trang trí lộng lẫy như công viên, có phần hơn là khác. Ngoài việc trồng đủ các loại cây, các loại kiểng đẹp, còn có ao trồng sen, ao nuôi cá. Rải rác trong vườn, dưới những tàng cây xanh um có băng đá, băng cây để du khách tha hồ nghỉ chân, ngắm cảnh, hay cùng nhau tâm sự nơi u nhàn thanh tịnh, cảnh gợi tình, tình gợi cảm, triền miên hào hứng say lòng.

Tư thất của Thầy Cầu nằm trong khu vườn, xây cất nền đúc, theo lối nhà sàn, nhiều bậc thềm dẫn lối lên trên ngôi nhà tròn để nghỉ chân rồi mới vào bên trong.

Một chiếc cầu đúc nhỏ bắc ngang hồ thả cá là địa điểm vô cùng mát mẻ, du khách có thể đứng trên cầu nhìn cá lội tung tăng hoặc ngắm những đóa sen nơi hồ gần đấy đang khoe màu sắc sỡ. Một giàn nhà mát thả dây leo quanh năm nở hoa rực rỡ, càng gây thêm cảnh êm đềm thú vị.

Những ngày lễ hay thứ bảy, chủ nhật, dập dìu nam thanh nữ tú đến thưởng lãm, phong quang càng thêm khởi sắc, gieo vào lòng du khách cảm tưởng như đang đi dạo nơi công viên Tao Đàn ở Thủ đô. Cho đến gần đây, Thầy Cầu đã mất trong tuần 73 tuổi (27 Février 1960), mặc dầu ngôi vườn đã kém về mỹ quan hơn trước nhiều, thiếu người săn sóc, lắm lúc khách

thừa lương hứng cảnh vẫn còn lui tới khá đông. Những người bán thức giải khát cũng vẫn thu được số lợi khá.

Dù cảnh vườn đã thiếu nhiều hương sắc, nhưng dịp Tết hoa mai phô thắm, san sát theo các lối đi, trông như một rừng mai vàng ngoạn mục. Nhất là điểm thêm bóng dáng các thiếu nữ du xuân đi trong lối rừng mai ấy, kể cũng là bức tranh đẹp mắt.

Gần đây, một ngôi chùa được dựng lên trong khu vườn, mang tên « Giác Linh Tự », do thân nhân Thầy Cầu cất để tu niệm. Rồi dần dần lối vào vườn Thầy Cầu giảm mất đi nét đẹp thuở nào, vì những ngôi nhà san sát mọc. Duy cột đa già cao lớn, cành lá xum xuê, vẫn hiên ngang đứng đấy, như một chứng nhân đã từng trải bao thời gian diễn biến, lạnh lùng trước cảnh xôn xao thế sự chòm mây.

Tuy nhiên, cuộc đời dâu vật đổi sao dời, bao giờ người ta còn kể lại cho nhau nghe những chuyện xa xưa của Cần Thơ, hẳn không ai quên vườn Thầy Cầu đã một thời danh tiếng đồn vang. Vì nghĩ như thế, để không thiếu sót những điều ghi nhận, một chiều đi thu thập tài liệu chúng tôi đã ghé viếng chốn này, hai người con của Thầy Cầu là cậu Đoàn Hữu Phò và cô Đoàn Tuyết Trinh đã chẳng khỏi bâng khuâng ngùi cảm. Cô Đoàn Tuyết Trinh (ái nữ thứ 5 của Thầy Cầu) trao tặng bức ảnh của thân sinh cô ngồi câu cá bên hồ trong khu vườn, trông đáng mến. Chúng tôi nhắc lại đây với niềm luyến tiếc, một ngôi vườn lúc còn hưng thịnh, nổi tiếng gần như một địa danh, một thắng cảnh mà ai ai cũng nghe biết đến.

## TÒA BỐ CẦN THƠ NGÀY XƯA



*Đây là Tòa Bố cũ của tỉnh Cần Thơ ngày xưa, xây cất từ thời Pháp thuộc, tuy không mỹ quan, nhưng có vẻ chắc chắn và rộng.*

## TÒA HÀNH CHÁNH PHONG DINH NGÀY NAY



*Tòa BỐ vẫn ở vị trí cũ, đổi lại làm Tòa Hành chính tỉnh Phong Dinh, được sửa đổi và kiến thiết từ trong ra ngoài, với mới mẻ, khang trang.*

## VÀI NÉT VỀ CẦN THƠ XƯA, CHÂU THÀNH PHONG DINH NAY

Từ khi thành lập tỉnh Cần Thơ, tên tỉnh và tên tỉnh lỵ đều mang tên chung là Cần Thơ. Đến trào Ngô Đình Diệm, tên tỉnh đổi lại là Phong Dinh, nhưng tên tỉnh lỵ vẫn là Cần Thơ như đã gọi quen ngót một trăm năm nay (1868-1966). Lại theo giới bình dân, quen gọi thuận miệng xuôi tai về 21 tỉnh miền Nam thuở xưa : Gia, Châu, Hà, Vĩnh v.v...<sup>27</sup>, thì Cần Thơ đứng vào thứ 19, nên người ta cũng gọi Cần Thơ là tỉnh số 19, đứng trước 2 tỉnh áp chót miền Hậu Giang là Bạc Liêu và Cà Mau.

Theo đường bộ, từ Thủ đô Sài Gòn xuống tỉnh lỵ Cần Thơ đường dài 170 cây số ngàn. Ấy là vì có lăm khúc quanh. Nếu kéo đường thẳng, chỉ độ 152 cây số ngàn mà thôi. Nhưng phải qua hai bến đò : Mỹ Thuận và Hậu Giang (hay Cần Thơ)

Đến bến đò Hậu Giang, phía bên này sông hãy còn thuộc ranh tỉnh Vĩnh Long (trước kia vẫn thuộc về tỉnh Cần Thơ), phía bên kia sông là ranh tỉnh Cần Thơ. Đứng trông khoảng sông rộng mênh mông, nước màu nâu đục chứa đầy phù sa và chảy khá mạnh, bạn ắt sẽ chẳng khỏi lâng lâng cảm nghĩ miền Hậu Giang phì nhiêu, hùng vĩ đến thế nào ?

Xuống phà qua sông, sang đến bến bên kia bờ, bạn đặt chân lên đất Cần Thơ rồi vậy. Ngay từ lúc còn ở phía bên Vĩnh Long, hẳn quý bạn đã phóng tầm mắt nhìn sang, trông thấy những dãy nhà san sát, nhất là cột vô tuyến cao vút. Giờ đây qua phía Cần Thơ, bạn đã mau chân lên trước, trong lúc chờ xe đò lên theo, mời bạn hãy quan sát cảnh trí nơi bến đò tân tạo. Vàng, bến đò cũ nay đã bỏ rồi, chiếc cầu cũng là mới bắc, những chiếc phà kia cũng là phà mới, vững vàng hơn, rộng rãi hơn mấy chiếc cũ nhiều.

Con đường từ bến đò máy chạy về bến xe, nay đã bồi đắp rộng gấp ba khi xưa. Bao nhiêu mái nhà ngói, lá cũ đều đã triệt bỏ, thay vào những tòa nhà kiến trúc tân kỳ, xinh tươi lộng lẫy.

Xe lên rồi kia, bạn lại lên xe để về bến xe, khoảng đường còn không đầy ba trăm thước nữa đâu. Khi xe chạy ngang khu chợ mới, nơi bến đò ở về phía tay trái, xin quý bạn lưu ý một điều : khoảng lộ bằng rộng rãi ngày nay đây, trước kia có một cây cầu sắt mà người ta quen gọi là cầu Sáu Thanh. Cây cầu đã không còn nữa, cũng như tên tuổi Sáu Thanh đã chìm trong quên lãng của thời gian.

Lắp bỏ cây cầu đi, thật là vô cùng tiện lợi. Chớ còn ngày trước, cầu đã hẹp lại yếu, phải có người túc trực để xoay trở tấm bảng trắng, đỏ, để báo hiệu cho xe cộ qua cầu cần phải dè dặt trong sự lưu thông một chiều. Giờ đây tha hồ xe chạy cả hai ba chiều trên khoảng lộ rộng thênh thang.

Qua khỏi chỗ có cây cầu Sáu Thanh cũ mà nay đã lắp bằng ấy, xe chạy tới ngã ba (đúng ra thì nay là ngã tư vì phóng thêm một con lộ thẳng ; hồi trước thì tục gọi ngã ba cây xăng), bạn trông thấy ngay công trường Tự Do, phía trái là đại lộ Hai Bà Trưng, phía mặt là đường liên tỉnh số 27 đi Long Xuyên.

Xe ngừng tại bến. Bạn sẽ chẳng khỏi ngạc nhiên tán thưởng. Đây cũng là một khu tân tạo. Công viên rộng rãi. Bến xe dài 250 thước, rộng 60 thước là nơi tập trung các loại xe chở hành khách đi Bạc Liêu, Sóc Trăng, Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc v.v... Ấy là công trình của vị Tỉnh trưởng Đỗ Văn Chúc đã điều động các ty sở liên hệ, đôn đốc hoàn thành và nay các vị Tỉnh trưởng nối tiếp tô điểm càng thêm mỹ quan.

Mấy mươi năm trước, bến xe đò đặt ở đại lộ Saintenoy (nay là Ngô Quyền) sau dời xuống đường Paul Bert (nay là Nguyễn An Ninh) chỗ hàng bã đậu, chật hẹp sinh lây, vô cùng bất tiện. Có đâu được như ngày nay. Cứ xem hiện giờ bến xe ở Thủ đô Sài Gòn cũng chưa có được một khoảng trống riêng biệt như Phong Dinh, càng đáng khen ngợi nhà chức trách Tây Thành đã khéo tổ chức biết bao.



Đã thế, những căn phố lâu khang trang nằm dọc theo đại lộ sau bến xe, dùng làm khách sạn, tiệm ăn, nhà thuốc tây, bán hàng tập hoá v.v... Cảnh trí lộng lẫy từng bừng như lúc nào cũng hân hoan chào đón du khách từ bốn phương đổ về đây.

Nếu bạn là người quê ở Cần Thơ, xa vắng xứ sở lâu năm mới trở về, lòng bạn ắt bàng hoàng trước cảnh vật đổi thay tân tạo. Hoặc nếu bạn là khách phương xa dừng chân tạm hay là du khách đi đó đi đây cho biết, bạn không thể quên được Cần Thơ qua những công trình đang kiến thiết và sẽ phát triển thêm trong tương lai gần đây.

Để tiện cho quý bạn theo dõi từng bước tiến triển của Cần Thơ, đây lược đồ Cần Thơ vươn mình vượt tiến từng đợt trong quá khứ, hiện tại và tương lai đầy hứa hẹn, rạng rỡ xứng danh là một đô thị lớn so với các tỉnh miền Tây. Lăn lược chúng ta xem qua những công tác đã thực hiện và sẽ phát triển ở từng ngành.

## CON RẠCH THỜI XƯA NĂM 1966 LÀ ĐƯỜNG NGUYỄN AN NINH



*Quý bạn nhìn ảnh trên đây, sẽ ngạc nhiên thấy một con rạch từ chợ Cần Thơ, ăn thông vô thành phố ngày xưa, hai bên bờ rạch cây cối phủ che, ghe thuyền ra vô tấp nập. Con rạch này đã lấp từ lâu, năm 1966 là chỗ con đường Nguyễn An Ninh. (Ảnh sưu tầm)*

## **DẠO XEM TỈNH LÝ PHONG DINH QUA SỰ GIAO THÔNG, KHU THƯƠNG MẠI**

Quả thật Cần Thơ ngày nay đã thay đổi hẳn bộ mặt qua những dự án to tát dần dần thực hiện :

Con đường nối liền bến xe mới tới cầu Bắc, như chúng tôi đã nói ở đoạn trên, ngày trước quá hẹp lại ngoằn ngoèo, còn thêm một cây cầu sắt Sáu Thanh cũ kỹ, nguy hiểm, nay đã dỡ và lấp thành một đại lộ rộng 30 thước, chạy thẳng từ bến xe ra Cầu Bắc.

Đồng thời, việc vét lòng sông tại cầu nối bến đò Hậu Giang phía Cần Thơ cũng đã hoàn tất.

Từ bến xe mới, bạn đi bộ, hoặc ngồi xích lô đạp để tiện việc quan sát một vòng châu thành Cần Thơ, đầu tiên phải qua một cây cầu để sang đại lộ Nguyễn Trãi. Trước kia gọi là Cầu Đôi, bằng sắt, bắc qua rạch Cái Khế, cầu nhỏ hẹp và quá yếu, làm mất vẻ thẩm mỹ của con lộ rộng rãi. Giờ đây cầu ấy đã dỡ rồi, thay vào một cây cầu đúc bê tông cốt sắt theo kiểu tối tân, rộng 16 thước, hai bên có lề rộng 2 thước, kinh phí lên tới 8 triệu đồng.

Đồng thời, trên khoảng rạch Cái Khế, chỗ cuối đường Duy Tân sang đầu đường Cống Quỳnh, bắc thêm một cây cầu gọi là Song Kiều (tục gọi cầu Đôi Mới), lối kiến trúc y như cây cầu đôi cũ đã thay bằng cầu đúc. Bạn muốn rõ dấu vết cầu đôi cũ thế nào, cứ xem hình thức cầu đôi mới này sẽ hình dung ra được bóng dáng cầu xưa.

Và giữa khoảng hai cây cầu (cầu đúc mới và cầu đôi mới) bắc trên rạch Cái Khế, bạn sẽ hài lòng thưởng thức cảnh trí bến Nhị Kiều, không kém bến Ninh Kiều bao nhiêu. Sở dĩ bến Ninh Kiều nổi tiếng hơn, vì được nằm ngay trung tâm tỉnh lỵ đó thôi.

Qua cầu, nếu rẽ sang tay phải đi dọc theo rạch Cái Khế thì là đường Duy Tân, Cống Quỳnh, có bến Nhị Kiều như đã nói ở trên. Nhưng bạn đừng rẽ đường làm chi, cứ đi thẳng theo đại lộ Nguyễn Trãi, ngay đầu

đường, hướng mé sông, dài theo con lộ san sát những biệt thự mới cất nguy nga. Ấy là Xóm Củi, ngày trước còn đầy dãy những mái lá, mái tôn, xen lẫn những ngôi nhà ngói kém mỹ thuật. Sau một đám cháy dữ dội mà các báo Thủ Đô đều tường thuật, hẳn bạn có nghe biết, giờ đây, xóm đã thay bộ cánh mới lộng lẫy, hợp thời.

Rồi queo tay mặt đại lộ Hoà Bình rộng 30 thước và dài gần 1.000 thước, được trang trí vòi nước và các bồn cỏ xanh tươi, bạn sẽ ngạc nhiên nhận thấy đại lộ này nếu không hơn thì cũng chẳng kém gì những đại lộ ở Thủ Đô. Đầu đại lộ là dinh Tỉnh trưởng, phía trước cạnh là tòa Hành chánh. Hai tòa dinh thự đồ sộ này vẫn tọa lạc tại đầu Vàm sông Hậu Giang, đã trở gan cùng tuế nguyệt qua các triều đại hưng vong, thời Pháp thuộc (1876) ngày nay đã được tối tân hóa rất nhiều.

Nếu cứ đi thẳng đại lộ Hoà Bình, sẽ tới vùng Tham Tướng. Dọc theo hai bên lộ san sát phố xá buôn bán cũng như dinh thự đồ sộ. Bạn sẽ trông thấy Quân y viện Phan Thanh Giản, Bệnh viện Thủ khoa Nghĩa, chùa Phật Học, chùa Miên, Trường tiểu học, Ký nhi viện và các cơ quan quân sự v.v...

Nhưng thẳng thăm viếng trung tâm tình lý trước bạn chẳng vội gì đi hết khoảng lộ Hoà Bình làm chi, hãy rẽ hướng về đường Phan Đình Phùng, tức là bạn đã chánh thức đi trong khu vực châu thành.

Ngoài bến Ninh Kiều nổi tiếng, bạn sẽ còn thấy nhiều công viên xinh xắn nằm rải rác khắp thành phố :

1. Công viên Tao Đàn trên đại lộ Hoà Bình, có bể phun nước.
2. Công viên Cô Giang trên đại lộ Nguyễn Thái Học.
3. Công viên Đỗ Chiêu nằm trên đại lộ Phan Đình Phùng.

Điều nên biết thêm để ngạc nhiên thích thú hơn : Về đại lộ Hoà Bình ngày nay đây, hẳn bạn không ngờ cách mấy năm về trước chỉ là một bãi cỏ

hay nói đúng hơn là một vườn xoài rậm rạp ở giữa hai con đường nhỏ. Đại lộ này đã được thực hiện trong năm 1957 và được khánh thành ngày 6-4-1958. Và ngược thời gian, xa xưa hơn nữa, tại đại lộ Hoà Bình ngày nay, trước kia có một con rạch nhỏ thông ra sông Hậu Giang, đã lấp bằng từ lâu.

- Đại lộ Nguyễn An Ninh được mở rộng và dẹp bỏ các quán cóc lụp xụp thiếu thẩm mỹ, mất vệ sinh. Ngày trước nơi đây vốn là bến xe cũ.

- Đường Nguyễn Thái Học, xưa mang tên là Galliénie, có rạp hát cũ của Thầy Lý, đã dỡ, nơi đây, buổi sáng nhóm chợ và là bến xích lô.

- Thời Pháp thuộc, có con đường đi Cái Răng trái đá xanh, dọc theo là rạch Cần Thơ, có cây cầu sắt bắc ngang, cầu này đã sập và con lộ cũng bỏ không còn đi nữa, dời ra lộ liên tỉnh số 4, thẳng xuống Sóc Trăng, Bạc Liêu.

- Đường mới đi Sóc Trăng – Cà Mau, tục gọi Lộ Tẻ, hiện giờ rộng 20 thước, dài 200 thước. Lộ này có đặc điểm một xa lộ và được khởi công từ đầu năm 1959 nhằm mục đích giúp xe cộ lưu thông dễ dàng, khởi đi ngang qua thành phố, nhờ đó xe chạy được mau và tránh được nhiều tai nạn nguy hiểm.

Trục giao thông vốn là huyết mạch của quốc gia, xuyên qua mấy điểm kể trên đây, chúng ta nhận thấy Ty Công chánh chẳng những đã kiện toàn hệ thống giao thông cũ, lại đã thực hiện được những công tác tân lập đường lộ rất lớn lao. Quả là những thành tích đáng ngợi.

Do đó, trong tương lai, nền thương mại, kinh tế tỉnh Phong Dinh sẽ phần thạnh hơn lên.

Nằm trong chương trình chỉnh trang lãnh thổ, thiết kế đô thị, chánh quyền đắp con đường từ Tham Tướng (Cần Thơ) tới Đầu Sấu dài hơn 4 cây số ngàn, mở rộng thêm để trục giao thông thêm tiện lợi. Nhất là Cần Thơ hiện nay có hai phi trường lớn là Bình Thủy và Trà Nóc, để tiện sự di chuyển, sẽ mở rộng thêm khoảng đường lên phi trường này, lộ cũ 7 thước, nói ra 5 thước nữa là 12 thước.

Và đây, điều cần nhấn mạnh, song song với hoạt động của Ty Công chánh, ty Kiến thiết cũng đã đo đạc, lập họa đồ để thực hành những dự án kiến trúc đáng kể dưới đây, hầu làm đẹp thêm ra cho Cần Thơ đã nhiều sắc thái lộng lẫy :

**a) Chợ búa :** Chánh quyền đã có đồ án xây cất chợ Cần Thơ lại cho mỹ quan hơn. Theo lời ông Kỹ sư Trưởng ty Kiến thiết cho chúng tôi biết, chợ mới dự định xây cất như sau :

Vị trí nơi chỗ chợ cũ. Dài 25 thước, ngang 12 thước. Gồm 3 tầng : Tầng I bán thịt cá, rau cải, đồ hải sản v.v... Tầng II bán hàng vải, tạp hoá. Tầng III trên nóc bằng, chung quanh có lan can, cho người thâu để mở nhà hàng, quán giải khát làm đẹp lòng du khách, có chỗ hóng mát ngó ra sông, ăn uống thanh lịch, ở thị xã Đà Lạt cũng có ngôi chợ như thế này. Cần Thơ rồi đây cũng theo kịp các tỉnh khác trên đà kiến thiết sẽ thực hiện nay mai – Kinh phí xây cất dự định trên sáu triệu đồng.

**b) Đài phát thanh, tiếng nói của miền Tây Nam-Việt :**

Đài này trước kia đặt tại tỉnh Ba Xuyên (Sóc Trăng) nằm trong lãnh thổ vùng IV chiến thuật, trên đà chỉnh trang tỉnh lỵ Phong Dinh qua mọi mặt, chánh phủ định dời về Cần Thơ trong ngày gần đây, vị trí của đài vừa thiết lập dựa lộ số 4, đường đi Cái Răng, trên một khu đất nối liền với khu Đại học mà chúng ta thấy xáng đang thối đất lấp những ao, vườn khá rộng lớn, ước lượng trên 10 mẫu, trong năm 1966 tỉnh vừa xây cất xong một ngôi nhà để trang bị máy móc, nền sàn bê tông cốt sắt, móng hai lớp, gồm 16 phòng 24m, sâu 12m và còn đang xúc tiến xây cất thêm theo sự dự định, khi hoàn tất sẽ dời đài Ba Xuyên về đây làm tiếng nói trung tâm của miền Tây. Loan truyền tin tức mau lẹ và tối tân hơn nữa.

Ngay bên cạnh đài phát thanh hiện nay xáng thối đất lên 10 mẫu, chánh phủ dự định mua thêm 40 mẫu nữa của tư nhân, để xúc tiến việc đặt viên đá đầu tiên cất khu Đại học miền Tây. Kinh phí dự trù lên tới 5 triệu.

**c) Trung tâm thanh niên** : Sắp xây cất Trung tâm thanh niên ngay trung tâm sân vận động. Gồm nhiều phòng, như phòng đọc sách, phòng tập thể dục, nơi hội trường v.v... Kinh phí độ bảy triệu đồng. Trung tâm này sẽ là nơi đào luyện thanh niên.

**d) Trung tâm Chiêu hồi** : Đẩy mạnh chiến dịch Chiêu hồi, vùng IV chiến thuật sẽ khởi công xây cất Trung tâm Chiêu hồi, trên khoảng đường đi Bình Thủy. Kinh phí trên 5 triệu.

**e) Cô nhi viện Quốc Gia** : Sẽ được khởi công xây cất tại Đầu Sấu (thuộc quận Châu Thành). Kinh phí trên 6 triệu. Có mục đích giáo dục, rèn luyện các thiếu nhi phạm pháp, đồng thời nuôi dạy các trẻ mồ côi, các trẻ vô thừa nhận, lang thang đầu đường xó chợ.

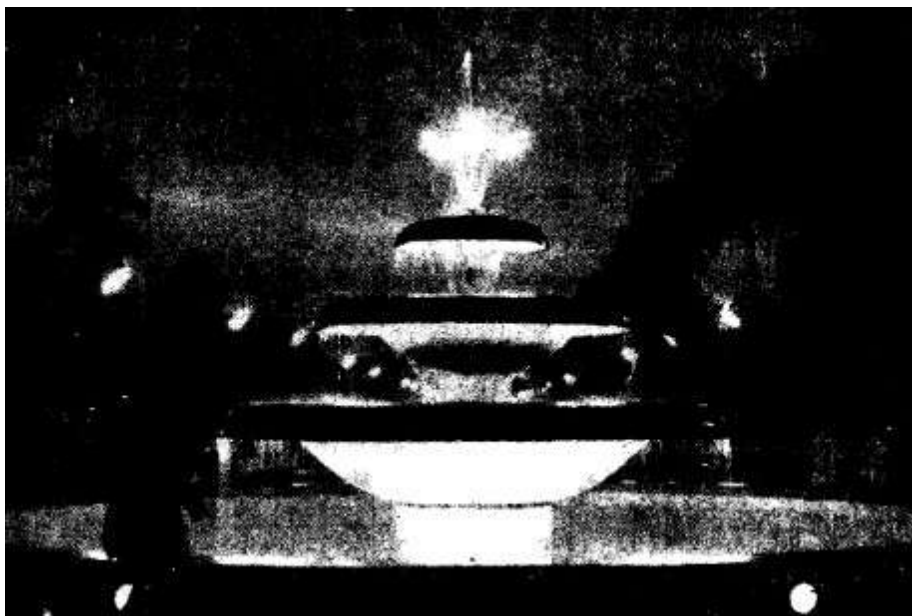
## MẶT TIỀN CHỢ CẦN THƠ NĂM 1966



*Cạnh bên phải là đường Phan Châu Trinh, bên trái là đường Phan Bội Châu, đồng bào địa phương thường gọi là đường Hàng Dừa. Ảnh Trần Văn Bé (Phongdinh)*



## TÂY ĐÔ VỀ ĐÊM



*Trước công viên Hoà Bình, dưới ánh đèn màu rực rỡ, phun lên những vòi nước trắng xoá, cảnh vật mờ ảo càng làm tăng thêm vẻ đẹp của Tây Thành văn vật. Ảnh Trần Văn Bé (Phongdinh)*

# GIÁO DỤC

## ĐỒNG BÀO PHONG DINH RẤT HÀI LÒNG VỚI KHU ĐẠI HỌC

Để xứng đáng với danh hiệu Tây Đô, ngoài các công trình xây cất cơ sở, cố nhiên sự xây dựng tinh thần mới là trọng tâm để định giá trị thật sự của một tỉnh đứng đầu miền Tây. Cho nên, ngay khi các tỉnh Hậu Giang chưa có nơi nào có bậc Trung học, thì năm 1921, Cần Thơ đã có trường Collège rồi. Năm 1954 được đổi lại mang tên là trường Trung học Phan Thanh Giản tồn tại đến năm 1966, và đang tiến triển mạnh. Gần đây, nữ sinh trung học cũng đã có riêng trường nữ trung học mang tên « Đoàn Thị Điểm ».

Và trong tương lai, Viện Đại học Cần Thơ hoạt động mạnh với đủ trường sở, tiện nghi, chừng ấy Cần Thơ càng có sắc thái xinh tươi.

Ngoài hai trường trung học công lập kể trên, còn có nhiều trường trung học bán công ở các quận Phong Phú, Phụng Hiệp, Cái Răng, lấy tên quận cư ngụ làm danh hiệu. Về trong niên khoá 1966-67, trường bán công tại tỉnh lỵ cũng đã hoạt động.

Các trung học tư thực, trước kia thì có các trường nổi tiếng như Nam Hưng, Bassac, các trường này hiện nay không còn hoạt động. Hiện tại có các trường Thủ khoa Huân, Hậu Giang và Hậu Giang chi nhánh, Tân Văn. Đồng thời trường văn hóa Quân đội cũng đang trên đà phát triển. Tất cả các trường đều có sĩ số khá cao.

Người Hoa Kiều thì có trường trung học Thọ Nhơn, Hưng Văn, Công Giáo có Chủng viện Á Thánh Quý ở Cái Răng, Phật Giáo thì có trường Bồ Đề.

Về trung học chuyên nghiệp, đáng kể là trường Nông lâm súc, thiết lập đã trên 20 năm nay. Bắt đầu từ năm 1957 nhà trường áp dụng chương trình mới và trực thuộc bộ Cải tiến nông thôn, đến đầu năm 1962 thì sáp nhập vào Bộ Quốc gia Giáo dục. Mục đích trường này là đào tạo các cán bộ về canh nông, mục súc, thủy lâm. Chương trình học tập là 2 năm và 6 tháng tập sự.

Bậc tiểu học, các trường sơ cấp và trường tiểu học cộng đồng phát triển mạnh ở tỉnh lỵ cũng như tại các quận, xã, ấp.

Hoạt động của ngành Bình dân giáo dục cũng thu hái kết quả tốt đẹp, thanh toán nạn mù chữ, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao trình độ kiến thức của giới bình dân tráng niên.

Ngoài ra, còn một số trường học nghề công và tư, bình dân bách nghệ, trường nữ công, trường người Việt gốc Hoa và trường chùa Miên.

# Y TẾ

## NHỮNG CÔNG TÁC Y TẾ VÀ VỆ SINH CÔNG CỘNG PHỔ CẬP DÂN CHÚNG THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN

Đáp ứng nhu cầu y tế công cộng của đồng bào tỉnh nhà, ty Y tế Phong Dinh hoạt động rất đặc lực.

Bệnh viện Thủ khoa Nghĩa là trụ sở của Ty Y Tế, tổ chức hoàn hảo hơn xưa. Quân y viện Phan Thanh Giản cũng trực thuộc vào đây. Hiện tại đã cắt thêm ra, chia làm nhiều khu, phòng, trại v.v... Nơi đây còn có nhiệm vụ đào tạo các cán bộ y tế hương thôn, việc huấn luyện khởi đầu từ năm 1948.

Là bệnh viện toàn khoa, bệnh viện Thủ khoa Nghĩa gồm có trên 500 giường bệnh, đông đảo nhân viên phục vụ. Hằng ngày bệnh viện săn sóc trung bình cho lối 400 bệnh nhân. Còn có một nhà bảo sanh đủ mọi tiện nghi, làm thoả mãn nhu cầu các sản phụ trong tỉnh.

Trong số các cơ sở của bệnh viện, một trung tâm Truyền huyết thanh thành lập do sắc lệnh số 293/ Y.T ngày 5-6-58, long trọng khánh thành ngày 26-6-61, là một cơ quan quan trọng đã từng cứu sống biết bao chiến sĩ.

Nơi mỗi quận thầy đều có một bệnh xá hộ sinh, các trạm y tế xã và các trạm cứu thương ấp. Hai quận Thuận Trung và Thuận Nhơn thì có Chẩn y viện. Các cán bộ y tế phụ tá với Trưởng chi y tế quận thường xuyên viếng thăm các gia đình để săn sóc những đồng bào có bệnh, bảo vệ hữu hiệu sức khoẻ của dân chúng trong các xã, các ấp tân sinh.

Ngoài ra, còn có phòng phát thuốc miễn phí của Hội Phật học Việt Nam, và sự hoạt động đáng kể của Hội Hồng Thập Tự Việt Nam, gồm có :

1. Phòng khám bệnh miễn phí.
2. Phòng cho thuốc miễn phí.

### 3. Lớp huấn luyện nhân viên cứu thương.

## SINH HOẠT DÂN CHÚNG TÂY ĐÔ



*Đây là quang cảnh buổi họp chợ, dưới sông ghe thuyền đậu tấp nập, trên mé lộ, dân chúng ở tỉnh lỵ và các làng mạc đổ xô về đây mua bán, kẻ qua người lại, càng tăng thêm phần huyên náo. Ảnh Trần Văn Bé (Phongdinh)*

# SINH HOẠT KINH TẾ

Nông nghiệp : Toàn tỉnh Phong Dinh có trên 200.000 mẫu tây đất cày cấy, chia ra : **Ruộng sạ** : 130.000 mẫu tây thuộc quận Thuận Trung, Phong Phú. **Ruộng cấy** : 87.000 mẫu tây thuộc quận Châu Thành, Phong Điền, Thuận Nhơn, một phần quận Thuận Trung và Phong Phú.

Do đó, nông dân toàn tỉnh tương đối có cuộc sống dễ chịu trong thời bình. Nhưng gặp lúc đất nước còn trong tình trạng chiến tranh, con số diện tích cày cấy trên đây cố nhiên không còn được đúng mức, là điều đáng tiếc. Trong tương lai, đất nước trở lại thanh bình, mức sống nông dân hẳn sẽ được nâng cao qua sự áp dụng phương pháp canh tác tân tiến.

**Ngư nghiệp** : Vì Cần Thơ ở ngay trên triền sông Cửu Long, lại không xa biển lắm, nên cũng có đủ thứ cá nước ngọt và nước mặn. Đặc biệt là thứ cá Cháy « Trà Ôn », có thể nói là ngư sản riêng của miền Tây Đô.

Thủy sản dồi dào, giới ngư phủ trong tỉnh hành nghề khá đông. Hiện nay, ở các trại định cư thuộc quận Phụng Hiệp, đồng bào di cư sống chuyên nghiệp về nghề chài lưới đông đảo hơn nơi đâu cả.

**Mục Súc** : Ty Mục Súc Phong Dinh hằng phối hợp với Ty Nông Tín giúp đỡ đồng bào đặc lực trong việc chăn nuôi trâu, bò, heo, gà vịt.

Trại chăn nuôi bò sữa đáng kể nhất là trại của ông Lữ Đức, gần phi trường Bình Thủy.

Việc chăn nuôi heo là nguồn lợi vô cùng quan trọng cho Phong Dinh, khắp nơi trong tỉnh đều có chăn nuôi, tổng số hàng trăm ngàn con. Số heo xuất tỉnh hàng năm để tiếp tế cho Đô Thành, đứng vào hàng nhất nhì so với các tỉnh khác trong toàn quốc.

Tình trạng chăn nuôi gà vịt tại Phong Dinh không mấy khả quan. Tuy nhiên, theo bảng thống kê, mỗi tháng gà vịt xuất tỉnh độ 4.000 con, ấy cũng

là một nguồn lợi khá.



# SINH HOẠT XÃ HỘI

Dưới sự điều hành của nhân viên Phòng Xã hội Tỉnh, Phong Dinh cũng có Quán cơm xã hội, để giúp một số đồng đồng bào lao động, công nhân vất vả và binh sĩ đỡ tốn kém.

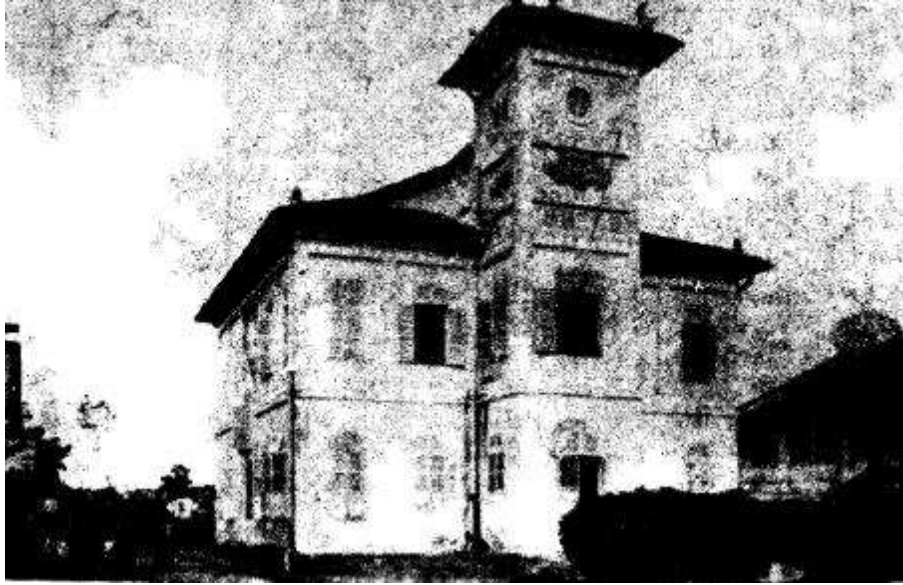
Hơn nữa, với nhiệt tâm nâng đỡ các gia đình lao động cho được yên tâm lo sinh kế, nhân viên phòng Xã hội Tỉnh cũng đảm trách cơ sở Ký nhi viện, luôn luôn sẵn sóc và dạy dỗ chu đáo các con em của gia đình lao động gửi tại đây hằng ngày. Và Quán cơm xã hội cũng có bốn phạn cung cấp mỗi ngày về khẩu phần buổi trưa cho các con em ấy.

Đồng thời, viện Cô nhi cũng được sự giúp đỡ tận tình của ủy ban xã hội tỉnh phối hợp với các nhà từ thiện hảo tâm, các dì phước Dòng chúa quan phòng, đảm trách nuôi dạy hằng trăm cô nhi, đó là việc từ thiện giúp đời thiết thực đáng khuyến khích của cơ quan này. Xuyên qua vài nét đại cương của tỉnh Phong Dinh ngày nay mà chúng tôi trình bày, hiến quý bạn đọc tìm hiểu sự tiến triển của Phong Dinh phần nào đó thôi.

Tiếc rằng quyển sách của chúng tôi chú trọng về mặt sưu khảo qua mọi khía cạnh nào là lịch sử, danh nhân, giai thoại, di tích, đạo giáo v.v... nên không thể đề cập sâu rộng về hành chánh, kinh tế, xã hội của toàn tỉnh cho đầy đủ được, xin quý bạn đọc thông cảm.

Nhận thấy địa phương chí của tỉnh đã có nói rất nhiều về các vấn đề trên, nên chúng tôi khỏi cần lập lại, dành để cho những phần sưu khảo khác hữu ích hơn.

## CÔNG SỞ TÂN AN



*Công sở này xây cất hồi đời Pháp, nay là cơ quan làm việc của Hội đồng hàng tỉnh, và đặt văn phòng của Chánh Tổng nơi đây. Trên lầu thờ Linh vị sắc ấn của ông Thần Tân An.*

# THỔ SẢN CẦN THƠ

Hằng năm tỉnh Phong Dinh sản xuất trung bình được 280.000 tấn lúa, tính ra năng xuất trung bình 1 tấn 400 cho mỗi mẫu lúa tây và số thặng dư xuất tỉnh là 80.000 tấn. Các loại hoa màu khác gồm có nhiều ít như sau :

## **CÁC LOẠI CÂY TRÁI – DIỆN TÍCH CANH TÁC – SỐ SẢN XUẤT (tấn, 1.000 trái) – THẶNG DƯ XUẤT TỈNH**

Khoai lang – 520 mẫu – 7.400 tấn – 4.500 tấn

Cam – 327 mẫu – 29.512 tấn – 17.700 tấn

Dừa – 320 mẫu – 1.535 tấn – 50 tấn

Chuối – 296 mẫu – 4.000 tấn – 1.600 tấn

Xoài – 293 mẫu – 20.500 tấn – 6.600 tấn

Bắp – 240 mẫu – 240 tấn – 104 tấn

Dưa hấu – 200 mẫu tấn – 50 tấn

Quít – 200 mẫu – 30.400 tấn – 20.400 tấn

Mía – 190 mẫu – 3.800 tấn

Ca cao – 170 mẫu

Đậu xanh – 140 mẫu – 70 tấn – 20 tấn

Bưởi – 129 mẫu – 2.800 tấn – 82 tấn

Vú sữa – 100 mẫu

Chanh – 93 mẫu – 36.000 tấn – 18.000 tấn

Gòn – 81 mẫu

Thuốc lá – 50 mẫu – 50 tấn – 50 tấn

Sầu riêng – 42 mẫu – 60 tấn – 40 tấn

Khoai mì – 40 mẫu – 400 tấn – 120 tấn

Măng cụt – 27 mẫu – 520 tấn – 240 tấn

Đậu các loại – 25 mẫu – 13 tấn – 6 tấn

Cà phê – 23 mẫu – 12 tấn – 5 tấn

Xem bảng thống kê chúng ta nhận thấy : Khoai lang, cam, quít, chuối là bốn món thổ sản có diện tích trồng trọt nhiều nhất và năng suất khá cao. Nhất là cam, quít, Cần Thơ thì xưa nay đã có tiếng là ngon ngọt chẳng đâu hơn.

Vú sữa, xoài, sầu riêng cũng là trái ngon có tiếng và sản xuất nhiều, số thặng dư xuất tỉnh đến hằng vạn tấn, thì đủ biết số huê lợi hoa màu mà các nghiệp chủ thu được cũng đáng kể lắm.

Về lâm sản, tỉnh Phong Dinh không có rừng, ngoại trừ một số ít than củi, bần, đước, vẹt.

Khoáng sản thì tuyệt nhiên không có.

# CÁC NGÀNH CÔNG KỸ NGHỆ

Các ngành công kỹ nghệ tỉnh Phong Dinh ngày nay đã vượt tiến hơn xưa.

**Lúa gạo** : Toàn tỉnh hiện đang có đến 51 nhà máy xay lúa, trong số có lối 10 xí nghiệp vốn lớn hơn 1 triệu đồng. Đáng kể nhất là Công ty Hậu Giang và Công ty Denis Frères.

Công ty mễ cốc Hậu Giang vốn trên 20 triệu, xí nghiệp đặt ở Cầu Đúc Cái Răng, trang bị một động cơ công suất 228 mã lực, hằng năm sản xuất trung bình 27.000 tấn gạo.

Công ty Denis Frères (do người Pháp đầu tư) đặt ở rạch Bình Thủy, xã Long Tuyền, trang bị một động cơ Diesel công suất 140 mã lực.

Ngoài ra, nông dân tỉnh Phong Dinh cũng thành lập một hợp tác xã lúa gạo ở Cái Răng, có một nhà máy xay lúa đặt ở vàm rạch Đầu Sấu xã Tân An, quận Châu Thành. Xí nghiệp trang bị một động cơ 72 mã lực chạy bằng dầu cặn.

# CÁC XÍ NGHIỆP KHÁC

## I. KỸ NGHỆ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

Toàn tỉnh có 4 **lò đường** ở xã Hoa Mỹ, quận Phụng Hiệp, hai lò chạy cho ép mía bằng máy, hai lò chạy bằng trâu bò kéo.

Mười bốn **lò bánh mì**, 8 lò ở tỉnh lỵ, 2 ở quận Phong Phú, 1 ở quận Châu Thành, 3 ở quận Phụng Hiệp. Hằng năm tổng số sản xuất trung bình khoảng 280 tấn bánh.

Bảy **lò tàu vị yếu, tương chao**, 5 ở tỉnh lỵ, 1 ở Cái Răng, 1 ở Xóm Chài. Hằng năm sản xuất trung bình : Tương hột 14.620 kg. Nước tương 28.000 lít. Chao 32.000 hộp. Tàu vị yếu 86.000 lít.

**Xưởng nước mắm** thì có 14 xưởng, 2 ở Bình Thủy, 2 ở quận Phong Phú, 1 ở quận Phụng Hiệp, số còn lại thì nằm trong vùng tỉnh lỵ. Xưởng quan trọng nhất là xưởng của Công ty Đông Hương. Toàn tỉnh sản xuất hàng năm tổng số trung bình là 260.000 tấn nước mắm đủ hạng.

Ba **hãng nước đá** : 1 hãng ở tỉnh lỵ, 1 ở quận Phụng Hiệp và 1 ở quận Phong Phú.

Xí nghiệp sản xuất nước đá ở tỉnh lỵ thuộc Công ty BGI (Brasseries et Glaciers de l'Indochine) sản xuất trung bình hằng năm 17.000 tấn nước đá.

Hai hãng ở Phong Phú và Phụng Hiệp nhỏ hơn, hằng năm sản xuất trung bình 1.200 tấn, đủ để cung cấp cho thị trường địa phương.

Và có sáu hãng cà rem cây đều đặt tại tỉnh lỵ, hơn phân nửa là của người Hoa Kiều nhập Việt tịch.

Về ngành kỹ nghệ làm nước đá và các thứ rượu ngọt, tưởng nên nói thêm về trước, khoảng 1928 đã từng có ông Trần Đắt Nghĩa và ông Cao Văn Trạng mở hãng khá lớn, hoạt động rất khả quan. Đáng tiếc không duy trì đến ngày nay.

## II. KỸ NGHỆ SẢN XUẤT VẬT DỤNG

Trong tỉnh có 12 **trại cửa máy**, đa số là của Hoa Kiều nhập Việt tịch. Hằng năm các trại cửa trong tỉnh xẻ được khoảng 8.000 thước khối gỗ.

**Lò gạch** thì có 7 lò rải rác ở xã An Bình, Phú Thứ (quận Châu Thành), Thới An Đông, Phước Thới (quận Phong Phú).

Ngoài ra, còn có 33 **xưởng tiện**, 2 **xưởng dệt**, 2 lò **xà bông**, 7 **nhà in**. Tất cả đều hiện đang phát triển mạnh.

Ngành tiểu công nghệ trong tỉnh đáng kể có nghề làm nón vải, làm rượu thuốc, nấu sirop, số sản xuất chỉ tiêu thụ trong tỉnh.

Tóm lại, cũng như các ngành thương mại và nông nghiệp, các ngành công kỹ nghệ tỉnh Phong Dinh phát triển mạnh và nhanh chóng. Nhất là dựa vào sự khuyến khích, giúp vốn và hướng dẫn kỹ thuật của Trung tâm Khuếch trương Kỹ nghệ và Trung tâm Khuếch trương Tiểu công nghệ Đô Thành, các công kỹ nghệ gia Phong Dinh sẽ còn tiến xa hơn.

**QUÝ VỊ BÔ LÃO, THÂN HÀO NHÂN SĨ TỈNH PHONG DINH ĐÃ  
GIÚP ĐỠ CHÚNG TÔI VỀ VIỆC SƯU TẦM TÀI LIỆU LỊCH SỬ  
NƠI ĐỊA PHƯƠNG, GHÉP VÀO QUYỂN « CẦN THƠ XƯA VÀ NAY**

»



Từ trái sang phải :

- Bà Cao Văn Hùng, nữ danh Lê Thị Anh, 79 tuổi, Phó Hội trưởng Hội Phụ huynh Học sinh trường Trung học Phan Thanh Giản Phong Dinh.
- Ông Cao Văn Hùng, 81 tuổi, cựu Hội đồng tỉnh Phong Dinh.
- Ông Huỳnh Công Thiệu, nghiệp chủ.
- Ông Dương Văn Đa, 81 tuổi, nhân sĩ, ở Cái Khế.
- Ông Trần Đất Nghĩa, 82 tuổi, nhà kinh doanh tiếng tăm thời xưa.
- Nhà sưu khảo Huỳnh Minh.
- Vị ngồi giữa là cụ Nguyễn Văn Giai, 82 tuổi, cựu giáo chức, cháu ngoại cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa.

Ảnh lưu niệm tại Phong Dinh, ngày 10-9-1966 (Photo Văn Kính)



# DANH SÁCH CÁC VỊ TỈNH TRƯỞNG CẦN THƠ TỪ THỜI PHÁP ĐẾN VIỆT NAM

**Số thứ tự – Tên họ – Thời gian tại chức – Cước chú**

1. De Serravalle – 1872-1874 – Tòa bố đặt ở Trà Ôn
2. Vershneider – 1874-1876 – Tòa bố tại Cái Răng
3. Nicolai – 24-1-76 – 23-11-76 – Tòa bố tại tỉnh lỵ Cần Thơ
4. Villard – 28-11-76 – 9-2-77 – Tòa bố tại tỉnh lỵ Cần Thơ
5. Nicolai – 9-2-77 – 28-11-85 – Nhậm chức lần II
6. Lehun – 28-11-85 – 5-6-86 – Tại chức 8 tháng
7. Bocquillon – 1886-1887 – Non hai năm
8. Lacote – 24-2-87 – 2-6-89 – Trên 2 năm
9. Desogaseaux – 1889-1891 – 2 năm
10. Moreau – 30-1-91 – 11-91 – 10 tháng
11. Saintenoy – 1891-1893 – 2 năm
12. Maspéro – 19-3-93 – 5-94 – 1 năm
13. O'Connell – 5-94 – 10-94 – 5 tháng
14. Vincenti – 10-94 – 14-3-95 – 1 năm
15. Saintenoy – 14-3-95 – 21-4-99 – Nhậm chức lần II
16. Marquis – 2-8-1899 – 8-4-1901 – 2 năm
17. Delanoue – 6-5-1901 – 3-4-1903 – 2 năm
18. Maspéro – 3-4-03 – 11-9-04 – Nhậm chức lần II
19. Quesnel – 5-7-05 – 24-2-07 – 2 năm
20. Outrey – 1907-1908 – 1 năm
21. Pech – 1-6-08 – 25-4-09 – 1 năm
22. De Matra – 26-4-09 – 28-6-09 – Chỉ có 2 tháng
23. Docell – 9-09 – 28-6-09 – Không đầy 1 tháng
24. Saint Chaffray – 1909-1911 – 2 năm

25. Debernardy – 22-4-11 – 31-12-11 – 8 tháng
26. Lamarre – 1-1-12 – 28-2-15 – 3 năm
27. Tholance – 1-3-15 – 7-9-15 – 6 tháng
28. Caillard – 8-9-15 – 6-4-17 – 2 năm
29. Métaireau – 7-8-17 – 31-7-18 – 1 năm
30. Tholance – 7-18 – 17-9-19 – Nhậm chức lần II
31. Boudineau – 16-9-19 – 15-9-20 – 1 năm
32. Tholance – 26-11-20 – 19-11-21 – Nhậm chức lần III
33. Gazano – 10-8-21 – 19-11-21 – Chỉ có 2 tháng
34. Lebrun – 20-11-21 – 28-2-24 – Nhậm chức lần II
35. Zérousemy – 1-3-24 – 30-11-24 – 8 tháng
36. Beneyton – 1-12-24 – 15-4-28 – 4 năm
37. Esquivillon – 9-5-28 – 6-4-30 – 2 năm
38. Lalaurette – 6-4-30 – 30-11-30 – 7 tháng
39. Bruel – 30-11-30 – 26-9-33 – 3 năm
40. Nouailhetas – 9-33 – 25-6-36 – 3 năm
41. G. Gilliet – 25-3-36 – 10-9-37 – 1 năm
42. Larivière – 1-10-37 – 3-1-38 – 1 năm
43. H.P. Colas – 3-1-38 – 1-8-42 – 4 năm
44. R.H. Mialin – 1-8-42 – 3-1-43 – 1 năm
45. F.Bonhomme De Montaigut – 3-1-43 – 9-3-45 – 2 năm
46. F.Bonhomme De Montaigut – 8-11-45 – 6-46 – Trở lại lần II
47. J. Lespianse – 7-46 – 10-46 – Chỉ có 3 tháng
48. J. Guilbot – 21-10-46 – 15-10-47 – 1 năm
49. François Albert – 16-10-47 – 5-11-47 – Chỉ có 1 tháng
50. J. Guilbot – 13-12-47 – 11-4-49 – Nhậm chức lần II

### **VIỆT NAM**

51. Nguyễn Văn Diệu – 11-4-49 – 15-7-49 – Chỉ có 3 tháng
52. Trương Trường Vĩnh – 15-7-48 – 28-2-50 – 1 năm

53. Trịnh Tấn Truyền – 28-2-50 – 13-7-50 – Bị ám sát chết
54. Phạm Đăng Cao Pierre – 7-10-50 – 4-4-54 – 4 năm
55. Bùi Quang Ân – 5-4-54 – 4-8-54 – Chỉ có 4 tháng
56. Nguyễn Văn Diệu – 11-9-54 – 7-2-55 – Nhậm chức lần II
57. Tr.Tá Nguyễn Khánh – 8-2-55 – 25-3-55 – Chỉ có 1 tháng
58. Tr.Tá Nguyễn Hữu Có – 26-3-55 – 5-10-55 – 7 tháng
59. Tr.Tá Đặng Thanh Liêm – 5-10-55 – 16-2-56 – 1 năm
60. Tr.Tá Nguyễn Văn Quan – 17-2-56 – 8-4-57 – 1 năm
61. Đại tá Nguyễn Văn Quan – Thăng Đại tá
62. Đỗ Văn Chước – 8-4-57 – 3-12-59 – 2 năm
63. Tr.Tá Trần Cửu Thiên – 3-12-59 – 15-5-61 – 2 năm
64. Th.Tá Lê Văn Tư – 15-5-61 – 11-1-63 – 2 năm
65. Tr.Tá Trần Bá Di – 11-1-63 – 25-5-65 – 2 năm
66. Tr.Tá Lê Công Thường – 25-5-65

# TỔNG KẾT

Trải qua bao cuộc thăng trầm của đất nước, suốt hai trăm năm dư (1739-1966) từ khi là huyện Trấn Giang, đổi là huyện Phong Phú, rồi lập thành tỉnh Cần Thơ, đến cải tên lại là Phong Dinh, vùng đất đứng đầu miền Tây này, lần hồi vươn mình khởi sắc qua sự diễn tiến từng giai đoạn.

**Về địa lý :** Nhờ sinh lực của miền châu thổ sông Cửu Long, bắt nguồn từ Tây Tạng, Hy Mã Lạp Sơn chạy sang Tàu, hạ miệng qua Việt Nam. Một giòng sông lưu thông mang theo nhiều màu mỡ bồi đắp cho miền Tây, Nam phần Việt Nam.

Lịch sử nhân loại cho thấy rằng, nơi nào có một lưu vực, một châu thổ thì giòng sông đó sẽ xuất phát một nền văn minh và trở sanh nhiều nhân tài lỗi lạc.

Thuở xa xưa, Cần Thơ đã từng lẫy lừng tăm tiếng với những bậc tiền bối đáng kính dày công tô điểm. Thời hiện đại, với khoa học cực thịnh, với kỹ thuật tinh vi, Cần Thơ để cho xứng danh Tây Đô càng chóng thay đổi bộ mặt tân kỳ, và kẻ cũng biết bao đoàn hậu tấn đã cố gắng để không thẹn với tiền nhân, với quê hương xứ sở.

*Theo chương trình chỉnh trang đô thị, sẽ mở rộng thành phố với đồ án dự định cho thật xứng đáng liệt vào hàng trung tâm của miền Tây gương mẫu, trong tương lai sẽ có Hải cảng, có khu kỹ nghệ sản xuất hàng vải, nhà máy làm nước ngọt, làm đồ hộp, vỏ hộp các loại trái cây thổ sản, để tiêu thụ trên thị trường toàn quốc.*

Về mặt văn hoá, giáo dục, Cần Thơ đã có báo chí, có đài phát thanh tiếng nói của miền Tây, đã có Viện Đại học dù chưa hoàn tất chương trình, cơ sở, nhưng cũng đã bắt đầu niên khoá 1966-67 với một ít phân khoa, hứa hẹn tương lai xán lạn huy hoàng, một khi trình độ đồng bào miền Tây nâng cao đúng mức và phát triển tốt độ.

**Về đạo giáo :** Phong Dinh là nơi kết tinh nhiều tôn giáo trên đà phát huy tư tưởng truyền bá giáo lý sâu rộng và xa hơn.

**Về mặt xã hội :** Những công tác xã hội của tỉnh đã nói lên lòng ưu ái của chánh quyền rất mực chăm lo săn sóc đời sống của dân chúng, từ thành thị đến nông thôn. Ngày gần đây, sẽ có cất nhà kiến thiết bán cho đồng bào tại tỉnh, như thế Tây Đô càng không kém thủ đô về phương diện được ưu đãi, không để thiếu sót về một mặt nào, không để phiền lòng một giới nào trong đại chúng. Giờ đây hẳn có đa số tấm lòng hướng về Tây Đô đợi một ngày mai, trong tinh thần xây dựng văn hóa dân tộc, với những trang sử vinh quang bất diệt.

**HUỲNH MINH**

# ĐÔI LỜI TÂM HUYẾT VÀ CẢM TẠ

*Chúng tôi có dịp đến Phong Dinh sưu tầm tài liệu lịch sử, tìm hiểu qua sự thăng trầm, diễn tiến của tỉnh này, cũng như các tỉnh khác mà chúng tôi đã trải qua.*

*Với tinh thần hiếu cổ, hoài bão quê hương tưởng nhớ người xưa, gọi lại công nghiệp tiền nhân có công với đất nước, mưu hạnh phúc cho đồng bào.*

*Mục đích làm sống lại những cái gì thiêng liêng cổ kính, nói lên cái hay, cái đẹp từng vùng, với ngòi viết trung thực và vô tư.*

*Trên tinh thần phụng sự văn hóa dân tộc. Chúng tôi tự nguyện làm một viên gạch nối liền với các viên gạch khác, tô điểm dải gấm vóc giang san này qua sự diễn tả bằng ngòi bút, mà các bậc đàn anh đã làm.*

*Một điều khiến cho chúng tôi rất sung sướng được đồng bào các giới, thân hào nhân sĩ, quý đoàn thể tôn giáo tỉnh Phong Dinh cũng như Trung tá Tỉnh trưởng Lê Công Thường có lời khuyến khích vì việc làm lợi ích chung. Chúng tôi xin thành thật cảm tạ và trọng ơn toàn thể quý vị. Về phần hình ảnh, do ông Phan Trung Hàm thân tặng, các văn nhân thi sĩ giúp đỡ sưu tập tài liệu, ghép vào quyển sách này càng tăng thêm phần phong phú.*

*Một lần nữa, xin quý vị nhận nơi đây tấm lòng quý mến của chúng tôi lưu niệm nơi quý tỉnh một món quà tinh thần là tác phẩm Cần Thơ.*

*Tuy nhiên, không sao tránh khỏi một vài khuyết điểm, rất mong các bậc cao minh bổ khuyết, hầu sau tái bản sẽ hoàn toàn hơn.*

**HUỲNH MINH**

## VÀI CẢM NGHĨ CỦA ĐỘC GIẢ MIỀN TÂY SAU KHI XEM TÁC PHẨM « CẦN THƠ XƯA VÀ NAY »

*Hân hạnh được đọc qua bản chánh văn quyển : « Cần Thơ xưa và nay » của ông Huỳnh Minh, có nhã ý cho tôi xem trước khi xuất bản.*

*Nhận thấy ông có công sưu tầm biên khảo những loại sách tìm hiểu giang sơn gấm vóc của miền Nam nước Việt, qua từng tỉnh một, nói lên nguồn gốc tổ tiên dày công xây dựng mảnh đất thân yêu cho đến ngày nay.*

*Tiền nhân chúng ta đã hy sinh biết bao xương trắng máu đào chống xâm lăng, giành từ tấc đất, bảo vệ quê hương, nêu cao thanh giá của giống Tiên Rồng bốn ngàn năm văn hiến.*

*Ông Huỳnh Minh nặng tình non nước đã ghi lại qua bao sự tích, Lịch sử, Huyền sử, Đạo giáo, sưu tập trong quyển « Cần Thơ », giới thiệu cùng đồng bào các giới trong nước, tìm hiểu quê hương làng mạc của mình, nhứt là những bậc Danh nhân có công với đất nước trong thời quá khứ lại bị lãng quên không ai nhắc đến. Ngày nay một trong những nhà biên khảo như ông Huỳnh Minh, lãnh làm một công việc về tinh thần, góp công tô điểm quê hương, làm sống lại tinh thần dân tộc, nhắc nhở mọi người chúng ta hoài bão đến quê cha đất tổ, bảo tồn dân tộc tính.*

*Từ trước tới nay, tôi đã theo dõi các tác phẩm của nhà văn Huỳnh Minh biên soạn, loại sách học làm người : Danh nhân tư tưởng, Luyện chí, Sống tranh đấu v.v... gần đây lại đọc thêm sách sưu khảo của ông, quyển « Địa linh nhưn kiệt » (Kiến Hòa), « Bạc Liêu xưa và nay », những loại sách này làm cho tôi thỏa mãn hiểu biết thêm nhiều chuyện lạ của xứ sở. Cách nay không lâu tôi có dịp đọc quyển « Non nước Phú Yên » của ông Nguyễn Đình Tư, giới thiệu miền duyên hải Trung Việt. Ngày nay, nhà biên khảo Huỳnh Minh không nài khó nhọc lê gót đó đây, gợi lại cái hay cái đẹp của xứ sở, về phần địa lý ở miền Nam đất đai trù phú, nguồn lợi kinh tế dồi dào,*

sông dài bể rộng. Nhà văn Huỳnh Minh có ý thức nhắc nhở giới cần lao tích cực tăng gia sản xuất, vun vén lòng đất mẹ càng thêm tươi đẹp.

Đọc hết quyển « Cần Thơ xưa và nay » tôi không ngần ngại giới thiệu cùng quý chiến hữu cũng như đồng bào trong nước, cần đọc quyển « Cần Thơ » để hiểu rõ các sự diễn tiến của tỉnh này. Tác giả đã trình bày qua các chương mục có thứ tự để cho người đọc phân biệt rõ rệt, muốn tra cứu đoạn nào cũng mau lẹ.

Tôi thành thật chúc ông Huỳnh Minh mạnh tiến trên đường phụng sự văn hóa dân tộc, liên tục sưu khảo thêm những quyển hữu ích như trên, tin rằng sẽ được đa số độc giả hưởng ứng với việc làm ích lợi cho quê hương.

**T.T. PHẠM VĂN TƯƠNG (PHONG DINH)**



**NHÀ XUẤT BẢN – TỔNG PHÁT HÀNH**  
**CÁNH BẰNG**

**CHỦ TRƯỞNG DO NHÀ SƯU KHẢO HUỲNH MINH**

585/88 Phan Đình Phùng – Saigon.

IN TẠI NHÀ IN HẠNH PHÚC

67 LÊ VĂN THẠNH – GÒ VẤP – GIA ĐỊNH

# CÙNG MỘT TÁC GIẢ

Những loại sáng tác, sưu tầm, khảo cứu về tôn giáo, khoa học và loại sách học làm người v.v...

## **ĐÃ XUẤT BẢN :**

- ĐỜI NGƯỜI TRONG NÉT BÚT I, II, III (in lần 3)
- DANH NHÂN TƯ TƯỞNG
- LUYỆN CHÍ
- HUYỀN BÍ HỌC
- THẾ GIỚI VÔ HÌNH, NGƯỜI VÀ MA
- THẦN PHƯƠNG KHẢO LUẬN (in lần 2)
- SỐNG VUI HAY SỐNG KHỔ (in lần 2)
- ÁNH SÁNG CHƠN LÝ (in lần 3)
- ĂN CHAY CÓ LỢI GÌ (in lần 2)
- LƯỢC SỬ TU SĨ NGUYỄN THÀNH NAM
- SỐNG TRANH ĐẤU
- ĐỜI KHỔ HẠNH ÔNG ĐẠO DỪA
- ĐỊA LINH NHƠN KIỆT (KIẾN HÒA (BẾN TRE) XƯA VÀ NAY)
- BẠC LIÊU XƯA VÀ NAY

## **SẴP XUẤT BẢN :**

- ĐỊNH TƯỜNG XƯA VÀ NAY
- KIÊN GIANG XƯA VÀ NAY
- TÌM HIỂU ĐẤT GIA ĐỊNH

# ĐỊNH TƯỜNG XƯA VÀ NAY

- Soạn thảo dài hạn, sưu tầm công phu.
- Tác phẩm nói lên nguồn gốc của tỉnh Định Tường (Mỹ Tho) từ thuở xa xưa qua sự diễn tiến mỗi thời kỳ.
- Các anh hùng liệt sĩ vì quốc vong thân, nêu cao tiết nghĩa, làm rạng rỡ quê-hương.
- Có nhiều bài vở đặc sắc, hình ảnh lịch sử giá trị, chưa hề đăng trên sách báo nào.

Định Tường phong cảnh hữu tình,  
Quê mình mình mến, làng mình mình yêu.

# QUÊ HƯƠNG MẾN YÊU !

Tìm hiểu non sông đất nước, gọi lại tình thiêng liêng giống nòi, thúc đẩy mỗi công dân góp sức bảo tồn quê cha đất tổ, công nghiệp tiền nhân khai hoang dựng nước.

Trên tinh thần phụng sự văn hóa dân tộc, chúng tôi lần lượt hiến quý bạn đọc thân mến qua những tác phẩm sưu tầm, khảo cứu, các tỉnh của miền Nam nước Việt.

## LỊCH SỬ – ĐỊA LÝ – DANH NHÂN – GIAI THOẠI HUYỀN SỬ – DI TÍCH – THẮNG CẢNH

Góp công tô điểm non sông gấm vóc để làm sống lại tình quê hương dân tộc qua bao hình ảnh cổ kính và trung thực.

### KÍNH TẶNG



# Notes

[ ← 1 ]

Đất nước vào thời kỳ bị chia đôi qua cuộc phân tranh chúa Trịnh và chúa Nguyễn, từ Thuận Hóa trở ra Bắc gọi là Đàng Ngoài, từ Thuận Hóa trở vào Nam gọi là Đàng Trong.

[ ← 2 ]

Từ đây xin gọi ngay là Càn Thơ thay vì Trấn Giang là tên cũ của Càn Thơ thời bấy giờ, cho dễ hiểu.

[ ← 3 ]

Xin xem thêm ở phần thứ hai : Danh nhân.



[ ← 4 ]

Nhà xuất bản Tân Việt Saigon.

[ ← 5 ]

« Đại Nam nhất thống chí » Nam-kỳ lục tỉnh. Bản dịch của Tu-Trai Nguyễn-Tạo, do Nha Văn Hóa Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản.

[ ← 6 ]

« Đại Nam nhất thống chí » Nam-kỳ lục tỉnh. Bản dịch của Tu-Trai Nguyễn-Tạo, do Nha Văn Hóa Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản.

[ ← 7 ]

Xin xem quyển « Bạc Liêu xưa và nay » đã xuất bản, có nói rõ.

[ ← 8 ]

Xin xem phần thứ 11 Danh Nhân.

[ ← 9 ]

Ông Cao Văn Tình với chức tri phủ.

[ ← 10 ]

Người ta thường gọi tắt 12 nhân viên trong Ban Hội tề cho dễ nhớ : Cà, Chủ, Sở, Trưởng, Chánh, Giáo, Bộ, Quản, Thân, Hào, Xã, Lục.

[ ← 11 ]

Chúng tôi vừa hoàn thành bộ sách này thì vừa biết chánh quyền mới lập thêm 1 quận là quận Phong Điền. Để tiện việc tra cứu về sau, chúng tôi có thêm bảng lập thành ở cuối phần thứ nhất này.



[ ← 12 ]

Quận Phong Điền mới vừa thành lập trong năm 1966, chúng tôi cần thêm vô cho đủ 6 quận, vì trước kia chỉ có 5 quận.

[ ← 13 ]

Cầm thi đọc trại là Cầm Thơ, tử dụ Sài Côn đọc trại Sài Gòn, Soctre đọc là Bến Tre, Pôléo đọc là Bạc Liêu.

[ ← 14 ]

Xin xem thêm ở phần thứ III, Di tích và Thắng cảnh.

[ ← 15 ]

Nguyễn Ánh thấy ông có công và trung thành mới cho lấy họ Nguyễn là họ của vua, mang tên Việt Nam là Nguyễn Văn Tôn do Nguyễn Ánh đặt cho ông.

[ ← 16 ]

Xin xem thêm phần III – Di tích.

[ ← 17 ]

Tại Phong Dinh ngày nay có một bệnh viện công cộng mang tên Thủ khoa Nghĩa và tại thủ đô Sài Gòn cũng như các tỉnh đều có tên đường Bùi Hữu Nghĩa hầu nhắc nhở đến tinh thần yêu nước của cụ.

[ ← 18 ]

Chùa Minh Lữ Nam nhĩ đường.

[ ← 19 ]

Vị cai tổng Nguyễn Văn Vĩnh này danh vọng rất to, chẳng phải như các vị cai tổng khác. Năm Mậu Ngọ 1858, ông được phong Khâm Sai Cai tổng. Năm Tân Dậu được sung chức Quản Cơ. Do đó uy tín ông rất được chính quyền Pháp trọng nể.



[ ← 20 ]

Theo bác sĩ Lê Văn Ngôn trong bài « Tây Đô Lịch Sử » đăng ở tập Kỷ yếu Hội Khuyến học Cần Thơ, năm 1943 : « Có lẽ là cựu lãnh binh ở Châu Đốc tên Ngô Sâm, ngày 3-9-1857 phá đồn Sa Đéc rồi lui về Cần Thơ, chạy lên Châu Đốc, kế bị bắt tại kinh Rạch Giá vào cuối tháng giêng 1861 ». Còn sách « Monographie de Can Tho » chép : Đình Sâm là Võ Đình Sâm, mà người giết Cai tổng Vĩnh là Thống Chế Bút, không biết Thống Chế Bút là thuộc hạ của Ngô Sâm Hay Võ Đình Sâm ?

[ ← 21 ]

Ba Láng hay Láng Hâm nay là đất thuộc xã Nhân Ái.

[ ← 22 ]

Trà Niêng là tên rạch ở cạnh chợ Phong Điền, thuộc xã Nhân Ái, tổng Định Bảo. Xưa có chợ tại vàm Trà Niêng.

[ ← 23 ]

Muốn rõ, xin xem thêm đoạn tiểu sử cụ và bà chánh thất Nguyễn Thị Tồn, ở phần Danh nhân.

[ ← 24 ]

Mộ cụ ở Phong Điền, trong thời gian đi sưu khảo, khu vực ấy thiếu phương tiện giao thông, nên chúng tôi không thể đến nơi chụp ảnh cống hiến độc giả, rất lấy làm tiếc, xin cáo lỗi cùng quý bạn thân mến.

[ ← 25 ]

Đình Công Chánh trước làm chức bốn bái sau chết về cơ được thành thần, vì có công lo việc đình miếu.

[ ← 26 ]

Chúng tôi đã trình bày qua mọi khía cạnh với nhiều chi tiết trong mục Đạo giáo, ở phần thứ tư.

[ ← 27 ]

Xin xem phần IV quyển « Bạc Liêu Xưa » đã kể rõ.